PAUXTOPXKI

TỰ TRUYỆN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

PAUXTỐPXKI

TỰ TRUYỆN

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp.
Nhà xuất bản Gallimart - Paris.
Năm 1963

PAUXTỐPXKI

TỰ TRUYỆN

Người dịch: Tạ Hồng Trung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Conxtantin Ghêoócghiêvích Pauxtốpxki sinh năm 1892 tại Mátxcơva. Cha ông gốc người Ucraina, là một viên chức nhỏ trong ngành đường sắt.

Mặc dù tác phẩm đầu tay của ông đã được công bố từ năm ông 19 tuổi nhưng mãi đến những năm cuối của thập niên 20 ông mới được xem như một nhà văn chuyên nghiệp. Nhưng một thứ chủ nghĩa lãng mạn với màu vẻ huyền ảo, phi thực thấm đậm trong những trang viết của Pauxtốpxki đã khiến ông phải hứng chịu ngay sự công kích hầu như thống nhất trong những năm đầu của nền văn học Xô Viết. Tuy nhiên, chính cái thiên hướng mơ mộng trước thực tại, ngay từ buổi đầu đã là đặc trưng của tác phẩm của nhà văn, chính cái thiên hướng ấy về sau đã giúp chúng ta hiểu được sâu sắc hơn thiên nhiên và con người của một đất nước đang trải qua những biến đổi sâu sắc.

Từ năm 1932 đến những năm 50 của thế kỷ XX, Pauxtốpxki đã cho ra đời *Cara-Bugadơ, Cây bả chó, Biển đen, Tiểu thuyết miền Bắc, Cuốn tiểu thuyết của những cánh rừng, Sự ra đời của một biển cả...* Đó là những tác phẩm thuộc một loại hình văn học người Nga gọi là *pôvextơ* mà chúng ta tạm dịch là *chuyện kể*, những tác phẩm được xem như một bộ sử thi về những biến đổi sâu sắc của thiên nhiên dưới ảnh hưởng của những hoạt động của con người và cũng là hiện thân của một chủ nghĩa trữ tình chưa từng thấy trong văn học từ trước đến nay.

Kế thừa truyền thống nhân đạo chủ nghĩa trong văn học Nga, Pauxtốpxki đã thổi vào những trang viết của mình một hơi thở nồng nàn, ấm áp tình người. Qua những dòng thơ của các tập *Những con tầu hội ngộ* (1928) và *Những áng mây lấp lánh* (1929) hay trong các tập truyện *Cara-Bugadơ, Cây bả chó,* người đọc đều dễ nhận thấy tác giả đã miêu tả một cách rất nên thơ những biến đổi kỳ diệu mà người dân Xô Viết đã đem lại cho thiên nhiên; đâu đâu ta cũng có thể nhận ra dáng dấp thơ mộng và chủ nghĩa nhân đạo đã tạo nên sự quyến rũ mê hồn trong tác phẩm của Pauxtốpxki.

Sẽ là thiếu sót lớn khi nói về các tác phẩm của Pauxtốpxki mà lại không nhắc đến *Bông hồng vàng* -

một tập tiểu luận, hồi tưởng, ghi chép rất có hồn giàu tư chất văn chương về quá trình thai nghén một tác phẩm, về nghệ thuật viết văn và đặc biệt là về kinh nghiệm riêng của ông trong lĩnh vực này. Với tác phẩm này, chúng ta có thể tiếp cận những điều bí mật trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của ông.

Từ năm 1947 đến năm 1967, ông đã dành toàn bộ thời gian qúi báu và nghị lực phi thường của mình cho bộ tự chuyện khá đồ sộ gồm 6 tập - Cuốn ***Tự truyện*** này của Pauxtốpxki là quyển một của bộ sách trường thiên tự sự đó. Qua tác phẩm, Pauxtốpxki chẳng những tâm sự với người đọc về những năm tháng tuổi hoa của ông mà còn gửi gắm cho chúng ta cuộc phiêu lưu đầy hào hứng và thơ mộng của cả một thế giới nội tâm diễn ra dưới con mắt quan sát tinh tế, đầy tính lãng mạn và mãi mãi trẻ trung của nhà văn. Đặc biệt, mỗi chuyện kể trong tác phẩm khi được trích ra đều có thể được xem như một câu chuyện hoàn chỉnh, độc lập.

Chúng tôi trân trọng gửi đến bạn đọc quyển một của bộ tự truyện trên. Mong rằng nó sẽ là một nhánh đường quì thêm vào trong cái giỏ hoa muôn màu của Pauxtốpxki mà bạn có.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NGÀY BA TÔI QUA ĐỜI

Giữa năm học cuối cùng ở trường trung học Kiép, tôi nhận được một điện khẩn báo tin ba tôi đang hấp hối tại Gôrôđitrê quê nhà, gần thị trấn Balaia Séccốp.

Ngay hôm sau tôi về đến Balaia Séccốp và nghỉ lại nhà bác Phêôcơtixtốp, một người bạn cũ của ba tôi, hiện là trưởng phòng bưu điện của thị trấn. Đó là một người đã luống tuổi, với chòm râu dài và mang một cặp kính cận với đôi tròng khá dầy. Bác ấy vận đồng phục của viên chức ngành bưu điện, một chiếc áo vải láng, một chiếc huy hiệu bằng đồng đính trên ve áo: một cái kèn và một tia lửa điện bắt chéo.

Bấy giờ là vào khoảng cuối tháng ba. Trời mù sương. Những cây liễu vẫn còn trần trụi bị hơi nước quấn quít.

Bác Phêôcơtixtốp cho biết đêm hôm trước băng bắt đầu tan trên sông Rôxơ, một dòng sông chảy xiết. Thế mà, khu điền trang nơi ba tôi đang lịm

dần thì lại ở trên một hòn đảo lớn ở giữa dòng sông, cách Balaica Séccốp khoảng hai mươi cây số. Một con đường đá gọi là "đập tràn" nối khu điền trang với bờ sông.

Bác ấy nói với tôi rằng những ngọn sóng của con lũ lớn lúc này đang tràn qua mặt đường và có thể không tìm đâu ra người để đưa tôi sang đảo, thậm chí trong số những xà ích can đảm nhất, các *baligula*, như người ta thường gọi họ ở vùng này của Ucraina.

Bác ngẫm nghĩ hồi lâu, cố lục lọi trong trí nhớ xem ai trong số baligula của thành phố là người bạo phổi nhất. Trong bóng tối chạng vạng, Dina, cô nữ sinh trung học, con gái bác say sưa chơi dương cầm. Tiếng đàn làm run rẩy những chiếc lá non xanh. Tôi đăm chiêu nhìn mấy lát chanh tươi sũng nước nằm nhợt nhạt trong chiếc đĩa rầm. Và tôi im lặng.

- Suy cho cùng, bác cháu ta chỉ còn có thể cầu viện lão Bregơman nữa thôi. Đó là một lão già xem trời bằng vung - Bác Phêôcơtixtốp cả quyết - Thậm chí ma quỷ lão cũng chẳng xem ra gì.

Một lát sau, người xà ích Bregơman - lão già "xem trời bằng vung" - bước vào phòng làm việc của người bạn cũ của ba tôi, nơi ngổn ngang những đống tạp chí Ni-va dầy cộp, gáy mạ vàng. Đó là một người thấp lùn, chắc nịch, một lão Do thái có

bộ râu thưa và một cặp mắt mèo xanh nhạt. Đôi má hóp dạn dầy xương gió của lão hồng hào như quả táo đỏ. Lão trao đi trao lại trong tay một cái roi ngựa ngắn và lắng nghe bác Phêôcơtixtốp với một vẻ như giễu cợt.

- Ô là là... gay go quá nhỉ! - Lão mào đầu câu chuyện với một giọng rào đón để đặt giá khi cần mặc cả - Ô là là, biết tính sao bây giờ. Chả là thế này, cỗ xe của lão nó nhẹ lắm ông Phêôcơtixtốp ạ. Mà mấy con ngựa thì gầy nhom, đúng là chỉ còn da bọc xương. Có lẽ chúng sẽ không đủ sức đưa chúng tôi sang đảo đâu. Tất cả rồi sẽ chết chìm mất thôi, cả lũ ngựa, cả cỗ xe, cả cậu ấm đây và cả lão già Bregơman này nữa. Giá được cáo phó trên mặt báo thì còn khả dĩ, đằng này lại không. Đó chính là điều lão không chịu nổi, ông Phêôcơtixtốp ạ. Nhưng thôi cũng đành, ta cứ thử xem sao. Suy cho cùng, tại sao không nhỉ? Đời một lão *baligula* thì đáng giá bao nhiêu? Ông rõ quá rồi còn gì: ba đồng vàng. Thật tình lão không dám nghĩ tới năm hoặc mười hai lu-i.

- Cảm ơn lão, Bregơman ạ, - bác Phêôcơtixtốp trả lời - Tôi biết thế nào lão cũng nhận lời. Con người can trường nhất thành phố này chính là lão chứ còn ai. Thôi được, tôi sẽ đặt tờ Ni-va cho lão từ bây giờ đến cuối năm.

- Lão can trường đến vậy - Bregơman nói the thé, giọng bông đùa - sao ông không đặt cho lão "Người Nga tàn phế"? Ít ra trong tờ này, lão còn có được những câu chuyện về các cựu chiến binh, về các dũng sỹ Huân chương Thánh Gioócgiơ để mà đọc. Thôi, thế này ông nhé, một giờ nữa, lũ ngựa sẽ có mặt ngay trước cửa.

Nói rồi, lão Bregơman bỏ đi.

*

*　　*

Trong bức điện tôi nhận được ở Kiép có một câu không bình thường: "Mời một giáo trưởng hay một mục sư ở Balaia Séccốp cùng về, bất cứ ai cũng được, miễn là người ta nhận lời".

Tôi biết rất rõ tính khí của ba tôi, vì vậy lời lẽ của bức điện khiến tôi lo lắng và hoang mang. Ba tôi là một người vô thần. Thái độ khinh bạc của ba tôi đối với các mục sư và giáo trưởng đã là nguyên nhân của sự va chạm thường xuyên giữa con rể và mẹ vợ, người bà Ba Lan của chúng tôi, một người mộ đạo cuồng tín, giống như hầu hết giới nữ Ba Lan.

Tôi đoán người đã đứng ra dàn xếp để gia đình chúng tôi chịu mời một mục sư chính là cô Phêôđôxia Mắcxinốpna, em gái ba tôi và mọi người quen gọi là cô Đôdia.

Cô Đôdia phủ nhận mọi nghi lễ tôn giáo, trừ lễ tẩy lâm chung. Kinh thánh của riêng cô là "Người nhạc công đàn Côđơba"[1], một quyển sách được giấu kỹ trong một cái hòm có đai sắt phủ đầy những giọt nến sáp và cũng bị thời gian làm vàng úa không khác gì một quyển kinh thánh thực thụ. Đôi khi trong đêm khuya, cô Đôdia đem quyển sách ra và đọc lại bài thơ "Katarina" dưới ánh sáng leo lét của một cây nến và chốc chốc lại đưa mép chiếc khăn mỏ quạ mầu sẫm của cô lên lau nước mắt.

Cô thương xót thân phận nàng Katarina, người có số kiếp giống cuộc đời của cô. Trong một khóm cây ẩm ướt cách nhà không xa, thảm cỏ đã phủ xanh rờn trên nấm mồ đứa con trai, "vị thiên sứ" của cô. Đứa bé đã qua đời nhiều năm trước, khi cô Đôdia còn rất trẻ. Thằng nhóc ngộ nghĩnh ấy, như lúc bấy giờ người ta thường gọi, là một "đứa con của tội lỗi".

Người tình đã phụ bạc lòng tin của cô. Người ấy đã rời bỏ cô. Còn cô thì nguyện chung thủy với người ấy cho đến mãn chiều xế bóng và vẫn chờ đợi cái ngày người ấy nhất định sẽ trở về, biết đâu đấy, khi đã bị cuộc đời vùi dập trở thành thân tàn ma

1. "Người nhạc công đàn Côđơba" - Tác phẩm nổi tiếng của thi hào dân tộc Ucraina Tarax Séptrencô.

dại. Rồi lúc ấy, sau khi thổ lộ hết nguồn cơn, cô sẽ dành cho con người ấy nơi ẩn náu trong sự vỗ về, âu yếm của cô.

Không một vị giáo trưởng nào chịu đi Gôrôđitrê; họ viện cớ bị ốm hay bận những việc cấp bách. Chỉ có một mục sư trẻ, người Ba Lan, nhận lời cùng về với tôi. Sau khi cho tôi biết rằng chúng tôi phải đến nhà thờ lấy dầu thánh, mục sư dặn trước không một ai được phép trò chuyện với người mang dầu.

Mục sư khoác một chiếc áo choàng dài, mầu đen, cổ nhung và đội một chiếc mũ tròn, hình dáng kỳ cục và cũng mầu đen.

Giáo đường tối tăm và lạnh lẽo. Những bông hồng giấy đỏ chót móc dưới chân cây thánh giá, đầu tượng thánh rũ xuống. Vắng bóng những cây nến, thiếu tiếng lanh canh của những chuông nhỏ và tiếng rền của cây đại phong cầm, giáo đường giống như những hành lang của một nhà hát trong ánh sáng ảm đạm.

Lúc đầu xe chúng tôi lăn bánh trong im lặng. Chỉ riêng Bregơman thỉnh thoảng tặc lưỡi và thúc hai con ngựa gầy dơ xương. Lão quát chúng như những *baligula* vẫn làm, không phải bằng tiếng kêu "*hơ*" mà thét lên "*viơ!*". Mưa rơi rì rầm trong các vườn cây ăn quả. Người cha đạo giữ khư khư lọ dầu thánh bọc trong một mảnh nỉ. Chiếc áo khoác học

sinh mầu xám của tôi ướt sũng và cũng ngả dần sang mầu đen. Trong làn mưa mờ mờ, sừng sững dựng lên, có lẽ đến chín tầng mây, những khu vườn Alếchdanđri nổi tiếng của công tước phu nhân Branitxki. Những khu vườn này rộng mênh mông như những hoa viên của cung điện Vécxay, bác Phêôcơtixtốp nói với tôi như vậy. Tuyết đang tan trong những khu vườn, khoác lên cây cối một hơi băng giá. Bregơman xoay người lại nói với tôi rằng ở đây có hàng đàn hươu rừng.

Quên béng đi rằng suốt dọc đường phải im lặng, tôi quay sang hỏi ông mục sư:

- Thưa cha, người đồng bào của cha, nhà văn Míchkiêvích, rất thích những khu vườn này.

Tôi rất muốn nói một điều gì đó làm đẹp lòng người để cảm ơn ông mục sư đã chấp nhận cuộc hành trình cực nhọc và nguy hiểm này. Mục sư đáp lại bằng một nụ cười.

Những cánh đồng bùn lầy ngập tràn nước mưa. Những chú chim khách bay là là sát mặt đất và bật ra những tiếng kêu the thé. Chúng soi bóng trong những vũng nước. Tôi dựng cổ áo choàng lên và nghĩ về ba tôi. Tôi thường tự nhủ rằng hầu như tôi không thật sự hiểu ba tôi lắm. Suốt đời làm nghề thống kê, hoặc hầu như suốt đời, ba tôi công tác trên những tuyến đường sắt phần châu Âu của nước Nga.

Chúng tôi luôn thay đổi chỗ ở: Mátxcơva, Pơxcốp, Vinô và sau hết là Kiép. Không ở nơi nào ba tôi có thể hòa hợp được với thủ trưởng của ba. Ba rất nhậy cảm, dễ bị kích động nhưng rất tốt.

Cách đây một năm, ba rời Kiép và nhận một chân thống kê tại một nhà máy ở Brianxcơ, vùng Ôren. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, bỗng nhiên không một lý do rõ ràng, ba buộc lòng phải bỏ việc và trở về Gôrôđitrê, khu điền trang cũ của tổ tiên, nơi em trai ba, chú giáo Incô và em gái ba, cô Đôdia đang sống.

Cách đối nhân xử thế của ba tôi làm cho cả gia đình, nhất là má tôi, bối rối. Lúc này má đang sống ở Mátxcơva với anh cả tôi.

Một tháng sau khi về Gôrôđitrê, ba tôi lâm bệnh và giờ đây ba đang lịm dần.

Xe chúng tôi bắt đầu đi xuống một con đường đất lõm. Từ phía cuối đường vọng đến tiếng sôi réo ầm ầm không dứt của con sông. Lão Bregơman rối rít trên chỗ ngồi của lão:

- Nước lên - Lão lầm bầm, giọng lạc hẳn - Các bạn lữ hành thân mến, bây giờ tốt hơn hết là các bạn hãy gửi linh hồn cho Chúa.

Ở chỗ đường rẽ, con nước bất thần xuất hiện. Ông mục sư rướn người lên và bám chặt vào chiếc dây lưng mầu hồng cũ kỹ của lão Bregơman.

Dòng nước tung hoành chồm tới giữa những khối đá cát. Ở chỗ này dòng sông Rôxơ, trong một cơn thịnh nộ, đã rạch một con đường xuyên qua những ngọn núi Avratinxklê. Nó trườn qua con đê với những đợt sóng dồi trong suốt để rồi giận dữ lao về phía bên kia làm vọt lên những đám bụi nước lạnh lẽo.

Ở phía bên kia con nước, trên hòn đảo, những rặng liễu khổng lồ cứ như đang bay vút lên trời. Xa xa, một mái nhà nhỏ quét thành một vệt trắng. Tôi nhận ra khu điền trang nơi tuổi thơ của tôi trôi qua: những khóm cây, những bờ dậu, mấy giếng nước có tời quay tay và những mỏm đá nhô lên gần bờ nước. Chúng sẻ con sông thành những dòng nước xiết riêng rẽ và hung hãn. Thỉnh thoảng cùng với ba, tôi vẫn thường đến câu những con cá lòng tong râu ria ở đây.

Đến đầu đập tràn, lão Bregơman dừng ngựa, từ trên chỗ ngồi bước xuống, lấy ngọn roi vắt dây cương lên và lắc đầu đưa mắt dò la cỗ xe với một vẻ hoài nghi. Bỗng nhiên, lần đầu tiên, ông mục sư phá vỡ lời nguyền giữ im lặng:

- Lạy Đức Chúa - Thánh Mẫu! - Người cha đạo thì thầm - Làm sao qua được?

- Chu cha! - Lão Bregơman gầm gừ - Lão cũng không biết tính sao nữa. Các bạn hãy cứ đợi đấy,

không việc gì phải cuống lên như vậy. Mấy con ngựa run rẩy thế kia cũng đủ lắm rồi.

Hai con vật, đầu hất về phía sau, lội xuống và vùng vẫy trong dòng nước xiết. Con lũ gầm thét còn cỗ xe thì dạt về phía mép đập tràn. Hai bên bờ đập không có tay vịn. Cỗ xe nhích lên, ngả nghiêng theo một đường chênh chếch, vành bánh kim loại rít lên ken két. Những con ngựa run lên bần bật, dồn sức nặng ghì về phía trước cúi rạp xuống gần sát mặt nước để khỏi bị con lũ quật ngã. Trên chỗ ngồi của lão, Bregơman quay tít chiếc roi ngựa trên đầu.

Đến đoạn giữa, nơi sóng dồi mạnh đến nỗi phát ra những tiếng lanh canh kim loại, những con ngựa đứng sững lại. Bọt nước sôi lên sùng sục như một ngọn thác xung quanh những cái chân khẳng khiu. Lão Bregơman chỉ còn cách cổ vũ mấy con ngựa với một giọng van nài, rồi thẳng tay quất chúng không thương tiếc. Hai con vật chùn lại. Cỗ xe đã ở trên bờ vực thẳm.

Đúng lúc ấy, tôi thoáng trông thấy chú Incô ngồi trên lưng ngựa, từ trong điền trang phi nước đại lao về phía bờ sông. Chúng tôi nghe thấy chú gào lên như ra lệnh và rung rung một cuộn dây nhỏ trên đầu.

Rồi, xông xuống đập, chú lẳng cho Bregơman

một đầu dây. Lão xà ích hối hả buộc dây vào một chỗ nào đó ở ghế ngồi, và ba con vật - hai hồng một xám - cuối cùng đã lôi được cỗ xe lên đảo.

Người cha đạo phác một dấu thánh khoáng đạt. Lão già Do thái nhỏ con nháy mắt cho chú Incô ý nói rằng rồi đây thiên hạ sẽ còn nhớ mãi một *baligula* can trường như lão. Còn tôi, tôi hỏi thăm tình trạng của ba tôi.

- Ba cháu vẫn còn tỉnh - Chú Incô hôn tôi và trả lời. Những sợi râu cứng của chú cọ lên má tôi - Ba cháu vẫn chờ. Maria má cháu đâu?

- Cháu đã điện đia Mátxcơva cho má cháu. Có lẽ ngày mai má cháu cũng sẽ tới.

Chú Incô ném một cái nhìn ái ngại về phía dòng sông.

- Nước vẫn còn lên - Chú nhận xét - Rõ khốn, Côxtích của chú ạ. Thôi thì cũng hy vọng là tình hình này không kéo dài. Thôi, ta về đi các vị.

Cô Đôdia chờ chúng tôi trên thềm tam cấp, cô vận toàn đồ đen, cặp mắt ráo hoảnh.

Một mùi bạc hà bồng bềnh trong ngôi nhà nóng ngột ngạt. Tôi không nhận ra ngay ba tôi trong ông già vàng vọt, đôi má lởm chởm đầy râu đang ngồi đó. Ba tôi chỉ mới năm mươi tuổi. Trong ký ức, tôi vẫn giữ được hình ảnh một con người mảnh dẻ, nước da nâu, dáng trang nhã, mặc dầu đôi vai có

hơi gù, với một cặp mắt ân cần trên khuôn mặt rạng rỡ một nụ cười khác thường và đượm buồn.

Giờ đây, ngồi trong chiếc ghế bành, ba thở một cách khó nhọc và không rời mắt nhìn tôi, một giọt lệ lăn trên khuôn mặt hốc hác và dừng lại trong bộ râu của ba. Cô Đôdia lau giọt nước mắt bằng đuôi một chiếc mùi xoa trắng tinh.

Ba tôi không nói được nữa. Ba đang hấp hối vì bị ung thư yết hầu.

Suốt đêm tôi ngồi cạnh ba. Căn nhà nhỏ im lìm ngủ. Mưa đã tạnh. Những ngôi sao nhen lên một thứ ánh sáng ảm đạm bên ngoài cửa sổ. Dòng sông gầm thét mỗi lúc một dữ dội hơn. Mực nước dâng lên trông thấy. Lão Bregơman và ông mục sư không vượt sông được và bị kẹt lại ngoài đảo.

Nửa đêm, ba tôi cựa quậy và mở mắt. Tôi cúi sát người ba. Ba muốn ôm choàng tôi vào lòng nhưng không đủ sức và trong hơi thở phều phào, ba gắng lắp bắp vài lời:

- Ba e rằng... thiếu bản lãnh... tương lai con sẽ khó khăn.

- Không, ba ơi, - tôi se sẽ trả lời ba - Không phải thế đâu ba.

- Con sẽ gặp má, - ba tôi vẫn thì thầm - Ba có lỗi với má con. Mong má tha tội cho ba.

Ba tôi nằm im và yếu ớt nắm lấy tay tôi.

Lúc đó tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời trăn trối của ba. Mãi sau này, nhiều năm sau đó, ý nghĩa cay đắng của những lời trăn trối ấy mới trở nên rõ ràng đối với tôi. Và cũng rất lâu sau đó, tôi hiểu rằng, ba tôi không những chỉ là một viên chức thống kê mà còn là một nhà thơ.

Ba tôi qua đời lúc sáng tinh sương. Tôi không nhận ra ngay sự kiện phũ phàng ấy. Ba tôi dường như thiếp đi trong một giấc ngủ thanh bình.

Trong điền trang chúng tôi có một ông già rất tốt bụng, lão Nétsipo. Người nhà đã cho mời lão đến đọc vài đoạn thánh thi trước thi hài ba tôi.

Chốc chốc lão Nétsipo lại ngừng đọc để ra ngoài hút thuốc. Ở đó, lão kể cho tôi nghe những câu chuyện thật giản đơn nhưng đã đập mạnh vào trí tưởng tượng của tôi: lão nói về một chai nước lão uống mùa hè năm trước ở Bêlaia Séccốp, hay về một cái máy sảy khác thường do người Mỹ chế tạo, muốn cho chạy "phải cắm nó vào một cây thu lôi" và lão cũng khoe rằng trong trận Plêvơna, chính mắt lão đã trông thấy tướng quân Xcôbêlốp gần như "cái bờ dậu đứng kia". Cụ Nétsipo là một "lão già dở hơi", dân trên đảo thường nói vậy, "một tay khoác lác, một kẻ lắm điều".

Lão đọc quyển Thánh thi suốt cả ngày và cả đêm hôm ấy. Lão gạt tàn ngọn nến bằng những

móng tay đen thui; đứng đó ngủ gà ngủ gật, ngáy khò khò rồi lại bừng tỉnh để tiếp tục rì rầm những lời cầu nguyện mơ hồ.

Trong đêm ở bên kia sông, ai đó đung đưa hoài một ngọn đèn lồng và hú lên những tiếng gọi dài xa vắng. Tôi theo chú Incô đến tận bờ nước. Dòng sông vẫn gầm thét. Giờ đây làn nước tràn qua con đập với những ngọn thác giá lạnh. Đêm khuya sâu thẳm. Trên đầu không một vì sao. Những làn hơi lạnh buốt từ con lũ lớn. từ những đám đất băng tan phả vào mặt chúng tôi. Và ở phía bên kia, ai đó vẫn đung đưa hoài cây đèn lồng và kêu gọi, nhưng trong tiếng ầm ầm của dòng nước hung dữ, không thể nào nghe rõ được một lời.

- Hẳn là má cháu, - tôi nói với chú Incô.

Chú không trả lời.

- Về cháu, - chú nói sau một hồi lâu im lặng - ngoài sông chẳng ấm áp gì. Cháu sẽ bị cảm lạnh mất.

Tôi không muốn về. Chú tôi ở lại thêm vài phút, im lặng rồi bỏ đi. Tôi vẫn đứng đó, dõi nhìn ngọn đèn xa xa. Gió mỗi lúc một mạnh hơn; gió đung đưa những thân cây liễu và đưa đến chả biết tự cõi nào một mùi hương ngòn ngọt của khói rơm.

*

* *

Ngày hôm sau, người ta chôn cất ba tôi. Lão Nétsipo và chú Incô đào một cái huyệt trong một khóm cây, bên rìa thung lũng. Ở đây mắt nhìn có thể bao quát những cánh rừng xa xa phía bên kia sông Rơxơ, và cả bầu trời tái mét của tháng Ba.

Người ta đưa chiếc quan tài ra khỏi ngôi nhà. Ông mục sư dẫn đầu đám tang. Ông ta nhìn thẳng về phía trước với cặp mắt bình thản và đọc lời cầu nguyện bằng tiếng latinh.

Tôi đi sau chiếc quan tài. Ra đến thềm tam cấp, tôi thoáng thấy bên kia sông có một cỗ xe calesơ, những con ngựa đã tháo yên cương cột sau cỗ xe và một bà vận đồ đen. Đó là má tôi. Má đứng im phăng phắc bên bờ nước. Từ bên ấy, má thấy người ta đưa chiếc quan tài ra đi. Đột nhiên, má quỳ xuống và quỵ hẳn, đầu vùi trong cát.

Người xà ích, một người cao gầy, tiến lại gần, cúi xuống và nói gì đó với má, nhưng má vẫn phủ phục, bất động tại chỗ.

Bất thần, má vụt đứng dậy, lao dọc theo bờ sông về phía con đập. Người xà ích vội tóm lấy má. Má ngã sõng xoài, lấy tay bưng mặt.

Người ta đưa thi hài ba tôi theo một con đường đất dẫn tới khóm cây. Đến một lối rẽ, tôi ngoái cổ lại nhìn. Má vẫn sõng xoài trên đất, khuôn mặt giấu trong đôi bàn tay.

Mọi người bước đi trong im lặng. Chỉ có lão

Bregơman vẫn đập đập cái roi vào chiếc ủng.

Trước cái hố sâu, ông mục sư ngước cặp mắt xám lên bầu trời lạnh lẽo và khoan thai rành rọt đọc bằng tiếng latinh:

- Requiem acterman dona ei, Domine, et lux perpetua luceat ei

(Kính Chúa linh thiêng, xin hãy ban cho con chiên của Chúa hòa bình và hào quang vĩnh cửu).

Người cha đạo ngừng lời và nghe ngóng. Người ta vẫn còn nghe thấy tiếng ầm ầm của dòng sông. Trên đầu chúng tôi, trong đám lá cành của mấy cây du già, những con sơn tước ríu rít gọi bầy. Ông mục sư thở dài não nuột và bắt đầu thuyết giáo về niềm khát khao hạnh phúc muôn thuở và về một kiếp phù du thấm thoát trôi qua cái thung lũng đời người đầy nước mắt này. Lời thuyết giáo của cha đạo thích ứng lạ lùng với cuộc đời của ba tôi. Tôi thấy tim mình thắt lại. Sau này tôi thường cảm nhận được nỗi khắc khoải ấy, mỗi khi đứng trước một sinh linh khát khao hạnh phúc nhưng luôn luôn bị dằn vặt bởi trạng thái bất hoàn của những quan hệ con người.

Dòng sông vẫn sủi bọt, chim chóc vẫn kín đáo líu lo trong khi chiếc quan tài từ từ hạ xuống đáy sâu của phần mộ, sẽ rít lên và làm long lở những nắm đất ẩm ướt.

Tôi vừa tròn mười bảy tuổi.

ÔNG NỘI MẮCXIM GRIGÔRIÊVÍCH

Sau đám tang ba tôi, tôi còn nán lại Gôrôđitrê một thời gian ngắn.

Ba ngày sau, khi dòng lũ rút lui rồi, má tôi đã có thể sang sông.

Nét mặt má tôi mệt mỏi, nước da nhợt nhạt. Má không khóc nữa, nhưng vẫn đến phần mộ của ba tưởng niệm hàng giờ liền.

Những bông hoa thiên nhiên giờ đây chưa xuất hiện nhưng phần mộ phủ đầy những cánh hoa mẫu đơn giấy của mấy chị nông dân trẻ làng bên. Các chị thường hay cài những bông hoa giấy ấy cùng những dải băng sặc sỡ lên đuôi sam của mình.

Cô Đôdia ra sức vỗ về, an ủi tôi. Từ trong kho, một túp lều nhỏ ẩm đạm, cô đem ra một chiếc hòm lớn chứa đầy đồ cổ. Nắp hòm được bật lên và phát ra những tiếng kêu ken két.

Trong hòm tôi nhận ra một bản sắc thư của Ngài Thủ Lĩnh, được gọi là "thông tài thư" thảo bằng chữ la-tinh, một chiếc ấn chương bằng đồng,

một tấm huân chương Thánh Gioóc được ban tặng trong cuộc chiến tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ, một chiếc "chìa khóa giải mã các giấc mơ", vài chiếc tẩu ám khói, những tấm thêu ren đẹn cực kỳ tinh xảo.

"Thông tài thư" và ấn chương là gia bảo của gia đình từ thời Thủ lĩnh Xagaiđatrơni một trong những cụ tổ xa xưa của chúng tôi. Ba tôi thường cười nhạo cái "truyền thuyết về cội nguồn lãnh chúa" của mình, ba luôn nhắc lại rằng các cụ ông và cụ cố của chúng tôi suốt đời lam lũ ruộng vườn và chỉ là những dân cày bình dị và cần mẫn, mặc dù họ được xem như con cháu của những người Côdắc Dapôrôgơ.

Vào thế kỷ thứ 18, dưới triều Nữ hoàng Catêrin Đệ Nhị, khi dòng họ của những người Dapôrôgơ bị xua đuổi tan tác, một số dân Côdắc đến định cư dọc hai bờ sông Rôxơ, trên những vùng lân cận của xứ Bêlaia Xéccốp. Những người Côdắc ấy đành cam chịu cuộc đời của những người nông dân. Phải một thời gian lâu lắm sau đó, cái quá khứ sôi động xa xưa mới bớt phần náo nhiệt trong huyết quản của họ. Bản thân tôi chỉ mới ra đời vào cuối thế kỷ trước vẫn còn được nghe người già kể lại những mẩu chuyện về những trận đẫm máu chống lại người Ba Lan, về những chiến dịch chống quân Thổ, những chi tiết về cuộc tàn sát ở Uman và về các thủ lĩnh miền Trighirin.

Bị ám ảnh bởi những câu chuyện như vậy, anh em chúng tôi thường bầy trò bắt chước những người Dapôrogiơ. Chúng tôi nô đùa trong một thung lũng gần một điền trang nơi mọc đầy những bụi mận gai dọc theo các hàng rào. Vào những ngày đại thử, những bông hoa đỏ rực và những tán lá có gai tỏa ra một mùi hăng hắc. Những đám mây hầu như bất động trong bầu trời phía trên thung lũng, đúng là những áng mây Ucraina, lười biếng và sầm uất. Và trí tưởng tượng con trẻ mãnh liệt đến nỗi, từ đó, mọi cuộc chiến chống Ba Lan hoặc chống Thổ đều gắn liền với hình ảnh một bình nguyên hoang dại, mọc đầy mận gai với mùi hương ngất ngây và bụi bặm. Đối với chúng tôi, những bông hoa mận gai, đó chính là những hòn máu ngưng tụ của tổ tiên.

Rồi dần dần, với tháng năm, khí huyết hung tàn của những người Cô-dắc cũng dịu đi đáng kể. Và khi tôi còn nhỏ, sự cuồng nhiệt ấy chỉ còn được bộc lộ qua những vụ kiện cáo bất tận và phá phách chống lại Bá tước phu nhân Branitxki chỉ vì một mảnh đất nhỏ xíu, bằng những cuộc cố tình săn bắt vụng trộm và qua những mẩu rơi rớt của vài điệu "đum-ca", những bài hát cổ của những người Cô-dắc mà ông nội Mắc-xim Grigôriêvich hát cho đàn con cháu chúng tôi nghe.

Thân hình nhỏ bé, đầu tóc bạc phơ và với cặp mắt đục mờ nhưng chứa chan nhân hậu, suốt mùa hè cụ sống trong cái tổ của cụ ở bên kia cánh rừng phía cuối đảo. Cụ cố thủ ở đây để tránh những ngọn đòn xúc phạm của cái tính khí điên khùng của bà vợ, người bà Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi.

Vào một thời xa xưa, ông nội đã từng làm nghề chuyên chở bằng xe kéo. Cùng với những con bò của cụ, ông đã đến tận Biển Đen, Pêrôcốp, Ácmênianxcơ. Và từ đó đem về những chuyến xe đầy muối và cá khô. Chính là nhờ có cụ mà lần đầu tiên tôi được nghe kể rằng tại một xứ sở nào đó ở bên kia những thảo nguyên xanh lơ hoặc vàng rực của Iêcatênôxláp và Khécxông trải dài một vùng đất thiên đường rộng mênh mông. Đó là bán đảo Crưm.

Trước khi làm nghề này, ông đã phục vụ trong quân đội của Hoàng đế Nicôla Đệ nhất và đã từng tham gia cuộc chiến tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ. Bị bắt làm tù binh, khi trở về, ông đã đem theo từ cõi giam cầm ở thành phố Cadanlích, thuộc vùng Bancăng, một người vợ Thổ cực kỳ xinh đẹp. Tên bà là Phatina. Kết hôn với ông, bà cải tôn thành tín đồ đạo Thiên Chúa và mang một cái tên mới là Ônôrata.

Chúng tôi sợ người bà Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi, ít ra cũng như ông nội kinh hãi bà và tìm mọi cách có thể để không chạm trán với bà cụ.

Ngồi cạnh căn lều ở nơi ẩn dật của cụ, giữa những vạt hoa bí đất mầu vàng, bằng một giọng run rẩy, ông hát cho chúng tôi nghe những điệu "đum ca" Côdắc và những bài hát của dân xe thồ. Ông còn kể nhiều chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe.

Tôi rất thích những bài ca của dân xe thồ với cái vẻ u sầu của những khúc ngâm. Đó là những điệu mà người ta có thể ngân nga hàng giờ theo nhịp đưa kẽo kẹt của những bánh xe, trong khi nằm trên những đống hàng, lười biếng ngửa mặt nhìn bầu trời. Trong khi những bài ca Côdắc làm thức tỉnh trong tâm hồn một nỗi buồn man mác, hình như tôi nghe thấy tiếng than khóc của những người nô lệ, những "cai-đăng" trong gông xiềng quân Thổ hoặc những tiếng hô xung trận theo bước chân giục giã của vó ngựa.

Ông nội ơi, chẳng còn gì mà ông không hát cho chúng cháu nghe! Nhưng chúng cháu vẫn thường đòi ông nội hát cho nghe một làn điệu ưa thích nhất:

Canh khuya đoàn quân Côdắc huýt dài tiếng gió,
Giục nhau xuống mở màn cuộc chiến
Cô nàng Maruxenca với cặp mắt u sầu, kiều diễm
Mơ màng và đẫm lệ...

Và trong tất cả những chuyện kể của ông, chúng tôi mê nhất câu chuyện về chàng Ôxtáp, nhạc công đàn thất huyền.

Chẳng hay đã có bao giờ bạn được trông thấy một cây thất huyền? Ngày nay, thảng hoặc người ta chỉ còn được trông thấy loại nhạc cụ này trong các viện bảo tàng. Nhưng vào cái thời khi tôi còn thơ ấu, người ta thường bắt gặp những nhạc công đàn thất huyền mù lòa, chăng những trong các chợ phiên của các làng quê nhỏ bé mà ngay cả trên các đường phố Kiép.

Bàn tay đặt trên vai một thiếu niên, chân đất, họ lần bước trong những chiếc áo rộng bằng vải thô chống ngọn gió mùa đông bấc. Trong chiếc túi rết kẻ mù lòa treo trên vai có mang theo những mẩu bánh mì, vài củ hành, một ít muối bọc trong một chiếc khăn lau sạch sẽ.

Một cây thất huyền đung đưa trước ngực. Cây đàn nom gần giống cây vĩ cầm, gồm một cái cần bằng gỗ có gắn một chiếc tay quay trên ngọn và một bánh xe tí xíu nằm giữa mặt đàn.

Người nhạc công điều khiển chiếc tay quay và thế là cả cái bánh xe cũng bắt đầu chuyển động cọ vào những dây đàn làm rung lên những cung bậc khác nhau và cứ như là những dũng sĩ bọ rầy thuần hóa múa may quay cuồng xung quanh để đưa chân người nhạc sỹ.

Những nhạc công mù lòa ấy không hát mà ngâm nga kể lể những khúc "đumca", những bản

thánh thi và những bài thơ nhiều thể loại. Thế rồi với vẻ trầm ngâm, họ kiên nhẫn lắng nghe cái âm thanh vù vù mỗi lúc một lặng dần của cây thất huyền. Và cuối cùng, với cái nhìn không còn sức sống chầm chầm hướng về phía trước, họ cầu xin chút lòng bố thí.

Nhưng họ không khẩn nài như những kẻ hành khất bình thường. Tôi vẫn còn nhớ lời thỉnh cầu của một nhạc công đàn thất huyền ở thị trấn Séccaxi:

- Hỡi các bậc từ bi, xin hãy thương tình bố thí kẻ hèn này và cho chút tiểu đồng đây dăm ba xu lẻ vì nếu không may vắng sự đỡ đần của con trẻ, kẻ mù lòa hẳn sẽ là lạc lối và sau khi qua đời biết làm sao tìm đường về được vương quốc của Đức Chúa Trời.

Trong ký ức của tôi, không một bãi chợ nào lại không có ít ra là một nhạc công đàn thất huyền. Tựa lưng vào một gốc liễu bụi bặm nào đó, người nhạc sỹ im lặng ngồi đợi trong khi các bà với tấm lòng nhậy cảm chen chúc xung quanh và buông những tiếng thở dài não nuột. Động lòng trắc ẩn, các bà bỏ vào chiếc bát gỗ của ông già dăm xu đồng xanh rỉ.

Đối với tôi, hình ảnh những ông già nhạc sỹ ấy mãi mãi gắn liền với ký ức về những phiên chợ Ucraina họp vào lúc bình minh, khi những giọt

sương sáng còn long lanh trên cỏ, nơi những bóng tối ẩm lạnh còn trải vắt qua những con đường bụi bặm, còn những làn khói xanh lam thì đang nhẹ nhàng gợn sóng trên mặt đất đã được mặt trời soi sáng.

Những chiếc lọ sành phảng phất chứa đầy sữa bò lạnh giá, những chiếc nồi đất đựng mật kiều mạch, những chiếc bánh ngọt xinh xinh và nóng sốt có nhân phó mát trắng và nho khô vùng Coranh, những chiếc túi căng đầy anh đào, mùi cá khô, tiếng lanh canh lười nhác của những chiếc chuông giáo đường, tiếng cãi lộn săng sái như tiếng gà mái tìm ổ của mấy bà nông dân, những chiếc dù thêu ren của mấy nàng làm duyên tỉnh lẻ, và tiếng bất thần nện vào chiếc chảo đồng trên vai một anh chàng người Rumani với cặp mắt dữ tợn nào đó: tất cả những người đánh xe bò đều xem như nghĩa vụ của mình là phải dùng ngọn roi gõ lên chiếc chảo, nói là để thử xem cái chất đồng Rumani có thật sự tốt như người ta đồn đại không.

Còn cái huyền thoại về chàng Ôxtáp, nhạc công đàn thất huyền thì hầu như tôi thuộc lòng.

- Chuyện ấy xảy ra ở Damôtriê, một làng quê ở phía Vaxicốp - Ông nội bắt đầu kể - Ôxtáp vốn là thợ rèn của xứ này. Bễ lò của anh ta ở ngay đầu làng, dưới gốc những cây thủy tùng đen ngòm, đen hết chỗ nói, ngay bên bờ nước. Ôxtáp làm được mọi

thứ: anh đóng móng ngựa, rèn những chiếc đinh, những cái trục xe bò.

"Vào một buổi chiều mùa hạ, Ôxtáp đang cặm cụi nhóm lò; cơn giông chỉ vừa mới qua đây: nó tung vãi lá cây trên những vạt nước và quật ngã một cây liễu vốn đã bị mọt đục thân. Đang phì phò chiếc bễ, bỗng Ôxtáp nghe như có tiếng gì đó: có mấy con ngựa đang tức tối dậm chân cẳng và dừng ngay trước cửa lò rèn. Và một giọng nói, một giọng phụ nữ, trẻ trung, đang gọi người thợ đóng móng ngựa.

"Ôxtáp bước ra và cảm thấy tim mình thổn thức: ngay gần bên cửa, chàng nhận ra tung tăng một chú ngựa đen, và trên mình ngựa là một sắc đẹp thần tiên, trong một cánh áo nhung dài với chiếc mạng che mặt và chiếc roi mềm trong tay. Dưới tấm mạng mỏng, đôi mắt người đẹp tươi cười. Và cả chúng nữa, hàm răng của nàng cũng nở tươi. Trên những làn nhung mềm mại, tươi xanh của tấm áo dài còn long lanh những viên nước ngọc. Giờ đây, khi cơn mưa đã tạnh, từ trên lá cành xum xuê của mấy cây thủy tùng, những giọt nước rơi xuống người cô gái. Và bên cạnh nàng, trên mình một con ngựa khác là một viên sỹ quan trẻ tuổi. Thuở ấy, ở thị trấn Vaxicốp, đúng là có một trung đoàn thương kỵ binh đồn trú.

- Bạn ơi - người thiếu phụ cất tiếng chào Ôxtáp -

chàng đóng giúp móng ngựa cho ta, được chứ? Con ngựa mất một bên móng sắt mà sau cơn mưa đường lại trơn.

"Nàng rời mình ngựa xuống ghé ngồi trên chiếc thùng gỗ còn Ôxtáp bắt tay vào sửa sang móng ngựa. Trong khi làm việc, chốc chốc chàng lại đưa mắt liếc nhìn người thiếu phụ. Và về phần mình, bỗng nhiên cô gái trở nên mạnh dạn hơn. Nàng gỡ tấm mạng và cũng bắt đầu chăm chú ngắm nhìn Ôxtáp.

- Trước đây, ta chưa hề gặp nàng - Ôxtáp nói - Có thể nàng không phải người vùng này?

- Ta ở Pêtécbua – thiếu phụ trả lời – chàng làm việc cừ khôi quá, anh thợ ơi.

- Một cái móng ngựa thì có đáng gì - Ôxtáp dịu dàng đáp - Đó chẳng phải là một công việc! Dành cho nàng, ta có thể tạo nên một vật mà bất cứ một công chúa nào trên cõi trần này cũng chẳng bao giờ có được.

- Cái gì vậy? - Cô gái hỏi.

- Một vật làm vừa lòng nàng. Một bông hồng sắt chẳng hạn, được chứ? Một bông hồng cực kỳ tinh xảo với cả lá và gai.

- Tùy chàng! Người thiếu phụ cũng dịu dàng đáp lại - Cảm ơn chàng, anh thợ. Một tuần nữa ta sẽ trở lại nhận bông hồng.

"Ôxtáp giúp cô gái lên yên. Nàng đưa bàn tay có mang găng cho anh để lấy điểm tựa, và thế là không cầm lòng được nữa: chàng đặt đôi môi nồng nàn của mình lên bàn tay cô gái. Nhưng ngay khi nàng chưa kịp rút bàn tay lại, viên sỹ quan đã thẳng cánh quất chiếc roi ngựa vào giữa mặt Ôxtáp và thét lên:

- Liệu hồn, đồ bần tiện!

"Mấy con ngựa chồm lên và bắt đầu phi nước đại. Ôxtáp vớ ngay chiếc búa và lẳng theo viên sỹ quan. Nhưng anh mất sức rồi. Anh chẳng thấy gì nữa, những giọt máu tươi chảy ròng ròng trên mặt. Viên sỹ quan đã làm hỏng của anh một con mắt.

"Tuy nhiên Ôxtáp đã gắng vượt qua cơn đau, đứng làm việc sáu ngày liền và cuối cùng đã tạo được báu vật, một bông hồng. Dân chúng đủ các hạng người kéo nhau đến xem. Họ trầm trồ: "Một công trình như vậy, thực tình, người ta không thể tìm đâu ra, ngay cả ở nước Ý!"

"Và ngày thứ bảy đến, một người nào đó đã đến gần lò rèn, xuống ngựa và cột con vật vào hàng rào.

"Ôxtáp không dám bước ra, anh không dám để lộ khuôn mặt của mình; anh ngồi đó, giấu khuôn mặt trong đôi bàn tay và chờ đợi.

"Và rồi anh nghe thấy những bước chân nhè nhẹ, một hơi thở, cuối cùng là đôi cánh tay mềm

mại ôm choàng lấy người anh. Người thiếu phụ đã đến, để lăn trên vai anh một giọt lệ duy nhất và cô đơn.

- Thiếp đã rõ cả rồi - nàng nói - Trái tim thiếp đây đã rỉ máu mấy ngày ròng. Ôxtáp, mong chàng thứ lỗi cho thiếp. Chỉ vì thiếp mà nỗi bất hạnh lớn lao này đã ập đến với chàng. Thiếp đã xua hắn đi rồi, tên hôn phu của thiếp và bây giờ thiếp trở lại Pêtécbua.

- Tại sao? Ôxtáp dịu dàng hỏi.

- Chàng thân yêu, niềm hân hoan của trái tim thiếp ơi – người thiếu phụ nói - dẫu sao, người đời vẫn không cho ta được hạnh phúc.

"Sau đó, thiếu phụ nhận lấy bông hồng, ôm hôn Ôxtáp, lên yên ngồi, chậm rãi ra đi. Còn Ôxtáp thì đưa chân nàng đến ngưỡng cửa, đưa mắt dõi theo thiếu phụ và lắng nghe. Hai lần thiếu phụ dừng cương. Hai lần nàng đã toan quay trở lại. Nhưng rồi nàng vẫn tiếp tục ra đi. Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời phía trên thung lũng, rồi từ trên vòm trời rơi xuống thảo nguyên, dường như chính con tạo cũng nhỏ lệ trên mối tình của họ. Thế đấy, cháu của ông ạ!"

Đến đây, ông tôi im lặng một lát. Ngồi dưới chân ông, tôi không dám cử động. Cuối cùng tôi thì thầm hỏi:

- Và có bao giờ họ gặp lại nhau không ông?

- Không - Ông tôi tiếp tục - Đúng, sau đó họ không hề gặp lại nhau. Mắt Ôxtáp bắt dầu mờ dần đi. Thế rồi chàng quyết định cuốc bộ dến tận Pêtécbua để gặp người thiếu phụ trước khi hoàn toàn bị mù lòa. Chàng đã đến được thủ đô của Sa hoàng và người ta cho chàng biết rằng nàng dã chết. Hẳn là nàng không chịu nổi cảnh chia ly. Trong nghĩa trang, chàng đã tìm thấy phần mộ bằng dá hoa cương mầu trắng của nàng và vừa trông thấy ngôi mộ, trái tim chàng bỗng trở nên thổn thức: bông hồng sắt của chàng đặt trên nền đá trắng. Người thiếu phụ đã xin người đời đặt trên nền dá phần mộ của nàng. Cho đến vĩnh hằng. Còn Ôxtáp, chàng bị mù hẳn và trở thành nhạc công đàn thất huyền. Có thể giờ dây chàng dã chết bên lề một con đường nào đó, hoặc dưới gầm một chiếc xe thổ trên một bãi chợ. Cầu Chúa linh thiêng ban phước lành cho họ nơi suối vàng!"

Con chó Riáptrích lông xù của chúng tôi, vài trái ngưu bàng tròn trĩnh còn dính trên mũi, ngồi nghe ông tôi kể chuyện, há hốc miệng ngáp dài thành tiếng. Cáu tiết, tôi cho nó mấy quả thụi vào sườn. nhưng nó không hề phật ý. Và với cái lưỡi lòng thòng và nóng hổi, vẫn âu yếm đối với tôi.

Trong miệng con chó Riáptrích chỉ còn nhô ra

những mảnh răng bị vỡ. Mùa thu vừa qua, khi chúng tôi từ giã Gôrôđitrê, nó đã cắm sâu hàm răng của mình vào một bánh xe, cố ghìm cỗ xe calesơ lại, và thế là bị gẫy hết hàm răng.

Ông nội Mắcxim thân yêu của cháu ơi! Ông đã truyền cho cháu phần lớn cái tâm hồn mẫn cảm và với chất lãng mạn đã khiến cho cả thuở thiếu thời và buổi thanh xuân của cháu trở thành một chuỗi dài xung đột với cái thế giới thực tại này. Cháu thực sự đau buồn tuy vẫn biết rằng ông nội có lý, rằng cuộc đời đầy sự thông thái và minh mẫn có thể là rất đẹp song đối với cháu vẫn nghèo nàn và cơ cực làm sao. "Mỗi người một ý", ông nội bảo vậy.

Có thể cũng vì vậy mà ông không hòa hợp được với bà vợ của mình, hay nói đúng hơn là ông tìm cách lẩn tránh bà cụ. Ngoài một vẻ đẹp đáng sợ, dòng máu Thổ của bà đã không truyền cho bà một sức quyến rũ nào cả.

Bà là một đấng chuyên quyền, một kẻ hay gây gổ và bà hút mỗi ngày ít ra cũng nửa lạng thuốc lào đen loại nặng. Bà hút thuốc bằng những chiếc tẩu ngắn rực hồng. Chính bà là người điều khiển tất cả. Không một sự bừa bộn dù nhỏ đến đâu trong gia đình lọt qua được cặp mắt đen nhánh của bà.

Vào những ngày hội, khoác một chiếc áo dài bằng vải láng có thêu ren đen rất tinh xảo, bà ra

khỏi nhà và đến ngồi trên chiếc ghế dài bằng đất nện gần cửa ra vào. Bà ngậm tẩu và ngắm nhìn dòng sông chảy xiết. Chìm trong suy tư, đôi khi bà bật lên tiếng cười nhưng không ai dám hỏi tại sao.

Cái vật duy nhất khả dĩ có thể làm chúng tôi hòa hợp được với bà nội, đó là một cái thỏi lớn, rắn và mầu hồng giống như một thỏi xà phòng. Bà nội giấu nó trong cái tủ của bà. Thỉnh thoảng bà đem cái thỏi ấy ra và với vẻ tự hào trông thấy bà cho lũ cháu chúng tôi hít ngửi. Cái vật ấy tỏa ra một mùi hương rất dịu dàng của hoa hồng.

Cha tôi kể rằng cái thung lũng nơi có thị trấn Gadantích, thành phố quê hương của bà nội mang cái tên là "Thung lũng Hoa Hồng", rằng ở nơi đó người ta sản xuất một loại tinh dầu hoa hồng và cái thỏi kỳ diệu kia làm bằng một chất thấm được thứ tinh dầu ấy.

Thung lũng Hoa Hồng! Cái tên ấy làm tôi sửng sốt biết bao! Và tôi không tài nào hiểu nổi tại sao ở một nơi thơ mộng dường ấy lại có thể nảy sinh một con tim sỏi đá như trái tim của bà nội.

CÂU CÁ CHÉP

Giờ đây, trong những ngày tôi còn lưu lại Gôrôditrê, những kỷ niệm về tuổi thơ của tôi, vào cái thời khi tôi còn vô tư và hạnh phúc, chúng tôi từ Kiép về quê nghỉ hè, đã trở lại trong hồi ức của tôi. Thuở ấy, ba má tôi còn trẻ, ông nội và người bà Thổ Nhĩ Kỳ của tôi còn sống và tôi vẫn là một oắt con huyên thuyên đủ các thứ chuyện huyễn hoặc, chẳng đâu vào đâu.

Chuyến tàu từ Kiép về đến Bêlaia Séccốp vào lúc hoàng hôn xuống. Trên sân ga, ba tôi thuê ngay chiếc xe ngựa của một bác xà ích đến là lắm mồm.

Đêm xuống rồi, chúng tôi mới về đến Gôrôđitrê, trong lúc mơ mơ màng màng, tôi nghe thấy tiếng ken két rất khó chịu của những chiếc lò xo, tiếng nước róc rách gần cái cối xay và tiếng chó sủa. Những con ngựa thở phì phì và những bờ dậu kêu răng rắc. Trời đêm sáng tỏ những vì sao bất động. Bóng tối ẩm ướt phập phồng mùi cây mâm xôi.

Cô Đôdia cất bổng tôi lên, lúc tôi vẫn còn đang ngái ngủ, và đem vào căn phòng ấm áp, nền nhà phủ kín những tấm thảm sặc sỡ. Trong phòng bồng bềnh một mùi sữa nóng. Trong khoảnh khắc, tôi lim dim đôi mắt và thoáng trông thấy ngay bên má tôi những đường thêu hào hoa trên tay áo trắng tinh của cô Đôdia.

Sáng hôm sau, ánh nắng rực rỡ chảy lênh láng trên các bức tường trắng làm tôi bừng tỉnh. Những bông đường quỳ đung đưa trước cửa sổ mở rộng. Một bông kim liên hoa rớt một cái nhìn kín đáo vào trong phòng, một con ong mơn mởn lông nhung thơ thẩn trên cánh hoa. Tôi nằm nín thở đưa mắt dõi theo con vật tí hon đang cáu kỉnh bò giật lùi và bất thần vù khỏi bông hoa nhỏ. Những giọt nắng lăn tăn, những làn sóng ánh sáng nhè nhẹ, phản xạ của dòng sông dao động đâu đó rất gần, từng đợt, từng đợt lướt tràn qua trần nhà.

Sau đó, tôi nghe tiếng chú Incô nói với một giọng cứ như có ý chòng ghẹo con người ta.

- Khá lắm! Mặt trời vừa nhú lên, đám rước đã dẫn đến rồi kia! Đôdia đi đâu, sắp sửa rượu thơm và bánh ngọt của cô lên được rồi đó.

Tôi nhảy khỏi giường và chẳng kịp giầy dép gì cả chạy vội ra cửa sổ và trông thấy "*đám rước*". Một hàng dài các lão nông đội mũ rơm rộng vành đang chống gậy lọc cọc, từ bên kia sông, theo con

đập tràn chậm rãi tiến về phía đảo. Những tấm huân chương và huy chương nhà binh kêu leng keng và sáng lấp lánh trên những tấm áo có nẹp mầu mận chín của các cụ.

Đó là các bô lão làng Pilíptra bên cạnh sang chào và nghênh tiếp chúng tôi. Dẫn đầu đám rước là lão thái ấp trưởng Trôphim, một người mặt rỗ, một tấm huy hiệu bằng đồng treo trên cổ.

Trong nhà nhộn nháo hẳn lên. Cô Đôdia tung chiếc khăn phủ lên mặt bàn ăn. Một luồng gió nhẹ lướt qua căn phòng. Má hối hả bầy chả giò lên đĩa và cắt xúc xích. Còn ba thì bật nút mấy chai rượu anh đào cây nhà lá vườn, trong khi chú Incô bày biện những chiếc chén đa diện lên bàn.

Sau đó cô Đôdia và má chạy đi thay quần áo. Còn ba thì cùng với chú Incô bước ra bậc tam cấp đón các vị bô lão lúc này vẫn đang tiến tới, trịnh trọng và quả quyết như một định mệnh.

Cuối cùng các cụ dừng lại trước ngôi nhà, im lặng bắt tay ba tôi trước và sau đó đưa tay cho chú Incô. Nghi thức ấy xong rồi, các cụ ngồi xuống chiếc ghế dài bằng đất nện, dọc theo tường nhà và đồng loạt trút một hơi thở dài. Rồi thì, sau khi gại giọng, lão thái ấp trưởng xướng lên một câu thông lệ.

- Ghêoócghi! Mắcximmôvich quý mến, lão vinh dự đến đón chào các bạn về thăm xứ sở thanh bình này.

- Xin cảm ơn các cụ! – Ba tôi nói.

Các cụ đồng thanh thốt lên và thở dài nhẹ nhõm – Cái lẽ nó là phải như vậy!

- Chí phải! - Lão Trôphim gật gù tán đồng và đưa mắt qua cửa sổ liếc nhìn những chai rượu lấp lánh trên mặt bàn.

- Đúng thế, phải như vậy – Người lính già của Nicôla Đệ nhất với cái mũi sần sùi tuyên bố.

Một lão già thấp bé với cái tính tò mò vô độ mà người ta mệnh danh là "Lão vận rủi" cha của mười hai người con gái, góp ý.

- Đúng lắm!

Tuổi càng cao, lão càng quên dần tên tuổi các con lão và bấm ngón tay, không bao giờ lão tính được hơn năm đứa Ganna, Paraxia, Guycócpaa, Ôlêxia, Phrôxia..., sau đó, lão trở nên lú lẫn và bắt đầu tính lại.

- Chí phải! – Các cụ nhắc lại.

Và tất cả rơi tõm vào sự im lặng hồi lâu.

Bất thần trên ngưỡng cửa xuất hiện ông nội Mắcxim, các bô lão đứng dậy, kính cẩn cúi chào. Ông nội cũng nghiêm trang đáp lễ rồi các cụ trở lại chỗ ngồi và thở dài thành tiếng, khò khè cuống họng rồi ngồi im, mắt dán xuống đất.

Cuối cùng, linh tính mách bảo rằng ở nhà trong mọi sự đã chu toàn, chú In-cô cất giọng.

- Vâng ạ, chúng tôi xin cảm ơn các cụ đã có lời. Bây giờ xin các cụ vui lòng thưởng thức chút rượu nhạt với gia đình chúng tôi ạ

Tại phòng ăn, trong chiếc áo dài mùa hè trang nhã, má tôi bắt đầu đón tiếp các lão nông. Các cụ hôn tay má và má cũng hôn đáp lễ những bàn tay rám nắng. Phong tục vùng này là như vậy, cô Đôdia vận một chiếc áo dài màu xanh nhạt, khoác chiếc khăn choàng có in những bông hồng đỏ chót trên vai, nước da tươi tắn, thanh tao, mái tóc đốm bạc trước tuổi, trịnh trọng cúi chào các cụ.

Sau một tuần rượu thơm sủi bọt "Lão vận rủi", thói tò mò làm cho ngứa ngáy, bắt đầu ném ra những câu hỏi bất tận. Bất cứ tí gì từ Kiép đem về cũng khiến lão sững sờ, chỉ trỏ và luôn miệng hỏi.

- Cái này là cái gì? Dùng làm gì vậy? Sao? Gọi nó là cái gì nhỉ, lại quên mất rồi?

Ba tôi cho biết đây là chiếc bàn là dùng than, kia là cái phích làm kem và ở đằng kia, trên mặt bàn là tấm gương ba mặt. "Lão vận rủi" đung đưa cái đầu một cách khoái trá.

- Cái gì cũng công dụng cả! Lão kết luận.

- Chí phải! – Các cụ tán thưởng và tiếp tục nhấm nháp ly rượu.

*

* *

Ở Gôrôditrê, mùa hè là chúa tể, trời nóng chảy mỡ với những cơn dông khủng khiếp, cây cối xào xạc suốt ngày đêm, dòng sông mát mẻ lờ đờ trôi, còn những cây mâm xôi thì mọc la liệt khắp nơi. Và cũng còn có cái thú đi câu cùng với cái cảm giác ngòn ngọt của những ngày dài nối tiếp, vô tư và muôn vẻ.

Tất nhiên, cái hòn đảo nơi có khu điền trang gia đình đối với tôi là một nơi thần bí nhất trần gian.

Không xa lắm, phía sau nhà trải ra hai cái hồ rộng mênh mông và sâu thẳm. Một cái bóng mờ mờ tối vĩnh viễn ngự trị bên bờ dưới những rặng liễu quanh hồ và trên mặt nước xanh đen.

Phía sau hồ, một đám cây ken dầy những bụi phỉ mệt nhọc bò lên sườn một quả đồi. Sau khu rừng là một bình địa đơm đầy những khóm hoa cao đến tận thắt lưng, thơm phức, ngọt ngào đến nỗi khiến người ta cảm thấy nhức đầu.

Bên kia những bình địa ấy, cạnh căn lều của ông nội. một làn khói nhẹ của một đám đốt rừng thoát lên không trung. Vượt qua căn lều người ta sẽ đến những khoảng đất chưa hề khai phá: những tảng đá cát màu đỏ mọc đầy những bụi dây leo và dâu tây dại đang bị héo dần.

Trong những hốc đá, nước mưa đọng thành những mặt hồ nhỏ tí xíu. Những con chim chìa vôi

uống những giọt nước âm ấm trong hốc đá và quẫy quẫy những cái đuôi có vân thạch. Mấy chú ong đất trơ trẽn và nặng nề nhảy tách một phát, bay chấp chới và phát ra những tiếng kêu vo vo cứ như là cầu cứu một cách vô hiệu, một sự viện trợ nào đó.

Những vách đá dựng đứng đâm sầm xuống dòng sông Rôxơ. Người lớn cấm chúng tôi không được bén mảng tới nơi này. Nhưng thỉnh thoảng, chúng tôi vẫn lần đến tận bờ vực thẳm tò mò nhìn xuống dòng sông. Dưới kia, ở rất xa, con sông Rôxơ chảy xiết với những cuộn nước trong vắt nhưng đậm đặc. Chúng tôi cảm thấy chóng mặt. Dưới làn nước. những con cá thon thon như những chiếc kim, run rẩy và chậm chạp cố bơi ngược dòng.

Ở bờ bên kia, trải dài khu vườn của công tước phu nhân Branitxki, chẳng bao giờ ánh nắng rẽ nổi một lối đi qua cái màu xanh hoa lệ của khu vườn. Tuy nhiên, thật hiếm hoi, đôi khi một tia sáng cô đơn cũng xuyên qua được cành lá xum xuê để mách cho ta cái sức mạnh quyến rũ của giới thảo mộc. Như những hạt bụi, vài con chim xinh xắn xuyên qua những tia nắng lấp lánh. Chúng kêu chiêm chiếp ỏm tỏi ở đó một hồi lâu trước khi đâm sầm vào đám lá như lao vào một làn nước xanh biếc.

Nhưng cái xó mà tôi khoái hơn cả là một cái hồ nước.

Sáng nào ba tôi cũng ra hồ câu cá. Ba cho tôi đi cùng.

Hai ba con từ nhà ra đi lúc sáng tinh sương. Chúng tôi thận trọng bước trên những đám cỏ dày và ẩm ướt. Trong đám lá cành sẫm tối, còn lẩn quất bóng đêm, giữa những cành liễu lấp lánh ánh bình minh, lung linh những vạt ánh vàng mềm mại. Những con cá chép vùng vẫy trong làn nước mơ màng. Những bông sen bách hợp, những bông hoa súng, những cây lác và đương quỳ hình như treo lơ lửng trên vịnh nước sâu thẳm và đen ngòm.

Một thế giới kỳ ảo của nước non và cây cỏ trải ra mênh mông trước mắt tôi. Và sức quyến rũ của cái thế giới ấy đối với tôi ngây ngất đến nỗi tôi có thể ngồi đó, trên bờ hồ, từ bình minh đến lúc mặt trời lặn.

Ba tôi lặng lẽ thả những chiếc cần câu và châm một điếu thuốc. Khói thuốc lá trôi bồng bềnh, là là trên mặt nước rồi tan dần.

Tôi múc đầy một xò nước hồ, ấn vào đó một nắm cỏ và ngồi đợi. Những cái phao đỏ tươi đứng im phăng phắc trên làn nước. Bỗng một chiếc bắt đầu động đậy, làm loang ra những vòng sóng lăn tăn và bất thần chìm nghỉm hoặc kéo lê về một phía. Ba tôi cất câu, sợi chỉ căng ra, chiếc cần bằng cây phỉ uốn thành vòng cung và đám sương mù

trên mặt hồ bị rung lên với những tiếng ong óc của những chiếc bong bóng, tiếng nước vỗ oàm oạp, bởi cả một sự xao động, huyên náo. Những gợn sóng lăn tăn xua đuổi nhau làm nao nao những bông hoa súng, những con nhện nước hớt hải tháo chạy và cuối cùng dưới đáy sâu huyền bí, chấp chới một ánh vàng. Không thể nói chính xác đó là cái gì cho đến khi ba tôi kéo lên vạt cỏ rối một chú cá chép. Nằm phơi bụng, con cá thở hổn hển và vẫy vẫy những cái vây. Và từ trong cái áo giáp ken dầy những lớp vẩy dâng lên cái mùi kỳ ảo của vương quốc thủy tề.

Tôi thả con cá vào xô nước. Nó quẫy quẫy một cách nặng nề trong búi cỏ và bất thần quật mạnh cái đuôi làm tung tóe nước lên mặt tôi. Tôi liếm những giọt nước trên môi, tôi khao khát thứ nước trong chiếc xô, nhưng ba tôi không cho tôi uống.

Tôi có cảm giác rằng nước trong xô, nơi con cá và nắm cỏ của tôi đang ngâm mình, ắt phải có một vị ngọt lịm, ngây ngất như nước mưa của những cơn dông. Khi còn là những nhóc con, chúng tôi đã uống một cách hết sức thèm thuồng và tin rằng nhờ những giọt nước ấy, con người có thể sống đến một trăm hai mươi tuổi. Ít ra đó cũng là điều quả quyết của lão Nétsipo.

BỆNH SƯNG MÀNG PHỔI

Ở Gôrôđitrê trời đến là hay dông bão. Những cơn dông bắt đầu vào ngày lễ Thánh Giăng và kéo dài suốt tháng bảy, ùn ùn kéo từng từng lớp lớp mây trời mầu sắc sặc sỡ đến vây kín, quanh đảo như một bức tường thành, ầm ầm sấm chớp rung chuyển cả ngôi nhà đến nỗi làm cô Đôdia nhiều phen khiếp vía.

Kỷ niệm về niềm đam mê ngây thơ đầu tiên của tôi gắn liền với hồi ức về những cơn dông ấy. Tôi chưa đầy mười tuổi.

Đúng ngày lễ Thánh Giăng, các cô gái làng Philíptra, xúng xính trong những bộ áo quần ngày hội, từng tốp từng tốp kéo sang hòn đảo của chúng tôi để thả những vòng hoa, trên mặt sông. Những vòng hoa đồng nội các cô tự tay kết lấy. Trên mỗi vòng hoa, các cô đặt thanh gỗ nhỏ chéo chữ thập và ở chính giữa là một mẩu nến. Đến chập tối, các cô đốt đèn lên và thả xuống dòng sông Rôxơ.

Đó là cái lối các cô thẩm vấn tương lai: cô nào có ngọn đèn đi được xa nhất mà không bị tắt sẽ là người hạnh phúc nhất. Nhưng cô nào mà vòng hoa sa vào chỗ nước xoáy và cứ quanh quẩn, chậm rãi quay vòng ở đấy thì số phận còn may mắn hơn nhiều.

Vùng nước xoáy ấy ở ngay dưới chân một cái vực thẳm. Chỗ này chẳng bao giờ có gió, những ngọn đèn cháy với một ngọn lửa sáng chói. Ở trên bờ, người ta vẫn nghe thấy tiếng bấc đèn nổ tí tách.

Trẻ con cũng như người lớn, ai cũng thích những vòng hoa Thánh Giăng. Chỉ riêng lão Netsipô là khinh khỉnh cười gằn và quả quyết:

- Toàn những trò ngớ ngẩn! Những chiếc vòng hoa ấy phỏng có nghĩa lý quái gì!

Ganna, người chị họ của tôi, đến cùng với các chị con gái nhà quê. Chị ấy mười sáu tuổi. Trong những chiếc đuôi sam mềm mại lấp lánh một thứ ánh sáng hung đỏ, chị tết những chiếc giải màu da cam và mầu đen. Chị mang ở cổ một chuỗi hạt san hô đã phai mầu. Chị có đôi mắt xanh rất sáng. Mỗi khi chị cười, chị cúi xuống rất lâu không ngước lên, cứ như sức nặng của mi mắt cản trở chị. Hai đốm nhỏ hồng tươi không bao giờ rời đôi gò má của chị.

Chẳng hiểu nguồn cơn ra sao, đôi khi tôi thấy má và cô Đôdia tỏ vẻ ái ngại khi nói về chị. Tôi rất muốn biết hai người bàn tán những gì nhưng cứ mỗi lần tôi đến gần, má và cô không nói nữa.

Năm ấy, vào ngày lễ Thánh Giăng, người lớn cho phép tôi cùng chị Ganna đi đến cuối đảo gặp các chị con gái nhà quê ở ven sông. Trên đường đi, chị hỏi tôi:

- Em định lớn lên sẽ làm gì Côxtích?

- Thủy thủ chị à, - Tôi trả lời.

- Eo ơi! - Chị Ganna thốt lên - Làm thủy thủ sẽ chết chìm dưới đáy biển đấy. Nhất định mai rồi sẽ có nhiều cặp mắt kiều diễm rơi lệ vì em đấy.

Tôi không để ý đến lời bàn của chị Ganna. Tôi cầm bàn tay ngăm ngăm và nóng hổi của chị và kể cho chị nghe chuyến đi biển đầu tiên của tôi.

Đầu mùa xuân, ba tôi được cử đi Nôvôrôsiích công tác ba ngày. Ba đem tôi đi cùng. Từ xa tôi có cảm giác biển giống như một bức tường mầu xanh lơ. Hồi lâu tôi không đoán ra đó là cái gì. Lát sau, tôi thấy một cái vịnh mầu lục, một ngọn đèn biển, tôi nghe thấy tiếng ầm ầm gần như một con đập chắn sóng và biển cả đi vào tâm hồn tôi như một giấc mơ kỳ diệu, rất đẹp nhưng huyền ảo.

Hai chiếc thuyền giáp hạm với những ống khói mầu vàng thả neo trên bến cảng: hai con tầu mang tên "Mười hai vị thánh tông đồ" và "Ba vị thánh" Hai cha con tôi lên tận boong tầu. Như bị thôi miên, tôi ngắm nhìn những viên sĩ quan có nước da rám nắng, những bộ đồng phục mầu trắng, những

con dao găm vỏ mạ óng ánh, phóng máy tắm trong hơi nóng dầu mỡ. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất chính là thái độ của ba tôi. Tôi chưa bao giờ thấy ba như vậy. Ba cười nói oang oang, pha trò và tán gẫu với những viên sĩ quan. Một người thợ máy mời cha con tôi vào buồng lái. Ba uống cônhắc với ông ta và hút những điếu thuốc Thổ Nhĩ Kỳ cuốn bằng giấy mầu hồng, có in những chữ Ả Rập bằng vàng.

Chị Ganna nghe tôi nói, đôi mắt mơ màng xa vắng. Không hiểu tại sao, bỗng nhiên tôi cảm thấy thương chị quá chừng và hứa bao giờ trở thành thủy thủ tôi sẽ đưa chị đi cùng trên một con tầu.

- Em đem chị đi làm gì? - Chị Ganna hỏi. - Làm bếp hay thợ giặt?

- Không đâu chị ơi! - Tôi bốc đồng thốt lên với một sự hăng hái sôi nổi rất trẻ con. - Chị sẽ làm vợ em chứ.

Chị Ganna đứng sững lại với vẻ nghiêm trang, chị nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Thề đi! - Chị thì thầm qua hơi thở – Lấy danh dự của má thề với chị đi!

- Em xin thề! - Tôi thốt lên không cần suy nghĩ.

Chị Ganna mỉm cười, đôi tròng mắt ngả sang màu xanh biếc của nước biển và chị say đắm đặt những cái hôn lên mắt tôi. Tôi cảm nhận được sự

nồng nàn của đôi môi nóng rực của chị. Quãng đường còn lại, chúng tôi bước đi trong im lặng.

Nến của chị Ganna là ngọn đèn đầu tiên vụt tắt. Từ sau cánh rừng của công tước phu nhân Brannixki cuồn cuộn dựng lên một đám mây lớn như khói đám cháy. Một cơn gió giật ập xuống người chúng tôi, những cây miên liễu rít lên cúi rạp sát đất và những tia chớp đầu tiên lóe lên lằng nhằng trong tiếng sấm nổ chói tai.

Các cô gái kêu thé lên và ù té chạy đến nấp dưới các vòm cây. Chị Ganna giật tấm khăn choàng khỏi vai quấn lên người tôi, chị nắm tay tôi và hai chị em cắm đầu cắm cổ chạy.

Chị cứ thế xềnh xệch lôi tôi đi trong khi trận mưa như trút nước vẫn bám riết. Tôi biết thế nào chị em cũng không đủ thì giờ chạy về nhà.

Cơn mưa đuổi kịp chúng tôi cách chiếc lều của ông nội không xa. Chúng tôi đến nơi, ướt như chuột lột. Ông nội không có mặt trong lều.

Trong căn lều, hai chị em ngồi dựa sát vào nhau. Chị Ganna sát mạnh hai bàn tay tôi. Mùi thơm của vải bông thoát ra từ người chị. Chị luôn miệng hỏi tôi với giọng lo lắng:

- Em có lạnh không? Ôi, em sẽ ốm mất, chị biết tính sao đây?

Tôi run cầm cập. Đúng, tôi lạnh lắm. Lần lượt,

trong đôi mắt chị Ganna có cả sự hãi hùng, niềm thất vọng và tình yêu.

Bỗng nhiên một cơn ho dữ dội, chị đưa tay lên ôm ngực. Tôi thấy một mạch máu nhỏ giần giật trên cái cổ thanh tú, dưới làn da mịn màng của chị. Tôi ôm choàng lấy người chị Ganna và áp má lên bờ vai ướt át của chị. Bất giác, tôi thèm khát có được một bà mẹ giống chị, trẻ trung và âu yếm.

- Em sao vậy, Côxtích? - Chị hoảng hốt hỏi tôi nhưng vẫn còn ho và chị vuốt ve mái tóc của tôi. - Làm sao mới được chứ? Có gì đáng sợ đâu... Sấm chớp chẳng làm gì được chị em mình đâu... Chị vẫn ở đây, ngay cạnh em đây. Đừng sợ.

Rồi chị nhẹ nhàng đẩy tôi ra một chút, đặt đôi môi lên ống tay tấm áo choàng trắng có thêu những chiếc lá sồi mầu đỏ của chị. Một vết máu nhỏ hiện lên nền vải. Và người ta có cảm giác đó là một chiếc lá sồi mới được thêu trên áo.

- Chị chả cần em thế đâu! - Chị cúi xuống nhìn tôi và thì thầm như người có lỗi, đôi môi nở một nụ cười chẳng vui chút nào. - Chị đùa cho vui thôi!

Những tiếng sấm đã ì ầm ở phía bên kia trái đất. Mưa đã tạnh. Chỉ còn những giọt nước tí tách hối hả rơi trong lá cành.

Đêm đến, tôi lên cơn sốt. Hai ngày sau, một người thầy thuốc trẻ tên là Napenbom đạp xe từ

Bêlaia Séccốp đến khám bệnh cho tôi. Ông ta đoán tôi bị sưng phổi.

Từ nhà tôi, Napenbom đi bộ sang Pilíptra thăm bệnh cho chị Ganna và khi trở lại, trong phòng bên, người thầy thuốc nói thầm với má tôi:

- Thưa bà, cô Ganna bị lao phổi. Tôi không tin là cô ấy có thể chịu được đến mùa xuân sang năm.

Tôi bật lên khóc nức nở, gọi má và ôm chầm lấy má. Chính lúc ấy tôi thấy trên cổ má tôi thoi thóp một mạch máu nhỏ, yếu ớt giống như mạch máu trên cổ chị Ganna. Và tôi càng nức nở hơn, lâu lắm, tôi không thể nào làm dịu bớt được sự thổn thức trong khi má vẫn vuốt ve mái tóc và hỏi tôi.

- Con sao thế, làm sao mới được chứ? Má vẫn ở đây, ngay cạnh con đây. Đừng sợ.

Cuối cùng tôi khỏi bệnh. Còn chị Ganna thì qua đời vào tháng hai mùa đông năm ấy.

Mùa hè tiếp đó, tôi theo má đi thăm phần mộ và đem tặng chị một khóm xanh rờn những bông thúy cúc buộc bằng một dải băng đen. Đó là loài hoa mà chị Ganna thích cài lên đuôi sam. Và cũng chả rõ tại sao, tôi cảm thấy có phần lúng túng. Có thể vì có má ở bên cạnh với một chiếc dù màu đỏ, cũng có thể vì tôi đã không đi một mình đến thăm chị Ganna.

HÀNH HƯƠNG VỀ TRENXTÔKHỐP

Bà ngoại Vikenchia Ivanốpna, một bà già Ba Lan đường bệ, sống ở Séccaxi bên bờ sông Đơnhépprơ.

Bà có rất nhiều con, nhất là con gái, vì vậy tôi có khá nhiều dì. Một trong số các dì tôi, dì Êphroxinia, là hiệu trưởng trường nữ học Séccaxi. Bà ngoại ở với dì trong một ngôi nhà lớn bằng gỗ.

Bà ngoại Vikenchixa suốt đời vận tang phục với chiếc khăn trùm đầu mầu đen. Lần đầu tiên cụ mặc những bộ quần áo đó là vào năm 1863, ngay sau vụ đàn áp cuộc nổi dậy của người Ba Lan và từ đó không bao giờ cụ rời chúng nữa.

Chúng tôi ngờ ngợ rằng, trong cuộc nổi dậy đó, cụ đã mất một người yêu, có thể là một chiến sĩ phản kháng có tâm hồn cao thượng, chắc chắn là khác hẳn ông chồng cau có của bà, ông ngoại của chúng tôi, viên cựu công chức của thị trấn Séccaxi.

Tôi chỉ nhớ lờ mờ về người ông này. Cụ sống trong một căn phòng nhỏ trên gác xép và rất ít khi

xuống nhà. Bà ngoại đã tách ông ra khỏi mọi người chỉ vì cái thói đam mê hút sách vô độ của ông.

Đôi khi chúng tôi cũng lỉnh vào căn phòng ám khói của ông, nơi ngự trị một thứ mùi đăng đắng. Hàng đống thuốc lá, vét từ dủ các thứ hộp lớn nhỏ chất đầy trên bàn, ngồi trong chiếc ghế bành với những ngón tay run rẩy, ông cuộn hết điếu này đến điếu khác.

Ông chẳng nói gì với chúng tôi, chỉ đưa bàn tay nặng nề lên vò rối những lọn tóc trên gáy chúng tôi và cho các cháu những mẩu giấy bóng tim tím bóc ở những chiếc hộp thuốc lá.

Chúng tôi thường đến thăm và lưu lại vài ngày tại nhà bà ở Séccaxi.

Bà ngoại Vikenchia Ivanốpna tuân thủ những truyền thống lâu đời. Mùa xuân nào cũng vậy, vào tuần ăn chay, bà lại đi hành hương về đến một vùng đất thành Gia tô nào đó ở Vácsava, ở Vinnô hoặc ở Trenxtôkhốp.

Nhưng đôi khi bà cũng nảy ra ý định đi thăm các thánh địa chính giáo; thế là cụ đến tu viện Thánh Xécgiơ tam vị nhất thể hoặc đi Pốtsaép.

Cả bọn con trai lẫn con gái cụ thế là bưng miệng khúc khích cười.

- Cứ cái đà này - họ nói - rồi sẽ đến lúc má đi thăm cả những thánh đường Do Thái có tên tuổi và

đến cuối đời sẽ hành hương đến phần mộ của Môhamét ở Mếchca.

Giữa bà ngoại và ba tôi đã xảy ra một chuyện bất hòa khá gay gắt. Một lần, nhân lúc ba tôi đi Viên dự hội nghị cán bộ kế toán không có mặt ở nhà, bà ngoại đã cho tôi cùng đi hành hương. Tôi rất thích chuyến đi chơi xa ấy và không hiểu nổi tại sao ba tôi lại có thể bực mình vì chuyện này được. Năm ấy tôi vừa tròn tám tuổi.

Tôi còn nhớ bầu trời thu trong veo ở Vinnô và giáo đường Ôxtraia Brama, nơi bà ngoại đến chịu lễ ban thánh thể.

Cả thành phố lấp lánh ánh vàng và xanh nhạt của những đợt lá đầu mùa. Giữa trưa, trên đồi Lâu đài, vang lên tiếng ầm ầm như sấm của một cỗ đại bác thời Napôlêông.

Bà ngoại đọc rất nhiều. Cụ say sưa giảng giải cho tôi về mọi thứ.

Trong quan niệm của bà, lòng mộ đạo thích ứng một cách kì cục với những tư tưởng tiền phong. Bà đồng thời say sưa với học thuyết của Hécden và Hăngri Xienkiêvích. Trong căn phòng của cụ, chân dung của Puskin và Míchkiêvích đứng ngay bên cạnh tượng thánh mẫu Đồng trinh của giáo đường Trenxtôkhốp. Trong cuộc cách mạng 1905, bà đã che giấu những sinh viên cách

mạng và trong cuộc truy nã người Do Thái, bà đã cưu mang nhiều người thuộc cộng đồng này.

Từ trấn Vinnô, chúng tôi lên đường đi Vácsava. Đối với thành phố này, tôi chỉ còn giữ được kỷ niệm về tượng đài Côpécních và những phong trà của nhà thiên văn vĩ đại này. Ở đây, bà ngoại đãi tôi cà-phê. Bà còn cho tôi ăn bánh ngọt hảo hạng. Những miếng bánh trứng đường tan trong miệng thơm dịu, tươi mát, thấm thía, trôi đến đâu biết đến đó. Tiếp chúng tôi là những người hầu bàn trẻ trung, hoạt bát, vận tạp dề gấp nếp.

Rời Vácsava, chúng tôi tiếp tục đi Trenxtôkhốp, nơi có tu viện Iaxna Gura uy nghi, lừng lẫy. Pho tượng Thánh mẫu diệu kì được bảo tồn ở tu viện này.

Và cũng chính ở đây, lần đầu tiên, tôi được tận mắt chứng kiến hình ảnh cụ thể của sự cuồng tín tôn giáo. Tôi vô cùng thảng thốt và khiếp đảm trước cảnh tượng này. Sự ghê tởm đối với mọi biểu hiện của lòng cuồng tín và sự khiếp đảm nó đã phát sinh trong tôi ngay từ đó. Cuối cùng, rồi tôi cũng tự giải thoát được khỏi sự hãi hùng ấy, song thú thực là phải mất một thời gian khá lâu.

Chuyến xe lửa về đến Trenxtôkhốp vào lúc sáng sớm. Tu viện đứng sừng sững trên một ngọn đồi cao, cây cỏ xanh tươi, cách nhà ga hai cây số.

Một đám đông khách hành hương ra khỏi toa

tàu: họ là những nam nữ nông dân Ba Lan. Cũng có cả những thị dân đội mũ trái dưa dính đầy bụi. Một mục sư già, béo và một chú lễ sinh, cả hai đều mặc lễ phục tư tế thêu đăng ten, chờ họ ở ga.

Đám rước hình thành ngay từ lối ra, trên con đường bụi bặm. Người mục sư lầmrầm chúc phúc các tín đồ bằng một giọng mũi. Lập tức cả đám đông phủ phục xuống và cứ thế lê lết trên hai đầu gối tiến dần về phía tu viện, miệng hát những đoạn thánh thi.

Đám rước kiên nhẫn nhích dần đến tận lễ đường của tu viện. Ở đầu đám rước là một bà già tóc bạc phơ, nét mặt xanh xao và hớt hải. Bà cụ giữ khư khư trong tay một cây thánh giá bằng gỗ đen.

Lão mục sư vẻ khoan thai và hờ hững, dẫn đầu đám đông. Trời nóng, bụi đất bồng bềnh trong không khí khét lẹt, những giọt mồ hôi chảy ròng ròng trên những khuôn mặt. Người ta nghe thấy tiếng thở khò khè của đám người hành hương. Họ ngoái cổ lại và ném những cái nhìn giận dữ về phía những kẻ tụt hậu.

Tôi nắm lấy tay bà ngoại.

- Tại sao họ làm vậy hả bà? - Tôi thì thầm hỏi.

- Đừng sợ - bà trả lời tôi bằng tiếng Ba Lan - Họ đã phạm tội. Họ cầu nguyện xin với Chúa Trời được thứ lỗi.

- Thôi ta về đi bà - Tôi thì thầm cầu khẩn.

Nhưng bà ngoại làm như không nghe thấy.

Tu viện Trenxtôkhốp giống như một toà thành quách. Những quả đạn thần công hen rỉ gậm mòn lỗ chỗ từ thời quân Thụy Điển xâm lược còn nhét đầy trên các kẽ tường. Nước xanh lè tù hãm trong các hào rãnh. Những cây cổ thụ xào xạc trên các bức thành.

Những cây cầu rút, với những chuỗi xích khổng lồ, đã được hạ xuống. Xe của chúng tôi vượt qua một trong những chiếc cầu và đi sâu vào một mê cung những sân, những lối đi, những góc kín và những cửa tò vò tu viện.

Một thầy dịch đệ lưng buộc dây, dẫn chúng tôi vào nhà trọ của tu viện. Người ta dành cho chúng tôi một căn phòng giá lạnh có vòm trần. Một cây thánh giá nhất thiết phải có được treo trên tường. Dưới chân tượng Chúa bị đóng đinh câu rút bằng thau, ai đó đã treo một vòng hoa giấy.

Thầy dịch đệ ân cần hỏi bà ngoại:

- Cụ có bệnh gì cần điều trị không ạ?

Suốt đời lo lắng về bệnh tật, bà ngoại phàn nàn ngay về chứng đau tim của bà. Lập tức thầy dịch đệ lấy ra từ trong túi chiếc áo dài màu nâu một nắm những vật nho nhỏ bằng bạc và đổ thành một đống trên mặt bàn. Trong đó có hình mẫu trái tim,

những bàn tay, những cái đầu và thậm chí cả hình hài những đứa bé.

- Có những quả tim giá năm, mười và hai mươi rúp - Thầy dịch đệ nói - Tất cả đã được giáng phúc rồi. Cụ chỉ việc cầu nguyện và treo lên bức tượng Đức Thánh Mẫu.

Bà ngoại mua một trái tim nhỏ nhưng mập mạp giá mười rúp.

Người tu sĩ đi rồi, bà bảo tôi đêm đến bà cháu sẽ đi đến nhà thờ dự một buổi lễ trọng thể. Bà cho tôi uống nước chè và bánh vụn đem từ Vácsava tới sau đó cụ hạ lưng nghỉ. Chỉ một lát sau, cụ đã thiu thiu ngủ. Tôi ngồi đó nhìn qua một khung cửa sổ thấp hẹp.

Thoạt tiên, có một tu sĩ vận áo cà sa láng đã bạc mầu đi qua. Sau đó là hai nông dân Ba Lan đến nghỉ dưới bóng một bức tường. Họ lấy bánh quê và tỏi từ trong tay nải ra ngồi nhai. Họ có những con mắt rất xanh và hàm răng rất chắc. Lát sau cảm thấy buồn, tôi rón rén lỉnh ra ngoài. Bà ngoại nghiêm cấm tôi không được nói tiếng Nga trong tu viện. Bởi vậy tôi hơi hoảng. Tôi chỉ võ vẽ vài từ Ba Lan.

Tôi bị lạc lối và bỗng rơi vào một lối đi hẹp giữa hai bức tường. Nền đường lát bằng những tảng đá lớn nứt nẻ. Những bông bồ công anh bật ra từ các

kẽ đá. Những chiếc đèn lồng bằng gang gắn trên những bức tường. Có lẽ từ lâu người ta không đốt đèn: trong một cây đèn, tôi thoáng thấy một tổ chim.

Một cánh cửa hẹp hé mở giữa một bức tường. Tôi liếc nhìn vào bên trong. Một vườn táo dát đầy những vệt nắng như vân thạch phủ kín sườn một quả đồi. Tôi lấm lét lẻn vào vườn. Trong vườn, hoa táo bắt đầu tàn. Chốc chốc những cánh hoa tàn úa lại bứt khỏi cành và bay chấp chới. Từ phía gác chuông nhà thờ, tôi nghe thấy một tiếng chuông rè nhưng du dương.

Dưới gốc một cây táo già, một thiếu phụ nhà quê người Ba Lan ngồi trên cỏ cho con bú. Mặt đứa bé nhăn nhó trông rất khổ sở, còn hơi thở thì khò khè. Một anh nông dân trẻ, mặt sưng phù và xanh xao, đội một cái mũ phớt rộng vành mới toanh, đứng bên cạnh người đàn bà. Mũ của anh ta có một dải vải láng xanh quấn xung quanh và một chiếc lông công cắm ở phía sau. Anh ta đứng đó bất động mắt nhìn chằm chằm xuống đôi bàn chân mình.

Một thầy tăng thân hình nhỏ bé trán hói, chiếc kéo làm vườn trong tay, đang lúi húi bên gốc cây, đối diện với người đàn bà. Thầy chăm chú nhìn tôi và nói bằng tiếng Ba Lan:

- Lạy Giêsu, Chúa tôi!

- Lạy Chúa, - tôi trả lời đúng như bà đã dạy tôi.

Tôi có cảm giác như tim tôi ngừng đập vì quá hãi hùng.

Thầy tăng quay mặt đi và chăm chú nghe người thiếu phụ than thở. Những lọn tóc vàng xõa xuống mặt cô. Với những bàn tay thanh tú, cô không ngừng hất những lọn tóc về phía sau và bằng một giọng sầu não, cô phân bua:

- Lúc thằng bé được bốn tháng, Mica đã bắn chết một con thiên nga. Anh ấy đem con chim vào bếp. Còn tôi thì lăn ra gào khóc. Tôi bảo anh ấy: "Anh làm cái trò gì thế, đồ súc sinh? Anh cũng biết cứ mỗi con thiên nga bị giết, Đức Chúa linh thiêng sẽ đem đi một đứa trẻ đấy chứ? Cớ sao anh còn giết nó, Mica?"

Chàng trai mũ phớt vẫn thản nhiên nhìn xuống đất.

- Và từ bữa ấy, thằng nhỏ cứ xanh bủng ra và bệnh tật thì xiết lấy cổ họng đứa trẻ tội nghiệp. Đức Mẹ linh thiêng có cứu nổi nó không?

- Nhà tu hành lánh nhìn sang một bên, không trả lời.

- Quỷ thần ơi! Tôi không chịu nổi nữa! - Người đàn bà rên rỉ, và cứ thế đưa tay lên cào cổ - Không, không chịu nổi nữa rồi! - Cô ta gào khóc và ghì mạnh đứa con vào lòng.

Đôi mắt đứa bé nhớn nhác và nó thở khò khè một cách khó khăn.

Tôi chợt nhớ tới những thân hình nhỏ bé mà lúc nãy thầy lễ sinh khoe với bà ngoại. Người đàn bà này làm tôi mủn lòng. Tôi rất muốn bảo cô ta mua một hình nhân giá hai mươi rúp và treo trước bức tượng Thánh Mẫu kì diệu. Nhưng tôi không đủ từ ngữ Ba Lan để diễn đạt một lời khuyên tế nhị như vậy. Hơn nữa tôi cũng sợ người thầy tăng làm vườn và thế là tôi rời khỏi nơi này.

Khi tôi về đến nhà trọ, bà ngoại vẫn còn đang ngủ. Tôi cứ để cả quần áo nằm ườn lên tấm phản cứng và ngủ thiếp ngay.

Bà ngoại dựng tôi dậy lúc nửa đêm. Tôi chỉ có nước lạnh để rửa mặt qua quýt trong một chiếc chậu sứ lớn. Tôi phấn chấn phát run lên. Sau các cửa sổ, những chiếc đèn lồng cầm tay lướt qua, tiếng những bước chân kéo lê nghe rậm rịch, tiếng những gác chuông vang lên ròn tan.

- Đêm nay, - Bà ngoại nói - Đức hồng y, đại diện giáo hoàng sẽ hành lễ.

Trong bóng đêm, chúng tôi phải vất vả lắm mới đến được giáo đường.

- Bám lấy tay bà! - bà ra lệnh khi chúng tôi vượt qua tiền đình.

Chúng tôi sờ soạng đi vào nhà thờ. Tôi chẳng phân biệt được gì cả. Không một cây nến, không một chút le lói trong bóng tối ngột ngạt, bị vây

hầm giữa những bức tường cao của giáo đường và phập phồng hơi thở của hàng trăm con người. Bóng tối như hũ nút ấy thấm đượm một mùi hoa dìu dịu.

Dưới chân, tôi cảm nhận được những phiến gang đã bị mòn lát trên nền giáo đường.

- Không cựa quậy nữa - Bà ngoại thì thầm – Người ta đang phủ phục hết dưới đất: khéo kẻo dẫm phải người ta.

Bà ngoại bắt đầu cầu nguyện còn tôi thì bám chặt lấy khuỷu tay bà và chờ đợi. Tôi sợ. Mọi người nằm bò trên đất như những hình thể bị đóng đinh câu rút, buột ra những tiếng thở dài yếu ớt. Một tiếng rì rầm sầu não lướt qua giáo đường.

Bất thình lình, trong bóng tối nặng nề ấy vang lên tiếng nức nở đinh tai của mấy cây đàn phong cầm làm rung chuyển cả những bức tường. Đúng lúc ấy hàng trăm ngọn nến bật sáng. Bị quáng và khiếp đảm, tôi bật ra một tiếng kêu.

Tấm màn lớn vàng rực phủ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh nổi tiếng của giáo đường Tren-xtô-khốp từ từ mở ra. Sáu mục sư già vận lễ phục thêu ren quỳ trước tượng thánh mẫu, lưng quay về đám đông, hai tay dương cao. Chỉ có đức hồng y gày gò trong tấm pháp y màu đỏ chót với một dải thắt lưng màu tím bó quanh người, lững cũng quay về phía cử tọa, đứng cao sừng sững có vẻ đang căng

tai lắng nghe cơn phong ba của những cây đại phong cầm đang dần dần lắng dịu và tiếng nức nở nghẹn ngào của đám đông.

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến một cảnh tượng kì lạ và khó hiểu như vậy.

Buổi lễ kết thúc, tôi theo bà ngoại ra một hành lang sâu hun hút có trần vòm. Ánh ngày đã lên. Ở hai bên lối đi, các tín đồ quỳ dọc theo các bức tường. Bà ngoại cũng quỳ xuống và bắt tôi làm theo. Tôi không dám hỏi bà những con người với những cặp mắt thác loạn kia chờ đợi cái gì.

Phía cuối hành lang, đức hồng y xuất hiện. Ngài tiến ra, bước đi uyển chuyển và giảo hoạt. Tấm pháp y của Ngài nhảy nhót phía sau và lướt nhẹ trên khuôn mặt của các tín đồ. Họ chộp vội lấy áo và hôn lấy hôn để một cách vô cùng kính cẩn.

- Hôn pháp y đi cháu - Bà ngoại hối hả thì thầm.

Nhưng tôi không nghe lời bà. Tôi căm phẫn tím người và nhìn thẳng vào mặt đức hồng y. Có lẽ lúc ấy mắt tôi đẫm lệ. Ngài dừng lại, đặt bàn tay run rẩy lên đầu tôi và nói bằng tiếng Ba Lan:

- Nước mắt của con trẻ là những lời cầu nguyện đẹp nhất.

Tôi vẫn chằm chằm nhìn đức hồng y. Ngài có khuôn mặt bé choắt, da mặt căng khô và nâu sẫm. Một thứ ánh sáng lờ mờ của đám cháy toát ra từ

khuôn mặt ấy. Cặp mắt đen nheo nheo nhìn tôi có vẻ chờ đợi.

Tôi vẫn câm lặng, vẻ bướng bỉnh.

Đức hồng y quay ngoắt đi và tiếp tục những bước đi gấp gáp. Tấm pháp y của ngài lại chấp chới theo sau.

Bà ngoại chộp lấy cánh tay tôi bất thình lình đến nỗi suýt nữa tôi kêu lên vì đau đớn và xềnh xệch lôi tôi ra cửa.

- Hệt thằng cha nó! - bà nổi tam bành khi chúng tôi ra đến sân - Hệt thằng cha nó! Lạy thánh mẫu Trenxtôkhốp! Không biết sau này đời mày sẽ ra sao?

NHỮNG CÂY TRÚC ĐÀO

Trong nhà bà ngoại, ở Séccaxi, có một hành lang dài nơi những bụi trúc đào xum xuê trong các chậu gỗ. Những nụ hoa bé tí xíu, phớt hồng phủ kín các khóm cây. Tôi rất mê những tán lá xanh xám và những bông hoa nhạt màu. Trong tâm hồn ngây thơ con trẻ của tôi, chẳng hiểu tại sao những tán lá và những bông hoa kia bao giờ cũng gắn liền với hình ảnh của biển cả. Một miền biển xa xăm và ấm áp muôn thuở vỗ về mơn trớn những khóm trúc đào đơm đầy hoa ở xứ sở quê hương chúng.

Bà ngoại quả là một nhà trồng hoa cây cảnh thiện nghệ. Ngay giữa mùa đông, trong căn phòng của bà, những bụi vân anh vẫn xum xuê hoa lá. Còn đến khi "con cuốc gọi vào hè", thôi thì bạt ngàn hoa lá trong mảnh vườn của cụ; nơi dọc theo suốt chiều dài của bờ dậu trải ra những tán lá ngưu bàng rộng ơi là rộng, khiến cho cả khu vườn chỉ còn là một bó hoa khổng lồ duy nhất. Hương

thơm của những cánh hoa len lỏi vào tận căn phòng của ông ngoại trên gác xép, và xua khỏi nơi đây cái mùi hôi tù hãm của khói thuốc. Cáu tiết, ông ngoại đóng sầm cửa sổ lại. Ông cụ ca cẩm rằng chính những cái mùi kia đã khơi dậy những cơn hen xuyễn xa xửa của cụ.

Khi ấy, đối với tôi, dường như tất cả những bông hoa kia đều là hiện thân của những con người. Mộc tê thảo là một cô gái nghèo vận một cánh áo dài mầu xám, mạng vá khắp nơi. Chỉ riêng mùi hương ngất ngây của nó đã mách bảo cho ta cái cội nguồn huyền ảo của loài hoa ấy. Còn những bông hồng chè lại là những thiếu nữ đã trót làm mất đi nhan sắc của mình vì đã say sưa vô độ cái thứ thức uống kia.

Và kia nữa, cái luống tử la lan kia chẳng phải là một vũ hội hóa trang đó sao? Những cô gái Di gan tinh quái và yêu đời, cải trang thành những mõm sói đen ngòm; những vũ nữ áo xiêm sặc sỡ xanh đỏ tím vàng.

Tôi chẳng ưa gì những bông uyển minh cúc kia. Cánh áo dài vô duyên của chúng làm tôi nhớ tới những tà áo của mấy cô gái con giáo sư Dimme, một người láng giềng của bà ngoại, những cô gái tóc vàng hoe không có lông mày. Lần nào chúng tôi gặp họ, các cô nàng cũng yểu điệu nhún chào, chiếc váy sa nhẹ như mây kẹp giữa hai đầu ngón tay.

Nhưng, đối với tôi, loài hoa mê hồn nhất, đương nhiên, là mã xỉ hiên, một giống dây leo vĩnh viễn ngời lên những sắc màu thuần khiết. Thay cho lá cành, loài man thảo này phóng ra những chiếc nấm non nhọn hoắt, mập mạp và mọng sữa. Chỉ cần ép nhẹ một chút, một tia nhựa màu lục đã có thể vọt ra lấm tấm trên mặt bạn.

Với tất cả cỏ cây hoa lá của nó, mảnh vườn của bà ngoại đã cuốn hút toàn bộ trí tưởng tượng của tôi. Có lẽ chính là từ chốn này đã nảy sinh ra niềm đam mê du ngoạn đó đây của tôi. Tôi mường tượng một ngày nào đó tôi sẽ đến được một đất nước xa xăm: một bình nguyên lượn lờ những thung lũng hẹp cỏ hoa phủ kín đến tận chân trời. Tấm thảm thảo mộc kia nhấn chìm mọi thị thành và làng mạc vào cõi thâm nghiêm của nó. Mỗi khi những con tầu tốc hành băng qua cái bình nguyên ấy, thành gỗ của chúng hẳn là sẽ được phủ đầy một lớp phấn hoa.

Tôi kể với các anh tôi, với chị tôi và má tôi, nhưng có ai thèm để ý tới câu chuyện của tôi đâu. Và đây là lần đầu tiên anh cả tôi lẳng ra một câu đầy vẻ khinh thị mà về sau tôi thường phải nghe đi nghe lại nhiều lần:

- Mày toàn bịa ra những chuyện chán mớ đời!

Suy cho cùng chỉ có dì Nađia, con gái út của bà ngoại, là người duy nhất đã đồng cảm với tôi.

Dì mới chỉ hơn hai mươi tuổi. Dì học thanh nhạc ở Nhạc viện Mátxcơva và dì có một giọng nữ trầm tuyệt diệu.

Vào dịp hè và lễ Phục sinh, dì Nađia vẫn thường về nghỉ ở nhà bà ngoại, ở Séccaxi. Những lúc ấy, ngôi nhà vốn rộng rãi mênh mông và tĩnh mịch bỗng trở thành huyên náo và chật chội. Dì nô đùa với chúng tôi, chạy nhảy và cười vang trên sàn nhà lát gỗ đánh xi bóng loáng: xinh xắn, mảnh mai, mái tóc vàng của dì rối tung, còn cái miệng tinh khôi của dì thì hé mở.

Trong cặp mắt xám của dì lấp lánh những ánh vàng. Cặp mắt ấy cười vui với tất cả: khi nghe một lời bông đùa nhẹ nhàng, một tiếng kêu sung sướng và thậm chí trước cả bộ mặt đáng ghét của chú mèo Antôn khi nó bất bình với những cơn đùa vui nhộn bột phát của chúng tôi.

- Con bé kỳ thật, cái gì cũng đùa được! - Má tôi nói với vẻ trách móc.

Trong gia đình, sự vô tư của dì Nađia đã trở thành một thứ điển hình. Dì có thể bị mất găng tay, hộp phấn trang điểm hoặc thậm chí mất hết tiền nong. Không hề gì, chẳng bao giờ dì tôi buồn cả.

Vào đúng cái ngày dì về đến gia đình, chúng tôi dựng nắp cây đàn dương cầm cánh lên và để nó nguyên như vậy cho đến khi dì lên đường trở lại

kinh thành Mát-xcơ-va xinh đẹp, hiếu khách và ầm ĩ của dì.

Hàng chồng sách vở học nhạc chất đống trên những chiếc ghế bành. Những ngọn nến nghi ngút khói. Cây dương cầm làm rung lên những giai điệu khải hoàn.

Đôi khi đang đêm một giọng hát rất trầm và êm ái du dương một làn điệu đò đưa làm tôi bừng giấc:

Thuyền ơi, thuyền nhỏ cứ trôi,
Dưới ánh trăng ngời, tiếng hát ngân nga
Thoáng gần thoắt lại bay xa,
Trên đầm nước mặn thuyền ta vẫn chèo...

Sáng ra, đó lại là một giọng ca trìu mến dỗ dành, gần giống như một lời thì thầm tâm sự ngay sát tai tôi trong khi làn tóc của dì Nađia mơn trớn trên má tôi. Lời ca của dì thủ thỉ:

Màn buông cửa sập hỡi ai.
Xin bừng giấc điệp bạn ơi sáng rồi.
Ngoài kia oanh hót chào mời,
Hồng hoa đua nở nụ cười cho ai?...

Tôi mở mắt, dì hôn tôi, rồi thoáng một cái đã biến mất. Chưa đầy một phút sau tôi đã nghe thấy tiếng dì đang quay cuồng một điệu vanxơ với anh trai, cậu Nicôla, học viện sĩ quan trường Đại học Quân sự. Cả cậu cũng vậy, thỉnh thoảng cậu cũng từ Pêtécbua về nhà bà ngoại nghỉ Phục sinh.

Tôi bật khỏi giường, háo hức trước một ngày đầy hứa hẹn những cảnh náo nhiệt, hân hoan và bất ngờ.

Mỗi khi dì Nađia cất giọng ca, ông ngoại thường bật tung cánh cửa căn phòng của ông mở ra cầu thang dẫn tới phòng khách và ít lâu sau đó cụ nói với bà:

- Tôi cứ phân vân chẳng hay con Nađia nó kế thừa cái máu Di gan của nó ở ai.

Bà ngoại thừa hiểu rằng tính khí của Nađia hoàn toàn không phải là tư chất của cô gái Di gan mà chính là thiên tính của một cô gái Ba Lan. Và thế là bà dẫn ra hàng loạt những ví dụ rút ra từ nền văn học và lịch sử của Ba Lan để chứng minh rằng trong giới nữ Ba Lan có rất nhiều cô nàng tính tình bộc trực, ngông cuồng và vô tư.

- Đúng vậy! - Ông ngoại đáp lại với giọng nhạo báng, rồi cẩn thận khép cửa lại - Đúng quá! Cụ nhắc lại rất to sau cánh cửa đã đóng chặt rồi trở lại ngồi vào chỗ cũ và tiếp tục cuộn những điếu thuốc của cụ.

Tôi còn nhớ một năm lễ Phục sinh đến muộn hơn thường lệ. Ở Séccaxi các vườn cây ăn quả đã ngào ngạt hương hoa. Băng đã tan trên dòng sông Đơnhiéprơ và chúng tôi đã từ Kiép đi tầu về quê. Sau đó dì Nađia cũng từ Mátxcơva trở về. Năm ấy, có lẽ dì đã hai mươi ba tuổi.

Tôi rất mê những ngày lễ Phục sinh nhưng lại rất gờm những ngày trước tết. Người lớn bắt tôi phải ngồi giã hạnh nhân và dùng thìa đánh lòng trắng trứng hàng giờ liền. Công việc khổ sai ấy làm tôi kiệt sức, đôi lúc khiến tôi phải trốn vào một xó nào đó thút thít một mình.

Hơn thế nữa, ngay trước ngày lễ, một cảnh huyên náo khác thường làm đảo lộn cả ngôi nhà. Mấy bà nội trợ váy xắn quai cồng, hối hả thi nhau lau lau chùi chùi, người thì dăm ba cái chậu cảnh, kẻ thì mấy khung cửa sổ trong khi những người khác cặm cụi cọ cọ rửa rửa mấy cái sàn nhà, đập bụi những tấm thảm và những chiếc ghế nhồi rơm, đánh xi các sàn gỗ, đánh bóng các nắm đấm cửa sổ và cửa ra vào. Người ta xua chúng tôi hết phòng này sang phòng khác.

Cuộc tổng vệ sinh đâu vào đấy rồi, tiếp đó là một buổi lễ trọng thể: bà ngoại chuẩn bị bột bánh *kulitrơ* mà trong gia đình chúng tôi thường gọi là "bánh sữa xa-tanh". Chiếc thùng gỗ nhỏ đựng một thứ bột dẻo mầu vàng và sủi đầy bọt được bọc trong một cài mền nhung mao châm chích lỗ chỗ. Chừng nào bột chưa nở, người ta không được phép chạy nhẩy trong nhà, không được sập mạnh cánh cửa hoặc nói to. Mỗi khi có một chiếc xe ngựa đi qua ngoài phố, bà ngoại lại cuống lên vì chỉ cần

một chấn động nhỏ cũng có nguy cơ làm cho bột "xẹp" và đến nông nỗi ấy thì thôi đành... Vĩnh biệt những chiếc bánh *kulitrơ* thượng hảo hạng, tan mềm, ngọt lịm và thơm phức mùi nghệ!

Ngoài *kulitrơ*, bà ngoại còn chế biến khá nhiều *maduyêka*, một loại bánh gatô cứng có chứa nho khô Coranh và hạnh nhân. Khi người ta đưa những chiếc khay bánh *maduyêka* nóng bỏng ra khỏi lò, ngôi nhà ngào ngạt hương thơm đến nỗi trong căn phòng của cụ trên gác xép, ông ngoại bắt đầu tỏ ra bực bội. Ông mở cửa và ném một cái nhìn khó chịu xuống phòng khách nơi những tấm khăn nặng nề lại đã phủ kín chiếc bàn dài bằng đá cẩm thạch.

Vào ngày thứ bảy thánh, dáng vẻ thanh khiết và bầu không khí yên bình cuối cùng cũng đã trở lại ngự trị trên ngôi nhà mát mẻ tinh khôi. Sáng sớm chúng tôi được một chén trà và vài mẩu bánh khô, sau đó, suốt cả ngày cho đến tận lễ mixa nửa đêm, chúng tôi không ăn uống gì nữa. Và chính cái cảm giác "kiến bò" râm ran kia lại làm chúng tôi thích thú. Ngày dài bất tận, đầu óc cứ như có tiếng ong vo và vì bà ngoại yêu cầu chúng tôi càng bớt huyên thuyên càng tốt, lúc nào chúng tôi cũng có cảm giác tắm mình trong một bầu không khí trang nghiêm.

Nửa đêm, chúng tôi đi dự lễ mixa. Người lớn mặc cho tôi một bộ y phục hải quân, quần dài và áo vét có cúc mạ vàng và chải ngược mái tóc lên làm tôi khá đau. Tôi đến gần trước gương và bỗng nhận ra một cậu bé má ửng hồng vì xúc động mạnh. Tôi đứng đó ngất ngây bất động.

Từ buồng riêng dì Êphrôxinia bước ra. Dì là người duy nhất không phải tham dự vào công việc chuẩn bị. Thường bị đau yếu, dì rất ít nói và chỉ đáp lại những câu chuyện tầm phào của chúng tôi bằng một nụ cười âu yếm.

Dì đến kia rồi, trong một chiếc áo dài xanh dương trông có vẻ khắc khổ, một chiếc dây đồng hồ bằng vàng treo trên cổ và một cái nơ mỹ lệ đính trên bờ vai. Má cho tôi hay rằng chiếc nơ ấy là một phần thưởng cao qúy dành cho kết quả học tập xuất sắc của dì trong kỳ thi tốt nghiệp ở Học viện Sư phạm.

Má khoác chiếc áo dài ngày hội mầu xám còn ba thì vận một bộ đồ đen với một chiếc gilê mầu trắng.

Sau đó, bà ngoại hiện lên: đường bệ và rất đẹp lão, bà vận toàn đồ đen, với một nhành hướng nhật tinh nhân tạo đính trên ngực. Người ta thấy những lọn tóc bạc thấp thoáng dưới tấm khăn trùm đầu bằng đăng-ten của cụ. Cánh áo dài của bà sột soạt, bước đi của bà thật thoải mái, thanh thoát. Đêm hôm ấy, bà ngoại trẻ lại trông thấy.

Bà châm những cây đèn nhỏ chong đêm trước các bức tượng Thánh Mẫu rồi xỏ vào những chiếc găng tay bằng đăng ten đen. Sau đó, ba tôi đưa cho bà chiếc áo choàng với những dải rộng để thắt.

- Tất nhiên, chúng tôi sẽ không được gặp anh tại buổi lễ mixa nửa đêm, đúng thế không? - Bà ngoại hỏi con rể bằng một giọng dịu dàng nhưng lạnh lùng.

- Không thưa má Vikenchia Ivanốpna, - ba tươi cười trả lời - con sẽ đi hạ lưng, làm một giấc. Khi nào cả nhà đi lễ về, bọn gia nhân sẽ gọi con dậy.

Bà ngoại buột ra một tiếng ồ! Và bà nhún vai trong khi vuốt lại cái áo choàng.

- Tôi chỉ có mỗi một hy vọng, rằng chán ngấy những chuyện bông đùa của anh, Đức Chúa sẽ không thèm để ý đến anh nữa.

- Con cũng vậy, con cũng rất hy vọng được như vậy - ba tôi lịch thiệp trả lời bà ngoại.

Bà ghé lên gác xép một lát để chào ông ngoại trước khi đi hành lễ. Đúng lúc bà từ trên gác xuống, dì Nađia bước vào phòng khách. Dì thì bao giờ mà chẳng muộn.

Dì không bước đi mà chấp chới như một cánh chim, mảnh mai, lấp lánh trong một bộ váy dài bằng lụa rất trắng, nhẹ như mây có khung lồng và kéo theo một dải quét tha thướt. Dì thở hổn hển, bông hồng vàng trên ngực phập phồng theo hơi thở.

Toàn bộ nguồn ánh sáng, tất cả niềm vui của cõi đời này dường như đang lung linh trong cặp mắt rộng mở của dì.

Bà mẹ chững lại ở giữa cầu thang và đưa chiếc khăn nhỏ xíu lên cặp mắt rớm lệ. Bà không kìm nổi nước mắt trước nhan sắc của đứa con gái út bé bỏng của bà. Hình như bà đang nghĩ về thân phận của dì Nađia, về số kiếp của dì trong cõi đời bể khổ này; và những ý nghĩ ấy bất thần khiến bà ứa nước mắt.

Năm ấy khi chúng tôi từ giáo đường về đến nhà, cha tôi đã không ngủ như thường lệ. Ba đã mở toang tất cả cửa sổ nhìn ra mảnh vườn. Trời đêm mới dịu mát làm sao!

Cả nhà ngồi vào bàn để chờ đón phút giao thừa.

Trời đêm ở ngay sát chúng tôi. Những vì sao nhấp nháy trong những cặp mắt. Từ khu vườn tiếng chiêm chiếp của một con chim bị thức giấc nào đó đã đến với chúng tôi. Câu chuyện quanh bàn mỗi lúc một tàn dần và tất cả ai cũng căng tai lắng nghe tiếng chuông lanh canh khi trầm khi bổng trong bóng đêm chạng vạng.

Dì Nađia vẫn ngồi đó, nhợt nhạt rã rời. Trước đó, tôi đã để ý thấy rằng khi giúp dì giũ bỏ tấm áo choàng, ba tôi đã trao cho dì một bức điện màu xanh dương.

Bỗng nhiên dì đỏ mặt và vo tròn bức điện.

Cơm nước xong, người lớn cho tôi đi ngủ. Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Cốc chén đã lanh canh trong phòng ăn,nơi người lớn đang dùng bữa điểm tâm.

Tại bữa ăn trưa, dì Nađia tuyên bố rằng dì vừa nhận được điện của Lida, bạn gái của dì. Lida mời dì đến chơi một ngày trong điền trang của cha mẹ cô ấy, tại vùng ngoại ô Xmêla, một thành phố gần đó.

- Con định đi ngày mai, dì nói luôn.

Rồi, liếc nhìn bà ngoại, dì nói thêm:

- Con định đưa Côxtích đi cùng.

Tôi đỏ mặt vì sung sướng.

- Được, tùy con, - bà ngoại trả lời - Đi chơi đi, nhưng phải thật chú ý kẻo bị cảm lạnh.

Dì Nađia nói để bà ngoại yên tâm:

- Họ sẽ gửi xe ngựa ra đón chúng con.

Từ Séccaxki đến tận Xmêla chỉ mất một giờ xe lửa. Lida Giavêrxcaïa, một cô gái phốp pháp, hơi tí là cười, đã chờ chúng tôi ở ga Xmêla. Chúng tôi lăn bánh qua thành phố nhỏ bé, sạch bong và xinh đẹp trong một cỗ xe song mã. Dưới kia, dưới bờ sông dựng đứng và xum xuê cành lá, dòng sông Tiaxmin trong cơn lũ đang cuộn lên những vòng xoáy lững lờ. Chỉ ở giữa sông, kẹp giữa những dòng xoáy, một con nước êm ả đang lung linh như ánh

bạc. Trời nóng. Vài cánh chuồn chuồn chấp chới trên mặt sông.

Rời thành phố, chúng tôi lẩn vào một công viên với những lối đi dạo kín đáo. Lida kể với chúng tôi rằng xưa kia Puskin rất thích dạo chơi ở đây. Tôi không tài nào tin nổi rằng nhà thơ đầy ma lực ấy đã từng tản bộ trên những lối mòn kia, nơi mà đến lượt mình, tôi cũng đang lướt qua. Cuộc đời chói lọi của Người hẳn là đã phải trôi qua ở đâu đó tách biệt hẳn cái xó xỉnh sơn cùng thủy tận này của Ucraina.

- Ngay cạnh đây là "Kamanda", cơ ngơi xưa của gia đình Racxki, - Lida tiếp tục. - Là chỗ thân hữu của gia đình, Puskin vẫn thường đến chơi và lưu lại đây nhiều ngày và chính ở nơi này, Người đã sáng tác những vần thơ huyền diệu.

- Ví dụ bài nào? - Dì Nađia hỏi.

Ađen nàng hỡi cứ chơi
Xá chi bao nỗi đầy vơi muộn phiền
Sarít cùng với chàng Len
Vẫn cành nguyệt quế dâng lên tặng nàng
Vẫn trong giấc điệp mơ màng
Cánh nôi nâng giấc mộng vàng tháng năm...

Sarít là ai còn Len là ai? Tôi đâu có biết, nhưng giai điệu của những vần thơ kia, những tán lá non cao vút của khu vườn, những cây bồ đề cổ thụ và bầu trời nơi những áng mây đang lướt nhẹ qua kia,

tất cả đã đem lại cho tôi cái cảm giác đang được sống ở một xứ sở thần tiên. Và trong ký ức của tôi, toàn bộ cái ngày hôm ấy sẽ mãi mãi giống như một lễ hội mùa xuân cô liêu và tịch mịch.

Lida cho xe dừng lại giữa một lối đi rộng. Chúng tôi xuống xe và, theo một con đường ngoằn ngoèo, len lỏi giữa những bụi dã tường vi um tùm, chúng tôi tiến về phía ngôi nhà.

Bỗng nhiên, một người đàn ông râu xồm với nước da đồng hun, đầu trần, xuất hiện ở chỗ ngoặt của con đường. Một khẩu súng săn hai nòng móc trên vai. Một bên tay anh ta xách hai chú vịt trời vừa bắn được. Tấm áo cánh của anh ta đã để bật cúc và ở chỗ khoét người ta thấy thấp thoáng một cái cổ chắc khỏe và rám nắng.

Dì Nađia đứng sững lại và tôi thấy khuôn mặt dì tái đi.

Mặc cho bàn tay bị cào rướm máu, anh chàng đồng hun bẻ một cành dã tường vi lớn đầy nụ hoa và tặng cho dì Nađia. Dì thận trọng nhận quà và đưa một bàn tay cho người thợ săn đặt lên một nụ hôn.

- Tóc anh sực mùi thuốc súng, - dì nói, - mà bàn tay anh bị xước hết rồi kìa. Phải lấy gai đi.

- Không sao! Người đàn ông trả lời.

Và anh ta mỉm cười với dì.

Anh ta có hàm răng rất đẹp và giờ đây, khi đã

đến gần, tôi mới phát hiện ra rằng còn lâu anh ta mới được xem là già.

Chúng tôi lại tiếp tục con đường đưa chúng tôi về nhà. Chàng râu xồm nói năng rất kì cục, huyên thuyên mọi thứ cùng một lúc: anh ta đã từ Mátxcơva về nhà hai hôm nay; xứ sở này quả là huyền diệu; hai ngày nữa anh ta phải lên đường đi Vơnidơ, đưa tranh của anh ta đến dự một cuộc triển lãm; anh ta đã từng bị một cô nàng Di gan, người làm mẫu cho Vruben, lấy mất hồn. Nói tóm lại anh ta đã là một con người đi đời nhà ma và chỉ có giọng hát của Nađia mới có thể cứu nổi anh ta.

Dì Nađia mỉm cười. Tôi ngắm nhìn người đàn ông. Tôi rất khoái anh ta. Tôi đã đoán rằng anh ta là một họa sĩ. Quả là mùi thuốc súng đang tỏa ra từ con người của anh ta. Bàn tay anh ta dính đầy nhựa thông. Những giọt máu đỏ tươi từ mỏ hai chú vịt trời chốc chốc lại rỏ ra rơi xuống con đường cát mịn.

Trong mái tóc dầy của anh chàng có lẫn những sợi mạng nhện, những chiếc lá thông và thậm chí cả một nhành cây khô. Dì Nađia tóm lấy khuỷu tay, kìm anh ta lại và vứt bỏ cái nhành cây.

- Đồ bất trị! - Dì nói, và dì nói thêm với một nụ cười đượm buồn: - Vẫn còn trẻ con!

- Nhưng hãy thông cảm cho anh, - chàng trai lầm bầm với một giọng van xin, - tất cả quả là

huyền diệu biết bao! Anh đã phải rẽ một lối băng qua chi chít những bụi thông non, anh đã bị cào cấu từ mọi phía. Nhưng ngào ngạt hương hoa! Có cả một vạt hoa cẩm chướng trắng phơi mình dưới nắng, một tấm thảm đỏ hoe những lá thông và cả những chiếc mạng nhện tuyệt mỹ! Quả là huy hoàng lộng lẫy!

- Chính vì vậy mà em yêu anh, - dì Nađia thì thầm bằng một giọng hầu như không phân biệt được.

Bất thình lình chàng họa sĩ giật khẩu súng khỏi vai và bắn chỉ thiên hai phát liền. Từ họng súng thoát ra một sợi khói xanh lơ. Mấy con chó sủa vang và rối rít lao về phía chúng tôi. Đâu đó một mẹ gà hoảng hốt te tái gọi con và hớt hải tục tác om sòm.

- Cuộc đời muôn năm! - Chàng râu xồm kêu lên. - Cuộc đời mới kỳ diệu làm sao!

Chúng tôi đã đến trước ngôi nhà, xung quanh là một bầy chó rối rít vì mừng rỡ.

Ngôi nhà hiện lên trắng tinh với hàng cột và những tấm rèm vải sọc trên các cửa sổ. Một bà dáng nhỏ bé và đã luống tuổi, vận áo mầu hoa cà, với mái tóc bạc xoăn như bụt ốc và một cặp kính cầm tay treo bằng một cái dải băng đen ra đón chúng tôi. Mắt chớp chớp, còn đôi bàn tay thì ép chặt vào nhau, bà trầm trồ hồi lâu trước nhan sắc của dì Nađia.

Gió đuổi nhau trong những căn phòng được dọn dẹp mát mẻ, làm căng phồng những bức màn, và quét khỏi mặt bàn mấy tờ nhật trình.

Chỗ nào cũng có chó, lớn vởn và hít hít ngửi ngửi khắp nơi. Chỉ cần một tiếng động nhỏ đáng ngờ trong vườn, chúng đã nhảy chồm lên xô đẩy nhau và lao ra ngoài với những tiếng sủa đinh tai nhức óc.

Lách qua những khe kẽ lá cành lay động trong gió, ánh nắng lọt vào và nhảy nhót chấp chới trong các căn phòng, vuốt ve mơn trớn mọi thứ: những chiếc bình, những chiếc khung ảnh, thiếp vàng chiếc mũ rơm của dì Nađia lẳng trên mặt bàn và những nòng súng xanh dương anh chàng râu xồm dựng trên bệ cửa sổ.

Sau đó, chúng tôi được mời uống cà phê kem trong phòng ăn. Người họa sĩ đã kể với tôi rằng anh đã từng buông cần câu ở giữa kinh thành Pari, trên kè sông ngay trước nhà thờ Đức Bà. Dì Nađia đưa mắt về phía anh ta với một nụ cười khoan dung và trìu mến. Nhưng bà mẹ Lida thì không ngừng lắp đi lắp lại:

- Ồ, Xasa! Đến bao giờ con mới trở thành người lớn? Đã đến lúc rồi, đến lúc rồi đó!

Khi chúng tôi ra khỏi phòng ăn, Xasa nắm lấy tay chúng tôi, dì Nađia và tôi, và kéo chúng tôi vào phòng riêng của anh ta. Một sự bừa bộn hết chỗ

nói ngự trị trong gian phòng; những chiếc bút vẽ, những ống bột màu bẹp dí la liệt khắp nơi. Người chủ căn phòng hớt ha hớt hải vơ quàng vơ xiên những chiếc áo sơ mi tản mác khắp nơi, những khung họa ngổn ngang mọi xó và nhét vội xuống gầm ghế đi văng. Sau đó anh ta nhồi tẩu bằng một thứ thuốc lá dinh dính moi ra từ một cái hộp kim loại xanh dương, châm lửa và yêu cầu dì cháu tôi ngồi lên bệ cửa sổ.

Chúng tôi ngoan ngoãn làm theo. Sau lưng, ánh mặt trời chói chang khiến chúng tôi cảm thấy nóng ran. Họa sĩ đến sát một khung tranh treo trên tường được phủ bằng một mảnh vải thô. Anh ta cất bỏ mảnh vải.

- Xem đây, các bạn - anh ta thì thầm bằng một giọng để lộ sự bối rối. - Tôi đã làm hỏng bức tranh.

Đó là chân dung dì Nađia. Vào tuổi tôi lúc bấy giờ, tôi chẳng hiểu tí gì về hội họa cả. Tôi đã từng nghe ba tôi và cậu Nicôla tranh luận về Vêrentraghin và về Vubrel. Nhưng tôi không biết một tác phẩm hội họa có giá trị nào cả. Mấy khung tranh tô điểm cho những bức tường trong nhà bà ngoại thường miêu tả những phong cảnh ảm đạm với những rặng cây ủ rũ, vài con hươu cái tha thẩn bên một dòng suối nhỏ hoặc vài con vịt trời mầu nâu sẫm treo lộn ngược. Khoảnh khắc khi Xasa để lộ tác phẩm của chú, tôi đã không thể nén nổi một tiếng reo sung

sướng. Ở bức chân dung này có cả nhan sắc rực rỡ và thanh xuân của dì Nađia, ánh nắng như những dòng thác vàng đang dội xuống cái công viên cổ kính kia, làn gió nhẹ lướt qua các căn phòng và cũng có cả ánh sáng lung linh trên những tán lá.

Dì Nađia ngắm bức tranh hồi lâu, rồi, bằng một cử chỉ sẽ sàng vò rối bù mái tóc của con người trẻ tuổi kia và rời khỏi căn phòng không nói một lời.

Anh chàng buột ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm:

- Ôi! Ta cũng có thể đưa nàng đi dự cuộc triển lãm ở Vơnidơ.

Ngày hôm ấy chúng tôi đã dạo chơi bằng ca-nô trên dòng sông Tiaxmin. Bóng râm của khu vườn trải xuống mặt nước như một bức trường thành mầu lục lỗ chỗ những cửa châu mai. Dưới đáy sâu của dòng sông người ta thấy rõ những chiếc lá tròn của mấy cây hoa súng chưa kịp vươn đến mặt nước.

Buổi chiều, trước khi chúng tôi ra về, dì Nađia đã hát trong phòng khách có trần thấp. Xasa đệm dương cầm cho dì: chú ấy chơi lạc nhịp hẳn vì nhựa thông đã làm những ngón tay của chú dính vào phím đàn.

Hợp tan lần cuối, lần đầu
Vẫn sâu ân ái, vẫn giầu lời ca...

Lát sau chúng tôi đã lại cùng nhau trên cỗ xe song mã trên đường đi Xmêla. Chàng họa sĩ và

Lida tiễn chân chúng tôi. Hai con ngựa vang vang nện gót xuống mặt đường khô cứng. Làn gió nhẹ từ dòng sông đưa đến cho chúng tôi những làn hơi ẩm ướt. Ếch nhái kêu râm ran. Trên kia một vì sao cháy lên trong bầu trời.

Ở nhà ga, Lida đưa tôi đi quán giải khát mua kem. Những người kia ngồi lại trên một chiếc ghế dài trong mảnh vườn nhỏ. Đương nhiên ai cũng thừa hiểu rằng làm gì có bóng dáng một que kem nào ở quầy giải khát và khi chúng tôi trở lại, hai con người trẻ tuổi vẫn ngồi đó, trên chiếc ghế dài, vẻ trầm ngâm.

Chẳng bao lâu sau chuyến đi chơi ấy, dì Nađia đã trở lại Mátxcơva và từ đó tôi chẳng bao giờ được gặp lại dì tôi nữa. Năm sau, vào ngày thứ ba trước lễ Tro, trong khi dạo chơi bằng xe tam mã nơi vùng quê ngập tuyết ở ngoại ô Mátxcơva, dì đã hát ở ngoài trời và bị cảm lạnh. Một cơn sung huyết phổi đã cướp mất dì tôi, ngay trước lễ Phục Sinh. Bà ngoại, mẹ tôi và cả ba tôi nữa đã cùng đi mai táng dì.

Buổi ấy, tôi vô cùng đau đớn. Và, cả bây giờ cũng vậy, tôi không thể nào quên được dì Nađia. Đối với tôi, dì là hiện thân của dáng yêu kiều và sự tươi mát trẻ trung, đức nhân từ ngẫu sinh và tình yêu cuộc sống.

ĐƯỜNG PHỐ XVIATÔXLÁP

Những chuyến đi Gôrôđitrê và Séccaxi là những ngày hội trong thời niên thiếu của chúng tôi. Còn cuộc đời thường thì trôi qua ở Kiép, trên đường phố Xviatôxláp, nơi mùa đông kéo dài lê thê trong những căn phòng chật chội và tối tăm của chúng tôi.

Đường phố Xviatôxláp, nơi có những dãy nhà cho thuê ảm đạm, xây bằng thứ gạch vàng, kiểu kiến trúc rất đặc trưng của Kiép, và những vỉa hè cũng lát bằng một thứ vật liệu ấy, đổ ra một bãi đất trống chằng chịt những khe rãnh. Trong thành phố không thiếu những nơi hoang vắng như vậy. Người ta gọi chúng là những i-a.

Suốt ngày dài, hàng dẫy xe bò chất đầy đất đỏ đi qua ngõ nhà tôi và xuôi về phía các i-a. Những người thợ thổ công lấp các khe rãnh và san nền để xây dựng một khu nhà mới.

Đất sét chuồi khỏi xe bò và mặt đường lúc nào

cũng nhầy nhụa bùn đất: đó là lý do tại sao tôi không thích khu phố của chúng tôi.

Người lớn cấm ngặt mấy đứa em và cả tôi nữa không được bén mảng đến bãi đất trống. Đó là nơi chẳng đẹp đẽ gì, nơi ẩn náu của tụi trộm cắp và bọn hành khất. Thế mà đôi khi cùng lũ con nít của khu phố, tôi vẫn phiêu liêu lần mò tới đó. Đề phòng mọi bất chắc, tụi tôi đem theo một chiếc còi cảnh sát bằng bạc, với cảm giác có trong tay một vũ khí sắc bén,không kém gì một khẩu súng ngắn. Lúc đầu, chưa thật vững dạ, chúng tôi đành đứng trên cao nhìn xuống lòng khu rãnh. Ở đó lởm chởm những mảnh sành sứ sáng loáng và những xoong chậu han rỉ. Những con chó hoang lang thang lục lọi các đống rác không hề để ý đến chúng tôi.

Dần dần, chúng tôi trở nên mạnh dạn hơn đến mức đánh liều đi xuống mấy cái chòi bằng đất, những túp lều dựng qua quýt, tạm bợ bằng những mảnh ván ép, mấy miếng tôn cũ, vài mẩu gỗ thùng, mặt những chiếc ghế mây, những chiếc nệm giường còn chỏng trơ mấy cái lò xo. Những chiếc bao bì cáu bẩn được treo lên làm cửa ra vào.

Quanh đó, bất cứ lúc nào cũng có vài mụ đầu tóc rối bù, áo quần rách như tổ đỉa. Ngồi cạnh một đống lửa leo lét, họ gọi chúng tôi là những "ông nhỏ" hoặc xin chúng tôi một chút đỉnh để làm một

tợp rượu trắng. Chỉ có một mụ, một bà già có mái tóc xám bù xù như bờm sư tử, là nhe một cái răng duy nhất còn sót lại toe toét cười với chúng tôi.

Đó là một người đàn bà Ý, một kẻ khốn cùng mà ở Kiép ai người ta cũng biết. Mụ lai vãng và chơi đàn gió trong sân các khu nhà ở. Thêm cho mụ vài xu lẻ, mụ sẽ vui lòng chơi bản Mácxâye. Những lúc ấy, người ta phái một thằng bé ra gác cổng với nhiệm vụ báo động nếu chẳng may xuất hiện một viên sĩ quan cảnh sát nào đó.

Bà ta không chỉ cử hành điệp khúc cách mạng bằng phong cầm mà với cái giọng khàn khàn và mãnh liệt, mụ ta còn rống lên lời của bài ca. Với diễn xuất của mụ, Mácxâye vang lên như một tiếng kêu giận giữ, một lời nguyền rủa của các cư dân trên cái bãi hoang này.

Trong đội quân chiếm đóng những túp lều ở đây, chúng tôi gặp lại một số người quen cũ. Chẳng hạn, Iatrơka - Tên Động Kinh, một người hành khất với cặp mắt của kẻ be bét rượu chè. Lãnh địa quen thuộc của lão là tiền đình của giáo đường Thánh Vlađimia, nơi lão ngồi lì hàng ngày liền, miệng lắp đi lắp lại một câu: “Thưa quý ông, quý bà, xin làm phúc rủ lòng thương kẻ phế nhân tàn tật này!”.

Ở ngoài bãi, Iatrơca - Tên Động Kinh còn lâu mới

ủ ê hiền lành như khi ngồi trên tiền đình của giáo đường. Lão làm một hơi hết nhẵn cốc rượu trắng, đấm ngực thình thịch và gào lên bằng một giọng đầy nước mắt: "Lại đây các bạn, hỡi những kẻ bị đày đọa và côi cút, ta sẽ ban cho các bạn hòa bình!".

Ngoài ra còn có lão hói bán tăm ở phố Phunđuclêép, gần quán cà phê "Phrăngxoa". Và lão già chơi phong cầm vặn tay cùng con vẹt của lão thì sống trong một cái ổ chuột gần đó.

Mấy cái lò tạm bợ với một mẩu ống nước có đục lỗ nghi ngút khói trước những túp lều.

Chiếc lều tôi thích nhất là của lão nhạc công phong cầm tay vặn. Chủ nhân của nó đi vắng cả ngày. Lão đi rảo một vòng các sân nhà trên phố. Một đứa bé gái nước da nhợt nhạt với cặp mắt đẹp nhưng buồn ngồi bên cạnh cửa ra vào. Nó đang gọt khoai, một bên chân quấn giẻ rách.

Đó là con gái lão nhạc công, "cô bé rút xương", một nghệ sĩ nhào lộn. Trước đây nó cùng đi với bố đến các sân bãi, trải ra một tấm thảm nhỏ và trên đó, trong bộ quần áo bó sát, mầu xanh nhạt, nó biểu diễn các tiết mục nhào lộn khá phong phú. Nhưng bây giờ nó bị gẫy mất một chân và không "làm ăn" gì được nữa.

Đôi khi tôi bắt gặp con bé ngồi đọc một quyển sách, lúc nào cũng chỉ thấy mỗi quyển ấy. Bìa

quyển sách bị bóc mất rồi. Tuy nhiên, nhìn minh họa tôi cũng đoán được đó là "Ba chàng ngự lâm pháo thủ".

Con bé quát chúng tôi bằng một giọng khó chịu:

- Chúng mày làm gì mà lang thang ở đây? Chưa bao giờ chúng mày thấy người ta sống thế nào ư?

Rồi thì con bé cũng quen dần sự có mặt của tụi tôi và cuối cùng không quát tháo xua đuổi chúng tôi nữa. Cha nó là một lão già gầy gò tóc bạc. Một hôm bắt gặp chúng tôi ở ngoài bãi, lão nói với con gái:

- Không sao, có ngó qua cuộc sống chó má của hạng người như chúng ta một chút đối với họ cũng chẳng tai hại gì. Có thể còn có ích cho họ sau này khi trở thành sinh viên.

Lúc đầu tôi lần ra ngoài bãi cùng với bọn bạn. Sau quen dần với đám cư dân ở đây, tôi đi một mình.

Khá lâu, tôi không dám hé răng nói với má một lời về những chuyến đi khai phá ấy. Sau này, chính cô bé con gái lão nhạc công đã phản tôi. Tôi cho nó mượn "*Túp lều của bác Tôm*". Sau đó, tôi bị ốm và phải ở nhà khá lâu không ra bãi được. Sốt ruột, cô bé đã thân chinh đem quyển sách đến nhà. Má tôi gặp nó và thế là lộ tẩy hết cả. Nhìn cặp môi mím chặt và thái độ lạnh như tiền của má tôi cũng đủ hiểu hết nguồn cơn.

Tối hôm ấy, trong phòng ăn, hạnh kiểm của tôi trở thành đề tài của cuộc tranh luận gay gắt giữa ba má tôi. Nấp sau cánh cửa, tôi nghe lỏm được cuộc tranh cãi. Má hoang mang và bực mình lắm, còn ba thì quả quyết rằng chuyện ấy chẳng có gì đáng sợ và không hề ảnh hưởng xấu đến tôi, và thật ra có thể nên lai vãng những người cùng khổ ấy hơn là giao du với bọn con cái lái buôn và các gia đình viên chức trên phố. Má phản đối và nói rằng, ở tuổi tôi cần phải tránh xa một số cảnh đê tiện của cuộc đời.

- Nhưng má nó có thấy không - ba tôi cãi - Khi người ta có một thái độ nhân đạo đối với họ, những kẻ khốn cùng ấy sẽ đáp lại bằng một sự trung thành tận tụy không thấy có trong tầng lớp chúng ta. Còn những khía cạnh xấu xa phỏng có gì quan trọng?

Sau giây lát im lặng, má nói:

- Có thể ba nó có lý sau khi tôi lành bệnh, má đưa cho tôi "*Ông già và lão hành khất*" của Máctuyên và bảo:

- Đây... con đem quyển sách này đến cho con gái lão nhạc công. Má chẳng biết tên nó là gì.

- Lida, - tôi bẽn lẽn trả lời.

- Tốt lắm, con đem cho Lida quyển này làm quà.

Từ hôm ấy, trong gia đình không có ai bực mình về chuyện tôi ra chơi với các i-a phố

Xviatôxláp nữa. Tôi không cần đánh xoáy trong chạn vài mẩu đường cho người bạn gái mới của tôi hoặc một nắm lạc rang cho Mítca, chú vẹt có cặp mắt hấp háy. Tôi đàng hoàng xin má và chẳng bao giờ má từ chối cả.

Tôi thầm cảm ơn má và thấy lòng nhẹ nhõm như một cậu bé có tâm hồn thanh thản.

Một hôm vào đầu mùa thu, người nhạc công phong cầm đến sân nhà chúng tôi không đem theo con vẹt. Lão uể oải quay chiếc tay quay của nhạc cụ. Cây dương cầm huýt gió một điệu "pôn ca":

Lại đây, đừng ngại, lại đây,

Thiên thần yêu quý, ta quay một vòng...

Ông già đảo mắt nhìn các ban công và những cửa sổ mở rộng, hy vọng vài đồng xu nhỏ cuộn trong những mẩu giấy rồi cuối cùng vẫn rơi xuống dưới sân.

Tôi bước ra và chạy đến với lão. Không ngừng quay chiếc cần, lão nói:

- Mítca không được khỏe. Nó cuộn tròn thu lu như một con nhím. Thậm chí nó hờ hững với cả những hạt lạc của cậu. Lão e rằng nó sẽ toi mất thôi.

Lão lột chiếc mũ đen dính đầy bụi ra lau mặt.

- Bây giờ tất cả thế là đi đứt! - Ông già buột miệng - Vắng nó chỉ có nhạc công không thôi, ngay chuyện kiếm chút đỉnh đủ để làm một tợp cũng

đừng tính tới, huống hồ là kiếm sống. Bây giờ ai còn thèm bói toán gì nữa?

Trước đây con vẹt vẫn đoán số giá năm côpếch một quẻ. Con vẹt chọn những cái vé màu xanh thẫm, xanh lơ hoặc mầu đỏ có in những lời tiên đoán và đưa cho mấy người khác cầu may. Những cái phiếu ấy được cuộn chặt và xếp vào một cái hộp giấy bồi như những điếu thuốc lá. Trước khi bắt phiếu, Mítca giẫy giụa hồi lâu trên chiếc cầu của nó và cáu kỉnh bật ra những tiếng kêu.

Những cái bùa được viết bằng một thứ ngôn ngữ khá mơ hồ.

"Bạn được Thủy tinh chiếu mệnh và bảo thạch của bạn là một viên ngọc bích, còn gọi là Xmaragơđơx, có nghĩa là số phận hẩm hiu và cuối cùng chỉ tìm được hạnh phúc vào những năm tháng nhuốm mầu tóc bạc. Bạn hãy xem chừng các cô cậu tóc vàng. Tốt hơn hết các bạn đừng ra đường vào các ngày Thánh Giăng Báptixtơ bị hạ thủ".

Trước đây, những chiếc phiếu ấy chỉ ghi mỗi một câu, ngắn gọn, lời lẽ nạt nộ: "Ngày mai, lúc chiều tối" hoặc: "Muốn sống thì đừng quay lại".

Hai ngày sau, con vẹt Mitca qua đời. Tôi tự tay chôn nó dưới thung lũng, trong một chiếc hộp đựng giầy. Lão nhạc công đàn phong cầm nốc một rượu say mềm rồi biến luôn.

Tôi nói với má về cái chết của con Mítca. Môi tôi run lên nhưng không sao cầm lòng được.

- Vào thay quần áo đi con - má nghiêm trang nói với tôi. - Má con ta sẽ đến nhà lão Buốcmixtrốp.

Buốcmixtrốp là một ông già nhỏ bé với bộ râu đã ngả sang mầu lục vì tuổi tác. Lão có một cái quán tối tăm và chật chội ở phố Bétxarápca. Ông già có cái dáng của một quỷ thần giữ của. Lão hơi nặng tai và bán vô số những đồ vật kì lạ: bể nuôi cá vàng, cần câu, phao đủ các mầu sắc, cá vàng chim cảnh, trứng kiến và thậm chí cả những bức chuyển họa.

Ở đây, má mua một con vẹt xanh oai vệ mang một cái vòng thiếc ở một bên chân. Chúng tôi mượn lão Buốcmixtrốp một cái lồng. Chính tôi xách cái lồng có nhốt con vẹt ở trong đem về nhà. Dọc đường, con vẹt đã lừa miếng đớp tôi một phát vào ngón tay, thấu tận xương. Chúng tôi ghé vào một hiệu thuốc và người chủ hiệu thuốc băng vết thương cho tôi. Tôi phấn chấn đến mức hầu như không cảm thấy đau.

Tôi sốt sắng muốn đem ngay con chim đến nhà lão nhạc công đàn phong cầm, nhưng má bảo tôi:

- Để má cùng đi với con. Má cũng muốn tận mắt trông thấy tất cả.

Má vào buồng thay áo quần. Tôi cảm thấy

ngường ngượng nghĩ đến chuyện má cũng sửa sang ăn vận để đến thăm bọn hành khất, những người rách rưới như tổ đỉa, nhưng tôi không dám thổ lộ ý nghĩ của tôi với má.

Vài phút sau, má xuất hiện. Má mặc chiếc áo dài đã dầm dập có những miếng vá ở cùi tay. Trên đầu, má đội một chiếc khăn mỏ quạ. Đây là lần đầu tiên má không lồng đôi găng tay bằng da xinh xắn của má. Má đi một đôi giày đã vẹt gót.

Tôi nhìn má thầm cảm ơn và hai má con lên đường.

Má hiên ngang đi xuống thung lũng, vượt qua trước mặt mụ đầu tóc bù xù, câm lặng vì sửng sốt và suốt dọc đường, qua những đống rác rưởi và tro bụi, má không cần nâng cao gấu váy.

Thấy chúng tôi đem con vẹt đến, Lida rất xúc động, khuôn mặt nhợt nhạt của nó rạng rỡ hẳn lên. Lão nhạc công đi vắng: lão đi giải sầu với các bạn của lão trên phố Đêmiépca.

Lida nhận con vẹt và mặt mỗi lúc một chín thêm, nó luôn miệng hỏi:

- Nhưng tại sao, thưa bà, tại sao? Để làm gì mới được chứ?

- Cố thấy có thể dậy nó đoán số được không? - Má hỏi cô bé.

- Tất nhiên, thưa bà! Chỉ sau hai ngày! – Lida

sung sướng reo lên. - Nhưng để làm gì, thưa bà? Trời ơi! Tại sao? Con này chắc phải đắt ghê lắm đây!

Khi chúng tôi về đến nhà, ba tôi cười hóm hỉnh khi hay chuyện này và buông một câu:

- Chủ nghĩa nhân văn của bà chủ! Chủ nghĩa tình cảm của một nền giáo dục lương thiện!

- Ồ! Lạy chúa! - Má nổi xung và kêu lên - Tôi không hiểu sao mình luôn luôn cố tình tự mâu thuẫn như vậy. Mình thật kỳ quá! Vào vị trí của tôi, hẳn mình cũng phải làm như vậy.

- Không! - Ba tôi trả lời. - Còn phải làm hơn thế nữa.

- Sao, làm hơn thế nữa ư? - Má đay lại và giọng nói của má để lộ một sự thách thức - Lại còn thế nữa!... Để rồi xem!

- Để rồi xem.

Tôi không hề ngờ rằng ba cố tình nói vậy để khiêu khích má.

Ngay hôm sau, tiếp theo lần đấu khẩu ấy, má sai người nhà đem đến cho Lida một đôi giầy mầu mận chín và một chiếc áo dài đen, định dành cho em gái tôi.

Nhưng ba đâu có chịu thua. Ba chờ lão nhạc công phong cầm cùng con vẹt của lão trở lại sân nhà chúng tôi.

Ông già quấn một chiếc băng đỏ quanh cổ. Cái

mũ của lão sáng lên với vẻ đắc thắng sau nhiều bữa rượu thỏa thuê. Lão chơi tất cả những gì mà nhạc cụ của lão có khả năng thể hiện để tỏ lòng biết ơn má tôi: một hành khúc, bản "*Nhớ quê hương*", một điệu vanxơ, bản "*Sông Đanuýp xanh*", một điệu pônca, bản "*Giã từ*" và kết thúc là một khúc dân ca nổi tiếng, bài "*Người bán rong*".

Một lần nữa lão lại có một con vẹt biết đoán số. Những đồng xu nhỏ, những mảnh vải lẻ lại từ các cửa sổ rơi xuống như mưa. Ông già đưa mũ ra đón quà tặng với một động tác rất điêu luyện.

Sau đó, lão xốc nhạc cụ lên lưng và vẫn cúi khom khom như thường lệ, đi vào cầu thang chính và bấm chuông nhà tôi mà không hề tiến về phía lối ra như mọi ngày.

Lão tháo chiếc mũ ra, cầm ở đầu ngón tay, cánh tay thẳng đơ đến nỗi vành mũ chạm xuống sàn nhà. Lão cảm ơn và hôn tay má tôi. Bất thần, ba tôi xuất hiện và mời lão vào phòng làm việc của ba. Lão già dựa cây phong cầm có tay quay vào bức tường tiền sảnh và rón rén bước theo ba tôi.

Ba mời lão uống cô nhắc, nói với lão rằng ba biết rõ lão sống cực nhọc, vất vưởng ra sao. Và ba hứa sẽ tìm cho lão một chân gác đường trên tuyến Đông - Nam. Như vậy, lão sẽ có một ngôi nhà nhỏ và một mảnh vườn trồng rau.

- Thưa Ghêóocghi Mắcximôvích kính mến, xin thứ lỗi cho lão, - Người nhạc công đỏ mặt và sẽ sàng trả lời - Nhưng nếu đi gác đường, lão sẽ ưu phiền đến chết. Thú thực, lão sinh ra là để lê lết trong cảnh bần hàn với cây phong cầm của lão, cho đến cuối đời.

Lão già đi rồi, má không giấu nổi vẻ đắc thắng tuy má chẳng nói gì.

Mấy hôm sau, bất thần cảnh sát xua tất cả các cư dân khỏi i-a Xviatôxláp. Lida và cha cô bé thế là mất hút; có lẽ họ đã lên đường đến một thành phố khác.

Nhưng trước đột biến ấy, tôi vẫn còn kịp đến bãi hoang lần cuối cùng. Lão nhạc công đàn gió mời tôi đến "dùng bữa chiều".

Trên một cái hòm úp sấp có một đĩa cà chua nướng và bánh mì đen, một chai rượu anh đào và một nắm kẹo lem luốc, mấy mẩu đại mạch có sọc hồng và trắng.

Lida vận chiếc áo dài mới, những chiếc đuôi sam được tết khá cầu kì. Cô bé kín đáo và hết sức ân cần theo dõi tôi, muốn thấy tôi ăn như "ở nhà với má". Còn con vẹt thì ngủ, mi mắt như phủ một lớp vảy. Chốc chốc, cây phong cầm lại thổ lộ mấy lời than thở du dương. Ông già giảng giải cho tôi rằng đó là hơi gió tích trong mấy đoạn ống nước thoát ra.

Bây giờ đã là tháng chín. Đâu đó bóng tối đã đến gần. Ai chưa qua mùa thu ở Kiép thì có lẽ chẳng sao hình dung nổi bầu không khí dịu dàng mê li vào những giờ này.

Ngôi sao đầu tiên đã thắp sáng trên cao. Trong im lặng, những khu vườn mùa thu tráng lệ đang ngóng chờ bóng đêm, vững tin rằng những ngôi sao lạc sẽ rơi xuống địa cầu và những khu vườn ấy sẽ đón nhận những ngôi sao ấy vào thảm dầy của lá cành, êm ái như vào một chiếc võng, trước khi nhẹ nhàng đặt chúng xuống nền đất. Và điều đó xẩy ra với biết bao ân cần và chu đáo đến nỗi không một ai trong thành phố bị thức giấc và hay biết gì.

Lida tiễn chân tôi về đến tận cửa. Để chia tay, cô bé giúi vào tay tôi một chiếc kẹo mầu hồng, dinh dính và chạy vội xuống cầu thang. Còn tôi, tôi đứng đó khá lâu trước khi dám bấm chuông. Tôi sợ bị má mắng vì đi chơi về muộn.

CẢNH SẮC NGÀY HÈ

Một năm, vào dịp Nôen, ba tôi làm quà cho tôi một đôi giầy trượt băng "Haliphắc". Ngày nay, có thể các em nhỏ sẽ cười ngặt nghẽo mỗi khi trông thấy những đôi giầy ấy. Nhưng thời ấy, trên thế giới không có loại nào tốt hơn.

Tôi hỏi mọi người xung quanh: "Haliphắc là một thành phố? Nó ở phương nào vậy? Một thành phố bị vùi trong tuyết? Có phải ở đó tất cả trẻ con đều được trượt băng bằng những đôi giày giống như đôi giầy của tôi? Thủy thủ về hưu và những đứa học trò ranh mãnh sống ở cái xứ sở băng giá ấy, đúng không?".

Chẳng ai giải đáp được những câu hỏi của tôi.

Bôria, anh cả tôi, cho rằng Haliphắc hoàn toàn không phải là một thành phố, mà là tên của người đã sáng chế ra loại giầy trượt băng ấy. Nhưng ba thì một mực quả quyết rằng đó là một thành phố nhỏ, hình như ở trên đảo Đất Mới, gần bờ biển Bắc Mỹ và ngoài những đôi giầy trượt băng, thành phố

ấy còn nổi tiếng là nơi có những con chó săn. Dẫu sao, giờ đây những chiếc giầy vẫn đang ngự trị trên bàn học của tôi. Tôi ngồi chiêm ngưỡng báu vật ấy và đắm chìm trong mơ mộng. Trong trí tưởng tượng của tôi, hình ảnh của thành phố xa xăm ấy rõ nét đến nỗi tôi đã có thể vạch ra một sơ đồ khá chi tiết, có cả những đường phố và quảng trường.

Ngồi vào bàn, trước mặt tôi là quyển sách giáo khoa Malinin và Burênin[1] (mùa hè ấy, tôi đang chuẩn bị thi vào trường trung học), tôi có thể trầm ngâm suy tư hàng giờ về thành phố tưởng tượng của tôi. Cái năng khiếu ấy khiến má tôi đâm hoảng. Linh quan của tôi làm má sợ và má khẳng định rằng sự bần cùng và cái chết bên bờ dậu là số phận của những đứa trẻ như tôi.

"Mày sẽ chết dấp bên bờ dậu", thời bấy giờ, lời tiên đoán tương lai ấy rất phổ biến. Tôi không hiểu tại sao, nhưng thiên hạ cho rằng chết kiểu này là một cái chết nhục nhã nhất.

Và người nhà rất hay gán cho tôi cái kết cục thảm hại ấy. Nhất là má, má thường rủa tôi rằng "Còn có một mớ bã đậu ba góc trong sọ và chẳng có cái gì giống người ta cả". Tóm lại, má rất sợ thấy tôi thành một kẻ "đi đời nhà ma".

1. Sách giáo khoa toán học

Nghe nói vậy, ba giận tím người và quát tháo inh ỏi:

- Được cả, một kẻ bất tài, một tên hành khất, quân du đãng, gì cũng được, miễn là nó không trở thành một cậu ấm tư sản Kiếp khốn nạn.

Lâu dần, chính tôi cũng đâm ra hoảng cái trí tưởng tượng của mình và thấy ngượng với xung quanh. Tôi có cảm giác mất hết cả thì giờ vào những chuyện lăng nhăng, chẳng đâu vào đâu trong khi quanh tôi mọi người ai cũng đang say sưa với những công việc trọng đại: các anh chị em tôi đến trường và làm bài tập đầy đủ, ba vẫn cần mẫn làm việc trong ngành đường sắt, còn má thì may vá và nội trợ. Riêng tôi, tôi đang sống trong một thế giới tách biệt khỏi cái chung và phung phí thời gian.

- Con nên ra sân băng mà chơi còn hơn là ngồi đó mường tượng vẩn vơ như một kẻ mất hồn - má bảo tôi - Thế mà cũng gọi là con trai. Má chẳng hiểu con giống ai?

Tôi nghe lời khuyên của má và đi trượt băng.

Mùa hè, ngày ngắn và bóng tối chập choạng ập xuống khi tôi vẫn còn trên sân băng. Một dàn quân nhạc bất thần xuất hiện. Những tốp bóng đèn ngũ sắc bật sáng. Mấy tốp nữ sinh trung học mặc áo ngắn lót bông, bàn tay giấu trong những chiếc bao

xinh xắn, uyển chuyển đung đưa, nhẹ nhàng lướt ra đường băng. Bọn học sinh con trai thì trượt giật lùi hoặc tiến theo "kiểu súng ngắn", ngồi sổm trên một bên chân còn chân kia thì duỗi thẳng về phía trước. Tư thế ấy được xem như "điệu"hết chỗ nói. Tôi khao khát làm được như họ.

Về đến nhà, tôi mệt nhoài, mặt mũi nóng bừng. Nhưng nỗi khắc khoải trong lòng nào có nguôi cho đâu vì ngay cả sau khi trượt băng, cái thiên hướng mơ mộng nguy hiểm của tôi vẫn chứng nào tật nấy.

Ở ngoài kia, tôi thường bắt gặp người bạn gái của chị Galia, cô Maruxia Vexnítdơki, học sinh năm cuối cùng trường trung học Phunduclêêp. Cô ấy cũng có đôi giầy trượt băng "Haliphắc" nhưng mầu đen và bằng thép không rỉ.

Anh Bôria, học giỏi toán năm cuối cùng, đang theo đuổi Maruxia. Anh là bạn cặp đôi cùng nhẩy vanxơ với cô ấy.

Những người trượt băng dẹp một vòng trên sân rất rộng. Họ cho mấy thằng nhãi đang làm vướng chân người lớn vài cái bợp tai, bắt chúng đứng yên một chỗ và thế là điệu vanxơ, khoan thai và êm ái, bắt đầu.

Thậm chí nhạc trưởng Côvácghích (chúng tôi gọi ông là "*quản sáo*"), một người Tiệp tóc hoe, cũng chôn chân trước đường băng để xem người ta

nhảy vanxơ. Một nụ cười hớn hở phảng phất trên khuôn mặt đỏ gay.

Những chiếc đuôi sam dài của Maruxia tung bay theo nhịp nhảy; bị vướng, vũ nữ luôn tay đưa chúng trở về phía trước ngực trong khi vẫn tiếp tục quay lượn. Cặp mắt lim dim, cô gái đưa một cái nhìn kiêu hãnh lướt qua đám người đang đứng xem.

Tôi chăm chú quan sát Bôria với một niềm vui tinh nghịch. Anh ấy nhẩy không đẹp bằng Maruxia. Đôi khi anh còn bị trượt trên đôi giầy "Câu lạc bộ Thuyền buồn" đắt tiền của anh.

Trên sân băng lúc ấy, làm sao tôi có thể đoán được rằng cuộc đời của Maruxia Vexnítdơki sẽ còn kì dĩ hơn nhiều, vượt xa mọi tưởng tượng của tôi.

Vào thời gian ấy một người con của vua Xiêm đang theo học ở Anh, ở Cămbrigiơ hoặc Oxford gì đó.

Ông hoàng trẻ tuổi không chịu nổi những chuyến vượt đại dương mênh mông từ nước Anh trên đường về quê. Hoàng tử đã thực hiện một chuyến đi dài ngày xuyên châu Âụ rồi qua nước Nga và ấn Độ.

Khi đi qua một nơi gần Kiép, hoàng tử mắc bệnh sưng phổi. Người ta phải lập tức tạm ngừng cuộc hành trình và người bệnh được đưa vào điều trị tại một lâu đài trong nội thành với sự ân cần chăm sóc của các danh y của kinh đô.

Nhưng trước khi tiếp tục chuyến đi, hoàng tử cần được nghỉ ngơi và lấy lại sức khỏe. Lưu lại Kiép hai tháng, hoàng tử có cảm giác ngày dài lê thê. Người ta tìm cách giải sầu cho chàng bằng cách đưa chàng đến dự những buổi khiêu vũ của Thương nhân đoàn, các dạ hội bán sổ xố của vài tổ chức từ thiện, đi nhà hát hoặc đi xem xiếc.

Tại một trong những vũ hội ấy, vị hoàng tử da vàng ấy đã thoáng trông thấy Marixia. Cô đang uyển chuyển trong một điệu vanxơ. Cũng như trên sân băng, cô luôn tay đưa những chiếc đuôi sam trở về trước ngực và dưới cặp mi lim dim, đôi mắt xanh lấp lánh một cái nhìn kiêu hãnh. Hoàng tử thấy cô duyên dáng khác thường. Mảnh khảnh, cặp mắt nheo cười, mái tóc mượt mà như đánh bóng, hoàng tử nhảy với cô gái cho đến khi trên khuôn mặt tròn trĩnh lấm tấm những giọt mồ hôi.

Cuối cùng, hoàng tử đã phải lòng cô gái. Sau đó hoàng tử trở về Xiêm, nhưng để rồi lập tức vi hành trở lại Kiép và cầu hôn với cô gái Nga. Nàng nhận lời.

Một làn sóng xôn xao tràn qua đám nữ sinh trung học. Tất cả đồng thanh khẳng định rằng, vào vị trí của họ, họ sẽ không bao giờ chịu nhận một anh chàng Á Đông làm chồng dù hắn có là con vua.

Thế rồi Maruxia lên đường đi Xiêm. Ít lâu sau ông vua già qua đời vì một chứng bệnh nhiệt đới nào đó. Rồi đến lượt con trai đầu lòng của quốc vương.

Chồng Maruxia chỉ là người con thứ. Như vậy hoàng tử ít có cơ may nối ngôi. Nhưng sau khi ông anh qua đời, người con út đương nhiên là người kế vị duy nhất và thế là, không hẹn mà nên, hoàng tử trở thành quốc vương. Cô nữ sinh trung học Kiép vui tươi, Maruxia Vexnidơki, trở thành hoàng hậu vương quốc Xiêm.

Bọn quần thần căm ghét bà hoàng hậu người ngoại quốc. Sự có mặt của bà đi ngược lại truyền thống lâu đời của hoàng tộc.

Thể theo nguyện vọng thiết tha của bà hoàng trẻ tuổi, điện đã được đưa về Băng Cốc. Đó chính là giọt cuối cùng làm tràn li nước hận thù. Chức sắc trong triều quyết định đầu độc mụ hoàng hậu ngoại lai, người đã chà đạp lên thuần phong mỹ tục ngàn đời của đất nước này. Người ta ám muội trộn vào thức ăn của bà hoàng một thứ bột thủy tinh nhỏ, mịn, nghiền từ những chiếc bóng đèn điện. Sáu tháng sau, Maruxia chết vì bị chảy máu ngầm đường ruột.

Nhà vua cho dựng một tượng đài trên phần mộ hoàng hậu. Một con voi khổng lồ bằng đá cẩm thạch đen đứng trên thảm cỏ dày và cao đến đầu gối, đầu con vật đội một vành hoa bằng vàng còn cái vòi thì u sầu rũ rượi. Cô gái Kiép bé bỏng, người đã trở thành hoàng hậu vương quốc Xiêm, yên nghỉ dưới cái thảm cỏ ấy.

Về sau, cứ mỗi lần đến sân băng, trong trí tôi lại hiện lên hình ảnh Maruxia, người nhạc trưởng điều khiển dàn nhạc chơi điệu vanxơ “Mùa hè không trở lại”, động tác dùng bao tay rũ bụi tuyết khỏi khuôn mặt và đôi hàng mi của cô cùng với những chiếc giầy bằng thép đen không rỉ của thành phố Haliphắc, cái thành phố đã khiến tôi mơ mộng khá nhiều. Ôi! Giá như người ta có thể kể câu chuyện về Maruxia Vexnítdơki cho những chàng thủy thủ Haliphắc hào hiệp kia nghe! Thoạt tiên, có lẽ họ sẽ sững sờ câm lặng, rồi tím người vì căm giận, họ sẽ sôi lên nguyền rủa bọn quần thần và cuối cùng, rã rời mệt mỏi, họ ngậm ngùi xót thương cho số phận của con người.

Mùa hè đến, người lớn cũng thường đem tôi đến nhà hát.

Vở diễn đầu tiên tôi được xem là *Cuộc tấn công pháo đài Ixmain*. Tôi không thích vở diễn ấy chỉ vì tôi thấy một người đàn ông đeo kính, mặc chiếc quần nhung xơ xác cứ thập thò ở cánh gà. Lão ta đứng đó, bên cạnh tướng Xuvôrốp và bất thình lình đưa tay xô tướng quân. Và thế là vị danh tướng lò cò nhảy ra sân khấu, miệng ấp úng bật ra những tiếng kêu của con gà sống non.

Ngược lại, ở vở diễn thứ hai, vở *Nàng công chúa phương xa* của Étmông Rôxtăng đã làm tôi ngây

ngất. Nó chứa đựng tất cả những gì cần có để làm náo động một trí tưởng tượng như trong tâm hồn tôi: một cầu tàu, những cánh buồm mênh mông, vài người hát rong, mấy chàng hiệp sĩ và một nàng công chúa.

Tôi bắt đầu thấy yêu nhà hát Xôlốptơxốp, những bức trường bằng nhung xanh và những khán đài xinh xinh của nó. Vở diễn kết thúc nhưng không sức mạnh nào trên đời này có thể khiến tôi rời khỏi rạp hát trước khi tất cả ánh đèn đều đã tắt. Và thậm chí cả lúc ấy, bóng tối chạng vạng của căn phòng, bầu không khí ngọt ngào nước hoa, mùi vỏ cam, tất cả những cái ấy hình như có sức quyến rũ mạnh đến nỗi tôi tưởng phải náu mình dưới một ghế ngồi để ở lại suốt đêm trong cái nhà hát vắng vẻ.

Còn quá ngây thơ, tôi không phân biệt được những hư cấu của kịch trường với cuộc đời thực, vì vậy tôi thực sự bị dằn vặt, thậm chí phát ốm sau mỗi buổi diễn.

Niềm đam mê sách vở vốn có của tôi được nhân lên nhiều lần sau sự phát kiến nhà hát ấy. Thậm chí chỉ cần xem xong "*Một bà trơ trẽn*" là tôi đã có thể lăn vào ngấu nghiến mọi loại sách vở viết về Napôlêông. Những thời đại, những con người tôi quan sát được trên sân khấu lấp lánh, cứ như

được phù phép với một sức quyến rũ và thích thú lạ thường.

Đối với tôi, bản thân vở diễn không phải là điều hấp dẫn duy nhất. Tôi yêu hành lang nhà hát với những tấm gương khung vàng nhạt màu, những phòng gửi áo khăn tối mờ bồng bềnh mùi nhung lụa của áo khoác, những cặp ống nhòm bằng xà cừ, tiếng ngựa hí trước cầu thang lớn.

Cứ mỗi lần tạm nghỉ giữa hai hồi kịch, tôi lại chạy tới cuối hành lang để nhìn qua cửa sổ xuống đường phố. Ngoài kia bóng đen dày đặc ngự trị. Chỉ có tuyết trắng vương trên lá cành còn phác được vài vệt sáng mơ hồ. Tôi quay ngoắt lại và thỏa thuê uống nguồn ánh sáng tràn trề của căn phòng trang trí lộng lẫy với những ngọn đèn chùm, tấm màn nhung, ánh sáng lấp lánh của những mái tóc phụ nữ, những chuỗi dây chuyền, những nụ hoa tai. Trong lúc tạm nghỉ, một hơi gió ấm áp làm lay động bức màn. Nhiều lần tôi lắp lại cũng chính cái động tác ấy: nhìn ra ngoài cửa sổ rồi lại quay mặt vào căn phòng, và điều đó làm tôi rất phấn chấn.

Tôi không thích nhạc kịch. Có lẽ vì vở diễn đầu tiên mà tôi xem là vở *Con quỷ* của Ruybinxtên. Dáng phì nộn, vẻ ngạo mạn của đôi môi dày trề ra, người diễn viên sắm vai con quỷ hát bằng một giọng ớn lạnh và lười nhác. Bộ mặt lão ta chỉ được

hóa trang qua quýt. Cái lối phủ lên thân hình phì nộn, nặng nề với cái bụng phệ một chiếc áo dài bằng lụa đen có mép rơm tua tủa, rồi móc lên lưng một đôi cánh khiến người ta không thể nhịn cười. Người ca sĩ uốn lưỡi một cách quá đáng và khi hắn ta cất giọng:

Vũ tr-ụ... tr-áo tr-âng
Vũ tr-ụ ch-án ch-ường...

thì tôi không thể nào nhịn được và cười phá lên. Má bực mình lắm và không bao giờ dẫn tôi đi xem nhạc kịch nữa.

Hàng năm, cứ đến mùa đông, cô Đôdia lại từ Gôrôđitrê về Kiép chơi với chúng tôi vài ngày. Má rất thích dẫn cô đi nhà hát.

Đêm hôm trước buổi biểu diễn, cô Đôdia mất ngủ. Hàng giờ trước khi đi nhà hát, cô đã vận một chiếc áo dài bằng xatanh mầu mận chín, có dệt nổi hình hoa và lá vàng, khoác trên vai một chiếc khăn quàng hợp mầu và cầm trong tay một chiếc khăn mùi xoa bằng đăng ten. Trên mái tóc, cô quấn một chiếc khăn mỏ quạ đen có thêu những bông hoa hồng nho nhỏ, theo kiểu các cô nông dân Ucraina. Trong rạp, mọi người đều quay lại nhìn, nhưng cô bị vở diễn hấp dẫn đến nỗi không còn để ý đến ai.

Má thích dẫn cô đi xem các vở kịch Ucraina như *Natalidơ Pôntava* hoặc *Người nghĩa quân Dapôrôgơ trên sông Đanuýp*.

Một lần, giữa buổi diễn, cô Đôdia đứng phắt dậy và bằng tiếng Ucraina thét vào mặt tên phản bội trong vở kịch:

- Mày giở trò gì vậy, đồ súc sinh? Rõ không biết nhục!

Cả rạp phá lên cười sặc sụa. Người ta phải vội vàng hạ màn. Cả ngày hôm sau, cô nằm khóc vì xấu hổ; cô xin lỗi ba,còn chúng tôi không biết làm gì để an ủi cô.

Cũng chính là cùng với cô Đôdia, lần đầu tiên chúng tôi đã đi xem một buổi chiếu bóng. Vào buổi sơ khai, ở nước Nga điện ảnh được gọi là "ảo ảnh" hoặc "ánh sáng xinê".

Buổi chiếu phim ra mắt được tổ chức ở Nhà hát ca kịch. Ba tôi rất ngưỡng mộ "ảo ảnh" và đón chào sự xuất hiện của loại hình nghệ thuật này như một trong những phát minh nổi bật nhất của thế kỷ XX.

Người ta căng trên sân khấu một tấm vải xám ẩm ướt và tắt hết đèn. Một mảng ánh sáng xanh đục như tín hiệu báo trước một điềm gở bắt đầu nhấp nháy và những vệt đen bất thần nổi lên và chạy toán loạn trên màn ảnh. Một luồng ánh sáng mờ khói tuôn ra ngay trên đầu chúng tôi. Sau lưng chúng tôi những tiếng máy chạy xèo xèo cứ như người ta đang quay cả một con lợn rừng. Cô Đôdia ngả người về phía má tôi:

- Sao "ảo ảnh" nó réo dữ thế chị? Chúng mình sẽ không chết ngột cả nút giống như trong chuồng gà đấy chứ?

Sau một hồi nhấp nháy liên tục, một dòng chữ xuất hiện trên tấm vải: "Hỏa sơn phun lửa ở Máctiních - phim phong cảnh".

Màn ảnh bất thần rung lên và giống như sau một làn mưa bụi, nham thạch từ lục phủ ngũ tạng của quả núi dào dạt tuôn ra. Người xem nhốn nháo cả lên vì bàng hoàng.

Sau những thước phim phong cảnh, người ta giới thiệu một chuyện hài hước ngắn về đời sống doanh trại ở Pháp. Một thượng sỹ, đội trưởng quân nhạc khua trống cái, lính tráng vùng dậy, nhảy khỏi giường và hối hả mặc quần áo. Một con chuột cống từ trong ống quần rơi xuống đất và cuống quýt chạy trong phòng. Những chú lính khiếp đảm, mắt tròn xoe trông phát gớm, ba chân bốn cẳng nhảy tót lên giường, lên bệ cửa sổ và cửa lớn. Thế là hết phim.

- Cứ như vỡ chợ - Má bình phẩm - Chỉ có điều Hội chợ khế ước còn thú vị hơn nhiều.

Ba thì bảo, những người suy nghĩ thiển cận bao giờ cũng phì phì những lời nhạo báng như đầu máy xe lửa Xtêphensân. Thế là phải tìm cách hòa giải ba má tôi, cô Đôdia vội vàng gạt đi:

- Thôi mà, để "ảo ảnh" nó được yên thân. Nó rắc rối lắm, chị em đàn bà chúng mình không hiểu được đâu.

Tại Hội chợ Kế ước, những dãy lều hàng quả là có hấp dẫn hơn thật. Chúng tôi rất thích và suốt mùa đông chúng tôi nóng lòng chờ đợi ngày hội hàng năm ấy.

Hội chợ được tổ chức vào tháng ba tại Cung Khế ước, trên quảng trường Pôđin, trong những dãy lều vây quanh toà kiến trúc ấy.

Thường thì, vào ngày khai mạc, băng tan làm những lối đi lầy lội. Mùi hăng hắc của hàng hoá đem trưng bày tỏa ra xung quanh, khá xa. Không khí sực mùi những chiếc thùng chứa mới toanh, mùi da thuộc, mùi bánh ngọt, mùi vải chúc bâu.

Nhưng trong tất cả các kì quan của ngày hội, tôi mê nhất những con ngựa gỗ, các đồ chơi và sưu tập những vật trang trí bằng sáp.

Những khối mứt hanva[1] mỡ màng trắng hoặc màu sôcôla sẽ rít lên kin kít dưới lưỡi dao của người bán hàng. Còn kẹo lucun[2] trong suốt có ướp

---

1. hanva (halvâ): mứt Thổ Nhĩ Kỳ làm bằng bột, dầu vừng, mật ong, hoa quả và hạnh nhân.

2. lucun (loukouns): một loại kẹo miền Trung Á làm bằng bột thơm bọc đường.

hoa hồng hay chanh quả thì dẻo quẹo trong miệng. Trong những cái đĩa to tướng, người ta xếp từng đống hình kim tự tháp những mơ mận, anh đào ướp đường, đặc sản của nhà Balabukha, một cửa hàng kẹo bánh nổi tiếng ở Kiép.

Trên những chiếc chiếu trải ngay trên đất bùn, xếp hàng dẫy dài những chú lính gỗ gọt vụng và tô màu nham nhở: những chàng côdắc đội mũ nỉ mặc quần thụng phồng có nẹp đỏ chót, những gã mắt lồi nom dễ sợ, mấy chú lính kèn với những quả tua mĩ miều đung đưa dưới cây kèn đồng của các chú. Những chiếc còi bằng đất thó quẳng hàng mớ, lổng chổng trên quầy hàng.

Mấy lão già nhỏ con, tính tình vui nhộn xô đẩy chen lấn trong đám đông, luôn miệng tuôn ra hàng tràng những đa ngôn kiểu "mẹ chồng" hay "giọng lưỡi của khách giang hồ tứ hải". Ở đằng kia có một trò chơi hấp dẫn: một thằng quỷ con da đen, lông lá đang nhẩy lộn nhào trong một vại nước nhỏ.

Đủ các thứ âm thanh hỗn độn đến làm ù cả tai con người ta: tiếng rao ơi ới của người bán hàng, tiếng lạo xạo của những vành bánh xe bọc sắt, tiếng chuông tuần chay của tu viện Bratơxcơ, tiếng kêu the thé của những con búp bê cao su, tiếng còi, tiếng reo hò của những đứa bé phi ngựa gỗ.

Chỉ cần dấn thêm một chút là cái vòng trượt

bắt đầu quay tít thò lò đến nỗi người xem chỉ còn thấy một vệt loang loáng những đầu ngựa giấy bồi nhe răng nhăn nhở, những cavát, giầy ủng, những cái váy lộng gió, những chiếc nịt tất đủ mầu sắc, những đăng ten, khăn quàng. Đôi khi một vài viên thủy tinh vỡ từ một chuỗi hạt văng ra bắn vào mặt người xem như những viên đạn.

Những nhân vật trong bộ sưu tập đồ trang trí bằng sáp làm tôi sợ mất hồn.

Ông Cácnô, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp bị ám sát nằm sõng xoài trên đất, quần áo chỉnh tề, một tấm huân chương to tướng trên ngực và ông ta cười. Một vệt máu đặc quánh, chẳng thật chút nào mà chỉ giống như vadơlin đỏ, từ tấm áo giáp của ông ta rỉ ra. Cácnô có vẻ thích thú được chết một cách ngoạn mục như vậy. Còn hoàng hậu Clêôpát thì ghì chặt một con rắn đen trên bộ ngực cứng như quả lựu và xanh nhợt của bà.

Một nàng tiên cá mắt phơn phớt tím nằm trong chiếc bồn tắm bằng thiếc. Lớp vảy bẩn thỉu của nàng phản chiếu ánh đèn mờ. Nước trong bồn thì đục ngầu.

Trong một cái hòm không có nắp nhưng được giăng một tấm lưới thép, một con trăn co rút rúc vào đống mền phủ chân thủng lỗ chỗ nằm ngủ. Thỉnh thoảng nó lại co gân bắp và bất giác người

xem lại giật lùi né sang một bên.

Một con đười ươi nhồi rơm, trong đám lá cành giả bằng phoi bào nhuộm màu sắc sặc sỡ, đang tha một cô gái trẻ bất tỉnh nhân sự, mớ tóc vàng xõa rối, vào bụi rậm.

Bỏ ra ba côpếch, bất cứ ai tình nguyện cũng có thể tương cho con đười ươi một phát để cứu cô gái. Nếu xạ thủ bắn trung một điểm tròn nhỏ trên ngực nó, con quái vật sẽ buông cô hằng nga làm bằng giẻ rách sõng xoài trên mặt đất. Từ tấm thân của cô gái bốc ra một đám bụi mù.

Lúc đó, người ta tạm kéo màn và một lát sau con đười ươi lại xuất hiện, vẫn tha cô thiếu nữ một cách màn rợ như trước vào chính cái bụi rậm ban nãy.

Chúng tôi thích Hội chợ Khế ước cũng vì nó là tín hiệu cho biết lễ Phục sinh và cả cuộc hành hương về nhà bà ngoại ở Séccaxi đã đến gần. Và sau đó là mùa xuân kì diệu và tráng lệ của Kiép.

TRUNG ÚY HẢI QUÂN

Ở Kiép, những con lũ của dòng sông Đơnhiépprơ thật sự là những sứ giả của mùa xuân. Chỉ cần ra khỏi thành phố vài bước chân và trèo lên gò Vơlađimia vài bậc, người ta đã có thể được chiêm ngưỡng cả một biển trời sông nước mênh mông phơn phớt xanh trải dài cho đến vô tận.

Ngoài những cơn sóng dồi của dòng sông xanh, thành phố giờ đây còn tràn ngập một làn sóng khác, làn sóng dạt dào của ánh sáng mặt trời chói lọi, của bầu không khí trong lành tươi mát, của làn gió ấm áp và ngát hương. Những cây bạch dương khổng lồ trên Đại lộ Bibicốp đã rì rào những tán lá dinh dính như có nhựa. Đó đây đường phố tràn ngập một mùi thơm bạch dương. Những cây dẻ bắt đầu trổ ra những chiếc lá non trong suốt, nhăn nheo và mơn mởn lông tơ phớt hồng.

Khoảnh khắc khi những ngọn nến vàng và hồng của rặng bạch dương bắt đầu bật sáng cũng

chính là lúc nàng xuân bước vào tuổi dậy thì. Những khu vườn cổ kính nhấn chìm những góc phố trong những làn sóng dạt dào của khí trời tươi mát, trong hơi thở âm ẩm của những thảm cỏ non, trong tiếng thì thầm của lá cành vừa mới xoè hoa.

Những chú sâu róm còng lưng mải miết đo từng li đếm từng tấc của những vỉa hè dường như bất tận ngay dọc theo đại lộ Crêsáttrích. Những ngọn gió tươi vui xào xạc chạy dài thu gom những cánh hoa phớt hồng thành những cụm nhỏ. Mấy chú bọ rầy cùng những cánh bướm sặc sỡ thi nhau ùa vào tận những toa tầu điện. Đêm đến, sơn ca thi nhau thánh thót trong những mảnh vườn dọc theo đường phố. Chẳng khác gì những đám bọt đục ngầu trên Biển Đen nơi trời Nam xa lắc, những bụi bông gòn trắng bứt khỏi những ngọn bạch dương cũng hối hả đuổi nhau lăn long lóc như những đợt sóng dồn trên nền đường khô cứng.

Bên trên những khung cửa sổ rộng mở của các phòng trà và những quán kem nước đá, người ta căng lên những bức mành vải sọc. Trên mặt bàn của những quán ăn, loáng thoáng những cánh tử đinh hương lấm tấm những giọt thủy ngọc. Các thiếu nữ của kinh thành Kiép bói tìm trong những bó hoa những "vòng tay hạnh phúc" năm cánh. Dưới những chiếc mũ rơm rộng vành, khuôn mặt các em lấp lánh ánh ngà.

Sau đó là thời điểm khi tất cả những khu vườn mênh mông của Kiép đơm đầy hoa lá. Ngày nào cũng vậy, tôi mất hút vào những khu vườn ấy từ sáng đến chiều. Tôi dạo chơi, làm bài tập, đọc sách và chỉ từ đó trở về nhà để kịp ăn bữa tối rồi đi ngủ ngay.

Tôi thuộc lòng từng ngõ ngách của khu Vườn Bách Thảo mênh mông, những khe lạch, những ao hồ của nó và cả cái bóng tối sẫm của những cây bồ đề cổ thụ vĩnh viễn đổ xuống những lối đi dạo trong vườn.

Nhưng nơi tôi ưa thích nhất lại chính là công viên Marinxki, gần lâu đài Lýpki. Từ trên cao, công viên này nhìn xuống dòng sông Đơnhépprơ. Những bụi tử đinh hương mầu trắng và mầu hoa cà cao gấp ba đầu người không ngừng đung đưa và reo vui ngay dưới những đám mây xao động của đàn ong mật. Những tia nước mát vọt lên từ giữa những thảm cỏ.

Cả một vành đai rộng những khu vườn xanh tươi đội vương miện cho những bờ vách đất sét đỏ ngầu và dựng đứng của dòng sông Đơnhiépprơ: các công viên Marinxki và Đơvortơxôvy, các khu vườn Tơxarơxki và Kupéttrexki. Chính là từ khu vườn Kupéttrexki, người ta có thể khấp khởi chiêm ngưỡng quang cảnh tuyệt vời của đại lộ Pôđôn.

Người dân Kiép rất lấy làm tự hào có được cảnh quan nổi tiếng ấy. Một dàn nhạc giao hưởng khoan nhặt suốt cả mùa hè trong vườn Kupéttrexki. Ngoài tiếng còi lanh lảnh của những con tầu trên dòng sông Đơnhiéppro, thật vậy thường chẳng có gì đến đây quấy rầy những con người say mê âm nhạc.

Khu vườn cuối cùng nhìn xuống dòng sông nằm trên Gò Vơlađimia với pho tượng hoàng thân Vơlađimia mang trong tay một cây thánh giá lớn bằng đồng. Trên cây thánh giá có gắn những ngọn nến điện. Tối đến, những bóng điện nhỏ này bật sáng và thế là trên bầu trời một chữ thập lửa lượn lờ trên những ngọn đồi của kinh thành Kiép.

Vào mùa xuân, thành phố của chúng tôi đẹp đến nỗi tôi không tài nào hiểu nổi niềm đam mê của má tôi đối với những cuộc đi chơi dã ngoại không thể thiếu được vào những ngày chủ nhật ở những vùng lân cận, như Bôiácca, Putrơtra Vôđixa hay Đarơnítxa. Những lô nhà ở đơn điệu giống nhau như đúc ở Putrơtra Vôđixa khiến tôi phát ngấy. Với con mắt thờ ơ lãnh đạm, tôi liếc nhìn cái lối dạo tàn úa kia của "nhà thơ Nátxơn" trong rừng Bôiácca và tôi cũng chẳng ưa gì khu Đarơnítxa ở bên kia sông với những gốc thông đất xung quanh bị dầy xéo nát nhừ và những bãi sông lẫn đầy cuống thuốc lá.

Một ngày mùa xuân, tôi ngồi trong công viên Marinxki và đọc *Đảo giấu vàng* của Xtêvenxơn. Chị Galia ngồi ngay bên cạnh và cũng đọc như tôi. Chiếc mũ mùa hè của chị đặt trên chiếc ghế dài. Một hơi gió nhẹ làm lay động những dải lụa màu xanh của chiếc mũ.

Galia bị cận thị nặng nhưng bản chất rất tốt. Không có gì có thể làm mất đi, dù chỉ trong giây lát, phong thái điềm đạm của chị ấy.

Sáng sớm, lác đác có vài giọt mưa; nhưng bây giờ, bầu trời trong veo của mùa xuân đang lấp lánh trên đầu chúng tôi. Chỉ có những cây tử đinh hương là còn để rơi tí tách vài giọt muộn màng.

Một bé gái, cái nơ lụa to tướng trên mái tóc vàng, dừng lại trước mặt chúng tôi và bắt đầu nhảy dây. Nó làm tôi mất tập trung vào trang sách. Tôi rung rung cái gốc tử đinh hương. Một làn mưa bụi nhè nhẹ rũ xuống đầu con bé và cũng rắc cả lên người chị Galia. Cáu tiết, bé gái lè lưỡi, trợn mắt nhìn tôi rồi bỏ chạy trong khi bà chị tôi rũ nhẹ những giọt nước li ti khỏi trang sách rồi lại bình thản tiếp tục đọc.

Đúng lúc ấy tôi chợt trông thấy con người mà sau này, trong một thời gian khá lâu, đã đầu độc tâm hồn tôi bằng những giấc mơ hão huyền không tài nào thực hiện được về tương lai.

Một người đàn ông cao lớn, khuôn mặt rám nắng và điềm đạm bước những bước đi khoan thai uyển chuyển trên lối dạo: đó là một viên trung úy hải quân. Một lưỡi dao găm trong một chiếc vỏ mầu đen móc vào chiếc dây lưng đánh bóng. Những chiếc giải của chiếc mũ lính thủy của anh có dấu những chiếc mỏ neo bằng vàng bồng bềnh trong làn gió nhẹ.

Ở Kiép, một thành phố nằm sâu trong đất liền, thỉnh thoảng chúng tôi mới được trông thấy những thủy thủ, anh ta quả là một sinh linh đến từ một phương trời xa xăm của những huyền thoại, một thế giới của những con tầu có cánh và của con tầu hộ tống *Palađơ*, của những đại dương, những biển cả, của những thành phố hải cảng, của những ngọn gió dữ dội, của cả cái vũ trụ bao la đầy quyến rũ kia mà hiện thân chính là cuộc đời của một nhà hàng hải. Lưỡi dao găm với cái chuôi đen nhánh kia cứ như đã từ những trang viết của Xtêvenxơn bất thần nhảy ra giữa công viên Marinxki.

Viên trung úy lướt qua trước mặt chúng tôi, cát mịn se sẽ rít lên dưới đế giầy. Tôi vụt đứng dậy và bám gót anh ta. Vì cận thị nặng, Galia thậm chí không nhận ra sự biến mất của tôi.

Toàn bộ nỗi buồn man mác hoài mong biển cả nung nấu từ lâu của tôi giờ đây vụt trở nên cụ thể hoá trong con người đang ung dung bước đi trước

mặt tôi kia. Không còn biết bao lần tôi đã từng mường tượng về một mặt biển mờ sương, bỗng vàng rực lên trong khoảng khắc im ắng khi chiều tà buông xuống, về những chuyến băng qua những đại dương xa xăm trong khi toàn bộ thế gian này diễu qua trước mắt tôi ở phía bên kia của khoang kính cửa sổ con tầu giống như trong một ống kính vạn hoa. Chúa ơi! Giá như ai đó có thiện ý cho tôi một món quà, dù chỉ là một mảnh sắt rỉ nhỏ nhoi long ra từ một chiếc mỏ neo cũ, tôi sẽ trân trọng nâng niu nó suốt đời như một kho báu.

Viên trung úy ngoái cổ lại nhìn. Trong nháy mắt trên chiếc giải mũ thủy thủ của anh ta, tôi đã kịp đọc được một từ đầy bí hiểm: *Phương vị*. Sau này tôi được biết rằng đó là tên của một con tầu trường học cũ của Hạm đội Bantích.

Tôi bám sát anh ta không rời bước suốt dọc đường phố Êlidabét, rồi đường Học viện, phố Nicôla. Với một cử chỉ rất ung dung thư thái và có phần kiểu cách, người lính thủy giơ tay lên vành mũ chào những sỹ quan bộ binh. Bỗng tôi cảm thấy xấu hổ trước anh ta vì thành phố của tôi đã có những vị tướng quân vụng về thô kệch.

Anh ta ngoái cổ lại nhiều lần. Đến góc phố Mêrinh, anh ta dừng lại và ra hiệu bảo tôi đến với anh ta.

- Này, cậu bé, - người sỹ quan hỏi tôi với một giọng giễu cợt, - sao chú mày cứ lẵng nhẵng theo anh như cái rơ - moóc thế?

Tôi đỏ mặt và chẳng nói gì.

- Hẳn là cu cậu mơ đời thủy thủ chứ gì? - viên trung úy nhìn tôi đoán già đoán non,nhưng chẳng hiểu tại sao anh ta lại dùng ngôi thứ ba khi trực tiếp nói với tôi.

- Em bị cận thị, - tôi lúng búng.

Anh ta đặt lên vai tôi một bàn tay xương xẩu.

- Chúng mình qua đại lộ Crêsáttríc được chứ?

Chúng tôi lại bên nhau cất bước. Tôi không dám ngước mắt nhìn lên và chỉ trông thấy những chiếc giầy chắc khoẻ của người sỹ quan, mũi giầy đánh xi bóng lộn.

Đến đại lộ Crêsáttríc, viên trung úy đưa tôi vào phòng trà "Xêmađêni". Anh ta gọi hai xuất kem đào lạc và hai cốc nước. Người ta mời chúng tôi giải khát trên một chiếc bàn bằng đá ba chân. Mặt đá hoa cương mát lạnh nhưng chi chít nham nhở những con số. Phòng trà "Xêmađêni" vốn là nơi tụ tập của các thương gia Thị trường Chứng khoán. Họ gạch khía những tính toán lỗ lãi lên mặt bàn.

Chúng tôi thưởng thức món kem trong im lặng. Rồi người thủy thủ lấy ra từ chiếc ví tấm ảnh chụp một con tầu hộ tống đã rất lộng lẫy lại còn được

làm duyên bởi những cánh buồm và có một ống khói khổng lồ. Anh ta đưa tấm ảnh cho tôi.

- Cầm lấy làm kỷ niệm. Đó là con tầu của bọn này. Anh đã từng vượt đại dương đến tận Livơpun trên con tầu hộ tống này.

Anh xiết chặt tay tôi rồi bỏ đi. Tôi vẫn ngồi đó im lặng hồi lâu cho đến khi những người khách giải khát quanh những chiếc bàn gần đó, lấm tấm mồ hôi với chiếc mũ bình thiên bằng rơm trên đầu, xoay người lại về phía tôi. Thế là, tôi luống cuống ra khỏi cửa hàng và ba chân bốn cẳng chạy trở lại công viên Marinxki. Chiếc ghế dài không có người ngồi, chị Galia đã đi rồi. Tôi rơm rớm nước mắt. Tôi nhận ra rằng người trung úy hải quân đã thương hại tôi và lần đầu tiên trong đời, tôi cũng hiểu rằng lòng trắc ẩn thường để lại trong tâm hồn con người cái dư vị của nỗi xót xa cay đắng.

Sau cuộc gặp gỡ ấy, nỗi khát khao muốn trở thành thủy thủ đã dầy vò tôi trong nhiều năm liền. Biển cả cuốn hút tôi như điên như dại. Trước kia, khi ba tôi đưa tôi đi theo đến Nôvôrôxiixk, tôi mới thoáng thấy biển cả lần đầu tiên. Tất nhiên như vậy làm sao đủ được.

Tôi để ra hàng giờ liền, cúi sát xuống tấm bản đồ thế giới của tôi, để nghiên cứu bến bờ, dáng dấp của các đại dương, để xác định vị trí của các thành

phố hải cảng xa xăm chưa được biết tới, những mũi đất, những cù lao, những cửa sông.

Cuối cùng tôi đã nghĩ ra một trò chơi phức tạp. Tôi đã lập nên danh sách những con tầu với cái tên rất kêu: *Ngôi sao Bắc Cực, Oantơ Xcốt, Hingan, Siriuyx*. Bản danh sách mỗi ngày một dài thêm. Và thế là tôi trở thành chủ nhân của hạm đội lớn nhất thế giới.

Bỗng chốc tôi thấy mình đường bệ trong văn phòng của hãng hàng hải của tôi, giữa những cuộn khói xì-gà lơ lửng ngưng đọng trong không trung và xung quanh đầy những tấm biển quảng cáo sặc sỡ và các biểu lộ trình. Những khoang cửa lớn của văn phòng của tôi đương nhiên là nhìn ra kè biển. Cột buồm của những con tầu của tôi dựng lên ngay sát những khoang cửa, trong khi ở ngoài kia những cây du hiền hậu vẫn thì thào chẳng biết tự bao giờ. Từng cuộn từng cuộn xoáy tròn, khói của những con tầu im ắng lẻn vào qua những khung cửa sổ và trộn vào với cái mùi nằng nặng của nước mắm đã bắt đầu bị phân hủy và mùi của những chiếc bao tải gai, mới toanh, lóng lánh và trông vui mắt.

Tôi đã thảo ra một loạt các hành trình độc đáo của những con tầu của tôi. Không một xó xỉnh bí hiểm nào mà chúng không thể cập bến. Thậm chí chúng sẽ có thể ghé vào Cù lao Trixtăng Đa Kunha để đón khách.

Tôi đã đổi hành trình của một vài con tầu của tôi để đưa chúng đến một hải cảng khác. Tôi theo dõi sát đường đi lối lại của chúng, và biết chắc chắn chúng hiện đang ở đâu vào một ngày nào đó, *Đô đốc Ixtôminơ* hay *Con Tầu Ma*: *Đô đốc* đang lấy chuối ở Xinhgapo trong khi *Con Ma* đang dỡ những bao bột mì xuống đảo Phêrôê.

Nhưng để cai quản một xí nghiệp hàng hải tầm cỡ như vậy, tôi đã phải có được rất nhiều kiến thức. Tôi ngấu nghiến hàng tập dày những tài liệu hướng dẫn, những bản chỉ đường cho các hành trình và tất cả những gì chỉ cần có hơi hướng liên quan tới biển cả.

Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng má tôi thốt lên cái từ "viêm màng não".

- Chỉ có trời mới biết được cái gì sẽ xẩy ra với thằng bé vì quá mê mẩn với trò chơi khó hiểu của nó. - một hôm má nói - Mong sao tất cả những trò ngớ ngẩn kia cuối cùng không đưa tới bệnh viêm màng não!

Tôi đã từng nghe nói rằng bệnh viêm màng não là một chứng bệnh mà những đứa trẻ biết đọc quá sớm thường mắc phải. Vì vậy tôi chỉ mỉm một nụ cười mỉa mai trước sự lo sợ của má.

Trong thực tế, tất cả những điều đó đã khiến ba má tôi quyết định đưa cả gia đình đi nghỉ hè ở bờ biển.

Bây giờ tôi mang máng nhận ra rằng, má tôi hy vọng, thông qua cuộc hành trình ấy, sẽ chữa khỏi được cho tôi cái chứng đam mê biển cả. Má tin rằng nhờ có sự tiếp xúc trực tiếp với cái đã mãnh liệt lôi cuốn mọi giấc mơ của tôi đến như vậy, tôi sẽ bị vỡ mộng như người ta thường thấy trong những trường hợp tương tự. Má đã có lý, tuy nhiên, chỉ có lý phần nào thôi, má ơi...

THIÊN ĐƯỜNG DÁNG DẤP RA SAO

Một hôm, với một vẻ rất trang trọng, má tuyên bố rằng chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ lên đường đi Biển Đen, rằng chúng tôi sẽ nghỉ suốt cả mùa hè ở Ghêlenđơgích, trong vùng ngoại ô Novôrôxiixcơ.

Có lẽ không thể tìm được nơi nào thích hợp hơn để chữa cho tôi khỏi cái chứng đam mê biển cả và các xứ sở của miền Nam.

Buổi ấy, Ghêlenđơgích chỉ là một thành phố nhỏ bụi bặm và nóng như thiêu như đốt, không một bóng cây. Trong vòng bán kính nhiều cây số, mầu xanh cây cỏ đã bị những cơn gió nóng từ Nôvôxiixcơ thổi tới hủy diệt hoàn toàn. Chỉ còn lại đó đây vài bụi táo na gai góc; dăm gốc keo còi cọc với những bông hoa vàng vọt và héo hon vất vưởng trong những mảnh vườn nhỏ dọc theo mặt tiền các ngôi nhà. Sườn dốc của những rặng núi ném trả lại thành phố những luồng hơi nóng hầm hập. Ở cuối vịnh một nhà máy xi măng ngày đêm nhả khói.

Nhưng, như để bù đắp cho vẻ khắc khổ của thành phố, vịnh Ghêlenđơgích quả là một thắng cảnh. Dưới làn nước trong suốt và âm ấm, những con sứa lớn giống như những bông hoa khổng lồ mầu hồng hay phớt xanh im ắng lượn lờ qua lại. Trên nền cát mịn dưới đáy vịnh những con cá bơn sao lốm đốm và những con cá bống biển mắt lồi mơ màng nằm nghỉ. Những cơn sóng dồi ném lên bãi cát trắng những mớ tảo đỏ, những chiếc phao bần bứt ra từ những tấm lưới và cả những mảnh chai vỡ màu xanh thẫm đã được những ngọn thủy triều mài nhẵn.

Dẫu sao, sau kỳ nghỉ ở Ghêlenđơgích, đối với tôi biển cả vẫn không hề mất đi sức hấp dẫn của nó.

Ở Ghêlenđơgích, tôi đã kết bạn với một thủy thủ lão luyện tên là Anaxtax, một người gốc Hy Lạp ở Vôlô. Ông ta có một chiếc thuyền buồm mới toanh, trắng tinh với chiếc chân chống đỏ chót còn đáy thuyền thì khum khum hình thúng và sạch bong.

Anaxtax thường đưa những người nghỉ hè đi dạo thuyền trên vịnh. Người ta đánh giá rất cao sự khéo léo và thái độ bình tĩnh của ông ta và đôi khi má để tôi một mình làm một vòng với ông ta.

Một buổi sáng, đem tôi đi theo, Anaxtax rời vịnh và phóng thẳng ra khơi. Tôi sẽ mãi mãi không bao giờ quên được nỗi hãi hùng cũng như cảm giác

mê li đã xâm chiếm tâm hồn tôi khi những cánh buồm được gió đã làm con tầu nghiêng đến mức xuýt nữa để nước tràn vào. Những ngọn sóng khổng lồ lăn ầm ầm về phía chúng tôi, mầu xanh trong suốt và quất những làn mưa bụi mằn mặn vào mặt chúng tôi.

Tôi bám chặt vào những sợi dây néo; lúc này tôi chỉ có một ham muốn: quay trở lại ngay bờ cát trong khi Anaxtax, cái tẩu kẹp giữa hai hàm răng, vẫn gào lên trên tiếng sóng một điệp khúc gì đó. Lát sau ông ta cất cao giọng hỏi tôi:

- Mẹ em mua bao nhiêu đôi giầy da mộc kia? A! Đẹp thật, những chiếc giầy da mộc của em.

Ông ta hất hàm về phía đôi giầy Côcadơ da mềm của tôi. Đôi chân tôi run lên cầm cập. Tôi không nói gì. Anaxtax ngáp dài và nói với tôi:

- Đừng lo, không sao đâu! Chỉ như tắm vòi sen thôi mà, tắm vòi sen bằng nước ấm. Lát nữa, ngồi vào bàn ăn rồi em sẽ ăn rất ngon miệng cho mà xem. Chẳng cần cầu nguyện gì sất: con mời ba, con mời má. Thế là đủ.

Ông ta vững tay điều khiển con thuyền rẽ phải, ngoặt trái, quay cuồng lồng lộn một cách dễ dàng cứ như trở bàn tay. Con thuyền múc vào một xô nước mặn và chúng tôi xông trở lại trong vịnh, khi thì nhào xuống, lúc thì vọt lên cưỡi trên những

ngọn sóng. Những con sóng né tránh với những tiếng ầm ầm sôi réo như doạ nạt dưới bụng con tầu. Tim tôi đập thình thình và hầu như lịm đi.

Bất thình lình, Anaxtax cất lên tiếng ca. Và thế là tôi không run rẩy nữa và, hơi bối rối tôi lắng nghe lời ca ứng khẩu:

Từ Batumi đến tận Xukhumi
Ai - ai - ơi!
Từ Xukhumi đến tận Batumi
Ai - ai - ơi!
Cậu bé chạy dài, chiếc hòm trên vai
Ai - ai - ơi
Cậu bé sõng xoài, cái hòm vỡ đôi
Ôi - thôi - thôi.

Cánh buồm được hạ xuống theo nhịp điệu của lời ca trong khi, vẫn đang còn có đà, con thuyền lao thẳng vào cặp bến nơi má đang đứng chờ, mặt mũi tái mét. Anaxtax nhấc bổng tôi lên, đặt tôi xuống cạnh má và bình thản nói:

- Cậu bé đây rồi! Vừa đủ độ mặn, thưa bà. Cậu ấy đã bắt đầu làm quen với biển.

*

* *

Một buổi sáng, ba tôi thuê một chiếc xe ngựa và chúng tôi rời khỏi Ghêlenđơgích đi chơi đèo Mikhailốp.

Lúc đầu, con đường sỏi đá men theo một sườn núi cằn cỗi và ngập bụi đất. Chúng tôi băng qua những cây cầu vắt ngang những khe núi hẹp nơi chẳng có giọt nước nào. Những đống bông mây khô và xám xịt, giống nhau như đúc, suốt ngày dài vướng chặt vào đỉnh núi.

Tôi khát. Người xà ích, một người Côdắc tóc hung, chốc chốc lại xoay người lại và bảo tôi chịu khó chờ đến tận đỉnh đèo: trên kia, tôi sẽ được thưởng thức một loại nước rất ngon và mát lạnh. Nhưng tôi không tin ông ta. Cảnh tượng khô cằn của núi non vùng này cùng với tình trạng khan hiếm nước đã khiến tôi hoảng hồn. Tim tôi se lại mỗi khi tôi ngắm nhìn những dải biển hẹp, sẫm tối và mát mẻ. Dưới kia, dẫu cho tôi vẫn không được thoả thuê giải khát, ít ra tôi cũng đã có thể vùng vẫy bơi lội trong một làn nước mát mẻ tỉnh người.

Con đường tiếp tục bò lên mỗi lúc một cao hơn. Bất thình lình, một hơi gió mát phả vào mặt chúng tôi.

- Hẳn là đã đến đỉnh đèo! - Người xà ích reo lên.

Ông ta cho ngựa dừng lại, rời khỏi chỗ ngồi và xuống kiểm tra lại bộ phanh xe.

Đến được đỉnh đèo, chúng tôi bỗng phát hiện ra bạt ngàn những cánh rừng già. Những cánh rừng như những con sóng dạt dào xa tít mù tắp đến tận

chân trời. Đó đây những khối đá hoa cương đỏ chót uy nghi dựng lên giữa bạt ngàn cành lá. Xa xa, một đỉnh núi lấp lánh băng tuyết.

- Đỉnh Nôrê[1] chắc hẳn cũng không cao bằng, - Ông già Côdắc nói - Nơi đây là thiên đường.

Cỗ xe bắt đầu đi xuống. Lập tức, một bóng tối dầy đặc ôm choàng lấy chúng tôi. Qua những khóm cây cành lá ken dầy hầu như không thể lách qua được, chúng tôi nghe thấy tiếng nước chảy róc rách, tiếng chim hót líu lo và tiếng xào xạc của lá cành trong làn gió nhẹ lúc chính ngọ.

Chúng tôi càng đi xuống, rừng cây càng dầy và đường đi càng rợp bóng. Một con suối nhỏ trong veo đã chảy theo sát ngay bên lề đường từ lúc nào chẳng biết. Dòng nước đùa giỡn với những hòn đá đủ mầu sắc lướt qua những bông hoa tím, buộc chúng phải cúi đầu chào, phải run rẩy, nhưng không bao giờ bứt nổi chúng rời khỏi nền đất sỏi đá để lôi chúng theo dòng và ném xuống vực.

Má múc đầy một cốc nước suối và đưa cho tôi. Nước mát lạnh và trong nháy mắt cái cốc đã lấm tấm đầy những hạt sương.

- Con thấy mùi ôdôn đấy chứ? - Ba tôi hỏi.

---

1. Nôrê (Pic de Nore) - Đỉnh cao Núi Đen (1210m) nằm trên địa giới hai tỉnh Ôđơ (Aude) và Tan (Tarn) - nước Pháp.

Tôi hít căng lồng ngực. Tôi không biết nó có mùi gì, nhưng tôi có cảm giác bị vùi dưới hàng đống lá cành ướt đẫm nước mưa.

Đâu đâu những sợi dây leo cũng cố bám lấy mái tóc chúng tôi. Khi thì ở chỗ này, lúc thì ở nơi khác, bên vệ đường, một cọng hoa mơn mởn lông tơ bật dậy sau một tảng đá và đưa mắt tò mò dò xét cỗ xe của chúng tôi và những con ngựa xám đang đều chân tiến bước như trong một cuộc diễu hành, vó câu oai vệ, đầu hất về phía sau để không bị cuốn vào nước đại và bị cả sức nặng của cỗ xe lôi tuột đi.

- Kìa, con thằn lằn! - Má kêu lên.

- Đâu?

- Đằng kia! Con thấy bụi phỉ đằng kia không, bên trái trong cỏ có một viên đá đỏ. Thấy rồi, nhìn cao hơn một chút. Có thấy bông hoa nhỏ mầu vàng không? Đó là cây đỗ quyên. Nhìn chếch về bên phải cây đỗ quyên, trên thân một cây giẻ gai bật gốc, ngay gần đám rễ. Con thấy không, có một cái rễ hung hung đỏ, lông lá, dính đầy đất khô và lấm chấm những cánh hoa xanh dương. Được rồi, chú thằn lằn ở ngay bên cạnh.

Tôi đã trông thấy con thằn lằn. Nhưng trước khi phát hiện ra con vật nhỏ bé tôi đã có một hành trình kỳ thú, lướt qua từ bụi phỉ, viên đá đỏ, đến cây đỗ quyên và cuối cùng là cây hạt dẻ sóng soài.

"À, ra thế! Đây chính là Côcadơ!..." tôi nghĩ thầm.

- Đây chính là thiên đường! Lão xà ích nhắc lại và cho xe rời con đường để tiến sâu vào khu rừng lần theo một lối trổ hẹp cỏ mọc um tùm. - Chỉ một lát nữa thôi, chúng ta sẽ có thể tháo yên cương cho mấy con ngựa và đi tắm.

Chúng tôi dấn sâu vào một xó rừng rậm, cây cối mọc san sát bên nhau và lá cành chốc chốc lại quất vào mặt mạnh đến nỗi cuối cùng chúng tôi phải dừng ngựa, xuống xe và tiếp tục đi bộ. Cỗ xe đi theo chúng tôi, bước đi chầm chậm.

Sau đó là một khoảnh rừng thưa, dưới đáy một lũng hẹp xanh tươi. Chẳng khác gì những ốc đảo trắng tinh, những khóm bồ công anh ngất nghểu trên những cái cuống dài mềm mại vượt lên trên những thảm cỏ dầy. Nấp dưới bóng mấy cây giẻ gai cành lá um tùm là một cái nhà kho xiêu vẹo rỗng không, gần một dòng thác nhỏ. Làn nước trong vắt dội xuống những tảng đá, sủi bọt, rồi tiếp tục hành trình của nó, cuốn theo hằng hà sa số những cái bong bóng nước phù du.

Trong khi người xà ích cùng với ba đi kiếm vài cành khô để nhóm một đống lửa, má cho phép chúng tôi ra thác nước rửa mặt mũi chân tay cho mát. Nước lạnh làm mặt mày chúng tôi rạng rỡ hẳn lên.

Chúng tôi đã định ngược ngay lên thượng nguồn của con sông, nhưng má đã trải lên thảm cỏ một chiếc khăn bàn, lấy thức ăn ra và tuyên bố chừng nào chúng tôi vẫn chưa ăn uống no nê, má sẽ không để chúng tôi đi đâu hết.

Tôi nhai ngấu nhai nghiến từng miếng lớn bánh mì kẹp giămbông và những chiếc bánh bột gạo tẩm sữa lạnh cùng với những quả nho vùng Coranh. Sau đó tôi hiểu, nhưng quá muộn mất rồi, ra rằng tôi đã vội vã hấp tấp một cách vô ích: cái ấm đun nước bằng đồng, cứng đầu cứng cổ, dứt khoát không chịu sôi trên bếp lửa củi. Có lẽ vì nước quá lạnh.

Rồi bất thần, nước sôi từ trong ấm sùng sục trào ra làm ngọn lửa tắt ngấm. Sau khi đã thưởng thức chén trà khá đặc, chúng tôi giục ba khẩn trương lên để còn vào rừng. Lão già Côdắc cảnh cáo chúng tôi:

- Xem chừng đấy, quanh đây có lợn rừng. Rồi lão giải thích cho chúng tôi rằng nếu tình cờ chúng tôi thấy có những cái hố nhỏ đào bới trong đất, điều đó có nghĩa là chúng tôi đã lọt vào một nơi mà mấy con vật kia vừa ngủ qua đêm hôm trước.

Má phát hoảng, má không thể cùng đi với chúng tôi vì má đang bị hen xuyễn, nhưng ông già đã lựa lời trấn an má, khẳng định rằng lợn rừng

không bao giờ tấn công con người nếu người ta không khiêu khích chúng.

Chúng tôi lên đường, lần dọc theo bờ nước. Có lúc chúng tôi đã phải rạch ra một lối đi qua những vạt rừng cây ken dầy. Chốc chốc chúng tôi lại dừng chân và gọi nhau đến cùng chiêm ngưỡng những chiếc bồn đá hoa cương hình thành do nước sông sói mòn lâu ngày - (những con cá hồi vụt ngang qua những cái bồn ấy như những tia sáng xanh dương) - những con côn trùng mầu xanh lục, khổng lồ, với những sợi râu mép rất dài; những cơn lốc xoáy cứ như sủi bọt và đang càu nhàu giận dữ; những đám cỏ tháp bút cao hơn đầu người; những thảm thu mẫu đơn hoang; những khoảnh rừng thưa phủ đầy thược dược.

Bôria tình cờ phát hiện ra một cái lõm đầy bụi giống như một chiếc chậu tắm cho trẻ em. Chúng tôi thận trọng đi vòng quanh để tránh cái hố. Chắc hẳn đây là cái ổ của một con lợn rừng. Ba đã tiến trước chúng tôi. Một lát sau ba cất tiếng gọi. Chúng tôi đã phải luồn lách qua những khóm hắc mai, đi vòng qua những tảng đá lăn khổng lồ rêu phong để đuổi kịp ba.

Ba đang đứng cạnh một kiến trúc rất kỳ dị, ngập trong những bụi cây mâm xôi. Bốn cột đá khổng lồ, nhẵn thín, đỡ một phiến đá bằng phẳng

như một cái mái. Một trong những tảng đá dựng đứng có một lỗ đục làm lối ra vào. Nhưng cái khe hở nhỏ quá đến nỗi chính tôi, thành viên nhỏ nhất của nhóm cũng không lách vào được. Xung quanh đó chúng tôi đã phát hiện ra nhiều kiến trúc tương tự.

- Đây là những mộ đá, - ba giảng giải cho chúng tôi - Những phần mộ cổ có từ thời đại các bộ tộc người Xixơ[1]. Nhưng có thể những kiến trúc này chẳng có gì liên quan đến phần mộ cả. Các nhà bác học vẫn chưa phát hiện ra ai đã xây dựng những kiến trúc này, để làm gì và bằng cách nào.

Riêng tôi, tôi tin chắc rằng đây là chỗ ở của những cá nhân thuộc một sắc tộc người lùn đã bị tiêu vong từ lâu. Nhưng tôi không dám thổ lộ điều này với ba vì Bôria lúc ấy cũng có mặt ở đó nhất định sẽ chế giễu tôi ngay.

Chúng tôi trở lại Ghêlenđơgích, nóng bừng bừng vì phơi nắng, ngất ngây vì mệt mỏi và nhất là không khí trong lành của núi rừng. Tôi hạ lưng và ngủ được ngay, và trong giấc mơ tôi cảm nhận được hơi thở nồng nàn của vùng bờ biển và tiếng rì rầm xa xa của biển cả.

---

1. Xixơ (Scithes) - Dận tộc nguồn gốc Iran sống trong các thảo nguyên bắc Biển Đen.

Sau cuộc du ngoạn ấy, trong trí tưởng tượng, tôi đã trở thành chủ sở hữu của một sứ sở kỳ vĩ khác: Côcadơ. Đó là lúc bắt đầu tôi đam mê Lécmôntốp, đam mê những người vùng núi kiên cường và bất khuất của nhà thơ, mê chàng Lamin của ông. Một lần nữa má lại sợ cuống lên.

Giờ đây, khi tôi đã trưởng thành, quả thật với một niềm xúc động có đôi chút nhuốm mầu ân huệ, tôi thường hồi tưởng lại những đam mê thuở thiếu thời của tôi. Những niềm đam mê ấy đã dậy tôi rất nhiều.

Tuy nhiên, tôi chẳng có gì giống những cậu bé cuồng nhiệt và ồn ã kia, những cu cậu, mỗi khi xúc động cứ rối rít lên và không còn để cho ai được yên thân. Ngược lại tôi vốn nhút nhát và không bao giờ để cho những niềm đam mê của tôi phiền nhiễu bất cứ một ai.

NHỮNG CÁNH RỪNG BRIANXCƠ

Mùa thu năm 1902, tôi chuẩn bị vào học lớp dự bị của trường Trung học số 1 của Kiép. Người anh thứ hai của tôi, anh Vađim, đã từng học ở đó. Sau khi nghe Vađim kể về những gì đã xảy ra ở trường, tôi bắt đầu hoảng: thậm chí tôi đã khóc và van má giữ tôi ở nhà.

- Hay con thích là một học sinh tự do? Má hỏi tôi, vẻ hoảng hốt.

Học sinh tự do là những trẻ em học tập tại nhà và chỉ đến trường trung học để tham dự các kỳ thi cuối năm.

Theo những gì mà các anh tôi kể lại, tôi hình dung rất rõ số phận ghê người của những đứa trẻ khốn khổ kia. Người ta cố tình đánh trượt chúng tại các kỳ thi, người ta đua nhau chế giễu chúng bằng mọi cách, người ta đòi ở chúng nhiều kiến thức, rất nhiều, hơn cả ở các học sinh khác. Học sinh tự do đừng bao giờ nên hy vọng gì ở sự giúp đỡ của bất cứ ai. Thậm chí người ta không thèm nhắc bài cho chúng.

Tôi hình dung các cậu bé kia gầy dộc đi, cơ thể hao mòn vì phải học gạo, mắt sưng húp vì khóc nhiều, tai thì dỏng lên và mặt mũi chín nhừ vì quá xúc động. Hình ảnh ấy quả là tội nghiệp, đáng thương. Vậy nên tôi chịu thua và chấp nhận đến trường.

- Thôi được! Con sẽ không làm học sinh tự do.

- Õng ẹo vừa chứ! - Từ phòng của anh, Bôria, anh cả tôi, thét lên. - Hơi tí là sụt sùi!

- Má cấm anh không được làm khổ em! – Má tôi phát khùng và quát Bôria.

Má xem Bôria, con trai của má, như một kẻ nhẫn tâm và má không hết ngạc nhiên: chẳng hiểu nó giống ai mà bất nhân như vậy? Rõ ràng là anh ấy giống người bà nội Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi. Tất cả các thành viên khác của gia đình chúng tôi đều có đặc điểm là cực kỳ nhậy cảm, rất gắn bó với mọi người và, hơn thế nữa, là hoàn toàn không có tinh thần thực tiễn.

Ba tôi thấu hiểu mọi nỗi hãi hùng lo sợ của tôi, mọi sự buồn tủi và dằn vặt của tôi và bao giờ cũng tìm ra phương thuốc bất ngờ cho những đau khổ của tôi. Sau khi điều qua tiếng lại nhẹ nhàng với má, ba quyết định giao tôi cho cậu Nicôla, em trai của má.

Đó chính là người học sinh sỹ quan Pêtécbua

vui tươi, người đã có lần đến Séccaxi thăm bà ngoại và rất thích nhảy van với dì Nađia. Sau khi tốt nghiệp kỹ sư pháo binh, cậu đã cưới vợ và được bổ nhiệm về Brianxcơ, một thành phố thuộc tỉnh Oren, công tác tại một nhà máy khá lâu đời sản xuất những chiếc xe kéo pháo, mà người ta gọi là "Binh Công Xưởng".

Mùa hè năm ấy, cậu Nicôla đã thuê một *đatra*[1] làm nhà nghỉ ở giữa rừng trong vùng Brianxcơ. Ngôi nhà ấy thuộc một cơ ngơi cổ, cơ ngơi Rêvơni bị bỏ hoang từ lâu. Cậu cũng gợi ý chúng tôi thuê một cái khác, cũng ở ngay trong viên trang ấy. Mặc dù có hơi xa, ba má tôi đã nghe theo gợi ý của cậu. Nhưng họ chỉ rời Kiép sau khi chị tôi và các anh tôi kết thúc kỳ thi cuối năm. Vì vậy tôi đã được gửi đi trước một mình.

- Phải để nó quen dần, - ba tuyên bố. - Như vậy sẽ rất có lợi cho những cậu bé rõ ràng là thiếu bản lĩnh như nó.

Ba gửi cho cậu Nicôla một lá thư. Ba đã nói gì với cậu? Tôi không rõ. Còn má thì lấm lét lau nước mắt và chuẩn bị cho tôi chẳng thiếu thứ gì trong một va li nhỏ kèm theo một bản liệt kê các lời dặn dò đủ loại.

1. Đatra: nhà gỗ ở nông thôn Nga, thường dùng làm nhà nghỉ.

Người ta mua cho tôi một vé xe lửa hạng hai đến tận Xinêdécxki: Nhà nghỉ của cậu Nicôla cách địa điểm ấy khoảng mười vécxtơ[1].

Mọi người đưa chân tôi ra ga, kể cả Bôria. Ba gặp riêng một lát với người soát vé có bộ râu xám và giúi cho ông ta một ít tiền.

- Xin bà chớ lo, thưa bà, - người kiểm soát vé hứa - tôi sẽ nâng niu cậu ấm như nâng trứng[2].

Má xin các bà hành khách cùng toa để mắt tới tôi và nhất là đừng để tôi xuống các sân ga. Các bà sốt sắng nhận lời. Tôi rất ngượng và kín đáo kéo tay áo của má.

Người ta loan báo tầu sắp khởi hành; mọi người ôm hôn tôi, thậm chí cả Bôria, mặc dù anh ấy không thể không giúi ngầm cho tôi một "quả lê", như người ta vẫn gọi đùa như vậy: móng tay cái ấn xuống đỉnh đầu đau điếng người.

Rồi cả gia đình bước xuống sân ga. Riêng má, má lưỡng lự chưa muốn rời tôi. Má nắm tay tôi và nhắc:

- Ngoan con nhé. Con nghe mẹ nói không? Phải ngoan đấy. Và nhất là phải hết sức thận trọng.

Má ngắm tôi từ đầu đến chân với một cái nhìn

1. Vécxcơ: đơn vị đo chiều dài của Nga bằng 1067 mét

2. Nguyên bản: Tôi sẽ để ý tới cậu bé như một sợi lông tơ

dò xét. Còi tầu vang lên. Má ôm chầm lấy tôi lần cuối cùng rồi buông ra ngay và với bước đi thoăn thoắt má tiến về phía cửa toa tầu, váy áo má kêu sột soạt. Má nhảy khỏi toa tầu lúc này đã bắt đầu lăn bánh. Ba đưa tay đón má và lắc đầu.

Đứng ngay bên cửa sổ đã sập xuống tôi trông thấy má gấp gáp bước dọc theo con tầu, trước mắt mọi người, và chỉ đến lúc đó tôi mới khám phá ra rằng má tôi rất đẹp, nhỏ nhắn và chan chứa tình thương. Nước mắt tôi lã chã rơi xuống cái bệ cửa sổ bụi bậm của toa tầu.

Tôi đứng nhìn ra ngoài hồi lâu rồi tôi không trông thấy má và cả nhà ga nữa. Phía sau khung kính cửa sổ, trước mắt tôi loang loáng vụt qua chằng chịt những đường ray, những đầu máy đang om sòm di chuyển, và sau hết là ngôi nhà thờ mới xây theo kiến trúc gô-tích trên đường phố Vaxiliépxki đang từ từ trôi qua cứ như đang tự quay tròn tại chỗ.

Tôi không dám xoay người lại vì sợ các bà khách đồng hành có thể sẽ nhận ra đôi mắt ươn ướt của tôi. Rồi tôi sực nhớ lại ở nhà người ta đã đánh điện báo cho cậu Nicôla là tôi sắp đến với cậu. Biết rằng bản thân đã thực sự là đối tợng của một bức điện, tôi cảm thấy tự hào và vững tâm hơn.

Sàn tầu rải thảm nhung đỏ. Trong toa không

khí có vẻ ấm cúng và thoải mái. Cứ như tuân theo một mệnh lệnh nào đó, những tia nắng bụi bặm đồng loạt hối hả chạy từ góc này đến góc kia của toa xe để rồi, cũng hăm hở như vậy, đuổi nhau theo hướng ngược lại: con tầu thoát khỏi sự huyên náo, lộn xộn của vùng ngoại ô Kiép rồi dần dần tăng tốc.

Người ta đã đưa tôi vào một toa dành riêng cho các bà. Đó là đòi hỏi của má. Tôi kín đáo quan sát và thăm dò các bạn nữ đồng hành lớn tuổi của tôi. Một người trong số họ, một phụ nữ người nước ngoài ngăm ngăm đen và khô gầy, gật đầu đầy vẻ khuyến khích rồi mỉm cười để lộ cả hàm răng và đưa cho tôi một hộp kẹo hoa quả. Tôi lúng túng không biết phải làm gì. Nhưng tôi vẫn cảm ơn bà ta và nhặt lấy một chiếc kẹo dính dính.

- Ăn đi! - Hành khách thứ hai ra lệnh. Đó là một cô gái khoảng mười sáu tuổi, mắt xếch lấp lánh vẻ tinh nghịch, vận đồng phục nữ sinh trung học mầu hạt dẻ - Nuốt đi, ngại gì!

Qúy bà người nước ngoài, hẳn là một gia sư, nói gì đó với cô gái bằng tiếng Pháp với một giọng nghiêm khắc. Cô gái nhăn mặt đáp lại. Cáu tiết, bà gia sư liến thoắng tuôn ra một tràng dài tiếng Pháp như một khẩu liên thanh nhả đạn. Cô nữ sinh trung học không thèm nghe bà ta nói hết, vùng vằng đứng dậy và đi ra hành lang.

- Ô la la! Bọn trẻ bây giờ! - Người bạn đồng hành thứ ba thở dài. Đó là một bà già nhỏ bé, tròn như một quả bóng còn cái miệng thì giống một tấm bánh quy tròn. Và quả thật, đúng là có một cái bị chứa đầy bánh quy có rắc những hạt anh túc treo lủng lẳng trên đầu bà ta. – Bọn trẻ ngày nay, thôi thì khỏi phải bàn!

- Ồ, ô... ô... ô! – Bà gia sư đung đưa cái đầu tỏ vẻ tán thành.

Và bà ta cố gắng nói bằng tiếng Nga:

- Ngang bướng! Đỏng đảnh, tinh tướng!

Cái từ "tinh tướng" kia có nghĩa gì? Tôi không biết, nhưng tôi ngờ ngợ rằng đó là một điều xấu, vì bà già nhỏ con tròn trùng trục kia ngước mắt lên trời và buông một tiếng thở dài não nuột đến nỗi bà gia sư người Pháp ngước mắt nhìn bà ta với vẻ rất chăm chú.

Tôi muốn nhìn qua cửa sổ và vì vậy tôi cũng bỏ ra ngoài hành lang. Cô nữ sinh trung học đang đứng đó, bên cạnh khung cửa đã được hạ xuống.

- Kìa! Víchto đấy à! - Cô ấy reo lên. - Lại đây, chúng mình cùng ngắm cảnh.

- Tên tôi không phải là Víchto, - tôi đỏ mặt trả lời.

- Không quan trọng, tên gì chẳng được, cứ lại đây.

Tôi bước lên cái lò sưởi bên thành toa và nhoài người ra ngoài cửa sổ. Con tầu lăn bánh trên cây cầu vắt qua dòng sông Đơnhiépprơ. Tôi thấp

thoáng trông thấy Tu Viện Những Hang Động, thành phố Kiép xa xa và dòng sông Đơnhiépprơ lúc này khi lũ đã xuống đã để lộ ra những bãi cát mịn xung quanh các mố cầu.

- Cái mụ già! - cô gái lẩm bẩm - Một Bà ái. Nhưng cậu đừng sợ. Một bà già nhân hậu đấy.

Đấy, hành trình của tôi bắt đầu vậy đấy. Nó khiến tôi mệt nhoài vì ngoài giờ nghỉ đêm, tôi đã phải đứng suốt ngày bên cạnh một cửa sổ rộng mở. Nhưng tôi rất vui. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được sự vô tư đặc trưng của những chuyến ngao du khi người ta không phải suy nghĩ về bất cứ điều gì, khi người ta chỉ có một việc là chiêm ngưỡng cảnh vật trôi qua sau khung kính cửa sổ một con tầu: những cánh đồng lúa mì, những khóm cây, những nhà ga xinh xắn, nơi những chị gái quê chân đất bán sữa, những thửa ruộng nhỏ như lòng bàn tay, những người bẻ ghi, những ông sếp ga đội những chiếc mũ lưỡi trai đỏ bụi bặm, những chú ngỗng, những cậu bé làng quê đuổi theo con tầu và thi nhau gào thét: "Ông ơi, ông, ném cho con vài xu!"

Thuở ấy, hành trình đến được Brianxcơ quả là khá ngoằn ngoèo; nó phải chạy vòng rất xa ở Lơgốp và Navơlia. Phải mất ba ngày con tầu mới đến được Xinêdécki.

Nó chạy rất khoan thai, dừng lại khá lâu ở các nhà ga, thở phì phì trước những tháp nước. Cứ mỗi khi tầu dừng bánh, hành khách lại chen lấn nhau đổ xô ra ngoài, ùa đến các quầy ăn, hoặc đi tìm nước nóng hoặc mua những mẹt dâu đất, những con gà giò quay của các chị nông dân. Sau đó, mọi người bình tâm trở lại. Đã đến giờ tiếp tục hành trình từ lâu, nhưng một sự im lặng mơ màng bỗng trùm xuống sân ga, nắng như thiêu như đốt, những đám mây lững lờ trôi lê theo những cái bóng xanh lơ của chúng trên nền đất, hành khách ngủ gà ngủ gật, nhưng con tầu vẫn không hề nhúc nhích. Chỉ riêng cái đầu máy thì vẫn phì phò một cách nặng nề và làm rơi xuống nền cát những giọt nước nóng bỏng và dầu mỡ.

Cuối cùng, lão sếp ga ộ ệ trong chiếc áo rơđanhgốt vải bạt bước ra sân ga, lau mồ hôi bộ râu mép, đưa còi lên miệng và huýt một hơi dài. Chiếc đầu máy không trả lời và vẫn tiếp tục thở phì phò. Người sếp ga buộc phải uể oải bước đến tận cái đầu máy và lắp lại hồi còi. Chiếc đầu máy vẫn ương bướng câm lặng. Cho đến hồi còi thứ ba hay thứ tư gì đó, cuối cùng nó mới vặc lại bằng một tiếng còi gầm ngắn và bất bình rồi từ từ chuyển động.

Tôi lại nhoài người ra, tôi biết rằng ngay sau cột tín hiệu đã là những bờ đường thoai thoải mọc

đầy cỏ ba lá và hoa chuông và sau nữa là một rừng thông. Ngay sau khi con tầu tiến vào rừng, tiếng gõ đều đều của bánh xe trở nên vang hơn, dội hẳn lên, cứ như trong cả khu rừng, những bác thợ rèn vui tính đang hăm hở thi nhau nện búa.

Đây là lần đầu tiên tôi được trông thấy Nước Nga Miền Trung. Tôi mê xứ sở này hơn cả Ucraina. Nó hoang vắng hơn, mênh mông hơn và hoang dã hơn. Tôi yêu thích mọi thứ ở đây: những cánh rừng, những con đường mọc đầy cỏ dại, những cuộc trò chuyện với nông dân.

Bà bạn đồng hành ngồi cạnh tôi, cái bà già nhỏ bé ấy, chẳng làm gì sất, chỉ có một việc là ngủ. Bà gia sư đã nguôi nguôi và ngồi móc những nút đăng ten. Còn cô nữ sinh trung học cũng nhoài người ra ngoài cửa sổ và vừa sẽ ngân nga một làn điệu gì đó vừa thoăn thoắt bứt những chiếc lá đang trôi theo dọc con tàu.

Hai giờ một lần, cô gái lấy lẵng thức ăn ra, nhấm nháp rất lâu và ép tôi cùng ăn. Chúng tôi ăn ngon lành những quả trứng cưng cứng, thịt gà giò lạnh, những tấm bánh và uống nước chè.

Sau bữa ăn, chúng tôi lại treo người trên cửa sổ, mùi kiều mạch đang độ ra hoa làm chúng tôi ngất ngây. Bóng của con tầu bập bùng, bập bùng loang loáng trôi qua những cánh đồng và ánh sáng

mặt trời dào dạt tràn vào toa tầu của chúng tôi trong một làn ánh sáng mầu da cam vàng óng đến nỗi khiến chúng tôi không còn phân biệt được gì trong khoang xe dường như bị nhấn chìm trong một màn sương mù khói lửa.

Con tầu đến được Xinêdécki lúc chạng vạng tối. Người kiểm soát vé đưa hộ va li của tôi xuống sân ga. Tôi hy vọng cậu Nicôla hoặc mợ Maruxia đã đợi tôi ở đó từ lâu, nhưng sân ga rất vắng vẻ. Các bà bạn mới quen của tôi tỏ ra rất bối rối.

Con tầu dừng lại Xinêdécki trong chốc lát rồi lại chuyển bánh trong khi tôi vẫn bất động bên cạnh chiếc va li. Tôi chắc rằng cậu tôi vì một lý do gì đó đã bị trễ và có thể đến đón tôi vào bất cứ lúc nào.

Đúng lúc ấy một nông dân râu ria lởm chởm, đội một chiếc mũ lưỡi trai đen, lôi thôi lếch thếch trong một chiếc vextông cũ, chuôi của một chiếc roi cắm vào một bên ủng, bước thấp bước cao dọc theo sân ga tiến dần về phía tôi. Lão có mùi cỏ khô và mùi mồ hôi ngựa.

- Cháu phải không, Côxtích? - Lão hỏi - Ta ra đón cháu đây. Cậu cháu, ông đại úy, bảo lão ra đón cháu và đưa cháu về bình an vô sự. Nào, đưa hành lý của cháu đây, để chúng ta ra về.

Đó là thử thách cuối cùng theo dụng ý của ba. Sau đó tôi được biết trong thư gửi cậu Nicôla, ba khẩn khoản yêu cầu để không ai ra ga đón tôi.

Người xà ích tên là Nikita thì thầm một cái gì đó về ông đại úy, cậu tôi, rồi đỡ tôi lên ngồi, trong chiếc xe ngựa chở hàng, trong mớ cỏ khô phủ một tấm vải bạt. Lão lấy những chiếc rọ ăn đầy đại mạch khỏi mõm những con ngựa, treo lên chỗ ngồi của lão và chúng tôi lên đường.

Chúng tôi lăn bánh hồi lâu qua những cánh đồng đêm đang xuống dần, rồi con đường bắt đầu leo lên những quả đồi giữa những cánh rừng. Thỉnh thoảng, trong những thung lũng, cỗ xe lăn bánh trên những cây cầu gỗ, bên dưới óng ánh một làn nước đầm lầy đen ngòm. Những hơi gió ẩm ướt, mùi cỏ tranh phập phồng trong không gian. Xa xa, phía bên kia những cánh rừng và những bưng biền bồng bềnh nổi lên một mảnh trăng đỏ ngầu, tàn úa. Chúng tôi nghe thấy tiếng kêu của một con diệc sao và Nikita đưa ra lời nhận xét:

- Vùng này của chúng tôi rất vắng vẻ, toàn rừng là rừng. Gỗ, nước, nhiều vô kể. Trong khắp cả tỉnh Oren, không nơi nào ngào ngạt như vùng này.

Chúng tôi tiến sâu vào một khu rừng thông để rồi chẳng bao lâu sau trượt xuống một cái dốc dài đổ vội vào một lòng sông. Những ngọn thông che khuất mảnh trăng và trời đêm khép lại xung quanh chúng tôi. Trên đường, phía trước chúng tôi, nghe có tiếng người. Bỗng nhiên tôi cảm thấy lo sợ.

- Bác phải không, Nikita? – giọng nói quen thuộc của cậu Nicôla reo lên.

- Hơ! Nikita thét lên và kìm cương ngựa. – Chớ còn ai nữa, chúng tôi đây! Hơ! hơ! Ma quỷ thánh thần ơi!

Ai đó tóm lấy tôi, nâng tôi lên và trong bóng tối lờ mờ tôi nhận ra cặp mắt nheo cười của cậu Nicôla và hai hàm răng trắng của cậu. Cậu hôn tôi rồi lập tức trao tôi cho mợ Maruxia.

Mợ đón tôi trong vòng tay âu yếm và mỉm cười nụ cười hiền hậu của mợ. Thoang thoảng xung quanh mợ một mùi hương vani rất dễ chịu: hẳn là trước đó không lâu, mợ vẫn còn đang rối bận nhào bột làm bánh ga tô.

Mọi người thoải mái ngồi xuống đệm cỏ, trừ lão xà ích Nikita tiếp tục đi bộ bên cạnh những con ngựa.

Trước hết chúng tôi đi qua một cây cầu cũ, đen ngòm, vắt qua dòng sông. Dòng sông thì sâu, lấp lánh và khoác một màn sương dầy. Dưới một cây cầu khác, một con cá nhảy khỏi mặt nước rồi nặng nề rơi trở lại dòng sông. Cuối cùng, sượt mạnh qua một bên cột của một cái cổng lớn, cỗ xe tiến sâu vào một công viên rợp bóng với những thân cây cao vút, cứ như tán lá của chúng lẫn vào bầu trời đầy sao.

Đến giữa công viên, nơi giới thảo mộc quần tụ đông đảo nhất, dưới những tán lá bồ đề ken dầy

dường như những tia nắng từ trên cao khó lòng rẽ nổi một lối đi để in hoa lên mặt đất, những con ngựa dừng lại trước một ngôi nhà gỗ nhỏ, ánh sáng lung linh trên các cửa sổ. Hai con chó, một trắng một vàng - con Xung kích và con Mười Lăm Xu - ùa tới sủa inh ỏi và cuống quýt nhảy quanh để liếm mặt tôi.

Chiều tối hôm ấy bắt đầu thời gian lưu lại của tôi ở Rêvơni, trang viên Pôchemkin cổ kính, nằm sâu trong những cánh rừng cổ thụ của Brainxcơ chằng chịt khe rạch sông ngòi, giữa những người nông dân hiền hậu của vùng Ôren, trong một công viên lâu đời và mênh mông đến mức không ai biết chính xác nơi nó kết thúc và nó hòa vào những cánh rừng ở chỗ nào.

Đây thực sự là những ngày hè cuối cùng của thời thơ ấu của tôi. Ngay sau đó đã là trường trung học. Gia đình chúng tôi mỗi người một ngả. Tôi đã phải sống một mình khi còn quá trẻ. Tôi đã phải tự lập thân, xoay xở một mình ngay từ những năm tháng cuối cùng của trường trung học và tôi đã hoàn toàn tự cảm thấy là một người lớn.

Và cũng chính là từ mùa hè năm ấy, tôi đã thiết tha gắn bó với Nước Nga Miền Trung, mãi mãi gắn bó, với toàn bộ tâm hồn của tôi. Tôi thật sự không biết một xứ sở nào khác được con tạo phú

cho một sức mạnh trữ tình to lớn và đậm đà, một cảnh quan ngoạn mục đằm thắm làm xiêu lòng người với một vẻ buồn man mác, một bầu không khí thanh bình với những không gian mênh mông như miền Trung nước Nga. Tình yêu mà xứ sở này thổi vào tâm hồn ta không phải là một thứ mà người ta có thể cân đong đo đếm được. Từ đáy lòng mình ai cũng biết vậy. Nơi đây, chúng ta yêu thương từng ngọn cỏ trĩu nặng sương đêm rồi được mặt trời dần dần sưởi ấm, mỗi họng nước bắt nguồn từ trong rừng sâu rồi bất thần vọt ra giữa một vách đá, từng khóm cây bên bờ một cái hồ, cành lá sẽ run lên trong làn gió nhẹ, mỗi tiếng gà gáy sáng, mỗi đám mây đang êm đềm trôi ở tít tắp trên kia, trên nền trời xanh nhạt.

Và nếu có khi nào đó tôi đã từng mơ ước sống đến tuổi một trăm hai mươi, như lão Nétsipo đã bói qủa cho tôi, điều đó chỉ vì, nếu chỉ sống một đời, làm sao người ta có thể khai thác được triệt để mọi mê li, và tất cả sức mạnh hồi xuân của thiên nhiên Nga của chúng ta.

Thời thơ ấu của tôi sắp qua rồi. Tiếc thay chúng ta chỉ bắt đầu nhận ra sức quyến rũ của tuổi thơ khi chúng ta đã bước vào tuổi trưởng thành. Khi chúng ta còn là những đứa trẻ, cái gì cũng khác lạ. Chúng ta luôn nhìn đời bằng cặp mắt

mới mẻ và trong trẻo, đối với chúng ta cái gì cũng huy hoàng rực rỡ.

Mặt trời nồng nhiệt hơn, những ngọn cỏ cao hơn, những thảo nguyên ngào ngạt hơn, sấm nổ vang rền hơn, mưa rơi vui tươi và hối hả hơn và đặc biệt là trái đất thì ngàn lần bí hiểm hơn. Đất mẹ quê ta cũng là tặng phẩm tuyệt vời nhất trong những món quà mà tạo hóa đã dành cho cuộc đời của chúng ta. Một tặng phẩm mà chúng ta phải nâng niu chăm chút, phải che chở với tất cả sức mạnh tinh thần và vật chất của chúng ta.

NHẤT QỦY NHÌ MA

Không giống như những cu cậu cùng lứa tuổi, tôi chẳng thèm khát, đố kỵ gì. Cuộc đời của các học viên Trường Thiếu sinh quân Kiép, những thiếu niên chưng diện những chiếc ngù vai trắng tinh có điểm những chữ cái đầu từ một mầu vàng óng ả rất đẹp, tên gọi học hiệu của họ và cứ mỗi khi gặp một vị tướng trên đường là lập tức dập hai gót đứng nghiêm thi lễ theo phong cách nhà binh. Tôi cũng chẳng ghen tuông gì mấy cô cậu học sinh trung học mặc dù những chiếc áo capốt mầu xám, may bằng dạ sỹ quan có đính những chiếc cúc bạc xinh xinh được xem là rất thanh lịch. Ngay từ khi còn đang ở lứa tuổi mần non, tôi đã rất thờ ơ, lãnh đạm đối với những bộ đồng phục, trừ y phục hải quân.

Mùa thu năm 1902, khi lần đầu tiên tôi buộc phải lồng vào chiếc quần dài và khoác lên người chiếc áo varơ cao cổ, đồng phục của học sinh trung

học, tôi cảm thấy rất gò bó, chẳng khác gì bị gông cùm và trong một thời gian, tôi tự cảm thấy cứ như một người khác, không còn là mình nữa. Một cậu bé nước ngoài với chiếc mũ cát két to tướng trên đầu. Bỗng nhiên tôi cảm thấy ghét cay ghét đắng những chiếc mũ mầu xanh cứng đơ kia, với những chiếc phù điêu to tổ bố của chúng, bởi vì dưới những vành mũ ấy tôi thấy thấp thoáng ló ra những cái tai giống như quai hũ của những người bạn nhỏ mới làm quen của tôi, những học sinh của lớp dự bị.

Mà cũng kỳ thật, cứ mỗi khi cái vật trùm đầu kia vừa được nhấc khỏi, thế là những vành tai của họ lập tức lấy lại hình dáng bình thường của chúng. Nhưng chỉ cần trả nó về chỗ cũ, loáng một cái, những cái tai lại xoè ra hình quạt. Chẳng phải ngẫu nhiên đâu, dụng tâm cả đấy, người ta nói vậy, đó là để cho viên tổng giám thị Bôđianxki dễ dàng tóm cổ cái tên “nhất qủy nhì ma” của ông và nói với một giọng làm dựng tóc gáy:

- Lại trễ giờ, sao vậy ông mãnh? Muốn tốt úp mặt vào tường và liệu cái thần hồn!

Vì vậy, ngay sau khi má mua cho tôi cái mũ cát két đáng ghét kia, giống như má đã từng mua cho các anh tôi, tôi lập tức tháo bỏ cái khung kim loại thanh mảnh lồng ở trong và lột luôn miếng đệm

bằng xatanh. Trong con mắt của mọi người, chiếc mũ càng có vẻ cũ nát xộc xệch bao nhiêu, cậu học sinh chủ nhân của nó nom càng chững chạc, càng tư thế bấy nhiêu. Điều này đã trở thành truyền thống.

- Chỉ mấy cu cậu học gạo và những kẻ liếm gót giầy mới đội mũ cát-két mới! - Các anh tôi khẳng định.

Vì vậy đương nhiên là phải ngồi lên nó, phải vo tròn và nhét nó vào túi quần, phải dùng nó để ném những quả hạt dẻ chín. Sau đó, nó sẽ có được cái dáng dấp nhà binh, niềm tự hào của một học sinh trung học chững chạc.

Ngoài ra người ta còn mua cho tôi một chiếc cặp có giải đeo, phía lưng phủ một lớp da tuần lộc mềm như lụa, một cái hộp bút, những quyển vở kẻ ô, những quyển sách tập đọc mỏng của các lớp dự bị. Và thế là má đưa tôi đến trường.

Bà ngoại Vikenchia Ivanốpna thời gian này cũng đang sống với chúng tôi ở Kiép. Bà kéo tôi lại gần, chúc phúc cho tôi và quàng vào cổ tôi một chiếc dây chuyền mát lạnh mang một thánh giá bé tí xíu. Bà cởi cúc cổ chiếc áo varơ dạ đen của tôi, đôi bàn tay run run, luồn cái dấu thánh vào trong cổ áo rồi, quay mặt đi, bà đưa chiếc khăn lên chấm chấm cặp mắt rơm lệ.

- Thôi, đi học đi cháu - bà nói bằng một giọng

trầm và sẽ đẩy tôi về phía cửa - Ngoan cháu nhé và cố gắng chăm học.

Tôi đi cùng với má. Chốc chốc tôi lại ngoái cổ lại nhìn ngôi nhà của chúng tôi cứ như người ta đang đưa tôi ra đi vĩnh viễn.

Thời gian ấy chúng tôi sống ở phố Bách Thảo - Nicônxcô, một đường phố yên tĩnh và rợp mát. Khắp nơi xung quanh ngôi nhà của chúng tôi, đâu đâu cũng dựng lên cao vút những cây dẻ khổng lồ, trầm tư mặc tưởng. Những chiếc lá hình chân vịt của chúng bắt đầu rụng. Không gian ngập nắng, rất xanh, ấm áp nhưng cũng đầy những bóng râm mát mẻ, đúng là một bầu trời thu đặc trưng Kiép. Bà ngoại vẫn đứng đó, bên cạnh cửa sổ và lần nào tôi quay lại, bà cũng gật đầu ra hiệu cho tôi đến khi chúng tôi rẽ vào đường phố Taraxốp. Má vẫn im lặng bước đi.

Khi chúng tôi đến được quảng trường Nicôla Đệ nhất và khi, sau bức rèm cây lá xanh tươi của quảng trường, tôi thấp thoáng trông thấy cái kiến trúc mầu vàng của nhà trường, bất giác tôi oà lên khóc. Có thể vì lúc ấy tôi hiểu rằng thời thơ ấu của tôi thế là đã chấm dứt, rằng từ đây tôi sẽ phải vất vả, cực nhọc, rằng sứ mệnh của tôi sẽ rất lâu dài và cay đắng và rằng tương lai sẽ chẳng có gì giống những ngày tháng thanh bình đã trôi qua ở nhà.

Tôi dừng lại, ôm chặt lấy má và, đầu vùi vào những nếp gấp của tấm áo dài của má, tôi tấm tức nức nở đến nỗi cái hộp bút long lên sòng sọc trong cái cặp sách trên lưng tôi, cứ như muốn hỏi cậu chủ nhỏ bé của nó cái gì đã xẩy ra với cậu. Má cởi mũ tôi ra và lau nước mắt cho tôi bằng chiếc khăn mềm và thơm của má.

- Đừng khóc nữa! - Má nói - Con tưởng má không buồn sao? Nhưng phải vậy thôi.

Phải vậy thôi! Từ trước đến nay, chưa bao giờ có lời lẽ nào của má đập vào cân não tôi mạnh như ba cái từ kia. "Phải vậy thôi!"

Càng lớn lên, tôi càng hay nghe người lớn khẳng định rằng ta cần phải sống "như người ta phải sống chứ không phải như người ta muốn hay người ta thích". Khá lâu, tôi không tài nào tự giải thích được và cuối cùng đã phải hỏi:

- Chẳng lẽ người ta không có quyền sống theo sở thích mà bắt buộc phải sống theo sự áp đặt của kẻ khác?

Nhưng người ta đã yêu cầu tôi đừng bàn tới những gì mà tôi không hiểu. Còn má, một hôm má nói với ba:

- Thấy chưa? Kết quả giáo dục vô chính phủ của anh đối với con là thế đấy!

Ba kéo tôi lại, ghì chặt đầu tôi vào ngực chiếc

áo gilê trắng của ba và nói với tôi bằng một giọng bông đùa:

- Trong cái nhà này chẳng ai hiểu ba con mình đâu Côxtích của ba ạ.

Khi đã nguôi nguôi, tôi không nức nở nữa và hai má con tôi tiến vào ngôi nhà chính của nhà trường. Một cái cầu thang rộng, mà lâu ngày gót giầy đã mài mòn làm ánh lên một thứ ánh sáng xỉn mầu thiếc, dẫn lên tầng trên nơi vọng ra tiếng ì ầm đùng đục như dọa nạt, giống như tiếng vù vù của một bầy ong lớn.

- Đừng sợ - má nói để tôi yên tâm - bây giờ là giờ ra chơi.

Chúng tôi bước vào cầu thang. Đây là lần đầu tiên má buông ra không dắt tay tôi nữa. Hai cậu con trai lớn xuống thang ngược chiều chúng tôi. Họ né người nhường lối cho chúng tôi. Một trong hai chàng trai nói sau lưng tôi:

- Người ta lại tha đến cho chúng ta thêm một nhóc con tội nghiệp!

Thế là tôi đã nhập vào cái đám học trò tinh nghịch không người che chở của lớp dự bị, giữa "nhốn nháo những nhất qủy nhì ma" như người lớn thường gọi chúng tôi. Người ta đã gán cho chúng tôi danh hiệu ấy vì, nhỏ tuổi và hiếu động, chúng tôi thường nghịch ngợm như qủy sứ vào những giờ ra chơi và "lúc nhúc" làm vướng chân họ.

Hai má con tôi đi qua phòng khánh tiết rộng mênh mông mầu sơn trắng tinh của nhà trường, trên tường treo chân dung các vị hoàng đế. Bức chân dung Alếchdandơ để lại trong ký ức tôi một dấu ấn rất sâu đậm. Trong ảnh, hoàng đế ép vào đùi một chiếc mũ vành ba múi mầu xanh thẫm. Bộ râu quai nón vàng hung lăn tăn gợn sóng ôm lấy khuôn mặt mèo của hoàng đế. Tôi không thích nhà vua này mặc dù sau lưng ông ta, tôi thấp thoáng trông thấy một toán kỵ sĩ đội những chiếc mũ có cắm lông chim đang phi nước đại trên những ngọn đồi.

Đến cuối phòng, chúng tôi vào ngay văn phòng của tổng giám thị Bôđianxki, một người béo ị vận một chiếc áo rơđanhgốt theo đúng nghi thức nhưng rộng thùng thình như một tấm áo choàng của phụ nữ sau khi tắm.

Ông ta đặt lên đầu tôi một bàn tay nặng nề với những ngón tay chuối mắn, suy nghĩ hồi lâu rồi cuối cùng buông ra:

- Phải chăm học, nếu không ta sẽ nuốt sống!

Má nở một nụ cười gượng. Bôđianxki cho gọi khán hộ Cadimia và ra lệnh cho ông này đưa tôi vào lớp dự bị.

Má gật đầu ra hiệu cho tôi; Cadimia chộp lấy vai tôi và lôi tôi lệch xệch đi theo những dẫy hành

lang dài vô tận. Ông ta bám vai tôi rất chặt, có lẽ sợ tôi vùng ra quay trở lại với má.

Đang giữa giờ học. Những dãy hành lang rất im ắng và không một bóng người. Sự tịch mịch kia có vẻ rất khác thường nhất là sau cái cảnh huyên náo ghê người của giờ ra chơi mà giờ đây tất cả những gì còn lại chỉ là những đám bụi. Những đám bụi như khói bồng bềnh trong những tia nắng dọi qua những khung cửa sổ của mảnh vườn. Mảnh vườn nổi tiếng của Trường Trung học số 9 của Kiép: một khu vườn cổ kính bách niên chiếm toàn bộ diện tích của một khu cư dân ở giữa kinh thành.

Khi đi lướt qua một khung cửa sổ, tôi ném vội một cái nhìn vào khu vườn và bỗng cảm thấy rưng rưng nước mắt. Những chiếc lá liễu, mầu hoa cà và đã hơi khô, xào xạc trong làn gió nhẹ.

Buổi ấy, mặc dù chỉ là một đứa bé, tôi đã có một thái độ kính cẩn đối với những khu vườn và mọi loài cây cỏ. Không bao giờ tôi bẻ một nhành cây hoặc phá phách những tổ chim. Có lẽ vì bà ngoại Vikenchia Ivanốpna đã dậy tôi rằng "thế gian này cực kỳ tươi đẹp và con người phải sống và lao động ở đó như ở giữa một khu vườn lớn".

Thoáng thấy tôi rơm rớm nước mắt, Cadimia lấy ra từ trong túi chiếc áo rơđanhgốt tuy đã sờn cũ nhưng rất sạch của ông ta một chiếc kẹo có nhân rất xốp và nói với tôi bằng giọng Balan:

- Giờ ra chơi sắp tới, cháu ngậm mẩu đường nhỏ này nhé.

Những ngày đầu tiên ở trường, tôi chỉ nói thì thầm và không dám ngẩng cao đầu. Cái gì cũng khiến tôi hãi hùng: những ông thầy râu ria trong những chiếc áo rơđanhgốt mầu xanh, những trần nhà vòm cổ kính, những tiếng vọng đáp lời nhau trong những dẫy hành lang dài bất tận và, sau hết, là ông hiệu trưởng Bexméctơni, một ông già rất phong độ với một bộ râu vàng óng, chững chạc trong một bộ y phục không chê vào đâu được.

Đó là một người học vấn cao cường, rất hiền từ nhân hậu, nhưng chẳng hiểu tại sao có vẻ rất khuôn phép và tôi rất sợ ông ta. Có lẽ tất cả là tại cái phòng làm việc rất rộng và uy nghi của ông với cái trần nhà có những hình nổi trang trí bằng vữa giả đá hoa, tại tấm thảm lớn màu đỏ và bức chân dung giáo sư Pigôrốp, nhà phẫu thuật nổi tiếng, treo trên tường. Thầy hiệu trưởng của chúng tôi rất ít khi ra khỏi phòng làm việc. Những lúc như vậy chúng tôi phải dừng lại và chào thầy theo đúng lễ nghi phép tắc. Trong khi đối với các thầy khác, chúng tôi chỉ cần chào xã giao theo thông lệ trong khi vẫn tiếp tục bước chân.

Cadimia đưa tôi đi dọc theo những hành lang âm vang dưới bước chân. Hành lang nào cũng có

một người lững thững đi đi lại lại, thỉnh thoảng ném một cái nhìn dò xét vào các phòng học qua phần phía trên có lắp kính của những cánh cửa ra vào. Đó là những viên giám thị được người ta gán cho những biệt danh rất ngộ nghĩnh như *Dưa bở, Chó cún, Thuốc lá hít*... Trong số giám thị, người duy nhất được học sinh qúy mến là Platông Phêđôrôvích. Hành lang dọc theo trước lớp học của tôi tình cờ nằm dưới sự giám sát của Platông Phêđôrôvích. Sự tình cờ may mắn này đã tránh cho tôi, trong thời gian đầu, khá nhiều phiền toái.

Nhiệm vụ của những con tốt cài trên bàn cờ kia là theo dõi hành vi của học sinh và ton hót với tổng giám thị bất cứ một trường hợp sai phạm nào. Dù to dù nhỏ, mọi lỗi lầm đều dẫn đến một hình phạt: giữ lại một vài giờ (nói cách khác, kẻ có tội phải khắc khoải đợi chờ trong một phòng học hoang vắng, sau các giờ học), điểm không về hạnh kiểm và cuối cùng phụ huynh học sinh có thể bị triệu đến gặp hiệu trưởng. Chúng tôi ớn nhất hình thức trừng phạt sau cùng này.

Đối với các học sinh lớn, còn có những hình phạt khác: đuổi khỏi trường tạm thời hoặc vĩnh viễn nhưng có quyền được theo học ở nơi khác, nhưng hình phạt khủng khiếp nhất là bị tống cổ khỏi trường với một "thẻ hạnh kiểm xấu" và lệnh

cấm không được theo học ở bất cứ một trường trung học nào.

Tôi chỉ được chứng kiến một trường hợp bị đuổi với tấm "thẻ hạnh kiểm xấu". Khi ấy tôi đang học năm thứ hai. Một học sinh năm cuối cùng hình như đã tát Iagorxki, giáo viên tiếng Đức, một kẻ rất tàn ác có nước da xanh bủng. Iagorxki đã mắng anh ta là đồ ngu trước cả lớp và chàng trai đòi ông ta phải xin lỗi. Bị cự tuyệt thẳng thừng, cậu học trò đã cho ông thầy một cái tát nên thân. Và thế là chàng trai bị đuổi với hình phạt khủng khiếp kia.

Ngày hôm sau, chàng trai trở lại trường. Không viên giám thị nào dám cản đường. Anh ta xộc thẳng vào lớp, rút ra một khẩu súng ngắn và chĩa thẳng vào Iagorxki.

Ông thầy tiếng Đức đứng phắt dậy, quyển sổ ghi điểm che đầu, ba chân bốn cẳng giữa những dãy bàn học tìm nơi ẩn nấp sau lưng học sinh của ông ta.

- Đồ hèn! - Chàng trai thét lên.

Rồi anh ta quay gót, bước ra thềm nghỉ và cho một phát trúng tim.

Cánh cửa phòng học của chúng tôi mở ra ngay bậc thềm nghỉ ấy. Chúng tôi nghe thấy một âm thanh khô ròn, một tiếng kính vỡ. Rồi một cái gì đó ngã vật xuống và lăn long lóc xuống cầu thang.

Thầy giáo lớp tôi vội lao về phía cửa. Chúng tôi chạy theo thầy.

Một thiếu niên mặt tàn nhang sóng soài trên bục cầu thang. Cậu ta đưa tay lên bám vào lan can nhưng ngay sau đó bàn tay mở ra và cậu ta nằm bất động, mắt dán vào chúng tôi, nét mặt tươi cười trông thật lạ.

Mấy viên giám thị hớt hải cuống quýt xung quanh chàng trai. Rồi thầy hiệu trưởng xuất hiện, bước chân gấp gáp. Ông quỳ xuống bên cạnh chàng trai và cởi cúc chiếc áo varơ của ông. Và người ta thấy chiếc áo sơ mi của thầy lấm chấm máu tươi. Mấy y tá phòng cấp cứu, áo quần mầu hạt dẻ, chiếc mũ kêpi kiểu Pháp, đã chạy đến bên vỉa hè. Họ bình thản đỡ cái thân hình bất động lên một cái cáng.

- Đưa tất cả bọn trẻ ra khỏi đây ngay! Thầy hiệu trưởng ra lệnh cho thầy giáo chúng tôi.

Nhưng hẳn là chẳng nghe thấy gì, chúng tôi vẫn đứng im không nhúc nhích.

Lúc này Iagorxki đã ra khỏi phòng học của các học sinh lớn. Hai bờ vai co rúm, ông ta đưa chân về phía căn phòng dành cho các giáo viên.

- Cút ngay! - Bỗng thầy hiệu trưởng thét lên đuổi theo ông ta.

Iagorxki xoay người lại.

- Cút khỏi nhà trường của chúng tôi ngay! Thầy hiệu trưởng dằn từng tiếng, vẫn với cái giọng ra lệnh ấy.

Và, chân nam đá chân xiêu, Iagorxki hớt hải bỏ chạy dọc theo hành lang.

Ngày hôm sau, má không muốn để tôi đến trường, nhưng má đã nghĩ lại và tôi vẫn đi học như thường lệ. Sau hai giờ, các lớp hoãn buổi học. Người ta cho chúng tôi biết rằng tất cả những ai mong muốn đều được phép đến dự lễ mai táng người bạn xấu số.

Và thế là, loắt choắt, hãi hùng, lúng ta lúng túng trong những chiếc áo capốt dài, trên lưng là những cái cặp sách cứng, tất cả chúng tôi đã đến dự đám tang.

Trời lạnh và mù sương. Cả trường lầm lũi theo sau chiếc quan tài ngập dưới những vòng hoa. Thầy hiệu trưởng đưa tay dìu một bà già tóc hoa râm, ăn mặc tiều tụy, mẹ của người bạn xấu số.

Buổi ấy, tôi chưa hiểu hết ý nghĩa của những sự cố loại này, tuy nhiên tôi đã nhận thức được rằng, qua những trường hợp như vậy, cuộc đời đã cho ta một bài học vỡ lòng về tình đoàn kết. Chúng tôi lần lượt bước lại gần phần mộ còn để mở và mỗi người rắc xuống một nắm đất ẩm như để nguyện rằng chúng tôi sẽ mãi mãi là bạn bè, mãi mãi gắn bó chung thủy với nhau.

Tuy nhiên, tất cả những sự kiện ấy mãi sau này mới diễn ra, một thời gian khá dài sau khi Cadimia đã đưa tôi đến lớp dự bị.

Thầy giáo Nadarencô, một người có giọng nói vang như sấm, với bộ râu xanh đen gợn sóng như râu các nhà vua Axiri, ngồi chễm trệ sau bàn viết của ông. Học trò lớp trên mệnh danh ông ta là "Lão - Nỏ - Mồm". Và họ cũng khẳng định rằng đó là một mật vụ, tay chân của cảnh sát quốc gia.

Trong suốt một năm trời cho đến khi chúng tôi chuyển sang lớp trên, Nadarencô đã hành hạ chúng tôi, chúng tôi ở đây có nghĩa là những học sinh sơ học, với giọng nói sấm rền của ông ta, với những lời chế diễu, những điểm xấu mà ông ta áp đặt cho chúng tôi và đặc biệt với cái tật rất xấu là cứ thích kể đi kể lại rất tỉ mỉ cho chúng nghe trước kia ông đã từng bị người ta rạch xẻ những ngón chân chỉ vì những chiếc móng thụt của chúng. Tôi rất sợ và rất ghét ông ta. Tôi đặc biệt ghét ông ta vì những câu chuyện về những cuộc giải phẫu kia.

Tôi ngồi trước một cái bàn học trò thấp lè tè và nham nhở những vết dao cắt khía, chạm trổ. Một mùi mực viết chua chua bồng bềnh trong căn phòng. Nadarencô đọc chính tả cho chúng tôi: "Một hôm một con thiên nga, một con tôm và một con cá măng..." Bên ngoài cánh cửa sổ rộng mở, một chú

chim sẻ đậu trên một cành cây, một chiếc lá tần bì khô trên mỏ. Ước gì tôi có thể đổi số phận của tôi cho nó. Con chim ném một cái nhìn vào lớp học, buột ra những tiếng chiêm chiếp như một lời than vãn và cái lá rơi khỏi miệng.

- Tên mới đến kia - Nadarencô gầm lên - lấy vở ra viết chính tả. Đừng phí thời gian nhìn ngang liếc dọc thế kia nếu cậu không muốn bị giữ lại sau giờ học.

Tôi lấy vở ra và bắt đầu viết. Một giọt nước mắt rơi xuống tờ giấy thấm. Bỗng cậu bạn ngồi cạnh tôi, một cậu bé nước da ngăm đen, với cặp mắt tươi cười, tên là Sơmukhơle thì thầm:

- Nuốt nước bọt đi, sẽ ổn cả thôi.

Tôi nuốt nước bọt nhưng vẫn không ổn. Một hồi lâu, thậm chí tôi không thể hít căng lồng ngực.

Thế đấy, năm đầu tiên của tôi ở trường trung học đã trôi qua như vậy đấy. Bụi đất, những cuộc thi nhau đuổi bắt vào những giờ ra chơi, nỗi thấp thỏm lo sợ bị gọi lên bảng, những ngón tay dây đầy mực, chiếc cặp sách nặng như cùm và những ký ức về thiên đường đã mất, tiếng leng keng nghe rất vui tai của những chiếc xe điện trên đường phố Kiép, những điệp khúc đơn điệu và xa vắng của chiếp hộp đàn có tay quay của lão Bácbari, tiếng the thé còi hiệu của những đầu máy xe lửa đang

rời sân ga. Kìa, những con tầu nặng nề đã từ từ lăn bánh để xông vào và băng qua những cánh rừng thưa và những cánh đồng sau mùa gặt hái, không ngừng khạc lên trời từng làn hơi nước nóng bỏng, trong khi, gò lưng trên những chiếc bàn viết, chúng tôi sặc sụa trong đám bụi phấn mà chiếc khăn lau khô khốc làm long ra từ chiếc bảng đen.

*

* *

Đối diện với lớp học của chúng tôi là phòng thí nghiệm vật lý và hoá học. Muốn vào phòng người ta phải qua một khung cửa hẹp. Trong giờ ra chơi, chúng tôi thường liếc mắt nhìn trộm vào căn phòng. Những chiếc bàn viết được xếp thành từng dãy như trong một giảng đường.

Chỉ những học sinh lớp trên mới được phép lai vãng phòng thí nghiệm. Tất nhiên, trong hành lang, chúng tôi thường làm vướng chân vướng cẳng họ và kết cục đã khiến họ nổi khùng. Một hôm, một người trong bọn họ rít lên một hồi còi dài. Thế là tất cả các bạn của anh ta lao về phía chúng tôi, bầy nhóc con khốn khổ. Họ tóm lấy chúng tôi và lôi xềnh xệch vào giảng đường. Rồi họ ngồi vào bàn viết, mỗi người kẹp một đứa chúng tôi giữa hai đầu gối làm tù binh.

Lúc đầu, chúng tôi thấy khoái chuyện này. Chúng tôi chăm chú quan sát những dụng cụ bí hiểm xếp hàng trên những cái giá: những cái đĩa đen ngòm, những chiếc bình thí nghiệm cổ dài, những khối cầu bằng đồng.

Rồi hồi chuông đầu tiên vang lên trong hành lang. Chúng tôi bắt đầu vùng vẫy để thoát khỏi sự kìm kẹp. Nhưng các đại ca không buông tha chúng tôi. Họ ghì chặt lấy chúng tôi và những đứa cứng đầu nhất trong chúng tôi nhận được những "quả lê", những cú móng tay nhọn bập xuống sọ đau điếng người, làm đổ đom đóm mắt.

Hồi chuông thứ hai réo lên như thúc giục, như đe dọa. Thế là bọn nhóc chúng tôi rẫy rụa điên cuồng, lạy lục van xin và khóc lóc om sòm. Những tên cai ngục của chúng tôi không hề nao núng. Anh chàng cao to nước da xanh tái vẫn đứng canh chừng ở cửa.

- Hãy xem chừng - Bọn kia kêu lên cảnh báo anh ta - Tính toán chính xác vào.

Chúng tôi chẳng hiểu họ nói gì. Chúng tôi gào lên vì hoảng sợ. Một lát sau, hồi chuông thứ ba vang lên. Thầy Nadarencô tiến vào một lớp học vắng lặng không một bóng người. Hẳn là thầy cáu lắm. Nước mắt chúng tôi có tuôn như suối có lẽ cũng không thể làm dịu nổi cơn thịnh nộ của thầy.

Rồi tiếp đó là hồi chuông thứ ba. Chúng tôi thi nhau rống lên, gào lên, thét lên. Ngoài cửa, anh chàng nước da tái nhợt giơ tay lên. Thầy giáo vật lý đã xuất hiện ở cuối hành lang. Ông ta ung dung tiến bước, với vẻ ngờ vực chăm chú lắng nghe những tiếng kêu khóc thảm thiết tràn ngập giảng đường.

Đó là một người rất to béo, vạm vỡ. Thậm chí đã nghiêng hẳn người, ông ta vẫn phải vất vả lắm mới lách qua được khung cửa hẹp. Đây chính là điểm tựa của sự tính toán của những tên đang tra tấn hành hạ chúng tôi. Đúng lúc thầy giáo đang bị kẹt trong khung cửa, tên đầu têu của cái trò quái ác này dập cánh tay xuống. Lập tức cả bọn buông chúng tôi ra. Bất giác, không kịp hiểu gì mà cũng chẳng kịp thấy gì, đồng loạt, chúng tôi nức nở ầm ĩ phòng học vật lý và hối hả lao xuống những bậc thang, chúng tôi chen nhau ùa về phía lớp học của chúng tôi... Và thế là với tất cả trọng lượng của mình, chúng tôi đè lên con người hoảng hốt kia.

Trong khoảnh khắc, như một cơn lốc, những cái đầu nhỏ bé húi cua bắt đầu quay cuồng, lồng lộn ngay gần cánh cửa. Rồi, như một chiếc nút chai, thầy giáo vật lý bị bật trở lại hành lang và đang có đà, cả bọn chúng tôi dồn về phía thầy giáo để nhanh chóng về lớp học của chúng tôi. Cũng may là thầy Nadarencô hôm ấy đến lớp muộn nên chẳng nhận ra điều gì khác thường.

Bọn học trò lớp trên chỉ chơi khăm chúng tôi được mỗi một lần. Chúng tôi đã cảnh giác. Mỗi khi thấy bọn họ xuất hiện ở cuối hành lang, chúng tôi lập tức trốn vào lớp, đóng cửa, lấy bàn ghế chèn lại.

Cái trò tinh nghịch khiến chúng tôi mất nhiều nước mắt ấy chính là tác phẩm của cái tên học sinh trung học nước da xanh tái tên là Bagrốp kia. Vài năm sau, tại nhà hát kịch, lại cũng chính anh ta là người đã chĩa súng ngắn bắn Xtôlipin, bộ trưởng của Sa hoàng. Viên bộ trưởng đã chết còn Bagrốp thì bị treo cổ.

Trong suốt phiên toà xét xử, người học sinh trung học xưa kia giữ một thái độ rất thờ ơ, lãnh đạm. Sau khi nghe bản phán quyết, anh ta thản nhiên nói:

- Đời ta có ăn thêm vài miếng thịt nữa hay không cũng chẳng có gì là quan trọng cả.

Ba má tôi tranh luận khá lâu về trường hợp Bagrốp và phân vân không rõ chẳng hay anh ta thực sự là một nhà cách mạng hay là một mật vụ của cảnh sát quốc gia, cơ quan đã đứng ra tổ chức ám sát Xtôlipin để làm hài lòng Sa hoàng. (Nicôla Đệ nhị lúc này rất căm thù viên bộ trưởng vì không khuất phục được ý chí của ông ta). Về phần mình, ba tôi khẳng định rằng một người có khả năng phát biểu những lời lẽ vô sỉ như vậy quyết không thể là một phần tử cách mạng.

NƯỚC SÔNG LANHPÔPÔ

Những chiếc lọ có gắn xi và chứa đầy một thứ nước vàng nhờ nhờ được đặt trên một cái bàn trong phòng học của chúng tôi. Mỗi lọ mang một cái nhãn trên đó người ta ghi bằng một nét chữ cọc cạch của một bàn tay già nua: "Nước sông Nin", "Nước sông Lanhpôpô", "Nước Địa Trung Hải".

Có cả một loạt những chai lọ như vậy. Chúng chứa đầy nước sông Vônga, sông Ranh, sông Tamidơ, nước hồ Misigân, nước Biển Chết, nước sông Amadôn. Nhưng chúng tôi đã hoài công soi mói phân biệt sự khác nhau của những thứ nước ấy. Trong tất cả những chiếc lọ kia, nước đều cùng một màu vàng nhợt nhạt và có cùng một vẻ ảm đạm như nhau.

Chúng tôi đã mè nheo thầy giáo địa lý của chúng tôi, thầy Trécpunốp, đòi thầy cho phép chúng tôi nếm thử nước của Biển Chết. Chúng tôi muốn biết thật sự nó có mặn như người ta vẫn nói không.

Nhưng thầy Trécpunốp nhất định không cho.

Với bộ râu xám rủ xuống đến gần thắt lưng, với cặp mắt nheo nheo, và dáng dấp loắt choắt của thầy, giáo sư Trécpunốp trông giống như một phù thủy. Cũng chẳng phải vô cớ người ta đã gán cho thầy cái biệt danh "Trécnômo"[1].

Thầy đến lớp, cánh tay ôm nặng đủ mọi vật thể rất kỳ dị. Thầy đặc biệt nâng niu những lọ nước. Và thầy đã kể cho chúng tôi nghe thầy đã kiếm được nước sông Nin ở gần Cairô như thế nào.

- Các em hãy nhìn đây - và thầy lắc lắc cái lọ – hãy nhìn phù sa trong chiếc lọ này. Phù sa sông Nin quý hơn cả kim cương. Chính là nhờ có nó mà nền văn minh của Ai Cập đã sinh sôi nảy nở. Máccốpxki, hãy giảng cho các bạn từ *văn minh* nghĩa là gì.

Máccốpxki đứng dậy và giải thích rằng *văn minh* có nghĩa là trồng trọt ngũ cốc, nho khô và thóc gạo.

- Ngớ ngẩn, nhưng cũng gần với thực tế – Trécpunốp nhận xét.

Và thầy tiếp tục cho chúng tôi xem những cái lọ khác.

Thầy rất tự hào đã có được một ít nước sông

---

1. Trécnômo: hà bá trong thần thoại Nga.

Lanhpôpô do một học trò cũ, thầy nói vậy, gửi biếu thầy.

Để giúp chúng tôi nhớ kỹ các địa danh, thầy đã nghĩ ra một cách rất độc đáo. Ví dụ, thầy vạch lên bảng đen một chữ "A" hoa rất to. Trong góc phải, thầy viết một chữ "A" nhỏ hơn; trong chữ "A" nhỏ này là một chữ thứ ba và cuối cùng, trong chữ thứ ba là chữ thứ tư. Sau đó thầy nói:

- Hãy nhớ kỹ: đây là Á châu; ở châu Á có xứ Ả-rập; ở Ả-rập có thành phố Ađen; ở Aden có người Anh.

Chúng tôi nhớ ngay và sẽ nhớ suốt đời.

Học sinh năm cuối cùng kể rằng ông già đã dựng lên cả một bảo tàng địa lý trong căn hộ của ông ta, nhưng ông không để bất cứ ai lọt vào bảo tàng. Họ khẳng định rằng ở đó có những chú chim sâu nhồi rơm, một bộ sưu tập những cánh bướm và thậm chí có cả một cục vàng thiên nhiên.

Được nghe kể đi kể lại về cái bảo tàng kia, tôi cũng nảy ra ý định dựng lên một bảo tàng nhỏ cho riêng tôi. Tất nhiên, nó chẳng có gì đặc sắc, thậm chí nó còn nghèo nàn tội nghiệp, nhưng trong trí tưởng tượng của tôi, nó vẫn có tầm vóc của một vương quốc diệu kỳ. Những câu chuyện lịch sử lý thú đủ các loại được gắn liền với mỗi một hiện vật trong bảo tàng: cúc của chiếc áo dài của một người

lính La-mã hoặc một con côn trùng phơi khô, vài chú bọ ngựa.

Một hôm tôi gặp Trécpunốp ở Vườn Bách Thảo. Ngồi trên một chiếc ghế dài còn ẩm nước mưa, ông già đang đào đất bằng một chiếc gậy nhọn. Tôi nhấc mũ chào.

- Lại đây! ông ta nói và đưa cho tôi một bàn tay mũm mĩm. Ngồi xuống và hãy nói xem nào. Hình như ở nhà, em cũng có một bộ sưu tập? Cho thầy biết em có những gì, được chứ?

Tôi rụt rè kể tóm tắt về cái kho báu khiêm nhường của tôi. Trécpunốp nở một nụ cười hiền hậu.

- Được đấy! - ông ta nói. - Sáng chủ nhật mời em đến chơi. Thầy sẽ ưu tiên cho em tham quan bảo tàng của thầy. Vì em có vẻ say sưa, có thể em sẽ trở thành một nhà địa lý hay một nhà khám phá.

- Má em cùng đến được không, thưa thầy?

- Sao cơ, cùng với má em sao?

- Má cùng đến với em thăm thầy, được chứ ạ?

- Không được, tại sao phải đi với má? Hãy đến một mình. Các bà mẹ chẳng hiểu gì về địa lý đâu.

Chủ nhật, bảnh bao chững chạc trong một bộ đồng phục mới, tôi đi một mình đến nhà thầy. Thầy sống ở phố Péttrécxcơ, trong một căn hộ thấp ở chái nhà phía cuối một cái sân, xung quanh trồng những bụi đinh hương xum xuê, đến mức những gian nhà vĩnh viễn bị chìm trong bóng tối lờ mờ.

Mùa thu sắp tàn, nhưng đinh hương vẫn chưa ngả sang mầu vàng. Sương mù vẫn tí tách trong đám lá cành. Dưới kia, trên dòng sông Đơnhieppơ, những con tầu hú lên những hồi còi dài. Chúng đang trên đường trở về ẩn náu tránh cái băng giá của một mùa đông khắc nghiệt sau những bờ vịnh xanh dương và ấm áp của chúng. Khi trôi ngang qua Kiép, theo lệ thường, chúng vẫn gửi thành phố những lời chào từ biệt.

Tôi bước lên những bậc thềm và trông thấy, gắn lên bờ tường, một cái ly nhỏ bằng đồng với một cái núm tròn kéo dây chuông. Tôi giật dây. Âm thanh trong veo của một cái chuông nhỏ reo lên trong nhà.

Đích thân Trécpunốp ra mở cửa cho tôi. Ông già khoác một chiếc áo vét mặc trong nhà và đi một đôi dép lê bằng dạ.

Những điều kỳ diệu bắt đầu ngay từ cửa ra vào. Trước mắt tôi, trong một tấm gương lớn hình bầu dục xuất hiện một cậu học sinh trung học nhỏ bé, mặt đỏ bừng vì bối rối, những ngón tay vụng về của cậu đang luống cuống cởi những chiếc cúc áo. Tôi không nhận ngay ra đó chính là hình ảnh của bản thân tôi. Một hồi lâu tôi không sao khuất phục nổi những chiếc cúc áo nhỏ bé kia. Tôi cố đánh vật với chúng trong khi vẫn lấm lét liếc nhìn cái khung kính.

Nói cho đúng, đó chẳng phải là một cái khung mà là một vòng hoa lá và những chùm nho bằng pha lê phơn phớt đủ mọi mầu sắc.

- Cái này làm bằng thủy tinh Vơnidơ, - Trécpunốp nói trong khi vẫn giúp tôi cởi chiếc áo capốt rồi treo nó lên mắc áo. – Hãy đến gần mà nhìn cho kỹ. Thậm chí em có thể sờ nó xem sao.

Tôi rụt rè vuốt nhẹ một bông hồng thủy tinh. Loại thủy tinh này có hơi mờ, không trong lắm, cứ như được xát bột, nhưng trong giải ánh sáng hẹp từ gian phòng bên cạnh dọi sang, nếu trông suốt qua, người ta có thể thấy thấp thoáng một làn ánh sáng phớt hồng.

- Trông cứ như kẹo lucum, - tôi nhận xét.

- Ngớ ngẩn, nhưng cũng gần với thực tế, - Trécpunốp lẩm bẩm.

Tôi ngượng chín người đến mức mắt tôi nóng bừng lên, cay sè. Trécpunốp vỗ vai tôi:

- Đừng giận. Ta thường quen miệng nói vậy. Thôi, vào đi. Em sẽ ăn sáng với chúng tôi.

Tôi rất bối rối và định từ chối, nhưng ông già nắm lấy khuỷu tay và dẫn tôi vào phòng ăn. Chúng tôi lọt vào giữa một gian nhà giống như một mảnh vườn. Để ngồi vào bàn, ông già phải thận trọng rẽ đám lá xum xuê của một khóm ráy thơm và những cành cây dài mềm mại với những quả thông đỏ, thơm phức từ trần nhà rủ xuống. Những

tán lá hình quạt của một cây cọ ngả xuống gần chạm chiếc khăn bàn trắng tinh. Những chậu hoa mầu hồng, vàng và trắng chen chúc nhau trên những bệ cửa sổ.

Vừa ngồi vào bàn ăn tôi đã bật đứng dậy ngay. Bước đi thoăn thoắt, cánh áo dài sột soạt, một thiếu phụ tiến vào phòng ăn. Bà ta không cao lớn lắm, cặp mắt xám và nồng nàn.

- Masa này, đây là cậu học sinh trường trung học mà tôi đã kể với bà, - Trécpunốp nói và hất hàm về phía tôi. – Con trai Ghêóocghi Mắcximôvích đây. Đương nhiên là cậu ấy còn bỡ ngỡ, rụt rè.

Bà ta đưa tay cho tôi. Cái xuyến trên cổ tay sẽ reo lên:

- Thế nào, Pie, liệu ông có thể giảng giải cặn kẽ mọi thứ cho cậu bé không? – bà ta hỏi và mỉm cười nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Tất nhiên, nhưng trước hết chúng tôi phải ăn sáng đã.

- Nếu vậy, tôi phải tranh thủ thời gian lên phố. Tôi định đến cửa hàng bánh ngọt Kiếctrơhem mua vài thứ.

- Tùy bà.

Người phụ nữ rót trà cho tôi; bà ta không cho sữa mà thả vào một lát chanh mỏng và đẩy chiếc lẵng đầy bánh xốp về phía tôi.

- Hãy ăn lấy sức mà theo dõi bài giảng.

Sau khi dùng trà, Trécpunốp châm một điếu thuốc lá. Ông ta gạt tàn vào một chiếc vỏ sò, một chiếc vỏ sò xôm xốp phủ đầy bọt hoá thạch một sắc hồng cao nhã. Một chiếc vỏ sò thứ hai tương tự đặt ngay bên cạnh.

- Đây là những chiếc vỏ sò Tân Ghinê, - Trécpunốp cho tôi biết.

- Thôi, tôi đi nhé! Người phụ nữ nói với giọng dứt khoát.

Bà ta đứng dậy và ra khỏi phòng.

- Thế đấy, - Trécpunốp buột miệng và đưa mắt nhìn theo người thiếu phụ.

Rồi ông ta chỉ cho tôi bức chân dung treo trên tường. Tôi trông thấy một người đàn ông râu ria xồm xoàm, mặt đầy tàn nhang.

- Em biết ai đấy không? Đó là một trong số những con người tuyệt vời nhất của nước Nga. Nhà thám hiểm Míchlukhô - Mắclai. Một con người tâm hồn vĩ đại. Có thể em không hiểu biết ý nghĩa của mấy từ ngữ ấy. Nhưng không hề gì. Sau này em sẽ hiểu. Một nhà bác học, một con người tin tưởng ở tình huynh đệ của nhân quần. Ông ta sống độc thân, giữa những bộ tộc man rợ của Tân Ghinê, không vũ khí và bị dầy vò hành hạ bởi những cơn sốt rét rừng liên miên. Thế mà ông ta đã làm được

vô số những điều tốt lành và đã tỏ ra vô cùng khoan dung độ lượng đến mức, khi con tầu hộ tống Idumrút của chúng ta đến tìm để đưa ông trở lại nước Nga, hàng đoàn thổ dân *Idumút* kêu khóc thảm thiết trên bờ cát và đưa những cánh tay đen đủi về phía con tàu và gào lên: "Mắclai, Mắclai!" Em hãy nhớ kỹ điều này: với cái thiện ta có thể đạt được mọi thứ.

Người phụ nữ đã trở lại và dừng chân ở ngưỡng cửa của phòng ăn. Bà ta đội một chiếc mũ đen và đang lồng vào bàn tay trái một chiếc bao tay.

- À này, thơ ca là gì vậy? - Đột nhiên Trécpunốp hỏi tôi. – Em không nhất thiết phải trả lời. Vả lại không thể định nghĩa được đâu. Đây là một chiếc vỏ sò đem về từ hòn đảo nơi Mắclai đã từng sống. Nếu em nhìn thật kỹ, thật lâu, trong trí tưởng tượng, em sẽ thấy hiện lên một hình ảnh: một buổi sáng, ánh mặt trời đã dội xuống cái vỏ sò rồi lưu lại đó mãi mãi.

Người đàn bà ngồi xuống một chiếc ghế gần cửa ra vào và bắt đầu tháo chiếc găng tay mà ba ta chỉ vừa mới lồng vào.

Tôi chầm chầm ngắm nghía chiếc vỏ sò. Trong một khcảnh khắc, tôi có cảm giác rằng tôi đã chìm vào một giấc ngủ và tôi đã trông thấy mặt trời từ từ lên cao trên làn nước mênh mông trong suốt của

đại dương và cả ánh lấp lánh của những tia sáng mầu hồng.

- Nếu em úp cái vỏ sò vào tai, - giọng nói của Trécpunốp từ đâu đó rất xa vọng tới, - em sẽ nghe thấy tiếng sóng dạt dào. Ta không thể giảng giải cho em hiện tượng này diễn ra như thế nào. Và chẳng ai có thể giải thích cho em được đâu. Đó là một điều bí hiểm. Tất cả những gì mà con người không thể hiểu được đều được gọi là điều bí hiểm.

Người đàn bà bỏ mũ ra và đặt lên đầu gối.

- Hãy cầm lấy và lắng nghe, - Trécpunốp nói tiếp.

Tôi đưa chiếc vỏ sò lên tai và nghe thấy tiếng rì rầm như trong cơn ngái ngủ, cứ như xa xa, rất xa, những ngọn sóng đều đều dồn về phía bờ cát rồi lịm đi ở đó.

Người đàn bà đưa tay về phía tôi:

- Đưa tôi xem nào. Đã lâu lắm tôi không được nghe.

Tôi đem chiếc vỏ sò lại cho bà. Bà ta áp nó vào tai, đôi môi hé nở một nụ cười, thấp thoáng để lộ một hàm răng nhỏ nhắn, rất trắng và ươn ướt.

- Masa? Bà vẫn chưa đi cửa hàng Kiếctrơhem? - Đột nhiên Trécpunốp hỏi.

Người đàn bà đứng dậy.

- Tôi đã nghĩ lại. Đi một mình buồn lắm. Tôi xin lỗi đã làm phiền hai người.

Nói rồi, bà ta rời khỏi căn phòng.

- Sao? - Trécpunốp nói tiếp, - chúng ta tiếp tục câu chuyện chứ, anh bạn trẻ? Đằng kia, trong xó nhà có vài chiếc hòm gỗ sơn đen. Nhờ em đem hộ chiếc hòm trên cùng lại đây. Nhưng cẩn thận đấy.

Tôi đem chiếc hòm lại và đặt lên bàn, trước mặt ông già. Cái hòm rất nhẹ khiến tôi ngạc nhiên.

Trécpunốp nhẹ nhàng bật nắp hòm lên. Tôi ném một cái nhìn qua bờ vai ông ta và không kìm nổi một tiếng kêu ngạc nhiên. Dưới đáy hòm, một cánh bướm khổng lồ, lớn hơn cả một chiếc lá thích,trải rộng trên một mảnh lụa sẫm mầu và óng ánh như một chiếc cầu vồng.

- Em không biết cách nhìn rồi! - Trécpunốp nói có vẻ không hài lòng. - Phải nhìn thế này!

Ông ta chộp lấy đỉnh đầu tôi và xoay sang phải rồi sang trái. Cứ mỗi lần đổi hướng, cánh bướm lại rạng lên những mầu sắc khác nhau, xanh trắng, vàng và đỏ rực. Những cánh bướm dường như đốt lên một ngọn lửa thần kỳ, không thể nào tắt được.

- Đây là một loài bướm cực kỳ hiếm. Một con bướm công ngày của Boócnêô! - Trécpunốp khẳng định với vẻ rất tự hào, rồi ông ta đóng nắp hòm lại.

Sau đó, vị giáo sư già cho tôi xem một quả địa cầu, những tấm bản đồ địa lý có mũi tên chỉ hướng, những chú chim sâu nhồi rơm mỏ dài và nhọn như những mũi tên.

- Hôm nay thế là tạm đủ, - ông già nói – Em mệt rồi đấy. Nhưng cứ chủ nhật em có thể đến đây.

- Thầy luôn có ở nhà sao?

- Ừ. Ta già quá rồi, anh bạn ạ, không thể la cà hay đi đó đi đây được nữa. Vì vậy, giờ đây ta đang ngao du khắp thế giới trên những bức tường và trên những mặt bàn của ta.

Ông già chỉ cho tôi xem những dãy kệ đầy ắp sách vở và những chú chim sâu nhồi rơm.

- Hẳn là thầy đã đi du lịch nhiều nơi? – Tôi rụt rè hỏi.

- Ít nhất cũng bằng Mýchlukhô - Mắclai.

Tôi vội vàng khoác chiếc áo capốt, luống cuống đến nỗi không sao luồn vào được cánh tay áo. Đúng lúc ấy người đàn bà bước vào tiền sảnh. Bà ta vận một áo cánh ngắn rất vừa vặn, đội một chiếc mũ nhỏ, mang găng tay. Một tấm khăn trùm thẫm mầu buông xuống tận mắt. Cặp mắt lúc này hình như xanh hơn.

- Nhà em ở đâu? - bà ta hỏi tôi.

Tôi nói địa chỉ.

- Thế thì chúng ta cùng đi một đường chơ đến tận đại lộ Crêsáttrích. Nào, chúng ta cùng đi.

Chúng tôi ra khỏi phòng. Trécpunốp vẫn đứng ở cửa và nhìn chúng tôi lên đường. Rồi ông ta cất cao giọng:

- Masa, cẩn thận nhé. Rồi mau chóng mà về.

- Được rồi, - người đàn bà trả lời nhưng không quay đầu lại.

Chúng tôi đi qua trước chiến lũy Nicôla, cánh cổng được trang trí bằng những cái đầu sư tử bằng đồng, sau đó băng qua công viên Marinxki nơi trước đây tôi đã gặp viên trung uý hải quân, rồi cuối cùng rẽ vào đường Học Viện. Người đàn bà im lặng bước đi. Tôi cũng bước đi trong im lặng. Tôi rất sợ bị bà ta hỏi chuyện và bắt buộc phải trả lời.

Đến đường Học Viện, quả nhiên bất thần bà ta hỏi:

- Trong bảo tàng của chúng tôi, anh thích gì nhất?

- Con bướm công ngày, - tôi trả lời và, sau một khoảnh khắc im lặng, tôi nói thêm: - Chỉ có điều em rất thương nó.

- Vậy sao? - Người đàn bà ngạc nhiên hỏi - Tại sao anh thương nó?

Buổi ấy, chẳng ai hỏi tôi là "anh" và vì vậy tôi càng bối rối.

- Nó rất đẹp, - tôi trả lời, - thế mà hầu như không ai được chiêm ngưỡng nó.

- Anh còn thích gì nữa?

Đến đại lộ Crêsáttrích, chúng tôi dừng lại trước cửa hiệu bánh ngọt Kiếctrơhem. Người đàn bà hỏi tôi:

- Anh có được phép uống sôcôla trong một cửa hàng bánh ngọt không? Và ăn bánh ngọt?

Tôi chẳng biết tôi có được phép hay không, nhưng quả vậy tôi nhớ có một lần tôi đã cùng với má và chị tôi đến hiệu bánh Kiếctrơhem và chúng tôi đã cùng uống sôcôla ở đó. Vì vậy tôi vội vã trả lời:

- Sao không, tất nhiên là được!

- Thế thì tuyệt. Vậy chúng ta vào đi.

Chúng tôi ngồi ở cuối căn phòng. Người đàn bà đẩy cái lọ hoa tú cầu sang một bên, về phía mép bàn và gọi hai cốc sôcôla và chiếc bánh ngọt.

- Anh học lớp mấy? Khi người ta đem sôcôla ra, bà ta hỏi tôi.

- Thưa bà, năm thứ hai.

- Thế anh bao nhiêu tuổi?

- Mười hai.

- Còn tôi, tôi hai mươi tám. Tất nhiên, ở tuổi mười hai, người ta rất cả tin, người ta có thể tin mọi thứ.

- Xin lỗi? Tôi nói và cố gắng tìm hiểu xem bà ta muốn nói gì.

- Anh có sở thích riêng, những câu chuyện mà anh thích người ta kể cho nghe không?

- Vâng, có.

- Chồng tôi cũng vậy. Còn tôi thì không. Tại sao

anh không rủ tôi cùng chơi những trò chơi của anh? Chúng ta rất có thể cùng nhau vui chơi.

- Vậy chúng ta có thể cùng nhau chơi gì nào? - Tôi hỏi.

Câu chuyện bắt đầu trở nên sôi nổi.

- Chơi gì ư? Ví dụ, chúng ta có thể cùng chơi trò chơi "Cô lọ lem" hay "Lạc vào xứ sở của ông vua độc ác". Cũng có thể chúng ta nghĩ ra một trò chơi mới gọi là "Cánh bướm công ngày xứ Boócnêô".

- Ồ, đúng, đúng vậy! - Tôi đồng ý và cảm thấy toàn thân rạo rực. - Chúng ta sẽ cùng nhau vào cánh rừng ma đi tìm cái giếng thần kỳ.

- Có chết cũng chẳng sao, phải không?

- Tất nhiên! Chết cũng không sao.

- Chúng ta sẽ lấy một vốc thứ nước thần kỳ ấy - bà ta nói tiếp và đưa tay vén tấm khăn trùm lên trán. - Và khi một trong hai chúng ta cảm thấy mệt, người ấy sẽ thận trọng trút nước vào bàn tay người kia.

- Và cứ mỗi lần chúng ta trao nước cho nhau, một vài giọt sẽ rơi xuống đất và ở nơi giọt nước...

- Ở mỗi chỗ giọt nước rơi xuống, - bà ta tiếp lời tôi, sẽ tưng bừng mọc lên một khóm cây với những bông hóa khổng lồ trắng tinh. Rồi sau đó đến lượt cái gì, anh nghĩ sao?

- Chúng ta sẽ vẩy thứ nước thần diệu ấy cho cánh bướm và nó sẽ lại hồi sinh.

- Rồi nó sẽ hóa thân thành một cô gái xinh đẹp, đúng không? – Bà ta hỏi và phá lên cười. – Thôi, đã đến lúc chúng ta phải ra về. Có thể ở nhà người ta đang chờ anh đấy.

Chúng tôi ra khỏi cửa hàng. Bà ta đưa chân tôi đến tận góc phố Phunđucơlêép. Bà ta đi ngang qua đại lộ Crêsattrích. Và bà ta cũng ngoái cổ lại, mỉm cười với tôi và vẫy bàn tay nhỏ bé mang găng tay đen của bà.

Về đến nhà, tôi không biết kể với ai, - thậm chí với má - rằng tôi đã vào hiệu bánh ngọt Kiếctrơhem. Suốt bữa ăn, má phân vân mãi không hiểu tại sao tôi chẳng ăn uống gì cả. Tôi vẫn câm lặng. Tôi nghĩ về người đàn bà và tôi chẳng hiểu gì cả?

Ngày hôm sau ở trường, tôi hỏi một học sinh năm cuối cùng bà ta là ai.

- Té ra cậu đã đến nhà thầy Trécpunốp? – Cậu ta hỏi tôi.

- Đúng, tớ đã đến đó.

- Và cậu đã được xem bảo tàng của thầy?

- Đúng vậy, tớ đã được xem.

- Thì ra vẫn có những kẻ gặp may... - cậu ta nói - Vợ thầy giáo chứ còn ai. Thầy hơn cô ấy ba mươi lăm tuổi.

Chủ nhật tiếp đó tôi không trở lại nhà thầy Trécpunốp. Giữa tuần, thầy bị ốm và không đến trường được.

Vài ngày sau, trong khi dùng trà bữa tối, đột nhiên má hỏi tôi có gặp một thiếu phụ ở nhà giáo sư Trécpunốp không.

- Có, con có trông thấy một người, - tôi trả lời má, mặt tôi nóng ran.

- Thế thì đúng rồi! – Má nói và xoay người về phía ba. – Và, tuy nhiên, hình như ông ta rất tốt đối với cô ấy! Cô ta sống như một công chúa trong một chiếc lồng vàng.

Ba vẫn ngồi im.

- Côxtích, - má nói với tôi – con đã uống trà rồi. Vậy thì hãy vào phòng của con, cũng đã sắp đến giờ đi ngủ.

Má xua khéo tôi đi để có thể bình tĩnh nói chuyện với ba về Trécpunốp. Tôi không thích nghe trộm sau cánh cửa mặc dù tôi rất muốn biết má sẽ nói gì.

Nhưng, ở trường, chẳng bao lâu sau tôi đã biết được chuyện gì đã xẩy ra. Người đàn bà trẻ đã bỏ Trécpunốp và đã đi Pêtécbua. Ông già đã lâm bệnh vì quá đau khổ và không tiếp ai nữa.

- Đáng đời lão Trécpunốp! – một học sinh tên là Lithaoơ reo lên – Ai bắc lão lấy vợ trẻ.

Lời lẽ của tên kia khiến tất cả chúng tôi phẫn nộ vì chúng tôi rất yêu quý người thầy già nua của chúng tôi. Vì vậy, ngay giờ học sau, khi thầy giáo người Pháp tên là Xécmu tiến vào lớp học, chúng

tôi bắt tên Lithaoơ phải trả giá đắt vì tâm địa độc ác của hắn.

- Lithaoơ! Cả lớp đồng thanh tru tréo ầm lên, - Ithaoơ! Thaoơ! Aoơ! Ươ! Ơ!

Rồi cả lớp im bặt.

Xécmu đùng đùng nổi giận và, như thường lệ, chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì. ông ta thét lên:

- Lithaoơ, ra ngoài!

Và ông ta cho thằng kia xơi một điểm không về hạnh kiểm.

Chúng tôi không bao giờ gặp lại thầy Trécpunốp nữa. Và thầy cũng chẳng bao giờ trở lại trường.

Một năm sau, tôi tình cờ gặp thầy ở ngoài phố. Ông già chống gậy nặng nề lê từng bước, mặt mày vàng bủng và sưng húp. Thầy giữ tôi lại, hỏi thăm về việc học hành của tôi và hỏi:

- Em vẫn nhớ con bướm công ngày của ta đấy chứ? Con bướm Boócnêô ấy mà? Mất rồi, ta không còn nó nữa, cánh bướm công ngày ấy.

Tôi im lặng. Trécpunốp chăm chú nhìn tôi.

- Tôi đã tặng nó cho trường Tổng hợp. Nó, và cả bộ sưu tập bươm bướm của tôi. Thôi, tạm biệt em. Ta rất vui được gặp lại em.

Chẳng bao lâu sau Trécpunốp qua đời. Tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về ông và về bà vợ trẻ của ông. Cứ mỗi lần hồi tưởng lại chiếc khăn trùm đầu của cô, nụ cười của cô, cử chỉ của cô khi cô vẫy tay chào

trong khi đi ngang qua đại lộ Crêsáttrích, một làn sóng xôn xao nhưng khó hiểu lại ùa đến xâm chiếm toàn bộ tâm hồn tôi.

Khi tôi học năm cuối cùng, một hôm, giữa bài giảng về sức mạnh và sự phong phú của trí tưởng tượng, thầy giáo môn tâm lý học bỗng nhiên đưa ra câu hỏi:

- Các em vẫn nhớ giáo sư Trécpunốp và những cái lọ nước của giáo sư đấy chứ?

- Sao ạ? - chúng tôi đồng thanh đáp lại - Chúng em nhớ rất rõ ạ.

- Tốt, giờ đây tôi có thể cho các em biết rằng những chiếc lọ kia chỉ chứa thứ nước bình thường nhất vặn từ trong vòi ra. Các em sẽ hỏi với mục đích gì mà giáo sư Trécpunốp đã đựng cùng một thứ nước trong những chiếc lọ khác nhau? Giáo sư tin tưởng một cách có lý rằng, bằng cách ấy, giáo sư có thể khơi dậy và kích thích trí tưởng tượng của các em. Giáo sư Trécpunốp đánh giá rất cao khả năng tưởng tượng ở mỗi con người. Nhiều lần tôi đã được nghe giáo sư khẳng định rằng con người khác với những động vật khác ở chỗ con người có khả năng tưởng tượng. Chính trí tưởng tượng là cơ sở của nghệ thuật. Trí tưởng tượng có thể đẩy lùi biên giới của trần gian và của tư duy, và truyền cho cuộc sống cái phẩm chất mà chúng ta gọi là thơ ca.

NHỮNG CÂY BỒ ĐỀ TRỔ BÔNG

Chưa bao giờ tôi thấy nhiều bồ đề cổ thụ như vậy. Đêm xuống, những ngọn cây mất hút trên bầu trời. Và mỗi khi gió nổi lên, những vì sao chấp chới trong đám lá cành như những con đom đóm. Ban ngày, dưới chân những người khổng lồ ấy, ngự trị một bóng tối lờ mờ, còn trên kia, ở tít trên kia, trong đám lá cành mát rượi cả một quần thể những sinh linh có cánh muôn hồng nghìn tía vẫn huyên náo thi nhau đập vỗ, chập chờn và ríu rít gọi bầy.

- Hãy đợi một chút - cậu Nicôla nói với chúng tôi - chẳng bao lâu nữa bồ đề sẽ đầy hoa, và lúc đó các người sẽ thấy...

Cậu chẳng bao giờ nói rõ điều gì sẽ xẩy ra khi những cây bồ đề đơm đầy hoa. Nhưng chúng tôi biết rằng đến lúc đó công viên Rêvơni cổ kính sẽ trở thành một cảnh đào nguyên.

Từ hai năm nay, ngay sau khi kết thúc một học

kỳ, cả gia đình lại đến nghỉ trong cái cơ ngơi ấy. Ba tôi cũng thường đến với chúng tôi và lưu lại suốt cả kỳ nghỉ phép của ba.

Bị phá sản, người chủ của Rêvơni cho những người nghỉ hè thuê vài ba cái đatra[1] bằng gỗ rải rác trong khu vườn. Nhưng cái cơ ngơi này rất hẻo lánh, xa lánh hẳn cuộc đời, thị thành và đường sắt. Vì vậy hầu như chưa bao giờ chúng tôi cũng là những người thuê nhà duy nhất. Cậu Nicôla thuê một đatra còn chúng tôi thuê một cái khác.

Để có được một khái niệm về sức quyến rũ của những nơi này, có lẽ người ta phải miêu tả chúng với sự chính xác của một nhà đồ hoạ.

Một vườn bồ đề bị bỏ mặc, chi chít những bụi phủ và hắc mai, ken dầy đến mức không sao luồn lách qua được. Những chiếc ghế dài ruỗng mọt xiêu vẹo giữa những khóm tử đinh hương. Những lối dạo hoang sơ mang những cái tên nghe rất mê: "Đường đến điện thờ Nữ Thần Săn Bắn", "Lối đi những tiếng thở dài", "Thung lũng sơn ca".

Những khoảnh rừng thưa đầy nắng với một gốc thông cô đơn và những bông hoa dại, rồi lại tiếp đến bóng rợp của những cây bồ đề uy nghiêm, có lẽ hàng nghìn năm tuổi.

---

1. Đatra: nhà nghỉ ở vùng quê.

Khu vườn thoai thoải đổ về phía một dòng sông, sông Rêvơna. Và xa xa ở phía bờ bên kia, bỗng nhấp nhô những quả đồi um tùm cây cỏ. Ở đó chỉ lượn khúc một con đường cát mịn. Nó dẫn đến một tiểu giáo đường đổ nát nơi vẫn còn lay lắt một pho tượng Thánh Tikhôn Dađônxki. Qua khỏi chỗ này, con đường mất hút vào những đám cỏ khô.

Không ai dám một mình liều mạng đi xa hơn, kể cả Vôlôđia Rumiantxép, một sinh viên Học viện Thuỷ lợi và Lâm nghiệp Pêtécbua, tay bạo phổi nhất trong chúng tôi.

Rừng cây cao bọc sát ngôi tiểu giáo đường; một mùi lá mục ẩm ướt và mùi dương xỉ từng hơi từng hơi bốc lên từ những bụi lúp xúp. Hoàng hôn xuống, từng đàn cú mèo vù lên bay về phía khoảng rừng thưa.

Một lần, giữa trời đêm khuya khoắt, người ta nghe thấy tiếng gọi xa vắng từ khu rừng vọng tới. Đó là một người chạy chợ phiên, một dạng bán hàng rong, bị lạc đường. Từ tu viện Xvenxcơ anh ta đi bộ đến hội chợ Trubơtrépxcơ. Người gác rừng đã tìm được và đưa anh ta về Rênivơ. Người bán hàng rong, một người nhỏ bé với cặp mắt xanh lơ, khóc lên vì sung sướng và cuống quýt làm những dấu thánh.

Một hôm, toàn bộ cánh đàn ông, do Vôlôđia

cầm đầu, đem theo một chiếc la bàn, luồn sâu vào thám hiểm cánh rừng.

Ở đó chúng tôi đã bắt gặp những bãi sình lầy không dò nổi, um tùm dâu tằm và cây hoa bia. Từ dưới lòng thung vọng lên tiếng nước chảy róc rách, nhưng chẳng bao giờ chúng tôi tìm được bất cứ một con lạch nhỏ nào. Giữa rừng cuồn cuộn một dòng sông vô danh, nước trong vắt, trong suốt như pha lê. Từ trên bờ người ta có thể trông rõ hằng hà sa số những con cá nhỏ vùng vẫy quay cuồng dưới đáy làn nước trong veo.

Cuối cùng, chúng tôi thoáng trông thấy một cây thánh giá lớn mọt ruỗng, gần một dòng suối, ở một nơi hoang sơ. Một cái chén bằng kim loại móc ở một trong những thanh ngang. Một nhành dây leo quấn xung quanh buộc chặt cái chén với cây thánh giá. Chúng tôi nhẹ nhàng gỡ lấy cái cốc và dùng nó để múc nước của dòng suối. Nước có dư vị của sắt rỉ.

Người ta nghe thấy tiếng the thé của những con sếu, tiếng lanh lảnh của những con chim vàng anh và những con chim cắt bay lượn trên bầu trời. Những áng mây, giống như những con tầu đáy xanh lơ, bồng bềnh trên đầu chúng tôi. Chúng tôi ném về phía chúng những cái nhìn thèm khát: từ trên đó, nơi những áng mây kia đang bay lượn, có

lẽ chúng tôi đã có thể khám phá ra toàn bộ xứ sở của cánh rừng đầy bí hiểm này. Những con chim gõ kiến đang mổ những thân cây khô, vẻ hớt hải; khi thì ở nơi này, lúc thì ở chỗ khác, những quả thông rơi lên đầu lên vai chúng tôi.

Vôlôđia cho biết, ở một nơi nào đó trong cánh rừng này, chắc là phải có một tu viện của những tín đồ già nua. Một thư viện bị lãng quên, anh ấy nói, đầy những bầy ong hoang dã và là nơi chúng tôi có thể kiếm được mật.

Nhưng cái tu viện kia mãi vẫn không tìm thấy. Trèo lên những ngọn thông cao nhất, chúng tôi đã hoài công định hướng và cũng không tìm đâu ra, trong cõi bạt ngàn cây lá này, một mái nhà cũ lợp bằng những tấm ván với một cây thánh giá lớn tám nhánh. Một ngọn gió nhẹ và ẩm thì thào trên những ngọn cây. Những bàn tay dính chặt vào những vỏ cây có nhựa. Những con sóc mắt đen lăng xăng nhảy nhót xung quanh chúng tôi. Những quả thông còn xanh toả ra một mùi tùng chi. Từ ngọn cây thông giống như từ đỉnh một cây đèn biển, bàn tay che trên mắt, chúng tôi đã ra sức tìm kiếm nhưng vô hiệu, chúng tôi đã không phát hiện được thêm bất cứ cái gì khác ngoài cánh rừng và những áng mây đang bay lượn và chúng tôi đã bị chóng mặt.

Từ đỉnh mấy cây thông, chúng tôi có cảm giác những áng mây kia đang lởn vởn đâu đó rất gần. Chúng tôi thèm khát muốn được sờ mó, vuốt ve những đống tuyết trắng tinh của chúng.

Cao hơn nữa, một giải mầu vân thạch sáng long lanh được tra thêm những chiếc lông vũ đục mờ, vắt ngang bầu trời, Vôlôđia cho chúng tôi biết đó cũng là những áng mây. Những áng mây cao đến nỗi dường như chúng không phải là được hình thành bằng hơi nước mà từ những tinh thể pha lê. Giống như một bó lông vũ, chúng im lìm bất động trong cõi vô biên băng giá và không thể vươn tới được.

Ngoài khu rừng ra, Rêvơni còn có một thứ khác cũng có sức quyến rũ mê hồn, đó là dòng sông. Nó êm đềm trôi dưới một mái vòm những cành liễu đan kín vào nhau, chia thành hai nhánh để ôm lấy một hòn đảo; đó đây những vạt hoa súng và hoa thuỷ biết bồng bềnh trên mặt nước.

Ở thượng nguồn phía trên hòn đảo, một cái đập bằng những thân cây chắn ngang dòng sông. Trên đảo là một nhà máy cưa hoang phế. Hàng núi mạt cưa chồng chất gần những cái kho trống rỗng. Vào những ngày đại thử, từ những đống đổ nát kia, một mùi gỗ mục xông lên nồng nặc khiến người ta quay cuồng đầu óc.

Xưa kia, chính ở chỗ này một guồng nước đã

vận hành cái nhà máy cưa. Còn bây giờ, tất cả đều đã suy sụp, cả cái guồng nước chạy bằng con lăn, cả những hệ thống bánh xe răng cưa chuyền động, mọi thứ đều bị mạng nhện chằng chịt bao phủ. Những chiếc nấm dại mầu nhựa thông mọc la liệt khắp nơi.

Dưới chân đập có những cái hốc nước, hang ổ của những con cá măng khổng lồ. Người ta gọi chúng là những "cái phễu". Ở đó, lượn lờ luẩn quẩn một làn nước đen ngòm.

Ở đó, cậu Nicôla và tôi đã thả những chiếc cần câu với hàng tá lưỡi câu và cá mồi. Ở đó cũng có những con cá pécca rất to màu xanh lơ. Chúng tôi đứng trên những thân cây tròn ẩm ướt của con đập để câu cá pécca. Đôi khi chúng giằng những chiếc cần câu khỏi tay chúng tôi và kéo xuống đáy sông. Giống như một mũi tên bằng vàng, chiếc cần câu bằng tre lao xuống tận đáy sâu để rồi lại nhô lên mặt nước ở phía bên kia "cái phễu". Những lúc như vậy, người ta phải dùng ca-nô để kiếm lại chiếc cần câu và con cá.

Còn gì nữa ở Rêvơni? Một trang viên cổ với hàng cột cao, theo lưu truyền, do Raxtơreli xây dựng. Chim én đã làm tổ trên mặt tiền của trang viên. Một làn ánh sáng ngũ sắc tràn ngập những phòng khách rỗng không, những cầu thang và

những hành lang. ánh sáng đã lọt vào qua những cửa sổ kính lồi. Mỗi khi có ai đó dạo qua các gian phòng, từ những bàn ghế đồ đạc lại vang lên những tiếng răng rắc. Những cây đèn chùm đáp lại bằng những tiếng chuông lanh canh.

Trang viên này không có người ở. Chỉ vào dịp lễ hội của gia đình, ngày Nữ Thánh Mari (trong gia đình chúng tôi có hai người mang tên thánh Mari, má tôi và mợ Maruxia, vợ cậu Nicôla), người ta mở rộng cửa thông gió lớn và tổ chức khiêu vũ ở đó. Có cả một hành lang dài dành cho các nhạc công.

Dọc theo bao lơn, người ta treo những chiếc đèn lồng và khi đêm xuống, người ta bắn pháo hoa trong vườn. Những hoa pháo thăng thiên rẽ ra một lối đi qua đám lá cành ken dầy để rồi tản ra thành những tinh cầu lửa muôn hồng nghìn tía và nhẹ nhàng liệng xuống dần, soi sáng ngôi nhà cũ với những tia phản chiếu hung hung đỏ. Khi những bông pháo tắt rồi, khu vườn lại trở về với mùi hương ngào ngạt của những cây sồi đang trổ hoa.

Vào những dịp lễ hội như vậy, các bạn của cậu Nicôla, các sỹ quan của Học viện Quân sự cũng từ Brianxcơ đến chia vui với gia đình. Một năm, thậm chí chúng tôi được đón tiếp cả Axcôtrenxki, ca sỹ giọng nam cao của Matxcơva. Trong phòng khiêu vũ, ông ta đã ca diễn một chương trình độc tấu.

Ôi! có khi nào trở lại đây
Axcôtrenxki cất cao giọng,
Nơi đã từng qua những phút giây,
Ngất ngây trong thẳm sâu cành lá,
Em đã từng nghe trong đắm say:
Con tim rỉ máu hoài than thở...

Lời thơ của bản tình ca kia hình như có liên quan tới khu vườn của chúng tôi. Nó đã chẳng từng được nghe không biết bao nhiêu là lời thổ lộ tình yêu đó sao? Nó đã trông thấy những khuôn mặt tái đi của các tình nhân, những giọt lệ chia li.

Em có khi nào giữa tuổi thơ
Nghe sầu một giọng vẩn giấc mơ,

người ca sỹ tiếp tục, cùi tay vẫn tựa trên cây dương cầm.

Dì Maruxia đệm đàn cho anh ta. Thỉnh thoảng, dì thoáng nhẹ đưa tay sửa lại mái tóc.

Thở than ngọn gió trong mưa bão
Lại vẫn anh đây mãi ngẩn ngơ...

Sau buổi khiêu vũ, người ta được mời dùng bữa tối trong nhà nghỉ của cậu tôi. Trong những chiếc chao đèn hình cầu, những ngọn nến đốt cháy những con bướm đêm nổ tí tách.

Người ta cho mấy cậu học sinh trung học uống rượu như người lớn. Kết quả là bọn này trở nên bạo mồm bạo miệng.

Nốc rượu vào rồi, chúng tôi nghĩ ra cái trò thi

nhau lần lượt chạy qua khu vườn ngay giữa nửa đêm. Để tránh gian lận, mỗi người phải đặt một vật gì đó trên chiếc ghế dài trên lối dạo xa nhất, lối dạo "Thung lũng Sơn Ca". Cậu Nicôla hứa sáng hôm sau sẽ kiểm tra lại xem mọi người có nghiêm chỉnh thực hiện quy định ấy không.

Em trai mợ Maruxia, Paven Tennốp, sinh viên Đại học Y, nhận phần đi đầu. Mọi người gọi anh ấy là Pavơlia. Đó là một anh chàng cao lênh khênh mang một bộ râu xoăn tít. Trông anh ta hơi giống Antôn Sêkhốp. Đó là một con người rất chân thành và vô cùng nhân hậu. Vì vậy người ta thường chơi khăm anh ta.

Anh ấy phải đặt một cái chai rỗng trên chiếc ghế dài ở lối dạo "Thung lũng Sơn Ca".

Sau đó đến lượt tôi. Tôi lao sâu vào các lối dạo. Những cành lá đẫm sương đêm quất vào mặt tôi. Tôi có cảm giác ai đó đang đuổi theo tôi ở sau lưng.

Tôi dừng lại và căng tai nghe ngóng. Trong những bụi rậm lúp xúp, ai đó hay một vật gì đó đang nhẹ gót bí mật rẽ một lối đi. Thế là tôi vắt chân lên cổ cắm đầu chạy và cuối cùng đến được một khoảng rừng thưa. Mặt trăng hiện ra trên đỉnh đầu. Trước mặt tôi bỗng mở ra lối dạo "Thung lũng Sơn Ca". Bóng tối như mực ngự trị trong lối đi. Tôi nhảy một phát vào đó như vào một làn nước

đen ngòm. Cuối cùng. lấp lánh một dòng sông. Trên bờ bên kia, một con diệc sao đang khắc khoải gọi bầy.

Đến gần chiếc ghế dài, tôi dừng lại. Những cây sồi nở hoa ngạt ngào toả hương. Toàn bộ trời đêm đến tận các vì sao dường như thấm đậm mùi thơm của chúng. Tất cả đều im ắng và người ta hầu như không tin nổi rằng cách đó không xa, trên một sân thượng tắm mình trong ánh đèn, một lễ hội đang lúc tưng bừng nhất.

Chúng tôi đã thoả thuận trước với nhau là sẽ chơi khăm Pavơlia một vố. Tôi vớ lấy cái chai anh ta đặt trên ghế và lẳng xuống sông. Nó xoay một vòng, lấp loáng dưới ánh trăng. Những vòng sóng ánh trăng loang về phía bờ.

Và tôi lại lao đi dọc theo bờ sông. Từ dưới kia dâng lên những làn hơi ẩm ướt, một mùi hương vô cùng tinh khiết. Hổn hển, tôi rẽ vào một lối đi rất rộng. Ở cuối đường lấp lánh những ánh đèn.

Rồi tôi nghe thấy tiếng kêu ái ngại của mợ Maruxia:

- Côxtích! Cháu phải không?

- Vâng, - tôi trả lời và chạy đến với mợ.

- Bao giờ các người cũng chỉ nghĩ ra toàn những trò xuẩn ngốc, tất cả các người, không trừ ai! - Mợ giận dữ thốt lên.

Mợ đứng ở giữa đường, bọc kín trong một chiếc khăn choàng mỏng bằng len.

- Má cháu rất lo. Ai nghĩ ra cái trò ấy? Gơlép, hẳn thế?

- Không, không phải Gơlép, - tôi nói dối. - Chúng cháu, cả bọn.

Mợ Maruxia đã đoán ra. Cái trò chạy đua qua vườn trong đêm là sáng kiến của Gơlép Aphanaxiép, học trò cậu Nicôla, học sinh trường trung học Bơrianxcơ, một cậu bé có mái tóc bướng bỉnh và với một năng khiếu sáng tạo vô tận. Những tia sáng ranh mãnh bao giờ cũng lấp lánh trong cặp mắt sáng của nó. Không ngày nào nó không nghĩ ra một trò ranh mãnh nào đó. Chính vì vậy, bất cứ cái gì xẩy ra, người ta đều đổ lỗi cho nó.

Sáng hôm sau, như đã hứa, cậu Nicôla đi kiểm tra những thứ được đặt trên chiếc ghế. Ở đó chỉ thiếu cái chai của Pavơlia. Thế là mọi người hùa nhau chế nhạo anh ta: anh ta đã "vãi linh hồn", đã không dám đến tận chiếc ghế, đã lộn lại giữa đường và đã lẳng cái chai ở đâu đó. Nhưng Pavơlia đoán ra ngay tất cả đầu đuôi chuyện, rất cáu và doạ:

- Được rồi, Gơlép! Cứ đợi đấy!

Gơlép không nói gì, chẳng bao giờ cậu ấy phản tôi.

Ngay ngày hôm ấy, trong khi tắm ngoài sông, Pavơlia tóm lấy nó, nhiều lần ghìm nó trong nước, lột quần nó, trói chặt hai chân và dìm nó xuống sông. Thằng Gơlép tội nghiệp phải khổ sở lắm mới dùng răng gỡ được cái nút trói. Nó có vẻ rất đáng thương với chiếc quần.

Trông nó càng khổ sơ hơn vì đúng thời gian ấy chị em gái nhà Carêlin, hai nữ sinh trường trung học Ôren, cũng đang nghỉ hè với bà mẹ một trong những nhà nghỉ của Rêvơni. Cô chị, Liuba, thường ngồi đọc trong một góc kín đáo trong vườn. Cô ấy có nước da tươi tắn, mái tóc vàng lúc nào cũng rối bù. Bên cạnh những chiếc ghế dài nơi cô ta thường ngồi đọc, thỉnh thoảng chúng tôi nhặt được những chiếc giải mầu đen tuột khỏi mái tóc cô ta.

Gơlép có vẻ rất thích cô em Xasa, một cô gái có cái vẻ ngông cuồng đồng bóng, luôn nhìn đời bằng con mắt chế giễu. Như vậy, trong tình trạng của cậu ấy lúc này, làm sao có thể tính chuyện xuất hiện trước mặt cô gái. Tôi tự cảm thấy có lỗi và van xin má tôi là lại chiếc quần cho cậu ấy. Quần áo là rồi, Gơlép lấy lại được ngay cái vẻ ngông cuồng của nó.

Thực tình, bản thân cuộc chạy đua qua khu vườn ban đêm chẳng có gì đặc biệt cả, thế mà tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về nó. Tôi hồi tưởng lại

những làn sóng hoa bồ đề thơm phức phả vào mặt tôi, tiếng kêu khóc của con diệc sao, toàn bộ cái cảnh đêm dày đặc sao và đầy ắp những tiếng kêu sung sướng.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau tâm hồn thanh thản của tôi bỗng nhiên lại lay chuyển. Vài ngày sau lễ hội, gần nhà nghỉ của chúng tôi, tôi thoáng thấy một cậu bé chân đất, áo quần rách bươm. Nó đến mời chúng tôi mua dâu rừng. Một mùi trái nạc và mùi khói than củi toả ra từ người cậu bé. Nó đòi mười cô-pếch một lọ dâu đất. Má tôi đưa nó hai mươi và cho thêm một chiếc bánh nhân thịt.

Thằng bé đứng đó, mắt xụp xuống, cọ cọ hai bàn chân không giầy vào nhau. Nó nhét mẩu bánh vào ngực áo và chẳng nói năng gì.

- Cha mẹ cháu là ai, bé? - Má hỏi nó.

- Anixa, - nó ngập ngừng đáp lại.

- Cháu để dành bánh cho ai?

- Cho mẹ cháu, - nó trả lời bằng một giọng the thé và vẫn không ngước mắt lên. - Mẹ cháu không được khoẻ. Mẹ phải vác củi nặng quá sức.

- Thế cha cháu đâu?

- Chết rồi.

Thằng bé hít mạnh một hơi, quay gót và thục mạng bỏ chạy. Nó sợ hãi ngoái cổ lại và ghì chặt lồng ngực để khỏi bị rơi mất mẩu bánh.

Tôi không thể nào quên nổi cậu bé tóc vàng ấy và trong thâm tâm tôi thầm trách má. Má đã tự giải thoát khỏi niềm ân hận của mình với cái giá hai mươi cô-pếch và một mẩu bánh nhân thịt. Tôi có ý thức rất rõ về điều này. Nhưng tôi cũng hiểu rằng tình trạng hết sức bất công kia đòi hỏi một cử chỉ khác chứ không phải bằng một sự bố thí thảm hại nào đó. Chỉ có điều, làm thế nào để chặn đứng được tình trạng bất công ấy, tình trạng bất công mà tôi thấy càng ngày càng nặng nề hơn? Tôi vẫn chưa thấy bất cứ một giải pháp nào.

Bên bàn trà, tôi nghe thấy bà tôi và cậu Nicôla tranh luận với nhau. Họ không nhất trí về tương lai của nhân dân Nga. Cậu tôi cố gắng chứng minh rằng hạnh phúc của nhân dân phụ thuộc vào trình độ học vấn của nó, còn ba thì lại cho rằng niềm hạnh phúc ấy chỉ có thể có được thông qua một cuộc cách mạng. Thế là Pơvơlia nói xen vào. Anh ta tự xưng là người dân tuý. Thậm chí suýt nữa anh ta bị đuổi khỏi Trường Đại học vì đã đọc một bài diễn văn phản loạn tại một cuộc mít-tinh của sinh viên. Lúc ấy, Vôlôđia Rômiantxép không thốt một lời nhưng sau đó anh ta rỉ tai với chúng tôi rằng cả ba tôi, cậu Nicôla và Pavơlia, chẳng hiểu gì về vấn đề này cả.

- Thế anh, anh có hiểu gì không? - Chúng tôi đồng thanh hỏi.

- Chẳng hiểu gì cả, - anh ta trả lời với vẻ thoả mãn - Mà tớ có cần hiểu gì đâu. Tớ yêu nước Nga, thế thôi!

Vôlôđia là em trai đại uý Rumiantxép, bạn thân nhất của cậu tôi ở Học viện Quân sự Braianxcơ.

Anh chàng có hơi nghễnh ngãng. Và lúc nào cũng thấp thoáng vài sợi rơm nhỏ lẫn trong bộ râu hung hung của anh ta vì anh ta ngủ trong nhà kho. Anh ta xem khinh mọi sự thoải mái trong cuộc sống. Anh ta thường vo tròn chiếc áo sinh viên để làm gối. Anh ta bước đi đầu ngón chân hơi xoay vào trong và thường nuốt nhiều từ ngữ khi nói. Bên trong chiếc áo tây anh ta mặc một tấm áo cánh kiểu Nga xanh bạc mầu, bó thân bằng một dây lụa đen có tua. Ngón tay anh ta luôn bị thuốc hiện và thuốc định hình làm cháy xém. Vì Vôlôđia làm ảnh. Đó là một chàng trai có nhiều sáng kiến. Anh ta đã ký một hợp đồng với một nhà in ở Matxcơva, nhà in Sêra và Nabơgônđơ: vào mùa hè anh ta đi khắp nơi, đến các thành phố nhỏ xa xôi để chụp ảnh. Nhà in ấn hành những tấm bưu ảnh theo các âm bản mà họ mua của anh ta, và những tấm bưu ảnh ấy được bán ở các quầy sách báo tại các nhà ga.

Chúng tôi rất mê công việc của Vôlôđia. Anh ta thường mất hút vài ba ngày để rồi sau đó lại xuất

hiện và cho chúng tôi biết rằng anh ta đã đi Êphơrêmôvô, Êlétdơ và Lipétxcơ.

- Đó quả là một cuộc đời đáng sống, thưa các ngài học sinh trung học ạ! Ngồi trên bờ sông và vò xà phòng cho cái đầu tóc đỏ hung của anh ta, Vôlôđia tuyên bố. - Cách đây ba hôm tôi băng qua sông Ôca, hôm qua là sông Môcơsa, còn hôm nay đến lượt sông Rêvơna.

Anh ta đã tuyên bố cho chúng tôi tình yêu của anh ta đối với nông thôn Nga. Anh ta hiểu biết nó rất sâu sắc: những hội chợ chốn làng quê, những tu viện, những di tích lịch sử, những truyền thống. Anh ta biết Tarơkhani, thành phố quê hương của Lécmôntốp, đã đến thăm cơ ngơi của một nhà thơ khác, Alếchdanđơ Phết, gần Kurơxcơ và hội chợ bán ngựa ở Lêbêđian, đảo Valaam, bãi chiến trường Kulicôvô.

Ở mỗi một nơi như vậy, anh ta đều chăm chút và dành được tình bạn của vài bà già nhỏ bé vốn là giáo viên tiểu học hay viên chức đã nghỉ hưu. Họ cho anh ở nhờ và mời anh món xúp cải và những chiếc bánh bao nhân cá. Vôlôđia tỏ lòng biết ơn đối với họ bằng cách dậy những con chim bạch yến yêu quý của họ huýt sáo những điệu *pônca* hoặc biếu họ suppephốtphát để bón những chậu phong lữ thảo. Trước sự ngạc nhiên của láng giềng, những bông hoa rất lớn mầu đỏ rực bắt đầu nở rộ.

Chẳng bao giờ Vôlôđia tham gia các cuộc tranh luận về tương lai, số phận của nước Nga, nhưng bất cứ khi nào người ta bàn tán về giăm-bông Tambốp, về táo đông lạnh vùng Riadan hay về cá chiên sông Vôga, anh ta lăn ngay vào góp chuyện. Về những vấn đề này, không ai sánh nổi anh ta. Cậu Nicôla khẳng định rằng chỉ có Vôlôđia Rumiantxép mới biết rõ thời giá của một đôi dép lê bện bằng vỏ cây phong ở Kinêtrơma hay một pao lông tơ gà mái ở Kaliadin.

Một lần, Vôlôđia đi Ôren và khi trở lại đã đem về cho chúng tôi một tin buồn.

Chúng tôi đang chơi bóng chày trước nhà nghỉ của chúng tôi. Tất cả bọn chúng tôi ai cũng mê môn thể thao này. Những trận đấu thường kéo dài cho đến khi đêm xuống. Và đôi khi thậm chí những lúc ấy chúng tôi đem cả đèn ra sân chơi.

Không bao giờ có nhiều tranh chấp như trong những trận đấu ấy, đặc biệt là với Bôria, anh cả tôi. Anh ấy rất khoẻ và đã nhanh chóng trở thành một "giang hồ biển cả". Và thế là, vớ lấy những quả cầu của chúng tôi, anh ấy lẳng đi xa đến nỗi đôi khi chúng tôi không tìm lại được nữa. Chúng tôi cáu tiết và khi Bôria còn đang ngắm, cả bọn nhao nhao lên: "Quỷ dữ trong tay, cóc thối trong miệng!". Đó là một câu thần chú đôi khi có ma lực.

Không phải lúc nào Bôria cũng vớ được quả cầu của chúng tôi.

Với Gơlép cũng vậy, đôi khi cũng có tranh chấp. Khi chơi đấu với Xasa, anh ta thường cố tình đập hụt và giả vờ thua để làm hài lòng cô bé. Nhưng mỗi khi ở cùng đội với Xasa, cậu ta tỏ ra vô cùng linh lợi và ma quái. Bao giờ cậu ta cũng thắng. Tất cả những người nghỉ hè thường tụ tập xung quanh sân chơi. Thậm chí cả hai con chó của cậu Nicôla, Xung kích và Tơtrétvéctác cũng đến theo dõi diễn biến của trận đấu. Nhưng, thận trọng, chúng thường nấp sau lưng những thân cây, lánh xa đường bay của những quả cầu.

Sáng hôm ấy, khác với lệ thường, sân chơi không nhộn nhịp lắm. Đang chơi, chúng tôi bỗng nghe thấy tiếng bánh xe. Một chiếc xe dừng trước nhà nghỉ của cậu Nicôla. Ai đó kêu lên: "Kìa, Vôlôđia đã về!". Nhưng chẳng ai để ý vì chúng tôi đã quá quen với cái cảnh đi đi về về của anh ta.

Một lát sau, nhà du hành xuất hiện. Anh ta tiến về phía chúng tôi, vẫn còn khoác chiếc áo choàng và đi đôi giầy ủng đầy bụi. Anh ta cầm trong tay một tờ báo, mặt mũi nhăn nhó cứ như sắp khóc đến nơi.

- Chuyện gì vậy? - cậu Nicôla hỏi, giọng lo lắng.

- Sêkhốp chết rồi.

Vôlôđia quay gót và đi về phía ngôi nhà.

Chúng tôi đuổi theo. Cậu Nicôla giật tờ báo khỏi tay anh ta, đọc lướt qua, quẳng xuống mặt bàn, chạy về phía phòng riêng và đóng sầm cửa lại. Mợ Maruxia lo lắng đi theo. Pavơlia bỏ cặp kính kẹp mũi ra và lấy khăn mùi xoa lau một hồi lâu.

- Côxtích, - má tôi nói, - con chịu khó chạy ra sông và bảo ba về ngay. Dẫu sao, vào những lúc như thế này, ông ấy cũng có thể buông cần câu trong chốc lát.

Má nói cứ như ba đã được tin Sêkhốp qua đời rồi nhưng vì vô tâm vô tính, ba không thèm để ý tới sự kiện ấy.

Tôi mếch lòng thay cho ba nhưng tôi vẫn đi tìm ba về. Gơlép cùng đi với tôi. Bỗng nhiên cậu ấy trở nên rất nghiêm túc.

- Thế nào, mày thấy chưa, Côxtích...- trên đường đi anh chàng thở dài nói với tôi.

Tôi cho ba biết tin Sêkhốp qua đời. Nghe tin, khuôn mặt ba bỗng hằn sâu những nếp nhăn,còn lưng ba thì hơi còng xuống.

- Sao cơ... Sao lại có thể thế được? - ba lầm bầm với vẻ lúng túng. - Không bao giờ ba nghĩ Sêkhốp có thể chết trước ba...

Trên đường về, chúng tôi đi qua sân bóng chầy. Những quả cầu và những cái vồ bị lẳng ra đó vẫn

còn ngổn ngang trên sân bãi. Chim chóc vẫn vô tình líu lo. Ánh nắng dọi qua lá cành quét lên thảm cỏ những vệt sóng xanh lung linh.

Tôi đã từng được đọc Sêkhốp và tôi rất thích tác phẩm của nhà văn. Vừa đi tôi vừa tự nhủ rằng một con người như Sêkhốp có lẽ không bao giờ được chết.

Hai ngày sau, Vôlôđia Rumiantxép lên đường đi Mátxcơva. Anh ta sẽ đến dự tang lễ Sêkhốp. Chúng tôi tiễn chân anh ta đến tận ga Xinêdécki. Anh ta đem theo trong một chiếc lẵng một bó hoa lớn để đặt lên phần mộ của nhà văn. Đó chỉ là những bông hoa đồng nội đơn sơ chúng tôi đã hái trên thảo nguyên và trong cánh rừng. Má tôi đã chăm chút cắm những bông hoa, chèn vào giữa những cọng hoa những mẩu rêu xanh âm ẩm và tất cả được phủ bằng một tấm lụa ướt. Chúng tôi đã dụng tâm hái lượm được càng nhiều hoa dại càng tốt vì chúng tôi vững tin rằng bản thân nhà văn cũng rất yêu quý những loài hoa ấy. Rất nhiều cẩm chướng thi nhân, những bông xạ cúc li ti, những bông cúc đại đoá thảo nguyên và cả những bông hoàng tinh. Mợ Maruxia nhất quyết phải cài thêm vào bó hoa vài ba bông nhài hái trong vườn.

Mãi tận chiều tối tầu đi Mátxcơva mới khởi hành. Chúng tôi đi bộ trở về và khi đến được sông

Rêvơni thì trời đã hửng sáng. Trăng lưỡi liềm vẫn còn vằng vặc trên bầu trời phía trên cánh rừng và ánh sáng trăng dìu dịu phản chiếu trong các vũng nước mưa. Vừa có một cơn mưa. Thoang thoảng mùi cỏ ướt. Một cánh chim cu muộn màng vẫn líu lo trong vườn. Rồi mặt trăng lặn xuống, những vì sao bật sáng lên, nhưng chẳng bao lâu sau tất cả đã bị sương mờ buổi sáng bao phủ. Màn sương còn sột soạt hồi lâu trong những khóm cây, rồi ngưng tụ thành từng giọt và tí tách rỏ xuống cho đến khi mặt trời lặng lẽ hiện lên và sưởi ấm mặt đất.

TẤT NHIÊN TÔI CHỈ LÀ MỘT NHÓC CON

Viên tổng thanh tra Bôdianxki thoăn thoắt bước chân tiến vào phòng học của chúng tôi, cặp mắt ánh lên rất ranh mãnh. Ông ta mặc một chiếc áo rơđanhgốt mới. Chúng tôi bật đứng dậy.

- Nhân dịp ban bố bản tuyên ngôn tối cao dành cho nhân dân nước ta quyền tự do công dân - ông ta nói - các em được nghỉ học ba ngày. Chúc mừng ngày hội! Các em hãy thu dọn sách vở và ra về. Nhưng tôi thiết tha khuyên các em đừng làm vướng chân vướng cẳng người lớn trong những ngày hội.

Chúng tôi lao nhanh xuống cầu thang.

Năm ấy, mùa thu quả là khác thường. Đã là tháng mười nhưng nắng vẫn còn gay gắt. Những khu vườn rạng lên với tất cả vẻ huy hoàng của chúng và chỉ thỉnh thoảng mới để rơi xuống mặt đường vài chiếc lá vàng rực khô cong. Chúng tôi vẫn con mang những bộ đồng phục mùa hè. Chúng

tôi tản ra trên phố và trông thấy cả một rừng người mang cờ đỏ chen chúc nhau dọc theo bờ tường của ngôi nhà chính của Trường Đại học Tổng hợp. Dưới chân hàng cột cao vút ở mặt tiền, ai đó đang diễn thuyết. Người ta tung hô những tiếng *hura* cuồng nhiệt. Những chiếc mũ bay lên từ làn sóng người.

Cheo leo trên hàng song sắt của quảng trường Nicôla Đệ nhất, chúng tôi cũng đua nhau gào lên những tiếng *hura* và tung những chiếc mũ cátkét lên trời. Khi rơi xuống, những chiếc mũ móc vào những cành cây hạt dẻ. Chúng tôi xô tới rung mạnh thân cây và những chiếc lá xào xạc trút lên đầu chúng tôi như một cơn mưa. Chúng tôi ôm bụng cười sặc sụa, cười ra nước mắt. Những chiếc nơ mầu đỏ đính trên ve áo capốt của chúng tôi. Một bức tượng Nicôla Đệ nhất bằng đồng đen, một bàn chân bước lên phía trước, hiên ngang đứng trên bệ ở trung tâm quảng trường và theo dõi tất cả những lộn xộn huyên náo kia với một vẻ rất kiêu ngạo.

Bỗng nhiên đám đông im bặt, những ngọn cờ gục xuống và chúng tôi nghe thấy một lời ca trang nghiêm:

Chúng tôi đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh một mất một còn...[1]

---

1. Bài ca các liệt sỹ cách mạng.

Tất cả quỳ xuống như để niệm kinh cầu siêu. Cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng ngả mũ và ngân nga bài ca chiêu hồn liệt sỹ, mặc dù phần lớn lời cạ chúng tôi không thuộc. Sau đó, cả đoàn người đứng dậy và bắt đầu cuộc diễu hành dọc theo hàng chắn song sắt của quảng trường. Tôi thoáng trông thấy Bôria, anh cả tôi, trong đám đông cùng với anh sinh viên Máccôvích trọ học ở nhà chúng tôi.

- Về nhà ngay! - Bôria ra lệnh - Anh cấm em không được ra phố một mình!

- Em muốn đi cùng với anh, - tôi rụt rè van xin.

- Mày sẽ bị xéo nát. Về nhà. Ngày mai mày sẽ thấy tất cả.

Tôi rất muốn được cùng diễu hành với dòng người nghiêm trang và hạnh phúc kia. Nhưng Bôria đã mất hút.

Đâu đó, ở rất xa trước mặt, một dàn nhạc vang lên và tôi nhận ra những làn điệu hùng tráng, bay bổng, của Mácxâye:

Tiến lên, hỡi những đứa con của tổ quốc...

Tôi nhảy qua bờ rào và hòa mình ngay vào đám đông. Một cô gái trùm một chiếc khăn axtrakhan, hẳn là một sinh viên, đưa tay cho tôi và, tay trong tay, chúng tôi đưa nhau đi. Trước mặt, tôi chẳng thấy gì, chỉ rặt những tấm lưng. Trên những mái nhà, nhấp nhô những người là người, vẫy mũ chào chúng tôi.

Khi chúng tôi đi qua trước Nhà Hát Nhạc Kịch, tôi nghe thấy rậm rịch những bước chân ngựa. Tôi trèo lên một cây cột mốc và trông thấy một đoàn kỵ hiến binh. Họ bắt những con ngựa đi giật lùi để nhường lối cho đoàn người. Viên sỹ quan, một người to lớn bụng phệ, cũng cho ngựa giật lùi. Đặt tay lên vành mũ, ông ta mỉm một nụ cười kẻ cả.

Tụt khỏi cây cột mốc, tôi lại chẳng thấy gì nữa. Biển hiệu của những cửa hàng giúp chúng tôi làm điểm tựa. Đến trước Nhà hát Bécgôgơniê, tôi biết rằng chúng tôi đang trên phố Phunducơlêép, trước cửa hàng bánh ngọt Kiếctrơhem, và chúng tôi đang tiến vào đại lộ Crêsáttrích và đã đi qua hiệu sách Idơcốpxki và đang vượt qua đường Luythe.

- Chúng ta đang đi đâu vậy? Tôi hỏi cô gái trùm khăn Axtrakhan.

- Đến Tòa Thị Chính. Ở đó sẽ có một cuộc mít tinh. Bây giờ chúng ta tự do như một bầy chim. Cậu hiểu không?

- Tôi hiểu, - tôi trả lời.

- Nhà cậu ở đâu? bỗng nhiên cô gái hỏi.

- Đường Nicônxcô - Bách thảo.

- Cha mẹ có biết cậu tham gia biểu tình không?

- Bây giờ ai là người không tham gia biểu tình? - Tôi trả lời, tìm cách lẩn tránh câu hỏi của cô gái.

Chúng tôi đi qua trước cửa hàng Balabukha bán mứt và trái cây rồi đến đường Nicôlaépxki.

Sau đó, đoàn người dừng lại. Không tài nào tiến thêm được nữa. Quảng trường Tòa Thị Chính đã đầy ắp những người là người. Chân dung Thánh Misen mạ vàng, biểu tượng của Kiép, lấp lánh trên nóc Thị Sảnh. Chúng tôi trông thấy dãy ban công lớn ở mặt tiền. Trên ban công tôi thấy một số người để đầu trần. Một người trong bọn họ bắt đầu diễn thuyết, nhưng chúng tôi chẳng nghe thấy gì cả. Tôi trông rõ mái tóc xám của ông ta phất phơ trong gió.

Ai đó chộp lấy vai tôi. Tôi xoay người lại. Đó là Xubôtrơ, thầy dậy tiếng Latinh của chúng tôi.

- Kìa, Pauxtốpxki Conxtantin, về nhà ngay đi em!

- Xin thầy đừng ngại, - cô gái nói để thầy giáo yên tâm - cậu ấy cùng đi với em.

- Thế sao? Cô thứ lỗi cho, tôi không biết -thầy giáo nhã nhặn trả lời cô gái.

Đoàn người bỗng lùi lại vài bước và tách chúng tôi khỏi thầy giáo Xubôtrơ. Chị sinh viên nắm lấy tay tôi và chúng tôi lách người rẽ một lối đi về phía vỉa hè.

- Hỡi các công dân, hãy bình tĩnh! Một giọng nói khàn khàn kêu lên ngay cạnh chúng tôi.

Đám đông bỗng im bặt. Vẫn không buông tay tôi, cô gái đã đến được vỉa hè và cứ thế lôi tôi xềnh xệch về phía một ngôi nhà quét vôi mầu vàng có

cái cổng ra vào hình vòm. Tôi nhận ra đó là Bưu điện trung ương.

Tôi không hiểu tại sao cô ấy nắm tay tôi chặt đến thế và kéo tôi mạnh như vậy vào trong cái cổng tò vò. Tôi vẫn chẳng thấy gì ngoài những tấm lưng và những con chim bồ câu: chúng sải cánh bay trên làn sóng người, chấp chới trong ánh sáng mặt trời như những mảnh giấy bị gió cuốn đi. Xa xa lanh lảnh một hồi kèn: ti -ti -ta -ta! Ti -ti -ta -ta! Rồi tất cả lại trở nên yên ắng.

- Hỡi các đồng chí binh sỹ! -giọng nói khàn khàn lúc nãy lại cất lên giọng nói khàn lúc nãy lại cất lên lời kêu gọi.

Và lập tức một tiếng đổ vỡ ầm vang, khô và ròn dội lên ở đâu đó và bất thần vôi vữa trút xuống đầu chúng tôi như mưa.

Những cánh chim bồ câu vỗ loạn xạ và bay tan tác về tứ phía. Bầu trời bỗng nhiên trở nên quang đãng. Lại có một tiếng ầm vang khô ròn và cả đám đông ùa về phía những ngôi nhà.

Cô gái kéo tôi vào tận trong sân và hình ảnh cuối cùng mà tôi trông thấy trên đại lộ Crêsáttrích là bóng dáng một sinh viên nhỏ nhắn mặc một tấm áo capốt không cài cúc. Anh ta nhảy lên bệ cửa kính của nhà hàng Balabukha và vung lên một khẩu súng lục braoning đen nhánh.

- Chuyện gì thế ? - Tôi hỏi cô gái.

- Bắn nhau! Tụi lính đã nã súng.

- Để làm gì? Tại sao?

Cô gái không trả lời. Cả hai đứa chúng tôi chạy vòng vèo luồn lạch qua chằng chịt những mảnh sân hẹp. Sau lưng chúng tôi dội lên những tiếng kêu la, những phát súng, tiếng bước chân thình thịch của một bầy người nhao nhác chạy trốn. Trời đất bỗng tối sầm lại và mờ mịt trong một làn khói vàng khè. Tôi lạch bạch lao đi một cách khá vất vả vì chiếc cặp sách đè nặng trên lưng. Sách vở bút mực trong cặp long lên sòng sọc.

Qua hết mảnh sân này đến mảnh sân khác, cuối cùng chúng tôi đến được đường Prôredơnaia và Cánh Cổng Vàng. Hai chiếc xe cứu thương màu vàng nghệ bất thần ầm ầm lăn bánh vụt qua ngay sát nách chúng tôi. Những con người mặt mày tái mét hớt hải thi nhau vượt lên trước. Dưới kia, chẳng biết từ đâu, một biên đội quân cảnh Côdắc, do một sỹ quan gươm vung trên đầu, bất thần xông ra đường Proredơnaia. Trước mặt, trên đường đội quân đang tiến, ai đó rít lên một hồi còi, nhưng học không dừng lại.

- Lạy Chúa, thật là vô sỉ! - Cô nữ sinh kêu lên. - Cạm bẫy đến thế là cùng! Một tay ban phát tự do còn tay kia thì nhả đạn!

Chúng tôi phải đổi hướng đi vòng thúng lượn qua nhà thờ Thánh Vơlađimia và đến ngay trước quảng trường Nicôla Đệ Nhất, đúng cái nơi cách đó không lâu, vắt vẻo trên dẫy rào chắn, tôi đã khản cổ gào lên những tiếng *hura*, tay vẫy loạn xạ cái mũ cát két.

- Cảm ơn chị, - tôi nói với cô gái. - Gần nhà rồi. Em có thể về một mình.

Cô gái đi rồi, tôi tựa vào hàng rào chắn của quảng trường và giật bỏ chiếc mũ: nó xiết chặt vầng trán và khiến tôi rất đau đầu. Một ông già đội một chiếc mũ quả dưa dừng lại bên cạnh và hỏi tôi có chuyện gì không. Tôi đứng ngây người không nói năng gì được. Ông lão lắc đầu rồi bỏ đi.

Tôi đội mũ vào và tiếp tục đi dọc theo đường Nicônxcô - Bách Thảo để về nhà. Đã sẩm tối. Những tia nắng cuối cùng đỏ sẫm lấp lánh trên các cửa sổ. Theo thường lệ, vào giờ này những cây đèn đường đã bật sáng. Nhưng chiều tối hôm ấy, không hiểu tại sao chẳng ai chịu châm đèn lên.

Đến góc phố gần nhà, tôi trông thấy má. Bước chân gấp gáp, má tiến về phía tôi. Má ôm chầm lấy tôi và bất thần kêu lên:

- Bôria đâu? Con không gặp anh Bôria sao?

- Đằng kia - tôi trả lời, tay chỉ về phía đại lộ Crêsáttrích.

- Về nhà ngay! - Má quát tôi.

Và má bắt đầu chạy ngược lên phố. Trong khoảng khắc tôi đứng ngây tại chỗ, mắt nhìn theo má, rồi thất thểu lê bước về nhà. Đường phố của chúng tôi vẫn vắng vẻ như thường lệ. Sau các khung cửa sổ lấp lánh ánh đèn. Tôi thoáng thấy cây đèn có cái chao xanh trên bàn làm việc của ba tôi. Đến gần lối ra vào, tôi bắt gặp Lida, chị sen của chúng tôi, đang đứng đợi trước một bên cánh cổng để ngỏ. Chị đỡ lấy cái cặp sách, lấy mùi xoa lau mặt cho tôi và mắng:

- Đồ lêu lổng. Đến phát điên phát rồ lên vì em! Về nhà rửa chân tay mặt mũi ngay.

Ở nhà chỉ còn lại Galia và Đima. Galia vẻ nóng ruột đi đi lại lại trong các căn phòng, chốc chốc lại xô vào đồ đạc bàn ghế, miệng lẩm bẩm:

- Đi đâu cả rồi mới được chứ? Mọi người đâu cả rồi?

Còn Đima thì vắt vẻo trên bệ cửa sổ và căng tai nghe ngóng. Anh ấy đã không kịp nhập vào đám biểu tình. Có lẽ anh ấy cũng muốn nghe thấy những loạt súng nổ. Và ngồi trên bệ cửa sổ, lúc này có lẽ anh ấy vẫn hy vọng nghe thấy tiếng vọng.

Sau khi rửa mặt mũi tay chân, tôi đã hơi hoàn hồn. Lida đem đến cho tôi một cốc sữa nóng. Nhưng tôi vẫn chưa kìm nổi sự thổn thức.

- Mày có trông thấy người chết không? - Đima hỏi.

- M -m -m, - tôi ấp úng. Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Thôi đi, để thằng bé yên! – Galia quát, vẻ khó chịu - Trông nó tội nghiệp như vậy chưa đủ sao?

Một lát sau, má cùng về với Bôria. Anh ấy người đầy bụi, đầu trần, không còn chiếc mũ cátkét nữa. Một nụ cười bí hiểm phảng phất trên môi cứ như anh ta vừa nhận được một cú bất ngờ. Rồi đến lượt anh sinh viên Máccôvích cũng trở về. Anh ta nói anh ta đã trông thấy khá nhiều người chết và bị thương.

Má hạ những bức rèm xuống và bảo Lida không được mở cửa cho bất cứ người nào nếu không biết chắc đó là ai. Sau đó má bắt tôi đi ngủ. Trước khi vào giường, tôi cuộn rèm lên và đưa mắt nhìn ra ngoài phố. Những ngọn đèn đường vẫn chưa được bật lên. Một làn ánh sáng lờ mờ, xam xám và rất khác thường trải nhẹ trên các mái nhà. Một bầu không khí im lặng cũng rất khác thường lởn vởn khắp nơi cứ như thành phố vừa mới trải qua bàn tay tàn phá của tử thần. Một kỵ sĩ phi nước đại lướt qua đâu đó trên một đường phố rất gần, rồi tất cả lại trở lại im ắng.

Tôi hạ rèm, trút bỏ quần áo ngoài, nằm xuống giường, mắt nhìn chằm chằm những bức tường dầy. Tôi thầm nhủ rằng ngôi nhà tầng này chẳng

khác gì một lô cốt, không loại đạn nào có thể xuyên thủng được. Một ngọn lửa nhỏ sáng xanh nổ lép bép trong chiếc đèn chong đêm. Tôi chìm dần vào giấc ngủ và trong lúc mơ màng, tôi nghe thấy lanh lảnh tiếng chuông rung, tiếng bước chân gấp gáp và giọng nói của ba tôi. Ba đi đi lại lại trong phòng ăn và tranh luận hồi lâu với ai đó.

Sáng hôm sau, má cấm tôi không được ra khỏi nhà. Bực mình, tôi quyết định không đi đâu cả. Chiếc áo capốt khoác trên vai, tôi ngồi vào chiếc ghế bành trên bancông định học thuộc lòng một bài thơ của Nêcraxốp đã học trên lớp. Nhưng một ngày dài đã trôi qua và tôi chỉ thuộc được vẻn vẹn hai câu:

Cuối thu, lũ quạ bay rồi,

Rừng cây trút lá, dưới trời đồng không.

Xung quanh mọi vật thi nhau kéo tôi khỏi trang giấy. Trước hết, những người lính cứu hỏa vụt qua. Rồi, từ cái chòi ở cuối vườn xuất hiện đại úy Dôđôrôgiơnư, một phần tử cực đoan, một con người thô lỗ. Anh ta bó chặt chiếc áo capốt mầu xám bằng một chiếc dây lưng to bản và trên hông, ngoài thanh kiếm, anh ta còn mang một khẩu súng ngắn. Theo sau anh ta là bà vợ, gầy như một tấm ván là quần áo, đầu tóc rối tung, dưới mắt là những quầng xanh. Một chiếc kimônô Nhật có

thêu những con công trên nền vải đen, thùng thình lượn sóng trên người.

Dôđôrôgiơnưi vừa tham chiến ở Nhật trở về đem theo hai chiếc hòm khổng lồ chật ních những cuộn vải tuýtxo, những chiếc áo kimônô và những chiếc quạt. Thậm chí anh ta có cả một trong những thanh kiếm tầu mũi kiếm vạt chéo. "Người anh hùng Múcđen!" Ba tôi mỉa mai gọi anh ta bằng cái biệt danh ấy.

- Gioócgiơ, - Bà Dôđôrôgiơnưi õng ẹo rít lên, - đừng quên rằng em đã khắc khoải héo mòn vì anh.

- Cần gì phải thế, cô bạn! - Viên đại úy trả lời bằng một giọng đùa cợt và hôn tay vợ - Chúng ta sẽ giáng cho cái tụi quân hồi vô phèng kia một đòn chí tử ngay bây giờ đây mà!

Nói rồi hắn bỏ đi không thèm ngoái lại.

Cuộc chiến tranh Nhật Bản chỉ vừa mới chấm dứt: trẻ già ai cũng đau khổ và bất bình.

Chúng tôi nghe người lớn bàn tán về sự bất tài của bộ chỉ huy tối cao, về viên tướng "đồ mì dẹt" Kurôpátkin, về sự phản bội của Xtexen về sự đầu hàng của Pót-Actuya và về sự bất lương của các sĩ quan hậu cần, những kẻ đã hùa nhau biển thủ vơ vét công qũy Nước Nga chuyên chế vốn đã bị rách bươm như một mảnh vải bạt mục nát.

Nhưng chúng tôi cũng nghe họ ca ngợi lòng

dũng cảm của binh sỹ Nga, của sức chịu đựng vô biên của họ. Chúng tôi nghe họ nhắc đi nhắc lại rằng tình trạng như bây giờ không thể kéo dài hơn nữa, rằng sự kiên trì dai dẳng của nhân dân giờ đây đã như bát nước đầy.

Thất bại ê chề nhất của chúng ta là sự sụp đổ tan tành của hạm đội Nga gần Tơxusima. Một hôm, Bôria cho chúng tôi xem một mẩu giấy nguệch ngoạc vài dòng mực tím đã bạc mầu, chữ nghĩa rất khó đọc.

- Truyền đơn à? Tôi hỏi.

Nhiều lần ở trường, tôi đã được đọc những truyền đơn như vậy trên các bức tường.

- Truyền đơn đâu mà truyền đơn, - Bôria trả lời, - Thơ đấy. Vất vả lắm tôi mới lần ra mấy câu đầu bài thơ:

Thế là hết, hết thật rồi, hỡi những người anh hùng Tơxusima!

Các bạn sẽ là những kẻ tử vì đạo cuối cùng gục ngã...

Và kia rồi, ngay trước cửa, trong tầm tay với,

Ôi, Tổ quốc thân yêu, tự do cho Người!

Tự do! Tôi vẫn chưa rõ lắm ngôn từ kia có nghĩa gì. Tự do, đối với tôi, đó là bức tranh cổ động treo trên tường trong phòng làm việc của ba tôi. Một phụ nữ mặt mày rạng rỡ và bừng bừng nhiệt

huyết, bộ ngực cứng và để trần, đứng trên một chiến lũy. Một bên tay, nàng giương cao một ngọn cờ đỏ, còn tay kia đang châm một cái mồi lửa cháy đùng đùng vào miệng một cỗ đại bác. Đó là Tự do.

Đằng sau nhân vật kia, hết lớp này đến lớp kia, dồn dập ùa tới những làn sóng người: những người đàn ông mặc áo bờlu xanh, tay cầm súng, những người đàn bà kiệt sức nhưng mặt mày vẫn rạng rỡ, những thiếu niên và thậm chí cả một nhà thơ đội mũ chóp cao. Tất cả những con người kia đang hào hùng ca vang một khúc ca nào đó, hẳn là bài Mácxaye.

Hãy cầm súng, hỡi các công dân!...
Ngày vinh quang đã đến!

Tiếng trống rung, tiếng vang vang hùng tráng của đội kèn đồng. Tự do đang tiến lên toàn thắng khắp nơi trên toàn đất nước, và những tiếng reo vang chào đón Tự do của nhân dân.

Ngay sau lưng nàng, một người đàn ông trông giống như anh sinh viên Máccôvích, đang bước những bước dài. Anh ta có khuôn mặt rám nắng, mắt sáng và cầm trong tay một khẩu súng ngắn.

Một hôm, qua khung cửa sổ mở ra ban-công, tôi liếc nhìn vào căn phòng của Môngtênêgrin. Anh ta đang lau một khẩu braoninh đen nhánh, miệng ngân nga một làn điệu gì đó. Những viên đạn nhỏ

bằng đồng đặt trên một quyển sách thuốc.

Thoáng trông thấy tôi, Máccôvích vội vàng giấu vũ khí dưới một tờ nhật báo.

*

* *

Một ngày sau cuộc biểu tình, Lida hạ những tấm ảnh thánh mẫu xuống và đặt lên bệ những cửa sổ mặt tiền nhìn ra đường phố. Lão gác cổng Igơnátly vạch một chữ thập lớn bằng phấn trên cánh cổng của sân nhà. Sau đó, lão khóa cả cổng lớn và cổng nhỏ lại, cứ như ở một đồn lũy nào đó.

Má đã giảng giải cho chúng tôi rằng một cuộc săn lùng, bài xích người Do thái đã bắt đầu trong thành phố. "Theo lệnh của Pêtécbua", má nói thêm. Và Lida thì thầm to nhỏ với chúng tôi rằng người ta đang lùng sục cướp phá và bắt bớ khắp nơi trên đường phố Vaxicốpxki và cuộc bài xích săn lùng kia chẳng bao lâu nữa sẽ đến lượt khu phố chúng tôi.

Máccôvích bỏ đi lên phố kéo theo cả Bôria. Lơ Môngtêrêgrin đi ủng và thiết chặt chiếc dây lưng bó lấy tấm áo vét sinh viên của anh ta. Má không muốn để Bôria đi, nhưng ba lên tiếng đồng tình. Vì vậy má đã chúc phúc cho con trai má, ôm hôn anh ấy và để anh ấy ra đi. Trong khi anh ấy xuống cầu thang, má đã van xin anh sinh viên chú ý đến Bôria.

- Các anh ấy đi đâu vậy? – tôi rụt rè hỏi ba.

- Đến đơn vị chiến đấu của sinh viên. Để bảo vệ người Do thái.

Và chẳng bao lâu sau, ba cũng ra đi. Đima và tôi suốt ngày đi đi lại lại thơ thẩn trong sân. Giữa trưa, xa xa vang lên những phát súng. Tiếp đó súng nổ mỗi lúc một dồn dập hơn. Trên đường Vaxicốpxki bỗng bùng lên một đám cháy. Những mẩu giấy cháy đen bay đến tận chỗ chúng tôi và rơi xuống sân.

Buổi chiều, ba tôi trở lại nhà đem theo một bà già Do thái nhỏ bé, hồn siêu phách lạc. Chiếc khăn trùm đầu đã tuột khỏi mái tóc bạc của bà già tội nghiệp. Một cậu bé câm như hến dắt tay bà cụ. Đó là mẹ của một bác sỹ, bạn của gia đình chúng tôi.

Má tôi cho gọi Igơnátly rồi vào bếp gặp ông ta, nói chuyện rồi dúi cho ông ta mười rúp. Nhưng người gác cổng trả lại tiền và nói với má:

- Thưa bà, tôi cũng vậy, tôi cũng giấu người Do thái trong nhà. Măngđen, người thợ may và cả gia đình ông ta. Nhưng chúng ta phải hết sức cảnh giác đừng để cái con bệnh dịch hạch Dôđôrôgiơnưi kia nghi hoặc điều gì.

Khoảng chiều tối, một chàng trai dáng dấp nhỏ bé, đội một chiếc mũ cátkét đen, di đến gần cánh

cổng. Cái mũ để tuột ra một lọn tóc nhớp nháp mồ hôi. Những cái vỏ hạt hướng dương còn dính trên cằm chàng trai.

Tiếp đó là một ông già không để râu, đội một chiếc mũ rơm, mặc một chiếc quần ngắn cũn cỡn. Lão thận trọng sải bước. Rồi đến một gã trông rất nhộn, đầu trần, cặp mắt sưng phù, một mụ già ộ ệ quấn một chiếc khăn choàng len và sau hết là một vài tên dánh xoáy trông như tướng cướp. Chúng tôi đã nhẵn mặt mụ già kia: đó là một người buôn đồ cũ ngoài chợ Galixi. Lúc này, mụ đang mang một chiếc túi vải to tướng, mới toanh nhưng rỗng tuếch.

- Mở cửa! - chàng trai đội mũ cát két gào lên và vung một thanh gươm sắt to tướng giáng cho cánh cổng một phát nên thân.

Igơnatty ra khỏi nhà.

- Bọn Do thái có đây không? - Gã kia xẵng giọng hỏi.

- Cùng một giuộc như mày cả thôi, - người gác cổng uể oải trả lời.

- À! Lão chứa chấp người Do thái! - Tên kia rống lên và hai tay điên cuồng rung mạnh cánh cổng. - Được rồi. Bọn mày bị chỉ điểm. Mở cổng mau!

- Chờ một lát, ta sẽ mời ngài đại tá Dôđôrôgiơnưi đến ngay bây giờ – Igơnátty dọa, - ông ấy sẽ có cách xoay sở với cậu.

- Bọn này cóc cần ngài đại tá Giêruydalem của lão! Bọn này sẽ cho lão đại tá ấy ra bã!

Nghe hết câu chuyện đối co đằng sau cánh cổng nhà mình, không sót một lời, bà vợ Dôđôrôgiơnưi không thể chịu đựng được nữa. Mụ ta lao ra sân như một mẹ gà trong cơn tam bành. Hai cánh tay áo của chiếc kimônô đen bay lên và vỗ phành phạch như những cánh chim.

- Quân mất dậy! Mụ ta gào lên và nhổ một bãi nước bọt qua bờ rào song sắt vào giữa mặt gã thanh niên. - Sao mày dám hỗn xược với một sỹ quan hoàng gia? Tên côn đồ kia! Vaxili đâu rồi - mụ ta nheo nhéo, - Ra mau, đồ vô tích sự!

Từ trong chái nhà, viên sỹ quan tùy tùng bất thần xuất hiện, vẻ hớt hải. Anh ta vớ vội một lưỡi rìu vẫn chỏng chơ bên cạnh cái kho và lao về phía cổng. Bên ngoài hàng rào, chàng trai đội mũ cát két nhảy lùi một bước rồi vắt chân lên cổ tẩu thoát, chốc chốc lại ngoái cổ hoảng hồn nhìn viên sỹ quan. Đồng bọn của hắn cả lũ ù té chạy theo, trong khi Vaxili, sát khí đằng đằng, vẫn không ngừng vung lưỡi rìu về phía tên cầm đầu.

- Sao, ông đã thấy chưa? - Mụ vợ viên đại úy te tái xốc lại chiếc áo kimônô và vùng vằng đi vào. - Đã cơ hội lên mặt là công dân tốt của nước Nga lại còn tự phụ là ái quốc mới gớm chứ! Thế mà mọi

người vẫn tin là thật mới khổ chứ! Nhưng làm sao có thể qua mặt được gái này!

Thế là mụ vợ của một tên cực đoan đã xua được một toán cướp khỏi ngôi nhà của chúng tôi. Người ta bàn tán xôn xao về chuyện này suốt cả tuần. Đến trước ngôi nhà hàng xóm của chúng tôi, chàng trai đội mũ cát két dừng lại và vẫn đập thình thình lên cánh cổng. Bất thần, Đima kéo tôi vào nhà kho: một cái súng cao su đã lâu không dùng vẫn treo trên tường. Chúng tôi đã cho nó cái biệt danh "bệ phóng tên lửa"

Đó là một giải băng cao su dầy, hai đầu được đóng đinh vào khung của một cửa trổ kính đã vỡ trên gác xép. Chúng tôi đã được thừa kế cái vũ khí ấy của một chàng trai ở trong ngôi nhà này trước chúng tôi.

Ngay sau đó tôi nhặt được trong xó nhà một mẩu gạch mầu vàng rất cứng. Đima đặt mẩu gạch vào giải băng đàn hồi và giữ nó rất chặt. Cả hai anh em, chúng tôi ra sức kéo căng cái "bệ phóng" và nhằm vào tên cầm đầu băng cướp, chúng tôi phóng "quả tên lửa".

Mẩu gạch rít lên trong không trung, vút qua sân nhà của chúng tôi cuốn theo những chiếc lá bị bứt khỏi rặng cây. Xoạt! Quả đạn quật xuống mặt đường ngay bên gót chân của một ông già đang đi

dọc theo vỉa hè và vỡ tung. Chúng tôi đã bắn trượt mục tiêu.

Giật mình, ông già bất giác gấp người xuống rồi bật lên ngay và hoảng hồn cắm đầu chạy. Đằng sau ông già, tên cầm đầu toán cướp cũng vắt chân lên cổ chạy thục mạng, tiếng gót giầy của hắn gõ vang đường phố.

- Nhanh, mẩu gạch nữa! Đima giục tôi, -

Nhưng đã quá muộn: tên côn đồ đã biến mất sau ngôi nhà góc phố.

- Mày không biết bắn, - Đima quở tôi - Mày bắn xiên bắn xọ rồi,nên chúng ta mới trượt mục tiêu.

Bất cứ trường hợp nào, Đima vẫn thích đổ lỗi cho người khác mà lại còn hay nói dai nói dài mới khổ chứ.

Mặc dù bắn trượt, chúng tôi vẫn không kém phần tự hào về cái "bệ phóng tên lửa" của chúng tôi.

Chiều tối, Lida đem cháo kê trắng đến phòng của người gác cổng cho gia đình Măngđen. Tôi bám theo chị ấy.

Cửa sổ của căn phòng được buông rèm cẩn thận. Igơnátty ngồi trên một chiếc ghế đẩu. Ông lão nhè nhẹ kéo đàn Ắccoócđêông và ngân nga một điệu vanxơ: *Trên những ngọn đồi Mansuri*. Một kỷ niệm về cuộc chiến tranh Nhật Bản:

Một đêm đầy nỗi hãi hùng,
Trên đồi ngọn gió ngập ngừng rồi đi...

Cả gia đình người thợ may đã ngủ thiếp riêng Măngđen vẫn lom khom cạnh một ngọn đèn chong dùng dầu hỏa dựng một chiếc áo vét tông bằng những sợi chỉ trắng.

- Người ta rượt theo để giết bạn, - ông ta nói, - còn bạn thì vẫn không có quyền ngừng khâu vá. Nếu không, lấy gì mà sống?

Lida, lưng xoay về phía cửa, bàn tay đỡ một bên má, chăm chú lắng nghe Igonátty ngân nga:

Mảnh trăng đơn chiếc tầng cao
Sáng soi nấm mộ anh hào trận vong...

NGỌN ĐÈN LỒNG NHỎ BÉ

Tôi châm lên cây đèn nhỏ có lồng kính mầu đỏ. Bên trong leo lắt một ngọn đèn chong dùng dầu hoả.

Ngọn đèn mơ hồ soi sáng cái kho chật hẹp và khoác lên những thứ đồ cũ chất đống trên những chiếc giá bụi bậm một thứ ánh sáng ma quái như muốn báo điềm gở.

Và tôi bắt đầu tráng những cuộn phim ba tôi giao cho.

Ba tôi có một chiếc Côđắc nhỏ. Ba rất mê chụp ảnh, nhưng chụp xong, những cuộn phim lay lắt hàng tháng trời trong những chiếc ngăn kéo trong văn phòng của ba. Trước những lễ hội lớn, trong nhà chúng tôi thường có tổng vệ sinh. Má tôi thu thập tất cả những cuộn phim lăn lóc khắp nơi, giao cho tôi và thế là tôi phải chịu trách nhiệm tráng rửa những cuộn phim ấy.

Đối với tôi, đó là một trong những niềm đam mê nhất vì quả thật không thể đoán trước được

những gì sẽ hiện lên từ các cuộn phim. Hơn nữa, trong lúc tôi đang mê mải với công việc này, không một ai, kể cả má, được phép vào kho. Điều đó đem lại thêm cho tôi một nguồn hứng thú. Tôi được tách khỏi thế giới bên ngoài. Những âm thanh quen thuộc, tiếng bát đĩa va vào nhau, tiếng chuông trong veo của chiếc đồng hồ quả lắc, thậm chí cả chất giọng lanh lảnh của Lida cũng chỉ thoang thoảng lọt được vào trong kho.

Một chiếc mặt nạ bằng giấy nhào bột đúc được móc trên một trong những bờ tường, mặt nạ một chàng hề mũi tẹt với hai gò má đỏ chót sưng vù lên như những cái bướu. Một túm xơ gai ló ra dưới chiếc mũ chóp cao mầu trắng, đội lệch của hắn.

Dưới ánh sáng lờ mờ đỏ quạch của cây đèn lồng, chiếc mặt nạ linh lợi hẳn lên. Chàng hề phóng cái nhìn của hắn xuống cái chậu nước đen ngòm, nơi một cuộn phim đang ngâm mình trong thuốc hiện hình. Thẳng hoặc anh chàng cũng nháy mắt cho tôi. Từ chiếc mặt nạ toả ra một mùi hồ tinh bột. Đôi khi toàn bộ ngôi nhà chìm đắm trong cảnh tịch mịch: điều này có thể xảy ra ngay trong những gia đình ồn ã nhất. Những lúc như vậy, tôi cảm thấy không thoải mái khi trò chuyện riêng với chàng hề.

Dần dần, càng ngày tôi càng hiểu chàng ta hơn.

Tôi biết rằng đó là một thằng cha trơ trẽn, một gã hay chế giễu, rằng đối với cu cậu chẳng có cái quái gì là thiêng liêng cả và suy cho cùng, anh chàng đang báo thù chúng tôi vì đã giam cầm hắn suốt đời trong cái xó tối tăm này. Thậm chí đôi khi tôi nghe thấy, hoặc ít nhất tôi có cảm giác nghe thấy chàng hề, vì ngán cái không gian tịch mịch kia, lẩm bẩm, một điều gì đó hoặc cất giọng ngân nga:

Dưới nắng chang chang,
Chín vàng mứt chảy.
Trên bờ dậu ấy,
Chủ nhật vừa qua,
Mấy mẹ gà ta
Xơi liền một mạch
Chú gà trống tây...

Nhưng chỉ cần tôi hé mở cánh cửa để cho làn ánh sáng ban ngày xanh nhạt lọt vào lều thế là chàng hề chết giấc tại chỗ và lập tức bị bụi phủ đầy.

Lần ấy, chính ba đã đem đến cho tôi mấy cuộn phim và bảo tôi tráng rửa ngay lập tức.

Ba vừa từ Maxcơva trở về sau một chuyến đi. Lúc ấy là vào khoảng đầu tháng giêng năm 1906. Ba đã có mặt tại thủ đô trong những ngày cuối cùng của cuộc nổi dậy Tháng Chạp năm 1905. Ba kể cho chúng tôi nghe về những chiến luỹ ở Khu Pơrexnia, về các chiến sỹ cách mạng, về những

trận pháo kích. Mặc dù cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ba đã phấn khích trở về, đem theo cả cái hơi thở băng giá của Maxcơva. Ba vững tin rằng chẳng bao lâu nữa một cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra trên toàn nước Nga và quyền tự do bấy lâu khao khát cũng không còn xa nữa.

- Cố gắng hết sức con nhé, - ba dặn tôi. - Trong số này có những cuộn phim, ghi lại những sự kiện lịch sử. Chỉ có điều ba không nhớ rõ cuộn nào.

Tất cả các cuộn phim cuộn nào cũng như cuộn nào. Có bao giờ ba ghi chú nội dung đâu. Tôi đành phải tráng rửa hú hoạ, không còn cách nào khác.

Trên cuộn phim thứ nhất chẳng có hình ảnh nào của Maxcơva cả. Chỉ có bóng dáng của một con người nhỏ bé, khẳng khiu, mặc một áo véttông ngắn với một chiếc nơ mầu lá úa thay cho cà-vạt. Ông ta đứng cạnh một bờ tường, trên đó có treo một bức tranh nhỏ.

Tôi phải mất một hồi lâu mới nhận ra một cái gì đó trên bức tranh. Cuối cùng tôi phát hiện ra một khuôn mặt hốc hác võ vàng, một cái mũi khoằm, những con mắt to và đượm buồn. Một khuôn mặt vùi trong một mớ lông chim.

Ba đến gần cửa và hỏi:

- Thế nào? Con đã thấy gì chưa, những tấm ảnh Maxcơva ấy?

- Chưa ba à. Con chỉ mới có được một ông già bên cạnh một bức hoạ treo trên tường thôi.

- Sao cơ, đó chính là hoạ sỹ Vơruben đấy! Con không nhớ ông ta sao? Thật chú ý đừng để cháy phim.

- Trên bức hoạ chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy một khuôn mặt và những cái gì đó giống như những chiếc lông chim.

- Chỉ cần thế thôi, - ba tôi trả lời. - đó là *Con Quỷ*

Nói rồi, ba bỏ đi.

Thế là tôi nhớ lại một buổi sáng, vào giờ điểm tâm, ba cho má hay rằng Misen Vơruben hiện đang lưu lại Kiép vài ngày và mời ba đến khách sạn gặp ông ta.

- Không hiểu sao mình quan tâm đến cái ông Vơruben ấy đến thế! - Má thốt lên với vẻ khó chịu.- Cái thứ hội hoạ ấy quả là một sự suy đồi! Em ấy à, mấy cái lão hoạ sỹ ma ám ấy làm em phát khiếp!

Không phải vì vậy mà ba không đến gặp Vơruben và thậm chí còn cho tôi đi theo. Trong cái khách sạn ta đang nói tới ấy, gần Cửa Ô Vàng, chúng tôi đã phải trèo lên tận tầng năm. Những hành lang sực mùi khách sạn buổi sáng: nước thơm Côlônhơ và cà-phê. Ba gõ một khung cửa thấp. Một ông già nhỏ bé, khẳng khiu, mặc một chiếc áo vét-tông sờn cũ mở cửa cho ba con tôi. Khuôn mặt, mái tóc, những con mắt của ông ta, tất

cả đều cùng một mầu với chiếc áo ông đang mặc: nền xám lấm chấm những điểm mầu gạch cua. Đó là Vơruben.

- Cậu này là ai? - ông ta hỏi, một bàn tay rắn chắc tóm lấy cằm tôi. - Con trai ông bạn phải không? Cậu bé giống hệt một bức tranh chì mầu.

Ông ta nắm cánh tay và lôi ba tôi về phía bàn viết.

Tôi lặng lẽ quan sát căn phòng với vẻ sợ hãi. Đó là một cái gác xép. Vài bức tranh mầu nước đính trực tiếp vào giấy bọc tường mầu sẫm bằng những chiếc đinh ghim.

Vơruben rót hai ly cô-nhắc, một cho ba tôi và một cho ông ta. Ông ta uống một tợp cạn ly rượu và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Gót giầy của ông ta nện chan chát trên sàn nhà. Tôi nhận ra rằng gót giầy của ông ta rất cao.

Ba tôi nói vài lời khen nịnh những bức vẽ đính trên tường.

- Những mảnh rẻ rách! - Vơruben nói với một cái khoát tay khinh bạc.

Cuối cùng rồi ông ta cũng không lăng xăng nữa và ngồi vào bàn.

- Tôi nhận ra rằng tôi đã quay cuồng tại chỗ, không yên, cứ như một con sóc bị nhốt trong chuồng, - ông ta nói - Tôi tự cảm thấy khá mệt mỏi.

Chúng ta đi Lukianốpka được chứ, Ghêóocghi Mắcximôvích?

- Đi Thánh-Xirin?

- Đúng vậy. Tôi rất muốn xem lại tác phẩm của mình. Giờ đây khi tôi đã quên nó.

Ba tôi đồng ý. Cả ba chúng tôi lên một chiếc xe ngựa để đi Lukianốpca. Người xà ích đưa chúng đi theo đường Lơvốp dài bất tận rồi rẽ sang đường Đôrôgògítxcaia cũng chẳng ngắn ngủi gì hơn. Vơruben và ba tôi châm thuốc hút.

Tôi ngắm nhìn con người nhỏ bé kia và cảm thấy mơ hồ thương hại ông ta. Ông ta luôn cựa quậy, cặp mắt đảo đi đảo lại hoài. Ông ta nói năng chẳng mạch lạc gì cả và châm hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, châm lên một điếu để rồi lẳng đi ngay. Ba tôi nói với ông ta một cách dịu dàng như với một đứa trẻ.

Chiếc xe ngựa thả chúng tôi xuống gần nhà thờ Thánh Têôđo, và chúng tôi tiếp tục cuốc bộ theo những đường phố có trồng cây hai bên. Những đường phố này đưa chúng tôi đến tận bờ một cái vực. Một con đường ngoắt ngoéo chữ chi thoai thoải chạy xuống một bình địa. Tít dưới kia người ta trông rõ mái vòm của nhà thờ Thánh Xirin.

- Ta nghỉ một lát nhé - Vơruben đề nghị.

Chúng tôi ngồi xuống vệ đường. Xung quanh

um tùm cỏ dại đầy bụi bậm. Một bầu trời xanh nhợt nhạt vắt ngang qua sông Đơnhiépơrơ.

- Không ổn, Ghêóocghi Mắcximôvích thân mến ạ - Vơruben nói.

Ông ta vỗ vỗ một bên má nhăn nheo của mình và phá lên cười.

- Tôi đã quá mệt mỏi không muốn kéo lê cái vỏ bọc kinh tởm này nữa.

Tất nhiên tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời lẽ của ông ta. Vả lại, có thể tôi đã không còn nhớ gì nữa về cuộc đàm đạo ấy nếu ba không thuật lại với má, rồi với cậu Nicôla và sau đó với những người thân quen khác và nếu tất cả mọi người không tỏ ra thương hại Vơruben.

Tại giáo đường Thánh Xirin, hoạ sỹ trầm ngâm chiêm ngưỡng những bức hoạ, tác phẩm của chính bản thân ông ta. Những bức bích hoạ này cho ta cái cảm giác cứ như chúng được đúc bằng một thứ đất sét xanh lơ, đỏ và vàng. Tôi không tài nào tin được rằng những tác phẩm hội hoạ đồ sộ hoành tráng kia lại là con đẻ của một thân hình gầy ốm như vậy.

- Thế đấy, đó chính là hội hoạ! - Hoạ sỹ kêu lên khi chúng tôi đã ra khỏi giáo đường.

Thái độ bình thản của ba khi đón nhận và thậm chí tán đồng lời khẳng định ấy khiến tôi rất ngạc nhiên, vì đối với các anh tôi, cũng như đối với bản

thân tôi, ba không bao giờ tha thứ bất cứ một lời tán dương nào. Vì vậy, ngay sau khi Vơruben chia tay chúng tôi trên đường Râytarơxcaia, tôi tuyên bố rằng tôi chẳng thích con người kia chút nào.

- Tại sao?

- Đó là một tay khoác lác.

- Đồ ngốc! - Ba trả lời, và vỗ vai tôi ba nói thêm: - Nào, thôi đừng tự ái nữa!

- Sao lại ngốc? - tôi giận dỗi vặc lại.

- Trước hết con phải biết rằng Vơruben là một hoạ sỹ tuyệt vời. Một ngày nào đó con sẽ hiểu ông ta. Con cũng cần biết rằng đó là một người ốm yếu. Hệ thần kinh của ông ta bị mất thăng bằng. Ngoài ra con cũng phải hiểu một quy luật vô cùng quan trọng của cuộc sống: đừng đánh giá bất cứ ai theo những ấn tượng đầu tiên. Nếu không, con sẽ luôn luôn lâm vào những tình huống lố bịch. Ba nhắc lại, không bao giờ được tự ái. Ba không nói gì làm con phật ý cả.

Mặc dù cuộn phim đã được tráng rất cẩn thận, người ta vẫn rất khó nhận ra bất cứ cái gì trên bức tranh treo trên tường, sau lưng Vơreben. Tôi chỉ biết rằng đó là *Con Quỷ*.

Mãi sau này, vào mùa hè năm 1911 tôi mới được thấy bức tranh ấy tại bảo tàng mỹ thuật Tơrêchiacốp ở Mátxcơva.

Mátxcơva nghi ngút giá băng. Từng làn hơi nước thoát ra từ những khung cửa căng đầy hơi ẩm của những quán rượu. Trong bao la tuyết mịn của Mátxcơva, Mátxcơva với những đại lộ sương giá, những cửa sổ nhằng nhịt những cành băng, những chiếc đèn ga xanh nhạt, bức tranh kia rực rỡ như một viên kim cương xanh, như một viên ngọc đem về từ những đỉnh lấp lánh của vùng núi Côcadơ. Trong phòng trưng bầy của bảo tàng, nó toả ra hơi lạnh của sự hoàn mỹ, vẻ uy nghi của nỗi tuyệt vọng của con người.

Tôi ngây ngất hồi lâu trước *Con Quỷ*. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi nhận ra rằng sự chiêm ngưỡng một tác phẩm giá trị như vậy, ngoài sự khoái cảm đơn thuần của mắt nhìn mà nó đem lại, còn làm trỗi dậy từ cõi thẳm sâu của ý thức con người những tư tưởng mà cho đến lúc ấy con người không biết đến sự tồn tại.

Tôi cũng nghĩ về Lécmôntốp. Tôi mường tượng thấy nhà thơ trầm lặng bước vào phòng tranh, chăm chú đến mức khiến cho tiếng lanh canh của gót giầy của mình trở thành kín đáo hơn nhiều. Dưới kia, trong tiền sảnh, bằng một động tác rất ung dung thoải mái, nhà thơ đã lẳng chiếc áo choàng sỹ quan mầu xám lên cánh tay người gác cửa rồi chững lại hồi lâu trước "*Con Quỷ*" ấy, dò xét

nó bằng một cái nhìn rầu rĩ[1].

Lécmôntốp đã từng viết những lời lẽ đắng cay về bản thân mình:

Khác gì sao lạc trong đêm,

Ta đây cũng vậy vô duyên cho đời...

Trời ơi, trời đất ơi, sao nhà thơ lại có thể lú lẫn đến vậy! Và ngọn lửa thấp thoáng qua của những vì sao lạc kia cần thiết cho đời biết bao! Con người đâu chỉ sống bằng bánh mì.

Lécmôntốp tự cảm thấy là tù binh của trái đất. Nhà thơ đã phung phí tâm huyết của mình trong sa mạc đời người. Nhưng, tắm mình trong sức mạnh thơ ca, trong cơn thịnh nộ, trong nỗi kinh hoàng, trong niềm khát khao hạnh phúc của nhà thơ, cái hoang mạc đời người kia đã nở hoa. Vả lại, phải chăng chính Lécmôntốp chẳng đã thú nhận đó sao: *Từ dưới một bụi cây, bông linh đan ánh bạc âu yếm gật đầu ra hiệu cho ta*! Và biết đâu đấy, có thể ngọn gió lạnh buốt của những ngọn cây lấm chấm máu tươi của *Con Quỷ* đã chẳng thấm đượm một mùi hương rất dịu dàng và xa vắng, mùi hương của loài hoa yêu kiều ấy? Có thể Lécmôntốp, cũng như *Con Quỷ* bị vùi dập của nhà thơ chỉ là một đứa con bị cuộc đời tước đoạt

1. Bài thơ "*Con Quỷ*" của Sécmôntốp được viết năm 1841.

mất cái mà nhà thơ hằng khát khao, đó là tự do, công lý, tình yêu?...

- Sao rồi, - ba tôi lại hỏi qua cánh cửa khép kín, - con tìm thấy rồi chứ, những tấm ảnh Mátxcơva ấy?

Tiếng nói của ba kéo tôi ra khỏi tình trạng u mê. Tôi bắt đầu quần nhau với quận phim tiếp đó và quên hẳn Vơruben. Những con đường của Mátxcơva bị vùi dập trong những đống tuyết và hai bên có những ngôi nhà thấp lè tè hiện dần lên trên cuộn phim. Ngang qua những đường phố sừng sững mọc lên những chiến luỹ dựng bằng những chiếc thùng rỗng, những tấm ván, đá lát, biển hiệu cửa hàng. Bên cạnh các chiến luỹ là những người đàn ông ăn mặc dân sự được trang bị súng ngắn và súng trường.

Rồi tôi thấp thoáng nhận ra những toà nhà cao, tường bị đạn đại bác làm thủng lỗ chỗ, cầu Gơrơbaty, vườn Bách Thú ẩn hiện dưới làn khói đám cháy, mặt tiền của những quán nhậu nham nhở những vết đạn, những toa tầu điện bị lật ngược.

Tất cả những thứ ấy bị một màn sương mùa đông bao phủ. Về chuyện này thì tôi chịu, không làm gì được. Không loại thuốc hiện hình nào có thể xua tan nổi màn mù sương kia và soi rõ những hình ảnh cuộc nổi dậy.

Vả lại chính cái ấn tượng mơ hồ kia đã thể hiện rất hoàn hảo bầu không khí của cuộc khởi nghĩa. Tôi có cảm giác những hình ảnh kia đang khét lẹt mùi thuốc súng.

Vùng lên! Tiếng ấy rền vang mới kì lạ làm sao ở nước Nga lúc bấy giờ, một nước Nga lúc bấy giờ, một nước Nga vẻ ngoài hoàn toàn mang mầu sắc trưởng lão. Tôi đã từng đọc những mẩu chuyện về các cuộc nổi dậy của người Hinđu, tôi thuộc lòng lịch sử Công xã Pari cũng như câu chuyện về những đồng mưu của Những Người Tháng Chạp, nhưng đối với tôi, cuộc nổi dậy của Mátxcơva hình như là cuộc khởi nghĩa lớn nhất và cũng lãng mạn nhất.

Tôi kiếm được một tấm bản đồ của thành phố. Ba chỉ cho tôi vị trí các chiến luỹ và nơi diễn ra các cuộc chiến đấu: Tơsixchiê Pơruđi, Xamôcheca, quảng trường Kudrinxcaia, Pơrexnia, cầu Gorơbati. Đối với tôi những cái tên ấy giữ mãi sức quyến rũ của những địa danh đã đi vào lịch sử ngay trước mắt chúng ta.

Và tất cả những gì tham dự vào cuộc nổi dậy ấy đều mang một ý nghĩa, một tầm quan trọng đặc biệt: mùa đông Mátxcơva lởm chởm giá sương, những quán nhậu nơi tụ tập của các chiến sỹ, Mátxcơva cổ kính và thời đại mới quấn quýt với nhau. Những lão xà ích vận những tấm áo vét rách

rưới may bằng vải len thô, những cửa hàng bánh mì với tấm biển hiệu vẽ một ổ bánh, những người bán hàng rong bán những chiếc bánh bao nhân cá còn nóng, và cũng có cả những viên đạn rít lên trong không gian, một người nhảy qua đường phố, ánh tháp của những khẩu súng ngắn, những lá cờ đỏ, Bài Ca Vácxôvi.

Bão giông nghịch tặc trên đầu
Bạo tàn quyền lực một mầu tối đen...

Tất cả, tất cả đều tràn ngập thi vị của một cuộc đấu tranh, mang hơi thở của tự do đang đến gần, tuy vẫn còn chưa rõ rệt giống như lúc bình minh đang le lói vào một buổi sáng mùa đông. Và cũng tràn đầy sức mạnh tinh thần, lòng tin và hy vọng.

Bình nguyên mênh mông của nước Nga giờ đây đang dán mắt vào ánh lửa đám cháy đang hừng hực trong khu phố Pơrexnia và đang đợi chờ chiến thắng của các chiến sỹ. Cuộc nổi dậy ấy thật giống như một cơn giông cuối mùa đông, người báo trước những cơn giông khác, những chấn động khác đem lại nguồn sinh khí mới.

Thuở ấy tôi chưa có khả năng diễn đạt trạng thái phấn khích đang tràn ngập tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy tất cả, nhưng đã không thể bầy tỏ một cách rõ ràng cụ thể.

Ngày hôm sau, sau khi in thử tôi đem tất cả các tấm ảnh đến cho ba. Đêm đang xuống dần. Một

ngọn đèn cháy sáng trong phòng làm việc. Ngọn đèn soi sáng tất cả các đồ vật quen thuộc đặt trên bàn giấy: một hình mẫu thu nhỏ một đầu máy xe lửa bằng thép, một tượng bán thân thi hào Puskin với bộ râu quai xoăn tít, những chồng tạp chí cách mạng châm biếm - thuở ấy những tạp chí loại này rất phổ biến. Ngay bên dưới ngọn đèn là một tấm bưu ảnh: chân dung Trung uý Smiđơ[1], chiếc áo choàng đen với hàng khuy móc hình đầu sư tử vắt trên vai.

Nằm dài trên chiếc đi-văng, ba đang đọc một tờ báo. Ba xem tất cả những tấm ảnh tôi đem tới rồi thốt lên:

- Đất nước này mới khác thường làm sao! Vơruben và cuộc nổi dậy! Cái gì cũng có vị trí của nó, và tất cả đều hướng về một mục tiêu duy nhất.

- Mục tiêu gì?

- Một tương lai tươi đẹp hơn. Côxtích, con sẽ còn được thấy rất nhiều điều kỳ diệu. Tất nhiên với điều kiện là con cũng phải trở thành một người hữu ích.

1. P.P. Schmidt (1867 - 1906), trung uý thuộc hạm đội Biển Đen, một người dân chủ, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Xêbáttôpôn năm 1905, bị tử hình ngày 6 tháng 3 năm 1906.

NGÔI SAO BĂNG HIU QUẠNH

Hai năm sau, tôi đã mười bốn tuổi, má nhất quyết lần này chúng tôi không nghỉ hè ở Revơni, mà đi Crưm. Má chọn Alutrơta, khu an dưỡng tĩnh mịch nhất của cả bán đảo.

Hành trình của chúng tôi phải ghé qua Ôđétxa. Các khách sạn đầy ắp người. Chúng tôi đành phải dừng chân nơi nhà nghỉ của tu viện Aphôngxki gần nhà ga. Mấy chú tiểu, những thiếu niên nước da xanh tái vận áo cà sa với những dải thắt lưng quang dầu đen nhánh, đãi chúng tôi món xúp tầm ma và món sườn hun khói.

Tôi mê mọi thứ: món xúp, thành phố trắng tinh và tao nhã, những giọt nước suối Xentơdơ lấp lánh và hải cảng Ôđétxa. Trên bến tầu, những con bồ câu thẳng cánh bay lượn như những đám mây xanh hòa vào mấy đám mây trắng của đàn hải âu.

Một lần nữa, tôi được gặp lại biển cả. Gần bờ biển là những thảo nguyên. Ở đây thảo nguyên có phần tươi mát hơn ở vùng duyên hải Côcadơ. Con

tầu Puskin già nua lênh đênh hướng về phía Yanta. Không khí thanh bình, phẳng lặng ngự trị trên biển. Những tay vịn bằng gỗ sồi nóng bỏng, đến nỗi không thể đặt tay lên được. Chân vịt khuấy nước làm rung chuyển mọi vật trong phòng khách, làm phát ra những tiếng chuông lanh canh. ánh nắng xuyên qua các cửa quầy, cửa trổ và các cửa ra vào mở rộng. Tôi ngất ngây trước nguồn ánh sáng dồi dào ấy của miền Nam. Tất cả những gì có thể lung linh đều đã rạng lên chói lọi. Thậm chí cả những tấm màn rủ vải thô cũng tham dự vào ánh hào quang chung.

Bán đảo Crưm từ cõi thẳm sâu của biển cả mọc lên như một Cù lao Kho Báu. Những áng mây giống như những tấm áo choàng khoác lên các đỉnh núi mầu tím nhạt. Nàng Bạch Tuyết Xebaxtôpôn cứ như đang êm đềm trôi đến đón chúng tôi. Tiếng thần công chính ngọ và những dấu chữ thập mầu xanh nhạt trên nền cờ trắng của hạm đội Nga đón chào tầu Puskin xoay vần lui tới trên vịnh, con tầu của chúng tôi khuấy động làm biển cả sôi lên sùng sục. Hàng chuỗi bong bóng sùi ra từ dưới đáy biển sâu. Mặt nước lấp lánh như gương. Mấy anh em chúng tôi chạy nhốn nháo từ bao lơn này sang bao lơn nọ để không bỏ sót một cảnh tượng gì. Ngọn tháp Malacốp, Hầm mộ, Kè đá Graphơxki, pháo

hạm Côngxtăngtanh đang chồm tới và chiếc tuần dương Ốttracốp ngỗ ngược có xà lan vây quanh. Những con tầu trinh thám của hải quân mở hết tốc lực hắt lại phía sau một làn nước xanh mầu đá khổng tước.

Tôi nhìn xung quanh, ngất ngây như bị bùa mê. Thì ra thành phố ấy có thật, không phải chỉ trong sách vở, cái thành phố nơi đô đốc Nakhimốp đã ngã xuống, nơi những viên thần công Pháp đã nổ trên các pháo đài, nơi người pháo thủ Lêông Tônxtôi đã từng chiến đấu và cũng là nơi trung úy Smít của chiến hạm Ốttracốp đã mang nặng lời thề trung thành với nhân dân! Nó kia rồi, cái thành phố với những ngày dài nắng lửa và với bóng mát mượt như nhung của những cây dạ hợp!

Đến tận chiều tối, *Puskin* mới đến Yanta. Nó khoan thai tiến vào bến cảng như người ta bước vào một cái chòi bát giác sáng trưng ở công viên.

Chúng tôi bước xuống con đê chắn sóng xây bằng đá. Cảnh vật đầu tiên tôi thoáng nhận ra là chiếc xe đẩy của một người bán hàng rong nước da nâu sẫm. Trên ngọn một cây sào ở mui xe đung đưa một chiếc đèn lồng. Ngọn đèn hắt ánh sáng lên những quả đào lông tơ mơn mởn và những trái mơ rất to còn mang những cánh hoa tim tím.

Trước khi về khách sạn Đơgialitê, chúng tôi đã

mua một mớ đào. Mấy người phu khuân vác lực lưỡng khệ nệ đem hành lý đi theo chúng tôi.

Tôi mệt lả đến nỗi vừa về đến phòng riêng đã lăn ra ngủ tuy vẫn còn đủ thì giờ để phát hiện ra một con rết nấp trong xó nhà và những cây trắc bá đen sẫm bên ngoài cửa sổ. Trong khoảnh khắc, tôi cũng còn nghe thấy tiếng thủ thỉ của cái vòi phun ở giữa sân. Thế rồi, giấc nồng đã đỡ tôi lên, ru tôi như trong buồng khách một con tầu, đưa tôi đến một nơi nào đó rất xa, trong một xứ sở kì diệu, chị em của bán đảo Crưm đầy bí hiểm.

Sau Yanta và bờ biển tráng lệ của nó, đối với tôi Alutrơta có phần buồn tẻ. Chúng tôi đến ở trong một ngôi nhà nghỉ phía cuối thành phố, trên một ngọn đồi trông xuống bến cảng Xtakhêép.

Một miền đất sỏi đá, những bụi đỗ tùng rậm rạp ngào ngạt hương thơm, mặt nước quạnh hiu của biển cả, dãy núi Xuđắc xa xa, là tất cả Alutrơta. Ngoài ra, không có gì khác. Tuy nhiên, chỉ thế thôi cũng đủ làm cho tôi gần gũi, thân tình với thành phố này.

Galia và tôi thường đến một trang trại bên cạnh để mua những chùm nho chín vàng và ngọt lịm, những "ngón tay ngà" mát lạnh hoặc những quả nho xạ phớt hồng. Ve kêu inh ỏi trong vườn. Những chấm hoa vàng, nhỏ đúng bằng cái đầu đinh, giải thảm lên mặt đất.

Một người đàn bà đã đứng tuổi, bà Anna Pêtrốpna, từ ngôi nhà thấp nhỏ và trắng tinh bước ra. Bà có khuôn mặt rám nắng đến nỗi đôi mắt xám của bà hầu như trở thành nhợt nhạt. Bà thường tự tay hái nho cho chúng tôi. Nhưng đôi khi, bà sai Lêna, con gái bà tiếp khách. Đó là một thiếu nữ mười bẩy tuổi, chân đất với những chiếc đuôi sam vàng nhạt quấn vòng trên đầu và có cặp mắt cùng mầu xám như mắt bà mẹ.

Láng giềng gọi cô là "thủy thần". Đêm xuống, cô đảo qua trước ngõ nhà tôi và đi về phía biển để ngâm mình và bơi lội khá lâu. Sau khi tắm, trên đường về, cô vừa đi vừa hát, chiếc khăn mặt vắt trên vai:

Ngoài kia, xanh thẳm trùng dương,
Dạt dào sóng biếc, bốn phương dạt dào.
Ta quên bao nỗi u sầu,
Bao nhiêu thất vọng khổ đau trên đời...

Chẳng bao lâu sau, Galia đã làm thân với cô gái và thỏa mãn được trí tò mò của mình. Chị tôi có cái thói hay cật vấn cặn kẽ về đời tư của thiên hạ. Chị ấy say sưa tìm hiểu với sự cố chấp của một kẻ cận thị và hiếu kỳ.

Và thế là chúng tôi được biết rằng Anna Pêtrốpna là một bà góa, trước đây giữ thư viện ở Sécnigốp và khi Lêna bị lao, thầy thuốc đã khuyên

bà mẹ đưa con gái đi Crưm. Anna Pêtrốpna đi bước nữa với một ông già người Ucrain, chủ nhân của một điền trang trồng nho. Người chồng mới này qua đời ít lâu sau đó, để lại gia sản cho Anna Pêtrốpna và cô con gái của bà. Mùa đông, Lêna sống ở Yanta, học trường trung học tại đó và chủ nhật nào cũng về thăm mẹ. Bây giờ cô đã hoàn toàn bình phục.

Lêna có ý định học xong sẽ trở thành ca sĩ. Galia tìm lời khuyên bạn bỏ ý định ấy đi vì theo chị ấy, sứ mệnh cao cả duy nhất của một người phụ nữ là nghề dậy học. Về phần mình, chính Galia cũng muốn trở thành một cô giáo trường làng. Lâu dần lập luận của Galia làm tôi rất khó chịu, vả lại chị ấy nói quá nhiều về thiên chức tương lai của mình, cố thuyết phục mọi người, tuy chẳng một ai phản đối, rằng trên đời này không có nghề gì đẹp hơn nghề dậy học.

Chả hiểu tại sao, chuyện chị tôi khuyên Lêna đừng làm nghề ca sĩ khiến tôi rất bực. Tôi yêu sân khấu. Cố tình chọc tức Galia, tôi say sưa nói với người bạn gái mới của chị về những vở diễn mà tôi đã được xem: *Con chim xanh, Một bà trơ trẽn, Cái khổ của kẻ quá tài ba*.

Tôi thêu dệt đủ điều. Tôi tiên đoán Lêna sẽ có một tương lai mê hồn. Tôi mê mải hình dung cô gái

mảnh mai với nước da bánh mật ấy bơi lặn trong biển cả thiện nghệ hơn bất cứ một thủy thủ nào và đến một ngày nào đó sẽ tiến ra sân khấu trong một cánh áo dài mỹ miều với một dải tha thướt trôi theo, một bông hoa thẫm mầu run rẩy trên ngực theo nhịp phập phồng của hơi thở và ánh dãi dầu của biển cả lộ ra từ dưới lớp phấn son trang điểm.

Tôi vây bọc Lêna bằng không biết cơ man nào là điều tưởng tượng. Cô gái chăm chú nghe tôi nói, đầu hơi ngẩng lên như là bị trọng lượng của những chiếc đuôi sam nặng trĩu kéo ngả về phía sau, đôi má ửng hồng. Chốc chốc cô gái lại năn nỉ:

- Thôi anh cứ nhận đi. Mọi thứ đều do anh hình dung ra cả đó thôi, phải không. Anh cứ yên tâm, tôi không phật ý đâu.

Cô gái gọi tôi là "anh" mặc dù cô lớn hơn tôi ba tuổi. Thời ấy chỉ có thân nhân mới xưng hô "cậu tớ" với nhau.

Nhưng tôi không thể tán thành ý kiến của cô gái vì thực tình tôi rất tin những điều do chính tôi tưởng tượng ra. Chính cái bản năng ấy về sau đã gây cho tôi không biết bao điều phiền toái. Nhưng cái đáng ngạc nhiên nhất là trong suốt cả cuộc đời, tôi không gặp một ai muốn chấp nhận hoặc ít ra là tìm cách minh chứng cái trạng thái tâm hồn ấy.

Sự thực, Lêna tin tôi. Cô rất muốn tin tôi. Và

nếu trong vòng vài ngày, tôi không đưa Galia đến tận khu vườn thì cô tự đem nho đến nhà và nói với má tôi: "Anna Pêtrốpna, má cháu gửi biếu bác!" Và chớp cơ hội thuận lợi, cô vội vàng nói nhỏ với tôi:

- Xin nói thẳng, anh tệ lắm! Tại sao anh không đến chơi?

Được ít ngày, ba tôi rời Alutrơta. Ba có việc phải đi Pêtécbua. Sau đó đến lượt Bôria phải trở lại Kiép để chuẩn bị thi vào Đại học Bách khoa.

Chẳng rõ nguồn cơn ra sao, ba ra đi làm má rất bối rối và má không hề để ý đến chúng tôi nữa. Thậm chí hình như má còn cảm thấy nhẹ người khi chúng tôi biến ra bờ biển suốt ngày và không quấy rầy má nữa.

Phần lớn thời gian trong ngày, tôi dầm mình trong nước đến nửa người tìm bắt những con cua trong các khe đá. Kết quả là một buổi chiều tôi ở ngoài biển quá muộn và bị cảm lạnh. Từ cảm cúm xoàng lúc đầu, bệnh tình biến chứng dần thành sưng phổi. Tệ hại hơn, trong đêm đầu tiên khi đang lên cơn sốt, tôi bị một con rết chích cho một mũi.

Thấm thoát tháng tám đến nơi rồi. Chẳng bao lâu nữa, năm học lại tiếp tục. Đã đến lúc phải trở lại Kiép. Nhưng bệnh tình của tôi đã đảo lộn tất cả. Cuối cùng, má tôi đã quyết định để Galia và Đima lên đường còn má thì ở lại với tôi.

Tôi bị ốm nặng thời gian khá lâu. Hầu như đêm nào tôi cũng thức trắng. Tôi thở rất khó khăn. Trong khi cố gắng thực hiện động tác ấy một cách thận trọng, tôi nằm nhìn những bức tường trắng, lòng buồn rười rượi. Những con rết từ các khe tường chui ra. Một ngọn đèn thắp sáng trên bàn. Những chiếc bóng từ mấy lọ thuốc hắt ra giống như những động vật thời tiền sử: Chúng vươn dài cổ ra hít hít ngửi ngửi trần nhà.

Tôi quay mặt đi và nhìn ra ngoài cửa sổ đen ngòm. Ngọn đèn của tôi nở pháo hoa trong khung cửa. Biển cả rì rào ở phía bên kia ánh sáng ngọn đèn.

Một con bướm đêm mù quáng vẫy vùng trên khung cửa kính. Hình như nó muốn thoát khỏi mùi thuốc nồng nặc của căn phòng.

Má nghỉ ở gian bên. Tôi gọi xin má nước uống và van má đuổi con bướm ấy đi. Con bướm thoát rồi, tôi nhẹ hẳn người.

Nhưng ngay sau đó, chả biết bằng cách nào, tôi lại thấy nó đỗ xuống đám cỏ khô dưới cánh cửa sổ đã khép chặt, tha thẩn ở đó trong khoảnh khắc rồi lại bay lên và lẻn vào phòng tôi, to như một con cú. Nó đỗ xuống ngực tôi. Tôi cảm thấy nó nặng như một tảng đá. Chỉ cần thêm một vài giây nữa thôi, nó có thể đè bẹp tim tôi.

Tôi gọi má và lạy van má tống cổ con côn trùng

ấy đi. Môi mím chặt, má lột hết lần vải ẩm ướt, bó chặt và nóng hổi khỏi ngực tôi và quấn người tôi bằng mấy cái chăn.

Tôi không nhớ rõ đã có bao nhiêu đêm khuya đầy những tiếng xào xạc khó hiểu và hơi nóng khô khan của chăn nệm.

Một hôm, vào lúc giữa ban ngày, tôi thấy Lêna bước vào phòng. Phải một lúc sau, tôi mới nhận ra đó chính là cô. Cô vận đồng phục mầu mận chín, tạp dề đen của nữ sinh trung học. Chân đi một đôi giầy trang nhã, cũng mầu đen. Những chiếc đuôi sam vàng hoe tết rất cẩn thận trườn trên ngực và ôm lấy khuôn mặt rám nắng của cô.

Cô đến chia tay với chúng tôi trước khi trở lại Yanta. Trong khoảnh khắc, khi má không có mặt trong phòng, Lêna đặt tay lên trán tôi. Bàn tay ấy lạnh như một thỏi nước đá, một bên đuôi sam buông xuống và quét nhẹ lên má tôi. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa mát dịu.

Má quay trở lại và Lêna rút vội bàn tay. Má nói rằng cô đem đến cho tôi những quả nho thượng hạng.

- Rất tiếc trong vườn nhà không có loại nào ngon hơn. - Cô gái thừa nhận.

Nhưng khi nói điều đó, đáng lẽ phải nhìn má cô lại quay về phía tôi hình như muốn tôi hiểu cho một điều gì hệ trọng.

Sau đó cô ra đi. Tôi nghe thấy tiếng cô chạy xuống cầu thang. Bây giờ, ngoài hai má con tôi, không còn ai ở trong ngôi nhà nghỉ mát. Những người đến nghỉ hè đã đi hết cả. Chỉ một tiếng động nhỏ cũng vang lên.

Từ hôm ấy, tôi cảm thấy sức khỏe khá hơn. Nhưng người thầy thuốc tuyên bố rằng, bao giờ rời khỏi giường bệnh, tôi còn phải lưu lại Alutrơta ít nhất hai tháng nữa, có nghĩa là đến tận tháng mười một. Vì thế, má quyết định gọi Lida, chị sen của chúng tôi, từ Kiép đến. Chính chị sẽ ở lại đây để giám sát và nuôi tôi. Má thì cuống cuồng, vội vã quay trở lại Kiép, chả hiểu tại sao.

Tám ngày sau, chị Lida đến và ngay hôm sau, má lấy xe đi Ximphêrôpôn.

Lina hết "ô" lại "a", luôn miệng thốt lên những tiếng kêu ngạc nhiên. Chưa bao giờ chị trông thấy biển và những cây trắc bá, kể cả những vườn nho; má đã lôi chị từ những khu rừng Brianxcơ và đem thẳng về Kiép.

Thế là tôi ở lại đây một mình với chị Lida. Tôi bắt đầu bò dậy được, nhưng không được phép ra khỏi nhà. Cả ngày tôi ngồi đọc sách trên hành lang lồng kính, dưới ánh nắng thu không được ấm lắm. Tôi tìm thấy một tập "*Tơrixtăng và Ydơ*" trong ngăn kéo tủ. Tôi mải mê đọc đi đọc lại câu chuyện

cổ tích tuyệt vời ấy và cứ mỗi lần, tôi lại trở nên bâng khuâng hơn.

Tự nhiên tôi cảm thấy rằng tôi cũng có thể viết được một tác phẩm đại loại như "*Tơrixtăng và Ydơ*" và trong mấy ngày liền tôi cầm bút lăn vào việc. Nhưng tôi không thể làm được gì hơn ngoài việc miêu tả một cơn bão lồng lộn trên biển cả, dưới chân những vách đá lởm chởm. Đến cuối tháng chín, sau cùng rồi thầy thuốc cũng cho phép tôi ra khỏi nhà. Tôi lang thang một mình trong cảnh quạnh hiu của Alutrơta... Tôi rất thích đến bến tầu lúc triều lên. Những con sóng lớn cuồn cuộn dập dờn dưới những chiếc phao gỗ. Những tia nước vọt lên qua các khe phao.

Một hôm, tôi đến thăm Anna Pêtrốpna. Bà cho uống cà phê và mời tôi chủ nhật sau lại chơi. Con gái bà chắc lúc đó sẽ từ Yanta về nhà. Trong những ngày tiếp đó, tôi gắng hình dung cuộc gặp giữa tôi và Lêna.

Tôi còn nhớ chủ nhật ấy như mới vừa xảy ra hôm qua, vì ngày ấy được ghi dấu bằng hai sự kiện nổi bật.

Biết rằng cô ấy sẽ đáp chuyến tầu thủy tốc hành buổi sáng từ Yanta về, tôi ra bến chờ Lêna. Nhưng khi con tầu vừa vòng qua mũi đất, tôi vội vàng nấp sau một cái chòi bát giác bằng ván ghép,

nơi vào mùa hè người ta thường bán những tấm bưu ảnh phong cảnh bán đảo Crưm. Ngồi trên một tảng đá lớn, tôi chăm chú theo dõi con tầu vào bến. Rời con tầu, Lêna như để ý tìm một người nào đó, rồi thư thả hướng về nhà.

Tôi sợ cô ấy bắt gặp. Có lẽ lúc này trông tôi thộn lắm thì phải.

Nhiều lần cô ngoái cổ, đi trở lại và dừng chân trước một cây cột gỗ dán đầy áp phích rách bươm, long lở và giả vờ đọc.

Tôi trộm ngắm nhìn cô gái. Cô hơi gầy và đã mất đi vẻ đẹp trước đây. Một chiếc khăn len mầu trắng trùm lên đầu, cô đứng như trồng trước cột quảng cáo, mắt cúi xuống; nếu thực sự quan tâm đến những tấm áp phích thì cô đã ngẩng đầu lên. Một lát sau, cô bỏ đi.

Tôi chờ một lát rồi ra về, cảm thấy xấu hổ vì nhát gan.

Tôi cũng chẳng biết có nên đến gặp Lêna nữa không. Ngồi vào bàn ăn trưa, tôi không thể nào nuốt nổi. Lida dọa sẽ đánh điện cho má, mách má rằng tôi không chịu ăn uống gì cả. Nhưng vì chị ấy hầu như không biết đọc cũng chẳng biết viết, sự dọa dẫm chỉ làm tôi buồn cười.

Sau bữa trưa, tôi quyết định khoác áo ra đi. Lida quát tôi đóng cúc áo, nhưng tôi không nghe lời.

Tôi đã đến gần khu trang trại. Nho trong vườn chín rộ. Mảnh rào vừa đẩy ra, trong ngôi nhà trắng, một cánh cửa vừa sập lại, tôi đã trông thấy Lêna. Cô ấy chạy ra đón tôi, trên vai không một mảnh khăn ấm.

Đó là một ngày đẹp trời. Giây phút ngượng ngùng ban đầu trôi qua, tôi bắt đầu huyên thuyên kể cho bạn nghe về "Revơni" mà tôi rất thích, về Sécphukhốp, về dì Nađia. Trong khi nghe chuyện, Lêna kín đáo đưa lên đĩa của tôi khi thì một chùm nho, lúc thì vài quả mận. Cuối cùng cô hỏi:

- Trời lạnh thế này, tại sao anh không đóng cúc áo ấm. Anh định lòe ai mà vênh vang như vậy?

- Cô cũng vậy còn nói ai, chính cô cũng chạy ra ngoài trời mà có thèm mặc áo ấm đâu?

- Chả là... - Cô gái tìm cách biện bạch nhưng lúng túng và cuối cùng thì cô thì thầm: - Chả là... chả là tôi không bị sưng phổi.

Dưới làn da rám nắng, mặt cô gái đỏ bừng. Bà mẹ ngước mắt nhìn con gái qua vành cặp kính và uể oải lắc đầu.

- Lêna, con quên rằng con đã mười bẩy rồi sao?

Bà thốt lên câu nói cứ như con gái bà đã là một phụ nữ thành niên mà vẫn còn quá ngốc nghếch.

Cả hai mẹ con đưa chân tôi đến tận nhà và ghé qua xem tôi ăn ở ra sao. Lêna ngượng chín người,

mặt đỏ bừng như một quả cà chua, nhưng lấy lại được bình tĩnh ngay và quay ra than phiền rằng tôi không nghe lời chị ấy, rằng tôi bỏ đi chơi mà chẳng hề nghĩ gì đến sức khỏe. Anna Pêtrốpna ân cần nhắc chị Lêna khi cần gì cứ đến nhà cho bà biết, đừng ngại. Lêna mừng rơn. Chị chẳng quen ai ở Alutrơta cả. Thỉnh thoảng chị cùng tôi đi dạo, chị hái ngải cứu và đem phơi trong phòng của chị. Thì giờ còn lại, chị ngồi bói bài tây.

Đó là một người con gái mặt đỏ bồ quân với đôi mắt húp híp, cái nhìn nhân hậu, một người cả tin đến mức không hình dung nổi. Chị tin mọi lời phỉnh nịnh.

Anna Pêtrốpna và cô con gái đi rồi, một nỗi buồn man mác xâm chiếm tâm hồn tôi. Trước mắt tôi là viễn cảnh một buổi chiều bất tận. Tôi rất muốn trở lại khu trang trại, nhưng tôi biết rằng đó là điều không thể được.

Vì vậy tôi quyết định tiếp tục tác phẩm của tôi và thế là ngọn đèn được đốt lên, tôi ngồi vào bàn viết. Nhưng đáng lẽ viết một chuyện cổ tích kiểu "*Tơrixtăng và Ydơ*", tôi bần thần quay lại sáng tác bài thơ đầu tay của tôi. Tôi quên bài thơ ngay sau đó. Và chỉ còn nhớ được mỗi câu thơ mở đầu:

Bạn hỡi, xin hái lượm cuống hoa mềm yểu điệu…

Những câu thơ làm tôi thích thú. Tôi sắp sửa viết nhiều hơn nữa, nhưng Lida cáu kỉnh bước vào:

- Để rồi xem, xem em còn giở trò gì nữa nào! Ai cho phép dầy vò đôi mắt như vậy? Chị cứ tưởng em đã phải lên giường lâu rồi, nào ngờ...

Và chị tắt phụt ngọn đèn.

Cáu tiết, tôi tuyên bố rằng tôi đã đủ lớn để hiểu tôi phải làm gì và tôi đã lỡ nói chị là "đồ thô bạo". Chị bỏ về phòng, nằm khóc thút thít và với giọng khàn khàn nói vọng sang:

- Để rồi xem, ngày mai chị sẽ cuốc bộ về Kiép! Mặc xác em muốn làm gì thì làm, tùy thích.

Tôi nằm im. Và chị quay ra lặp lại lời dọa nạt rằng sáng hôm sau, sẽ đánh điện cho má biết hết về hạnh kiểm của tôi. Đối với chị, đánh điện quả là một niềm đam mê, không sai!

Một hồi lâu, chị còn lẩm bẩm những gì không rõ và cuối cùng chị thở dài:

- Thôi được, ngủ đi. Thấy chưa, ngoài kia gió lên rồi đó.

Một đồng hồ quả lắc tròn treo trên đầu giường. Đêm nào cũng vậy, khi nó buông hai tiếng chuông báo sáng là tôi tỉnh giấc. Đêm hôm ấy, tôi thức giấc như thường lệ và trong khoảng khắc tôi không hiểu điều gì đã xẩy ra. Một tia sáng yếu ớt đỏ ngầu nhấp nháy trên bức tường phòng tôi. Cửa sổ căn phòng nhìn ra biển. Bên ngoài, gió vẫn rít lên

những tiếng gầm gừ đơn điệu. ánh sáng của một đám cháy, lảo đảo trên mặt biển. Đám cháy chiếu sáng những đám mây lớn, thấp lè tè và mặt nước sóng dồi.

Tôi vội vàng mặc quần áo.

- Chị Lida! - Tôi kêu. - Cháy ngoài biển!

Tôi nghe tiếng chị cựa quậy, nhẩy khỏi giường và cũng hối hả mặc quần áo.

- Quỷ thần ơi, cái gì có thể cháy trên mặt nước mới được chứ? - Chị hỏi tôi.

- Thế em dậy làm gì?

Còn đang ngái ngủ, chị không thể rõ đầu đuôi chuyện gì xay ra.

- Em ra biển đây.

- Hãy khoan, chờ chị với.

Hai chị em ra khỏi nhà. Đến đầu hồi, gió quất thẳng vào mặt. Ngọn gió lạnh buốt ép chặt lên người chúng tôi. Vầng hào quang của đám cháy mỗi lúc một dâng cao. Lão gác cổng của chúng tôi, một người Tác ta, đứng bên lối ra vào.

- Một con tầu bị cháy - Lão nói - Biết làm gì bây giờ? Hả!

Chúng tôi chạy xuống tận bờ nước. Từ bến cảng, có lẽ từ trạm cấp cứu, vọng đến tiếng chuông. Người ta đứng thành từng nhóm trên bãi cát. Trong bóng tối, tôi lạc mất chị Lida.

Những người dân chài mặc áo tơi và đi ủng kéo trên bãi sỏi một chiếc xuồng và đẩy ra phía bờ nước. Người ta nghe thấy tiếng kêu gấp gáp:

"Hành khách", "...khoảng hai dặm", "Giữ chặt đuôi xuồng, cẩn thận kẻo lộn nhào đấy!"

Ướt sũng như chuột, cả bọn cùng nhẩy vào xuồng và chia nhau tay lái. Chiếc xuồng chồm lên đầu một ngọn sóng và rời khỏi bờ.

Ai đó chạm vào khuỷu tay tôi. Tôi quay lại. Lêna đứng ngay bên cạnh tôi. Ánh sáng yếu ớt của đám cháy soi lên người cô gái.

Tôi nhìn cô, chăm chú chiêm ngưỡng khuôn mặt xin xắn nhưng nghiêm nghị. Đứng trên kè đá, cả hai chúng tôi im lặng. Một quả pháo trắng vụt lên không trung trên mặt biển. Rồi một quả nữa.

- Đội cứu hỏa đã tới, - Lêna nói. - Nếu má không ngăn, mình đã đi cùng đám dân chài rồi. Thật đấy, mình đã có thể đi rồi.

Cô gái ngừng lời, và sau một lát im lặng, cô hỏi tôi:

- Bao giờ cậu đi?

Trống ngực tôi đập thình thình: cách xưng hô gần gũi của cô gái làm tôi ngạc nhiên.

- Có lẽ tám ngày nữa.

- Mình sẽ còn gặp cậu. Mình sẽ cố gắng trở lại sớm hơn.

- Đối với tôi, thời gian chờ đợi sẽ rất nặng nề! - Tôi trả lời.

Tôi có cảm giác, mấy từ khủng khiếp ấy thốt ra rồi, mặt đất đang trườn khỏi bàn chân tôi.

Cô gái kéo tôi khỏi kè vài bước.

- Nhưng biết làm sao? - Cô thì thầm. - Má đã có vẻ hoảng rồi. Má cũng ở đâu đây, về phía bến tầu. Cậu không giận mình chứ?

- Giận gì?

Cô gái không trả lời.

- Lêna! - Trong bóng tối Anna Pêtrốpna cất tiếng gọi. – Con đâu rồi. Thôi ta về con.

- Mình đi chuyến xe nhanh sớm mai - Lêna thì thầm. - Nhưng cậu đừng tính đến chuyến đi tiễn chân đấy nhé. Tạm biệt.

Cô gái bắt tay tôi rồi quay gót. Tôi nhìn theo. Trong khoảnh khắc, tôi còn nhận ra chiếc khăn trắng cô trùm lên đầu.

Ngọn lửa của đám cháy trên mặt biển đã yếu dần. Luồng ánh sáng xanh của một cây đèn chiếu soi trên mặt nước. Đó là một chiếc phóng ngư lôi, tầu "Linh hoạt" đang đến cứu con tầu chở hành khách bị cháy. Tôi gặp lại Lida và hai chị em cùng về.

Tôi vội vàng đi nằm và cố gắng chợp mắt càng nhanh càng tốt để khỏi phải nghĩ về cái điều khác thường và kì diệu vừa xảy ra giữa Lêna và tôi.

Sáng hôm sau, khi chỉ còn một sợi khói mỏng bay lên ở nơi đám cháy lồng lộn đêm hôm trước, tôi quay trở lại bến tầu. Đúng là một chiếc tầu khách đã bốc cháy ngoài khơi. Người ta kể lại rằng một quả lựu đạn đã nổ trong hầm tầu, nhưng người thuyền trưởng đã kịp ghé con tầu vào những vách đá gần bờ.

Sau khi nghe tin ấy, tôi bỏ đi một đoạn khá xa theo hướng Yanta. Trước đó khoảng một giờ, trên chuyến xe nhanh, Lêna cũng đã đi lối này. Tôi trèo lên chiếc lan can nhìn xuống biển thẳm và ngồi lại đây khá lâu, đôi bàn tay giấu trong ống tay chiếc áo khoác.

Tôi nghĩ về Lêna và tim tôi dập nặng nề. Trong ký ức, tôi tìm lại được mùi hương của mái tóc, sự vuốt ve của hơi thở nhẹ, đôi mắt xám xao động, vành cung thanh tú của cặp lông mày. Tôi không hiểu cái gì xảy ra với tôi. Một cảm giác chán chường ghê gớm xiết chặt lồng ngực và tôi đã khóc.

Tôi chỉ có một niềm khát vọng: được luôn luôn trông thấy Lêna, nghe giọng nói của cô, được ở ngay bên cạnh cô.

Tôi sắp sửa rời khỏi chỗ này và định đi bộ, ngay tức khắc, về Yanta. Nhưng tiếng nghiến răng ken két của một chiếc xe kéo vọng tới từ phía chỗ rẽ của con đường. Tôi vội vàng lau nước mắt, quay mặt đi và giả vờ ngắm nhìn biển cả. Nhưng nước

mắt vẫn ràn rụa, làm tôi chẳng trông thấy gì trừ một tia sáng xanh, sắc như một lưỡi gươm.

Tôi cảm thấy lạnh buốt và không kìm nổi một nỗi lo sợ run người đang xâm chiếm cả cơ thể tôi.

Bác nông dân già đội mũ rơm rộng vành đang đánh chiếc xe, dừng ngựa và bảo tôi:

- Lên xe đi cháu, bác sẽ đưa cháu về tận Alutrơta.

Tôi trèo lên xe. Ông lão ngoái cổ lại liếc nhìn tôi và hỏi:

- Có phải cháu ở trại trẻ mồ côi đó không, cháu?

- Thưa không, đây là đồng phục của học sinh trung học bác ạ - Tôi trả lời.

Những ngày cuối cùng của tôi ở Alutrơta rất đẹp nhưng cũng rất buồn. Thời gian còn lại ở một nơi mà người ta không muốn dứt áo ra đi bao giờ chẳng thế.

Từ ngoài khơi, sương mù tràn vào thành phố. Bãi cỏ khô trước nhà nghỉ của chúng tôi thỏa thích uống no hơi ẩm. Ánh nắng chỉ có thể xuyên qua làn sương ấy một cách yếu ớt. Chị Lida nhóm lò bằng những khúc gỗ keo mầu vàng.

Cây cối bắt đầu trút lá. Nhưng lá cây ở đây không rực vàng như ở Kiép quê tôi mà được trang điểm bằng một mầu xám dìu dịu và những tia gân tim tím.

Những con sóng thì thầm từ trong mù sương nhẹ bước đi ra, hôn lên bờ cát rồi lặng lẽ rút lui để rồi lại lặng lẽ trở về với sương lạnh. Những con cá ngựa chết phơi mình khắp nơi trong đám đá sỏi trên bãi biển.

Những đám mây quấn quýt trên đỉnh hai ngọn núi Satiađa và Bôbungan Iaila. Những đàn cừu từ trên sườn đồi lững thững đi xuống. Mấy con chó săn đã biến thành hoang dã chạy lăng xăng sau đàn cừu, nghiêng ngó ném những cái nhìn nghi hoặc. Trong sương mù mùa thu ấy, cảnh vật im ắng, tĩnh mịch đến nỗi đứng trên ban công, tôi có thể nhận ra những tiếng nói từ thành phố nhỏ vọng tới. Trên những quầy thịt rán ngoài chợ, từ những lò than bốc lên một mùi ngầy ngậy của mỡ cừu nóng bỏng và mùi thịt la nướng.

Sáng thứ hai, chị Lida phải đi rồi. Chị đã thuê một người xà ích để đưa chúng tôi đến tận Ximphêrôpôn.

Tôi chờ gặp lại Lêna vào ngày thứ bẩy tới. Nhưng cô ấy không về. Tôi tha thẩn đi đi lại lại quanh vườn nho, không một bóng người. Sáng chủ nhật, cô ấy vẫn vắng bóng. Tôi đi ra bến xe. Bến xe hiu quạnh.

Lo lắng, tôi quay trở về. Chị Lida đưa cho tôi một phong thư.

- Một thằng nhóc đem đến cái này cho em, - Chị nói - chắc là của bà ấy. Họ bảo em đến chia tay chứ gì. Nhất định em phải đến. Họ là những người thật dễ mến.

Tôi lẩn sâu vào khu vườn, xé chiếc phong bì và lấy ra một dải giấy hẹp mang dòng chữ: "Sáu giờ, em chờ gần ba cây ngô đồng - Lêna".

Tôi có mặt ở chỗ hẹn không phải lúc sáu giờ mà từ lúc năm giờ. Đó là một nơi hiu quạnh. Dưới lòng một thung lũng sỏi đá gần một dòng suối cạn, có ba cây ngô đồng. Xung quanh, mọi vật đã úa tàn. Tuy nhiên, đó đây vẫn còn vài cây uất kim hương hoa rụng. Có thể xưa kia nơi đây là một công viên. Một cây cầu nhỏ vắt qua dòng suối. Dưới một gốc cây, có một chiếc ghế dài cũ kỹ, chân ghế hình sư tử bằng gang han rỉ.

Tôi đến trước giờ hẹn, thế mà Lêna đã ở đấy rồi. Cô ấy ngồi đó, hai tay bó gối. Chiếc khăn choàng trắng trôi từ mái tóc xuống vai.

Khi tôi đến gần chiếc ghế ngồi, cô quay lại.

- Anh không hiểu gì cả, - Cô nói và nắm lấy tay tôi - Thôi, bỏ qua đi, em nói quàng nói xiên ấy mà.

Cô đứng dậy và nở một nụ cười như người có lỗi. Mái đầu hạ xuống, cô cúi nhìn trong khi tôi vẫn ngồi yên trên ghế.

- Má mắng em là dở hơi. Thôi cũng được, chả sao. Vĩnh biệt!

Lêna nắm lấy vai tôi, kéo tôi lại và đặt lên môi tôi những cái hôn nồng nàn, rồi đẩy tôi ra và nói:

- Và bây giờ thì anh đi đi! Đừng quay lại nữa! Em van anh đấy, đi đi anh!

Những giọt nước mắt lưng tròng nhưng chỉ có một giọt là từ từ lăn xuống và để lại trên má một vệt dài mảnh mai và ẩm ướt.

Tôi bước đi vài bước. Nhưng làm sao cưỡng nổi sự cám dỗ rủ rê kéo tôi quay gót. Lêna đứng dậy, tựa lưng vào gốc cây ngô đồng, đầu hơi ngẩng lên cứ như bị sức nặng của những chiếc đuôi sam kéo lại phía sau và cô ấy nhìn tôi.

- Đi đi anh! - Cô ta kêu lên, giọng lạc hẳn đi. – Chúng mình lẩn thẩn quá đi mất thôi!

Và thế là tôi bỏ đi. Trời đất tối sầm lại; ông mặt trời đã lặn về phía bên kia dãy núi Canxtan. Một làn gió nhẹ từ ngọn Bôbugan laila thổi tới, những chiếc lá khô xào xạc trên cành.

Tôi không hiểu rằng tất cả thế là đã hết, tất cả. Với những nguồn cơn không tài nào cắt nghĩa được, thế là cuộc đời đã tước đi những gì đối với tôi có thể là một nguồn hạnh phúc. Lâu lắm, mãi sau này tôi mới hiểu điều đó.

Sáng hôm sau, chị Lida và tôi lên đường đi Ximphêrôpôn.

Mưa rơi trong những khu rừng bên kia dãy núi

Satiađa. Suốt dọc đường đến tận Kiép, mưa quất mạnh vào các khung cửa kính toa xe.

Ở nhà, hình như không một ai nhận ra là tôi đã về. Có một điều gì đó thật đáng buồn đã ập đến gia đình chúng tôi. Nhưng tôi chưa biết rõ cái gì đã xảy ra.

Thậm chí tôi còn rất mừng là người ta không để ý đến tôi. Tôi nghĩ hoài về Lêna, nhưng không dám cầm bút viết cho cô ấy.

Mãi sau này, cho đến năm 1928, tôi mới có dịp trở lại bán đảo Crưm và lúc đó, tất cả những gì đã xẩy ra giữa Lêna và tôi chỉ còn lạ kỷ niệm, chúng không dầy vò tôi nữa mà chỉ làm cho tôi thêm bâng khuâng, mơ mộng. Nhưng ai là người trong đời lại chẳng một lần trải qua những giấc mơ? Thế thì bàn tới phỏng có ích gì?

ĐẮM TẦU

Sau chuyến đi Crưm trở về, trong gia đình chúng tôi, cái gì cũng bị đảo lộn tùng phèo. Ba tôi đã có một cuộc xung đột không thể nào hòa giải được với viên giám đốc của công ty đường sắt và buộc phải bỏ việc. Thế là, đùng một cái toàn bộ cuộc sống thanh bình êm ấm bỗng chốc đã tan tành mây khói.

Chúng tôi chia tay với đường phố Nicônxki - Bách Thảo và dọn đến ở ngõ hẻm Nhà Hầm. Cứ như một trò trêu ngươi, nơi trú ngụ của chúng tôi giờ đây chẳng khác gì một cái hầm tối.

Từng tí từng tí một, má tôi đã phải bán dần đồ đạc trong nhà. Mà cũng chỉ vậy chúng tôi mới có thể lay lắt sống qua ngày. Từng tốp từng tốp, những con người tẩm ngẩm tầm ngầm đội những chiếc mũ axtrakhan lần lượt xuất hiện càng ngày càng nhiều trong căn hộ tăm tối và ẩm thấp của chúng tôi. Những cặp mắt chồn hạt dẻ lấm la lấm lét soi mói những bàn ghế, giường tủ, những bức

họa, và cả những bộ đồ pha lê sành sứ chúng tôi đã bầy hết lên mặt bàn. Với một giọng lưỡi đầy thuyết phục, họ thì thầm cò kè bớt một thêm hai với má rồi cuối cùng trở gót bỏ ra đi. Vài giờ sau, một chiếc xe bò lạch cạch vào sân. Nó cuỗm đi khi thì một cái tủ đựng quần áo, khi thì một chiếc bàn, lúc thì cái giá gương cùng với tấm thảm.

Trong nhà bếp, đôi khi mới sáng tinh sương chúng tôi đã bắt gặp một người Tácta chụp lệch trên đỉnh đầu một chiếc mũ calô. Chúng tôi gọi gã là "tấm thảm giẻ rách". Ngồi xổm trên nền nhà, anh ta giăng những tấm dạ, những chiếc quần, những tấm áo vét cũ của ba tôi lên ngược chiều ánh sáng và ngửa mặt xem xét rất kỹ.

"Tấm thảm giẻ rách" mặc cả hồi lâu, bỏ đi, rồi sau đó quay lại. Những lúc như vậy, má thường tỏ ra rất khó chịu cho đến khi cuối cùng người kia rút từ trong túi ra một chiếc ví căng phồng và, với những ngón tay đã được liếm nước bọt, đếm đi đếm lại, rồi quật xuống bàn tay mà má đưa ra cho anh ta một vài tờ giấy bạc cáu ghét dầu mỡ.

Ba tôi không mấy khi có mặt ở nhà. Ba thường bỏ đi rất sớm và đến tận khuya mới về khi cả nhà đã ngủ. Ba đã đi những đâu? Chúng tôi không ai biết. Có lẽ ba đi tìm việc làm.

Má già nhanh trông thấy, mặt mũi bơ phờ, ngày

càng có nhiều những lọn tóc xám rũ xuống trán.

Bôria đã bỏ chúng tôi, dọn đến khu "Tiến bộ" thuê một căn phòng đồ đạc sơ sài gần nhà ga, nói là để được gần trường Đại học Bách khoa hơn. Thực tế, anh ấy đã ra đi vì hai cha con, ba và Bôria, ngày càng không hiểu nhau. Anh ấy nghĩ ba chính là người gây ra cảnh quẫn bách cho gia đình và nói rằng không thể sống nổi trong bầu không khí ảm đạm ma quái của ngõ hẻm Nhà Hầm. Anh ấy kiếm sống bằng nghề dậy tư, nhưng không có khả năng đỡ đần chúng tôi. Đima cũng dậy học, anh ấy đã trở thành giáo viên phụ đạo, dậy kèm.

Còn tôi, tôi còn quá trẻ nên chẳng dậy dỗ ai được gì. Galia thì sao? Chị ấy cận thị đến nỗi chẳng làm được gì ngoài việc giúp đỡ má dọn dẹp nhà cửa. Và chúng tôi đã buộc lòng phải chia tay với chị Lida.

Một buổi sáng, người gác cổng đưa đến chỗ chúng tôi một ông già cau có, gầy như mõ. Đó là một mõ tòa. Lão tịch thu toàn bộ đồ đạc còn lại của chúng tôi bán lấy tiền để thanh toán những khoản nợ mà ba đã vay mượn mà không cho chúng tôi biết. Giờ đây khi mọi chuyện đã vỡ lở, ba sẵn sàng nhận bất cứ việc gì, miễn là có việc làm. Và thế là ba đã ra đi, nhận một chỗ làm hết sức tầm thường ở một nhà máy lọc đường không xa Kiép là mấy.

Từ đó, ở nhà chỉ còn lại ba mẹ con. Gia đình chúng tôi thế là li tán. Tôi hiểu rất rõ tình cảnh ấy. Đối với tôi đấy là một nỗi bất hạnh lớn lao, đặc biệt là sau những gì diễn ra ở Crưm, sau những ngọt ngào của mối tình ngắn ngủi và đượm buồn của tôi với Lêna, sau thời thơ ấu êm đềm và vô tư của tôi.

Đều đặn hàng tháng, cậu Nicôla gửi tiền cho má. Lần nào nhận tiền má cũng tủi thân trào nước mắt.

Một hôm, tình cờ tôi thấp thoáng trông thấy má trong tiền sảnh phòng làm việc của ông hiệu trưởng. Tôi lao về phía má, nhưng má đã quay đi và tôi hiểu rằng má không muốn tôi biết rằng má có mặt ở đây.

Má đến đây làm gì? Tôi phân vân nhưng không dám hỏi má. Chúng tôi vừa có một hiệu trưởng mới. Đó là thầy Têretrencô. Ông đến thay thầy Bexmetnưi. Đó là một người hói trán, lùn tịt với một mái tóc cứ như phết bơ (rõ ràng ông có quyền được nhận cái tên "Máy Đánh Kem"). Vài ngày sau, một hôm tình cờ ông bắt tôi dừng lại trong hành lang và nói:

- Nhờ em nói với má là Hội đồng giáo viên đã chấp thuận thỉnh cầu của bà và miễn học phí cho em và cả cho anh em. Nhưng em phải nhớ rằng chỉ có những học trò ngoan mới được hưởng đặc ân

ấy. Vì vậy thầy khuyên em cố gắng học hành chăm chỉ.

Đó thật sự là nỗi tủi nhục đầu tiên của tôi. Về đến nhà, tôi nói với má:

- Đima và con đã được miễn học phí. Tại sao má phải đến gặp thầy hiệu trưởng?

- Má không thể làm khác được – má thì thầm – Con muốn bị đuổi khỏi trường sao.

- Con đã có thể tự kiếm sống được rồi.

Lúc ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi bỗng thoáng nhận ra vẻ hoảng hốt trên nét mặt của má, cứ như má vừa bị một cú sốc đột ngột.

- Đừng tự ái con à, - má cúi đầu nói với tôi. Lúc ấy má đang ngồi khâu vá cạnh một cái bàn - Má nỡ lòng nào để con phải tự kiếm ăn!

Và, má òa lên nức nở.

- Làm sao con hiểu được má thương các con đến chừng nào, đặc biệt là con. Cớ sao ba các con đã có thể hành động một cách nhẹ dạ, thiếu suy nghĩ như vậy? Tại sao mới được chứ?

Gần đây, mỗi khi nhắc tới ba, má chỉ dùng đại từ "ông ấy" hoặc "bố các con". Má khóc nức nở, đầu gục xuống chiếc áo dài sờn cũ. Vài mẩu vải vụn và những sợi chỉ trắng rải rác bám quanh người má.

Cuối cùng má đã bán hết sạch tất cả những gì còn lại của chúng tôi. Căn phòng trở nên ẩm ướt,

trống rỗng và tiều tụy. Một làn ánh sáng trắng bệch, ảm đạm qua các khung cửa sổ dội xuống sàn nhà. Ngoài kia, thấp thoáng những bàn chân kéo lê những chiếc ủng, những đôi giầy cao cổ đủ loại. Tiếng lép nhép qua lại liên miên của những bước chân vấy đầy bùn đất đầu mùa đông kia khiến chúng tôi không sao tập trung tư tưởng được và làm chúng tôi rất khó chịu. Những con người lạ mặt kia cứ như qua qua lại lại và đem theo cái giá buốt vào ngay căn phòng mà không thèm đếmxỉa gì đến chúng tôi.

Giữa mùa đông, má nhận được một lá thư của cậu Nicôla. Lá thư khiến má rất hoang mang.

Buổi tối, khi tất cả chúng tôi người nào việc ấy, im lìm vây quanh chiếc bàn tròn dưới ánh sáng của ngọn đèn duy nhất mà chúng tôi còn giữ được, má cho chúng tôi biết rằng cậu Nicôla dã khẩn khoản mời chúng tôi đến ở nhà cậu một thời gian. Cậu cũng đã xin nhập học cho tôi ở trường trung học Brianxcơ. Cậu nói đó là điều tuyệt đối cần thiết chừng nào ba tôi chưa kiếm được một việc làm hẳn hoi và vẫn chưa trở lại gia đình.

Galia ngước mắt lo sợ nhìn má. Còn Đima thì ngồi im.

- Ba các con sẽ chẳng bao giờ trở lại với chúng ta nữa, - má khẳng định với một vẻ rất kiên quyết. -

Ông ấy đã có những mối ràng buộc khác rồi. Đó chính là lý do tại sao ông ấy nợ nần như vậy và đã dồn chúng ta đến nông nỗi này. Vả lại má cũng không muốn ông ấy quay về nữa. Thôi nhé, má không muốn nghe nhắc tới chuyện này nữa, không bao giờ.

Rồi má ngồi im phăng phắc hồi lâu, môi mím chặt.

- Thôi nhé, quên đi – cuối cùng má nói – nhắc lại chẳng ích gì. Chúng ta phải làm gì với Côxtích bây giờ?

- Đơn giản quá, - Không nhìn má, Đima nói. Đối với Đima mọi chuyện bao giờ cũng rất đơn giản. - Năm nay con sẽ tốt nghiệp trung học và sẽ vào Đại học Bách khoa Mátxcơva. Chúng ta sẽ bán hết mọi thứ. Má à, má và Galia sẽ đi Mátxcơva ở với con. Rồi chúng ta sẽ xoay sở được thôi. Còn Côxtích thì chỉ việc đến ở với cậu Nicôla một thời gian.

- Thế sao được? - Galia kêu lên, vẻ xúc động – làm sao nó có thể xa chúng ta được? Tại sao phải mỗi người một ngả?

Tôi cúi đầu câm lặng ngồi đó, bàn tay run rẩy vạch lên một trang giấy những bông hoa và những vòng tròn. Thời gian gần đây, mỗi khi có chuyện buồn, tôi thường có thói quen lơ đãng nguệch ngoạc lên bất cứ cái gì có trước mặt những hoa vân phức tạp khó hiểu.

- Đừng vẽ bậy nữa con! - Má nói, vẻ khó chịu - Má không hiểu con cứ tủm tỉm cái gì mới được chứ! Con nghĩ gì vậy?

- Con có tỉm tìm gì đâu, - tôi ấp úng trả lời má, nhưng quả thật một nụ cười méo mó có thấp thoáng trên môi tôi. - Chỉ có điều...

Rồi tôi im bặt và lại tiếp tục vẽ. Tôi không thể dừng lại được.

- Côxtích, con trai bé bỏng của má, - bỗng nhiên má nói với một giọng khan trầm, - sao con chẳng nói gì vậy?

- Vâng..., - tôi ngập ngừng. - Vâng, con sẽ đi... nếu cần...

- Vậy là tốt nhất, - Đima khẳng định.

- Vâng... Tốt nhất là vậy... tất nhiên – tôi nói một cách bâng quơ.

Tất cả thế là sụp đổ. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn bất lực và trước mắt tôi chỉ còn lại một nỗi cô đơn da diết, xé lòng.

Tôi rất muốn nói với họ rằng không nhất thiết cứ phải gửi tôi đi Brianxcơ, rằng tôi có thể đi dậy học chẳng kém gì Đima và thậm chí còn có thể giúp đỡ gia đình, rằng tôi rất đau lòng và không sao xua đuổi được cái ý nghĩ rằng những người thân đã ruồng bỏ tôi. Nhưng tôi rất nghẹn ngào và miệng tôi cứng lại khiến tôi không thể thốt ra thậm chí lấy một lời và tôi vẫn câm lặng.

Trong khoảnh khắc, tôi nảy ra ý định ngay sáng sớm hôm sau sẽ trốn đi tìm ba tôi. Nhưng ý nghĩ ấy vừa thoáng qua đã tan biến ngay và thay vào đó vẫn là cái cảm giác cô đơn trống trải khôn lường.

Cuối cùng tôi ráng đem hết sức bình sinh để miễn cưỡng nói rằng tôi đồng ý và thậm chí cảm thấy hài lòng được đi Brianxcơ, nhưng ngay lúc này thì chưa được vì tôi rất đau đầu và phải đi nằm.

Khi đã vào được căn phòng lạnh lẽo nơi tôi sống chung với Đima, tôi vội vã cởi phăng áo ngoài, chui vào chăn và trùm kín đầu, nghiến chặt hai hàm răng và nằm bất động trong tư thế ấy hầu như suốt cả đêm. Má rón rén vào phòng, thì thầm gọi tôi, nhưng tôi giả vờ ngủ. Má lấy chiếc áo capốt học sinh của tôi đắp thêm lên tấm chăn rồi bỏ đi.

Công việc chuẩn bị để tôi lên đường kéo dài đến tận tháng mười hai. Tôi rất buồn vì phải chia tay với ngôi trường thân yêu, với bạn bè và phải bắt đầu một cuộc sống mới không có gì là thích thú lắm, tôi biết vậy.

Tôi viết cho ba tôi rằng tôi đang chuẩn bị lên đường đi Brianxcơ. Tôi khắc khoải chờ đợi rất lâu nhưng tôi chỉ nhận được thư trả lời của ba hai ngày trước khi tôi lên đường.

Từ trước đến nay, trên đường từ trường về nhà, tôi thường tạt qua một bãi trống sau Nhà Hát

Nhạc Kịch. Bao giờ tôi cũng cùng đi với hai bạn, Xtanixdépxki và Matuxiêvích.

Một hôm, chúng tôi gặp một người đàn bà đi ngược chiều chúng tôi. Bà ta không cao lớn lắm, một chiếc khăn trùm khá dầy che kín khuôn mặt. Bà ta đi lướt qua chúng tôi rồi dừng lại và đưa mắt nhìn theo chúng tôi.

Hôm sau đó chúng tôi lại gặp bà ta cũng ngay ở chỗ cũ. Bà ta tiến thẳng về phía tôi và hỏi.

- Xin lỗi, anh là con trai Ghêóocghi Maximôvích phải không?

- Vâng, thưa bà, đúng vậy?

- Vậy tôi cần nói chuyện với anh.

- Được ạ, thưa bà, - tôi trả lời, mặt mũi đỏ bừng.

Các bạn tôi hiểu ý bỏ đi. Họ giả vờ không để ý đến cuộc gặp tình cờ ấy và thậm chí không ngoái cổ lại.

- Giêóocghi Maximôvích nhờ tôi, - người đàn bà nói lắp bắp và cuống quít lục lọi tìm cái gì đó trong chiếc túi, - chuyển cho anh lá thư. Hẳn anh cũng hiểu, ông ấy muốn lá thư được trao tận tay... Xin lỗi, tôi phải nói với anh rằng... tôi không thể không giúp. Tôi nhận ra anh ngay. Anh rất giống cha. Thư đây.

Bà ta đưa cho tôi một phong thư.

- Anh sắp rời Kiép phải không? – Bà ta hỏi.

- Vâng, vài ngày nữa.

- Tiếc quá nhỉ. Đáng lẽ đã không có chuyện này.

- Bà sẽ gặp lại ba tôi chứ, thưa bà?

Bà ta im lặng gật đầu.

- Nhờ bà hôn ba tôi hộ tôi, - tôi buột miệng - Ba rất... rất tốt.

Tôi thật sự muốn bảo bà ta hãy hết lòng yêu qúy ba tôi, hãy hết sức dịu dàng đối với ba, nhưng tôi chỉ có thể lắp lại: "Ba rất tốt".

- Thế sao? – Người đàn bà thốt lên. – Và bà ta bật cười, đôi môi hé mở. Tôi thoáng trông thấy hai hàm răng rất trắng và ươn ướt. – Cảm ơn!

Bà ta siết chặt tay tôi và vội vã bỏ đi. Chuỗi hạt reo lanh canh trên cổ tay.

Cho đến tận hôm nay tôi vẫn chưa được biết tên tuổi của người đàn bà kia. Tôi sẽ chẳng bao giờ được biết. Chỉ riêng mình má biết được nhưng má đã đem điều bí mật kia theo má xuống mồ.

Với giọng nói tiếng cười của bà và cả tiếng reo lanh canh của chuỗi hạt trên cổ tay của bà, người phụ nữ kia làm tôi nhớ lại người thiếu phụ tôi đã gặp ở nhà ông già Trécpunốp. Nếu không vướng cái mạng che mặt khá dầy kia, có thể tôi đã nhận ra con bướm công ngày của xứ Boócnêô. Đến tận hôm nay tôi vẫn còn bị dằn vặt bởi cái ý nghĩ rằng bà ta chính là người thiếu phụ đãi tôi cốc sôcôla ở hiệu bánh ngọt Kiếcsơhem ngày ấy.

Lá thư ba viết cho tôi rất ngắn. Ba tha thiết mong tôi hãy dũng cảm hiên ngang đương đầu với mọi thử thách.

"Có thể một ngày nào đó cuộc đời sẽ hớn hở mỉm cười với chúng ta và lúc ấy ba có thể giúp đỡ được con. Ba vẫn vững tin rằng rồi đây trong cuộc đời con sẽ vươn tới được những hoài bão của mình và sẽ trở thành một con người chân chính. Hãy nhớ lấy lời khuyên mà có lần ba đã thổ lộ với con (có bao giờ ba ép uổng con phải nghe theo lời khuyên của ba đâu): đừng bao giờ đánh giá con người qua những ấn tượng ban đầu, trước khi am hiểu tường tận mọi cảnh huống xui khiến người ta có một hành động nào đó, trước khi có đầy đủ từng trải để hiểu hết những điều mà dương nhiên, giờ đây con chưa thể hiểu được. Mong con mạnh khỏe, hãy viết cho ba và nhất là đừng tự dằn vặt dày vò".

Má và Galia đưa chân tôi ra ga. Con tàu rời Kiép lúc sáng sớm. Đima không thể nghỉ học. Trước khi đến trường, anh ấy đã ôm hôn tôi nhưng chẳng nói năng gì. Má và Galia cũng vậy, không ai hé răng nói nửa lời.

Má bị lạnh. Má vẫn giấu bàn tay trong chiếc vòng ủ ấm bằng lông thú. Galia bám theo má. Một vài năm trở lại đây, tật cận thị của chị ấy ngày càng đáng lo ngại hơn. Bao giờ chị cũng nơm nớp lo

sợ bị lạc, trong đám đông và tiếng rú của những đầu máy xe lửa thường làm chị ấy giật mình. Má chúc phúc cho tôi, hôn tôi với làn môi tao nhã và băng giá của má, nắm lấy tay áo và kéo tôi sang một bên để thầm thì:

- Má biết con rất đau lòng và giận mọi người. Nhưng con, ít nhất là con, cần hiểu rằng, bao giờ má cũng hết lòng che chở con, không để con phải khốn khổ và đau buồn. Vì vậy và chỉ vì vậy má mới chịu để con đến ở nhà cậu con.

Tôi nói với má rằng tôi rất hiểu má và có giận gì má đâu. Tôi đã thốt lên những lời lẽ thường tình nhưng thật vậy trái tim tôi đã băng giá và tôi chỉ mong con tầu lăn bánh càng sớm càng hay và cuộc chia tay đau lòng này càng chấm dứt sớm càng tốt.

Không còn nghi ngờ gì nữa tôi đã thật sự từ giã má sớm hơn nhiều vào cái đêm khi má đắp thêm cho tôi chiếc áo capốt học trò trên tấm chăn của tôi.

Con tầu rùng mình và từ từ lăn bánh nhưng qua cửa sổ tôi không thấy má mà cũng chẳng thấy Galia đâu: đám mây hơi nước dầy đặc của đầu tầu đã không để cho tôi trông thấy sân ga và đám người tiễn đưa.

Tim tôi mỗi lúc một thêm se lạnh, chính cái se lạnh thường thấy trong một toa tàu mùa đông chỉ

được sưởi ấm bằng những giọt ánh sáng yếu ớt. Một làn gió nhẹ nhưng buốt như kim châm lọt qua những khung cửa sổ. Tôi bắt gặp những bình nguyên tuyết phủ dầy đến ngao ngán. Tôi rất muốn chợp được một giấc nhưng cái ngủ chẳng chịu đến cho. Tôi trầm ngâm ngắm nhìn ánh sáng vàng vọt của ngọn nến trong chiếc đèn lồng. Một làn gió nhẹ uốn cong cứ như đang tìm cách dập vùi cái lưỡi ánh sáng yếu ớt kia nhưng vẫn không sao thủ tiêu được nó. Bỗng nhiên tôi nhận ra một điềm lành: nếu ngọn đèn không tắt, điều có nghĩa là cuộc đời vẫn còn dành cho tôi một cái gì đó tốt lành. Và cái lưỡi lửa kia đã ngoan cường chống chọi cho đến sáng. Nó vẫn không tắt. Điều đó an ủi tôi đôi chút.

Tôi đến được Brianxcơ lúc sáng tinh mơ. Trời lạnh đến nỗi cả một bầu không khí não nùng rên xiết cùng với tiếng nghiến răng ken két của những đôi ủng. Khắp nơi sương giá nghi ngút cố bám vào mặt đất như những làn khói mỏng. Trên từng cao hừng hực mầu lửa một mặt trời băng giá cháy bùng như một ngọn đuốc.

Người ta đã đem những con ngựa đi đón tôi. Một chiếc áo lông cừu, một chiếc mũ lông và những chiếc bao tay đợi tôi trong cỗ xe trượt. Tôi quấn kín người, thu lu trong bộ y phục mùa đông. Những

con ngựa vụt phi nước đại. Chúng tôi dấn sâu vào giữa đám bụi tuyết lấp lánh dọc theo sân ga rồi sau đó lao thẳng xuống mặt băng của dòng sông Đexna. Những cái chuông của cỗ xe tứ mã rung lên như điên dại. Xa xa, trên một ngọn đồi một gốc sồi già đơn độc với đám lá cành xù lông băng giá và những nhũ đá tuyết rủ lấp lánh chẳng khác gì một thứ đồ chơi bằng giấy của trẻ em.

Cỗ xe dừng lại gần một ngôi nhà bằng gỗ trên sườn một quả đồi. Tôi bước lên những bậc thềm trước cửa. Cánh cửa bật mở. Mợ Maruxia tóm lấy tay áo, kéo tôi vào phòng ăn, nơi những vệt nắng đang tung tăng trên sàn, và bắt tôi nuốt hết nửa cốc vang hồng. Lưỡi tôi hầu như co lại vì lạnh. Tôi không thể nói được.

Trong ngôi nhà của cậu Nicôla cái gì cũng tưng bừng reo vui. Chiếc ấm xamôva đang phì phò kéo bễ, con chó *Xung kích* rối rít sủa ầm ĩ, mợ Maruxia mặt mày rạng rỡ, những tia lửa lép bép bắn ra từ bếp lò.

Lát sau, cậu tôi từ Binh Công Xưởng về. Cậu vồn vã ôm hôn tôi rồi cứ vai tôi rung mãi.

- Cái cốt lõi là cháu không được nản chí! Và như vậy cậu cháu ta còn có thể làm được những điều kinh thiên động địa!

Như một lẽ thường tình, tôi cảm thấy bắt đầu

ấm lên trong ngôi nhà hiếu khách này. Ký ức của tôi dần dần đẩy lùi mỗi lúc một xa hơn nữa những kỷ niệm không vui cứ như nó đang cắt bỏ những phần đã sờn cũ của một tấm vải, chỉ còn giữ lại những miếng tốt lành để ghép lại thành một mảnh chăn êm: mùa thu ở Crưm và cái mùa đông Nga vang vang những âm thanh vui vẻ kia.

Tôi cố gắng xua đi những ý nghĩ về những gì vừa xẩy ra ở Kiép. Tôi thích hồi tưởng lại Alutrơta, về ba,gốc tiên huyền và Lêna. Cuối cùng tôi đã có thể viết được cho Lêna một lá thư. Một lá thư mà cuối cùng tôi đã không đủ dũng cảm để gửi đi. Tôi có cảm giác lá thư viết dở lắm. Viết một lá thư khác thông minh hơn được không? Mặc dù đã hết sức cố gắng, tôi đã không viết nổi một lá thư như vậy.

MỘT MÌNH TRÊN ĐƯỜNG LỚN

Thế là cuối cùng những giây phút kia đã đến, những phút giây đem lại những tín hiệu đầu tiên của sự vàng úa, héo tàn.

Sau ngôi nhà của cậu Nicôla, trên sườn dốc của một lũng hẹp trải ra một vườn cây ăn quả nơi những gốc táo già nua đang khom lưng chống gối ì ạch bò lên. Những thân cây xương xẩu của chúng và cả cái bờ dậu xiêu vẹo phủ đầy rêu địa y.

Lâu nay, ngoài tôi ra, chẳng ai thèm đặt chân vào mảnh vườn ấy.

Tôi đem theo một quyển vở học trò, nằm ngay xuống nền đất và bắt đầu làm thơ. Nếu tôi nhớ không sai, đó là những câu văn khá ngớ ngẩn. Qua những dòng chữ có vần kia, tất cả bị nhấn chìm trong một nỗi buồn man mác vô cớ.

Những con kiến li ti xúm nhau kéo lê một xác ong vàng, vẻ hớt hải mải miết chạy qua những dòng thơ của tôi. Vài nhánh cây khô từ trên cành

rụng xuống những trang viết.

Bầu trời trong veo mặc dù khoác một mầu xanh dương khá đậm, lấp lánh trên đầu những cụ táo già nua. Trên chín tầng không, những ngọn gió mải miết đuổi nhau, dồn hàng núi mây về phía bên kia dòng sông Đexna. Một hôm, chẳng hiểu tại sao tôi chợt nảy ra ý định ngộ nghĩnh thử đếm những đám mây kia. Nhưng chỉ đếm được hai trăm, tôi đã phải bỏ cuộc. Chúng đã làm tôi quáng mắt.

Sứ giả của mùa thu đang trở lại khi thì là một chiếc lá vàng rơi bị lãng quên trên một chiếc ghế dài, lúc thì đó là một chú sâu đo mầu xanh lục cheo leo trên một sợi dây mỏng manh đang xuống dần ngay trên đỉnh đầu tôi.

Tôi nuối tiếc mùa hè đang khăn gói ra đi. Chúng tôi đã sống suốt mùa hè ở Brianxcơ. Tôi thường đến Binh Công Xưởng thăm cậu tôi làm việc trong phòng thí nghiệm của cậu hay ở lò rèn.

Tôi thích quan sát chiếc búa máy dùng hơi nước khi nó đang ầm ầm lên lên xuống xuống. Chính ngay bên cạnh cỗ búa máy này tôi đã được nghe đại úy Ivanốp kể một câu chuyện rất khác thường: bằng một chiếc búa chầy nặng một tấn rưỡi, một thợ rèn của nhà máy Ôbukhốp đã tách được vỏ một quả hạnh nhân đặt trên đáy một chiếc cốc pha lê úp sấp. Thao tác của ông ta cực kỳ nhẹ nhàng khéo léo đến mức cái cốc không hề suy xuyển.

Tôi yêu qúy Binh Công Xưởng, những kiến trúc thấp lùn của nó được dựng lên từ triều đại Nữ hoàng Catêrin Đệ Nhị, những mảnh sân phủ dầy thảm cỏ và ngổn ngang những chiếc khuôn đúc bằng gang, những khóm tử đinh hương đung đưa dọc theo chân tường của các xưởng thợ, những ống xi lanh của những cỗ máy hơi nước cũ bằng đồng loang loáng dầu mỡ, mùi cồn của các phòng thí nghiệm, những công nhân xưởng đúc, những bác thợ rèn râu ria lởm chởm và cả tia nước phơn phớt xanh vọt lên từ một miệng giếng phun ở gần bờ dậu.

Phải chia tay với tất cả, phải giã từ Brianxcơ, phải nuối tiếc ngôi nhà ấm cúng của cậu Nicôla, và có thể là phải nói lời vĩnh biệt với cảnh với người, có thể như thế được sao?

Mùa thu tới, tôi sẽ phải trở lại Kiép. Đó là quyết định của cuộc hội ý chớp nhoáng của gia đình tại nhà ga Brianxcơ nhân dịp má tôi ghé qua. Má đang trên đường đi Mátxcơva cùng với Galia và Đima. Tôi đã ra ga hôn chào má. Cậu Nicôla và mợ Maruxia đưa tôi đi.

Má già nhanh trông thấy. Má nói chuyện với cậu em trai bằng một giọng lạc hẳn đi cứ như má đang tìm cách tự bào chữa vậy.

Galia thì gần như mù hẳn và trở nên nghễnh ngãng. Chị ấy mang một cặp kính đôi tròng dầy

như đít chai. Mỗi khi ai đó nói với chị, chị đảo mắt rất lâu và cố gắng đoán xem ai trong số chúng tôi đang nói rồi người ta hỏi một đường chị trả lời quàng xiên một nẻo. Còn Đima thì bình thản và hơi lầm lì.

Má đẩy tôi ra trong tầm tay, chăm chú quan sát từ đầu đến chân rồi nhận xét rằng tôi trông có vẻ bảnh bao chững chạc hơn nhiều so với khi còn ở Kiép. Trong giọng nói của má thấp thoáng một cái gì đó như một sự hờn dỗi.

Tôi nói với má rằng tôi đã có ý định trở lại Kiép và xin vào học ở trường trung học Kiép số 1, rằng tôi sẽ cùng sống với Bôria và đi dậy học để kiếm sống.

Má quay mặt đi và nói rằng má chẳng ao ước gì hơn là có thể đưa tôi đi Mátxcơva cùng với má nhưng lúc này thì chưa thể được. Và chính má cũng chưa biết xoay sở ra sao.

Còn Galia thì chốc lại gọi:

- Côxtích, em đâu rồi? À, em đấy à! Chị chẳng nhìn rõ em gì cả.

Mợ Maruxia hờn dỗi nói rằng chỉ có mà điên mới để tôi trở lại Kiép, rằng có thể là mợ không hiểu gì và không có quyền can thiệp vào việc riêng của gia đình chúng tôi, nhưng...

Bỗng mợ im bặt vì trông thấy cậu Nicôla lườm lườm ra hiệu. Má chẳng nói gì. Qua khung cửa sổ

của toa tầu, má dán mắt xuống sân ga. Đôi mắt ấy sa sầm tối đen vì tức giận.

- A, có thế chứ! – Bất thần má thốt lên. – Muộn còn hơn không.

Trên sân ga, ba tôi đang tiến về phía chúng tôi. Ba mặc một chiếc áo vextông láng đen.

Ba bước lên tầu và vào trong toa. Bất thần, còi tàu ném ra hai tiếng khô ròn.

Chúng tôi bắt đầu cuộc chia tay. Ba hôn tay má và nói:

- Maruxia, cứ để Côxtích cho anh. Hàng tháng anh sẽ gửi tiền cho nó để trang trải mọi thứ.

- Cầu trời chứng giám cho anh! Ít nhất anh cũng đừng quên làm tròn cái nghĩa vụ nhỏ nhoi ấy.

Đima từ biệt cha với một thái độ rất lạnh lùng trong khi Galia, hệt như một kẻ mù lòa, đưa ra một bàn tay cố gắng sờ được khuôn mặt của ba. Bất giác khuôn mặt ba tái mét đến mức cặp mắt cũng hình như mất sắc.

Còi tàu lại vang lên lần thứ ba.

Chúng tôi bước xuống sân ga. Đứng trước khung cửa sổ của toa tàu, má hứa mùa đông tới sẽ về Kiép thăm tôi.

Con tầu rùng mình.

Ba vẫn bất động, chầm chầm đưa mắt nhìn những vành bánh xe lăn mỗi lúc một nhanh hơn.

Ba từ chối lời mời ghé qua nhà trong thành phố của cậu em vợ, viện cớ có việc khẩn phải bắt chuyến tầu đầu tiên để kịp trở lại Bêdítxa.

Chúng tôi trở lại nhà bằng xe. Trên đường về, cậu Nicôla và mợ Maruxia im lặng chẳng nói năng gì. Mợ Maruxia ngồi nhằn một góc chiếc mùi xoa. Rồi mợ xoay người về phía cậu và nói:

- Không, thật sự em chẳng hiểu gì cả! Không thể chấp nhận được!

Cậu Nicôla nhíu lông mày và liếc mắt về phía tôi. Thế là mợ tôi im bặt.

Tôi rất xấu hổ vì sự bê bối trong gia đình chẳng những làm đảo lộn cuộc sống của chúng tôi mà còn ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt của những người thân khác. Tôi nóng lòng muốn ra đi càng sớm càng tốt, để quên đi hết được mọi đau buồn. Sự cô đơn có lẽ còn tốt hơn là phải sống giữa cái mớ bòng bong dày vò làm đau lòng nhau và không thể hiểu nổi kia.

Tôi ngóng chờ tháng tám, thời gian đã định để tôi ra đi. Cuối cùng ngày tháng ấy đã đến cùng với những chiếc lá khô và những màn mưa rầu rĩ.

Đúng hôm ấy, trời mù sương, gió giật từng cơn. Nước mưa quất mạnh những thành toa của con tầu Mátxcơva – Kiép. Mặc dù đã hứa, ba đã không ra ga tiễn chân tôi.

Tại nhà ga, cậu Nicôla chốc chốc lại nói đùa cố tìm cách làm cho tôi vui.

Mợ Maruxia ấn vào túi tôi một chiếc phong bì và nói: "Cháu sẽ đọc trên đường đi".

Đúng lúc con tàu chuyển bánh, mợ đã quay mặt đi. Cậu Nicôla nắm lấy khuỷu tay mợ và bắt mợ phải nhìn thẳng vào con tầu. Mợ mỉm cười với tôi, nhưng rồi lại quay đi.

Những giọt nước mưa chảy ròng ròng trên khung kính cửa sổ khiến tôi chẳng còn trông thấy gì nữa. Tôi kéo khung cửa xuống và nhoài người ra ngoài.

Cậu Nicôla và mợ Maruxia, bất động trên sân ga, đưa mắt đuổi theo con tầu. Hơi nước của đầu máy bị quật xuống gần mặt đất. Xa xa ở phía sau, mặt trời bắt đầu soi sáng một giải dài trên nền trời trong veo.

Tôi thoáng nhận ra ở đó một điềm lành. Tôi lấy từ trong túi ra chiếc phong bì. Trong phong bì có tiền và vài dòng ngắn gọn:

"Cháu ơi. Hãy thận trọng, nghe cháu. Thế là cháu đã một thân một mình bước lên đường lớn nhưng cũng đừng quên rằng cháu vẫn còn có cậu mợ cháu ở miền quê. Cậu mợ thương yêu cháu và luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ cháu khi cần".

ĐƯỜNG PHỐ HOANG DÃ

Bôria chiếm một căn phòng trong một ngôi nhà cho thuê có trang bị bàn ghế: Nhà tập thể "Tiến Bộ", phố Gilianxki, một đường phố nhớp nhúa gần nhà ga.

Anh thân mật đón tôi, ra vẻ che chở.

- Được lắm, em đã can đảm, - anh ấy nói, - quyết định tự xoay sở! Bây giờ cứ tạm ở đây. Rồi các anh sẽ kiếm cho em một nơi nào đó khá hơn. Có lẽ em không nên ở cái xó này.

- Tại sao?

- Rồi em sẽ hiểu.

Thật vậy, tôi đã hiểu điều đó rất nhanh. Bôria vừa ra khỏi nhà để đến Học viện, một gã béo phị xông vào căn phòng; khuôn mặt hắn chẳng khác gì một củ su hào muối. Anh ta khoác một chiếc áo tuyních sinh viên đầy bụi, nhầu nát và thùng thình trong một chiếc quần xanh phồng lên ở đầu gối. Cặp mắt lồi và trống rỗng chậm chạp đảo qua đảo lại, dò xét căn phòng và cái giá nơi có một ít thức ăn dự trữ, và tôi.

- Bá tước Pôtốcki! – Vị khách không mời mà đến tự giới thiệu – Bạn thân nhất của anh cậu. Cựu sinh viên Đại học Bách Khoa. Tôi đã phải bỏ rơi anh cậu vì một căn bệnh nan y.

- Vậy ông bị bệnh gì, thưa ông? – Tôi hỏi tỏ vẻ thương hại.

- Bệnh của tôi không ai tả nổi, - bá tước trả lời, rồi ông ta vét một ít thuốc lá còn lại trong chiếc hộp đặt trên bàn của anh tôi. – Nỗi đau khổ của tôi làm sao diễn đạt được. Tình trạng sức khỏe của tôi đã ba năm liền khiến tôi thi trượt các kỳ kiểm tra của giáo sư Patông. Cậu có biết giáo sư Patông không?

- Không.

- Một con thú dữ! - Bá tước tuyên bố và nhặt một mẩu xúc xích trên bàn, xoay ngược xoay xuôi tứ phía để xem xét rồi cuối cùng vẫn tống vào túi. - Kẻ áp bức tất cả những ai có đôi chút hoài bão thành đạt. Thuốc chữa bệnh của tôi chẳng qua chỉ là một thứ crêôdốt xoàng. Thế mà gia đình tôi vẫn không kịp gửi trợ cấp hàng tháng cho tôi, và tất nhiên giờ đây tôi không một xu dính túi và không thể ghé qua hiệu thuốc để mua cái thứ crêôdốt chết tiệt kia. Liệu cậu có thể giúp tôi tìm ra phương kế gì để lay lắt đến ngày mai chăng?

- Phương kế gì thưa ông? – Tôi hỏi vì không hiểu ông ta muốn nói gì.

- À, thế này! – Bá Pôtốcki nói và nở một nụ cười

hiền hậu. – Tôi đã ngấy cái cảnh phải làm trò hề rồi! Tôi định đến hỏi xin mượn tạm anh cậu ba rúp, nhưng cậu thấy đấy tôi đã không gặp được anh ấy. Có thể cậu có một trong những tờ xanh ấy chăng?

- Vâng, tất nhiên! – Tôi vội vã rút tiền ra khỏi túi. – Ba rúp, phải thế không, thưa ông?

- Ôi! Tuổi trẻ thời buổi này! – Pôtốcki thốt lên với vẻ đau khổ – Một kẻ trơ trẽn khi hỏi vay tiền thường hay phóng đại, còn một người có tư cách thì ngược lại bao giờ cũng tìm cách che giấu bớt thực tế. Nếu tôi là một kẻ trơ trẽn, cầu Chúa tha tội cho tôi! tôi đã có thể hỏi mượn cậu hai mươi rúp. Còn tôi, tôi tự hạn chế ở số ba. Có thể cậu sẽ hỏi tôi: thế thì đâu là thực tế? Sự thật, anh bạn trẻ ạ, bao giờ cũng ở giữa đường. Hai mươi trừ ba còn mười bảy. Mười bảy chia đôi, chúng ta có tám rúp năm mươi côpếch. Lấy số tròn, cứ cho là chín rúp vậy. Như thế vừa tiện vừa đơn giản như người ta chào nhau.

Đáng lẽ là chín, tôi đưa cho ông ta mười rúp. Ông ta nhận tiền bằng một cử chỉ rất kỳ dị. Những tờ giấy bạc của tôi đã nằm gọn trong bàn tay ông ta bằng cách nào, tôi đã không kịp có thì giờ để nhận ra. Hình như chúng đã chấp chới trong không.

Trong suốt thời gian chúng tôi nói chuyện, cánh cửa của căn phòng không ngừng phát ra những tiếng nghiến răng ken két. Nhưng, ngay

sau khi khoản tiền của tôi biến mất, nó bật mở và một phụ nữ nhỏ bé, mập nhưng lùn, vận một tấm áo choàng, nhảy vào trong phòng. Cứ mỗi bước chân, góp giầy của bà ta lại vang lên; những chiếc giầy kia rộng quá khổ đối với bà ta.

- Không được! - Bà ta kêu lên với một giọng khàn khàn - Tại sao đưa tiền cho con quái vật ấy? Đưa ngay đây! - Bà ta rít lên qua những kẽ răng và tóm lấy tay áo ông bá tước.

Người ta nghe thấy tiếng rách toạc của ống tay áo.

Nhưng ông bá tước thoát được bàn tay của bà ta và lao ra ngoài hành lang. Người đàn bà tai ác đuổi theo ông ta. Tiếng gót giầy nổ vang như những phát súng lục.

- Đưa đây! Mụ ta kêu lên – Ít ra cũng phải ba rúp! Hai cũng được!

Lão bá tước lao xuống cầu thang với một tốc độ kinh người và mất hút trên đường phố. Người đàn bà khốn khổ tựa vào tường và nức nở khóc lóc nghe có vẻ thảm thiết nhưng chẳng có vẻ gì là tự nhiên cả.

Những người thuê nhà khác bất thần xuất hiện trong khung cửa khiến tôi có thể cùng một lúc nhận ra tất cả bọn họ. Người đầu tiên ló đầu ra là một cậu con trai mặt đầy trứng cá mặc một chiếc

sơmi mầu hoa cà. Cậu ta đang đóng cúc cái cổ áo mầu hồng bằng xelulôít.

- Bà Gumêniúc! Cậu ta cất tiếng gọi với một giọng hống hách, - hãy thận trọng đề phòng!

Lúc đó, chủ nhân của ngôi nhà tập thể "Tiến Bộ" cũng xuất hiện trong hành lang. Đó là một bà to béo với cặp mắt lờ đờ nhưng dịu dàng. Bà ta tiến lại gần người phụ nữ áo choàng và nói bằng một giọng chanh chua khiến tôi ngạc nhiên:

- Vào phòng ngay cho tôi nhờ! Và đừng có rắc rối! Nếu không cảnh sát họ sẽ đến lôi cổ đi đấy! Tôi thề vậy đấy.

Thế là bà kia tiu nghỉu trở lại phòng của bà ta. Trong một khoảnh khắc còn có tiếng ồn trong hành lang. Người ta bình luận về sự cố vừa xảy ra.

Khi Bòria về, nghe tôi thuật lại câu chuyện, anh ấy chỉ đơn giản nhận xét rằng tôi xử lý như vậy là được nhưng cũng khuyên tôi về sau không bao giờ nên để bị lôi cuốn vào bất cứ câu chuyện nào rắc rối như vậy. Bá tước Pôtốcki, nói đúng hơn, chỉ là một sinh viên mà không phải là một bá tước. Đó là một viên lục sự đã bị người ta tống cổ khỏi tòa án vì rượu chè be bét.

- Còn anh ấy à, họ sợ anh, - Bôria nói thêm. – Nhưng, tư chất như em, tốt hơn là nên lánh xa họ. Đám người sống trong ngôi nhà này đều là cặn bã của xã hội.

- Thế tại sao anh lại ở đây?

- Anh quen rồi. Ở với họ anh không thấy có gì phiền toái cả.

Một tháng sau, Bôria tìm được cho tôi một phòng "khép kín" cũng trên "Đường Phố Hoang Dã", nhà một người quen cũ của má tôi, bà Côdơlốpxki.

Tôi cũng đã nhận được tiền ba tôi gửi cho và tính toán kỹ, tôi thấy rằng thậm chí nếu ba không gửi gì thêm nữa tôi cũng có thể xoay sở được trong vòng ba tháng mà không cần đi dạy học.

Bà Côdơlốpxki sống một mình với người con trai tên là Rômuan, một trung úy lục quân, trong một căn hộ đơn sơ và chật hẹp, sàn gỗ được quét một lớp véc-ni dinh dính hạng tồi. Cửa sổ của căn phòng mở ra một mảnh vườn hầu hết cây cối đã bị đốn chỉ còn lại lác đác vài ba gốc. Mùa hè, mảnh vườn được biến thành sân trượt băng. Người ta cắm những cây thông non trên những đống tuyết được gió dồn lại xung quanh đường băng. Thoáng một cái, chúng đã ngả sang màu vàng. Đó là một sân trượt tuyết rẻ tiền dành cho bọn trẻ đường Lơvốp và khu *Dân Nghèo*. Ở đó đương nhiên là không có dàn nhạc mà chỉ có một cái máy hát với một chiếc loa kèn khổng lồ.

Đường phố hoang dã rất xứng với cái tên của nó. Nó chẳng đưa chân con người ta đến đâu cả. Nó

mất hút vào những bãi trống ngổn ngang la liệt những đống tuyết và tro bụi. Những cuộn khói xanh lơ bốc lên từ những đống tro và một mùi ốc-xít các-bon cứng đầu cứng cổ không ngừng luồn lách vào tận những ngõ ngách lân cận.

Tôi treo lên tường của cái ổ của tôi chân dung của Bairơn, Lécmôntốp, Vichto Huygô. Tối đến, tôi châm lên một ngọn đèn dầu nhỏ. Nó chỉ đủ chiếu sáng mặt bàn và chân dung nhà đại thi hào người Pháp. Nhà thơ râu ria lởm chởm kia vẫn tư lự ngồi đó, đầu ngả trên một bàn tay. Ông ta có những chiếc măng-sét rất rộng và hồ cứng. Ông ta nhìn tôi. Hình như ông ta muốn nói: "Thế nào, anh bạn trẻ! Cậu định rồi đây sẽ làm gì?".

Thuở ấy, tôi rất say *Những người khốn khổ* của ông ấy. Suy cho cùng, trong cuốn tiểu thuyết ấy, tôi mê những cuộc phiêu lưu táo bạo khám phá lịch sử của ông già Huygô hơn cả bản thân chủ đề của câu chuyện.

Mùa đông năm ấy, tôi đọc khá nhiều. Tôi không sao làm quen được với cảnh cô đơn và chính sách vở đã giúp tôi thoát khỏi tình trạng ấy. Nhưng tôi vẫn không ngừng bị những kỷ niệm xưa bám riết, những kỷ niệm về cuộc sống trên đường phố Nicônxcô - Bách Thảo, về Lêna, về những chàng pháo thủ vui tính, về những đêm pháo hoa

trong khu vườn "Rêvơni" cổ kính, về những cánh rừng Brianxcơ. Đâu đâu tôi cũng được vây bọc bởi những con người muôn vẻ hào hiệp.

Còn giờ đây, tất cả chỉ là xa vắng. Một cái gì đó vẫn vo vo hoài trong chiếc đèn dầu hỏa. Cái âm thanh ấy càng làm tôi cảm thấy cô đơn hơn.

Một thoáng trôi qua, rồi một thoáng nữa và cuối cùng trong tôi bỗng có một bước ngoặt. Tôi phát hiện ra rằng thực tại càng có vẻ nhạt nhẽo, vô vị và tầm thường bao nhiêu tôi càng cảm nhận được một cách sâu sắc hơn những mặt tốt, những vẻ nhân hậu ẩn chứa trong cái vỏ bọc của nó.

Tôi ngờ ngợ rằng trong cuộc sống, cái tốt và cái xấu vẫn thường sánh vai nhau. Và rằng niềm hạnh phúc vẫn thường thấp thoáng hiện lên từ dưới một lớp màng mỏng của những dối trá, khốn cùng và đau khổ, chẳng khác gì những đám mây xám vẫn thường bừng lên lấp lánh, nhờ ngọn lửa của một mặt trời đang lặn vào những giây phút cuối cùng của một ngày dông bão.

Và bất cứ ở đâu tôi cũng cố gắng tìm ra cho được những khía cạnh tốt của cảnh và người. Tất nhiên tôi đã thành công. Điều đó bất thần khiến chúng ta kinh ngạc chẳng khác gì chiếc giầy pha lê của Cô Lọ Lem ẩn hiện dưới bộ váy áo tả tơi của cô, giống hệt như cái nhìn chăm chú và dịu dàng của

cặp mắt kia ở một nơi nào đó trên đường phố. "Em đây mà, Lọ Lem đây, - con mắt kia thì thầm với tôi. – Anh không nhận ra em sao? Hôm nay em chỉ là một kẻ xin ăn nhưng chỉ cần rũ bỏ được những miếng rẻ rách này, em sẽ hóa thân, lại trở thành nàng công chúa xưa kia. Cuộc đời quả là đầy ắp những chuyện bất ngờ. Đừng sợ. Hãy tin em".

Vậy đấy, đó là toàn bộ những ý nghĩ mơ hồ đã từng vây bổ quanh tôi suốt cả mùa đông năm ấy.

Tôi mới chỉ chập chững bước những bước đầu tiên trên con đường vào đời, nhưng tôi có cảm giác rằng tôi đã rõ toàn bộ đường đi. Tôi đã tìm thấy trong một bài thơ của Phết những câu thơ dưới đây, những câu thơ dường như minh họa đầy đủ số phận của chính bản thân tôi:

Từ vương quốc của sóng gió ba đào,
Từ xứ sở của giá băng lạnh lẽo,
Bỗng vọt lên tháng năm của bạn,
Ôi, tươi mát tinh khiết làm sao!

Tôi cất giọng ca lên lời thơ kia. Từ căn phòng nhỏ bé của bà, bà Côđơlốpxki vẫn ngồi lắng nghe tôi hát. Anh trung úy thường về muộn, đôi khi thậm chí anh qua đêm ở đâu đó, không về nhà.

Bà già nhỏ bé thường chìm đắm trong một tâm trạng u sầu và vì vậy, chỉ cần một giọng nói của con người, bất kể ra sao, cũng đã là một nguồn vui, một niềm an ủi đối với bà.

QUÁN TRỌ TRÊN SÔNG BRAGHINCA

Con tầu chạy bằng hơi nước già nua uể oải khua mái chèo, ì ạch cố nhoài dần về phía thượng nguồn dòng sông Đơnhiépprơ. Đêm khuya lắm rồi. Tôi không sao chợp mắt được trong căn buồng ngột ngạt dưới kia và đành phải lên boong.

Trong bóng đêm dầy đặc và đầy bí hiểm nổi lên một làn gió mát chở nặng hơi ẩm của một cơn mưa. Một ông già trong một chiếc áo caphơtăng xơ xác vá víu khắp nơi đang đứng gần cầu tầu chẳng biết từ lúc nào. Ánh sáng của chiếc đèn hiệu soi tỏ khuôn mặt râu ria lởm chởm của lão.

- Ông thuyền trưởng ơi - Ông già cất tiếng gọi - ông làm ơn làm phúc cho một lão già, được chứ? Cho lão xuống đây, nào! Làng quê của lão chỉ cách chỗ này chưa đầy một vextơ. Còn từ Têremtơxi, nếu phi nước kiệu, lão vẫn phải chạy suốt đêm mới về đến nhà. Nào, làm ơn làm phúc đi!

- Cụ ơi, cụ không đùa đấy chứ? – viên thuyền trưởng đáp lại – Tối như hũ nút thế này mà cụ bảo con cặp bến sao được. Cụ không muốn con tầu bị vỡ ra từng mảng vì cụ đấy chứ?

- Lão không đùa đâu, - ông già vặc lại - Nhưng đúng là làng quê lão ở ngay chỗ này, sau quả đồi kia, - và lão đưa tay chỉ vào bóng đêm dầy đặc - Cho lão xuống đi! Can trường một chút xem nào!

- Têrênti! - Viên thuyền trưởng gọi người lái tầu, vờ như không nghe thấy lời năn nỉ của ông già, - cậu có thấy gì không?

- Thậm chí cả cánh tay áo của tôi tôi cũng không trông rõ, - người kia lẩm bẩm. - Thời tiết chết tiệt! Tôi đang phải lái bằng hai lỗ tai đây này!

- Đến hỏng tầu mất thôi! – Người thuyền trưởng thở dài.

- Thôi nào! Con tầu khốn kiếp của các người rồi chẳng sao đâu! - Ông già càu nhàu, với vẻ cà khịa bột phát. – Thế mà cũng gọi là thuyền trưởng! Tốt nhất các người nên đi bán hạt tiêu hơn là lái tầu trên sông Đơnhiépprơ. Thế nào, các người có cho lão xuống đây không thì bảo?

- Nếu cụ cứ...

- Lão làm phiền các người quá lắm sao! - Ông già gây gổ vặc lại – Chưa bao giờ như thế này cả. Đang tâm đẩy hành khách đến tận Têremtơxi!

- Thôi đi cụ, cụ cố tình không hiểu sao? - Viên thuyền trưởng thất vọng kêu lên. - Quả thật chẳng thấy gì hết. Cụ muốn con ghé vào đâu mới được chứ, vào đâu?

- Kia chứ đâu, phía đối diện với thung lũng ấy! - Một lần nữa ông lão lại chỉ bâng quơ vào trong đêm đen. - Ngay đằng kia. Thôi thế này nhá, lão sẽ đến bên cạnh người lái và chỉ đường cho anh ta, được không?

- Cụ thấy không, con bảo cụ cái này - người thuyền trưởng dằn từng tiếng một, - hãy im đi cho chúng con nhờ.

- Thế hả! - Ông già reo lên với giọng đắc thắng. - Như vậy có nghĩa là các người từ chối? Đúng thế không?

- Vâng, con xin kiếu bố.

- Như vậy có nghĩa là các người không muốn để cho thằng già này đến kịp dự lễ thành hôn của con gái lão chứ gì? Chuyện này đúng là chẳng nghĩa lý gì đối với các người. Các người chỉ được mỗi một việc là đang tâm hành hạ đè nén một lão già khốn khổ!

Thế bố muốn con làm gì cho con gái bố?

- Còn Ăngđơrê Gon thì sao, các người dám phớt lờ cả Ăngđơrê Gon chứ gì? - Ông già hỏi bằng một giọng trầm trầm và bỗng nhiên có vẻ dọa nạt - Các người chưa bao giờ gặp rắc rối với Ăngđơrê Gon sao?

Thế thì nghe đây: chính Ăngđơrê Gon đích thân đứng ra tổ chức ngày lễ, là lão nói cái lễ cưới ấy.

Viên thuyền trưởng im bặt.

- Các người đóng cửa vào giờ này chứ? - Ông già nói tiếp với một vẻ khoái chá đầy ác ý. - Con tầu của các người, nó có cái tên gọi là "*Niềm hy vọng*". Nhưng các người làm gì có hy vọng thoát khỏi rắc rối nếu các người không để lão xuống đây. Chính Gon sẽ giúp lão giải quyết việc này. Gon và lão là chỗ bà con. Anh ta sẽ không bỏ qua chuyện này đâu!

- Này, đừng có mà dọa, có thôi đi không? - Viên thuyền trưởng lẩm bẩm.

- Xiđo Pêtrôvích, - người lái tầu nói xen vào với một giọng run run, - ông thấy đấy, lão già rất cứng đầu. Thôi, để lão xuống đây thôi. Dính vào cái lão Gon ấy chỉ tổ rách việc.

- Được. Đành liều với lão một phen vậy. Bố hãy đến bên cạnh Têrênti cho con được nhờ và hãy chỉ đường cho cậu ấy. Nhưng liệu đấy! Đừng có mà làm hỏng con tầu.

- Lạy Chúa! Lão thuộc như lòng bàn tay, con sông Đơnhiéprơ này. Còn con tầu ấy à, các người cũng biết đấy, nó là tài sản quốc gia!

Nói rồi, lão đứng vào một chỗ gần người lái và bắt đầu ra lệnh:

- Sang phải! Nữa! Nếu không nó sẽ kéo cậu xuống ổ quỷ dữ. Được. Thêm chút nữa!

Những cành miên liễu bắt đầu quất vào sườn tầu. Con tầu khốn khổ lục cục chạm đáy xuống lòng sông rồi ngừng hẳn. Cú sốc làm hành khách bật dậy; ở dưới kia, cầu tầu bỗng trở nên nhốn nháo.

Têrênti giơ cao chiếc đèn lồng trên boong về phía mũi tàu. Con tàu nằm lọt vào giữa những bụi rậm mà dòng lũ đã dâng lên vùi dập. Bãi sông chỉ cách đó khoảng ba mươi bước chân. Một làn nước đen ngòm quẩn quanh trong những vòm cây lúp xúp.

- Thế nào, bố già! – Viên thuyền trưởng reo lên - Bây giờ thì bố có thể xuống tầu được rồi đấy. Thế là chúng con hết nhiệm vụ nhé.

- Nhưng xuống chỗ nào? - Ông già ngạc nhiên kêu lên. – Chân lão làm sao chạm đất được! Chết chìm mất thôi!

- Thế bố muốn con làm gì bây giờ? Có phải chính bố muốn xuống đây không nào? Đúng thế không? Thôi đi! - Viên thuyền trưởng phát khùng. - Biến ngay nếu không tôi sẽ cho người lẳng lão xuống sông đấy!

- Được đấy! - ông già lẩm bẩm và đi về phía mũi tầu.

Lão làm dấu thánh, bước qua lan can rồi nhảy xuống nước ngập đến bờ vai.

Lão lội ùm ùm về phía bờ, vừa đi vừa càu nhàu. Con tầu từ từ đi giật lùi và ra khỏi đám bụi rậm.

- Thế nào? Còn sống chứ bố già? - Viên thuyền trưởng cất tiếng gọi.

- Đừng ăng ẳng nữa, có được không? - Từ phía bãi sông ông già vặc lại. - Thế nào cậu cũng không thoát khỏi bàn tay Ăngđơrê Gon, hãy nhớ vậy, để rồi xem.

Con tầu lùi dần về phía chân trời.

Mùa hè năm ấy, từng băng cướp xuất quỷ nhập thần lởn vởn khắp nơi trong tỉnh Trerơnigốp và trong cả vùng Pôlêxiê. Chúng cướp phá các nông trại và những điền trang giầu có, vét sạch sành sanh những chiếc xe bưu điện và tấn công cả những chuyến tầu.

Tên bạo phổi nhất, chớp nhoáng nhất trong số các thủ lĩnh là một người có tên gọi là Ăngđơrê Gon. Từng phân đội long kỵ binh và hiến binh tìm cách vây hãm hắn trong rừng, xua lùng hắn cho đến tận những vùng sình lầy của Pôlêxiê, nhưng bao giờ Gon cũng tẩu thoát được, còn ánh sáng ma quái của những đám cháy vẫn tiếp tục lượn lờ theo dấu vết của những bước chân của hắn trong bóng đêm mịt mùng.

Một huyền thoại đã dần dần được thêu dệt xung quanh nhân vật Ăngđơrê Gon. Hắn nổi tiếng

là người bảo vệ những kẻ nghèo hèn, những người thua thiệt trong cuộc đời và các trẻ mồ côi. Hắn chỉ tấn công và tước đoạt những địa chủ kếch sù. Còn bản thân nhân vật Gon kia từ đâu mọc ra, người ta không ngớt lời bàn tán. Khi thì đó là một học sinh cũ của trường trung học Trerơnigốp, lúc thì hắn vốn là một thợ rèn chốn làng quê. Tên tuổi hắn đã trở thành biểu tượng của sự báo thù của quần chúng.

Tôi đang trên đường đi Pôlêxiê nơi tôi sẽ nghỉ hè với gia đình một người bà con xa, gia đình Xêvơriúc, ở chính cái vùng nơi băng đảng của Gon đang tung hoành. Ở đó họ có một cơ ngơi khiêm tốn: *Iôtra*. Chính Bôria đã dàn xếp chuyến đi này cho tôi. Tôi hoàn toàn chẳng hay biết gì về gia đình Xêvơriúc.

- Em có thể nghỉ ngơi ở *Iôtra*, - anh tôi nói với tôi như vậy, – gia đình Xêvơriúc là những con người có hơi kỳ cục nhưng rất bình dị. Họ sẽ mừng lắm đấy.

Như vậy, tôi đã đồng ý đi *Iôtra*. Vả lại tôi chẳng có lựa chọn nào khác. Ở trường, tôi sắp bước vào năm học cuối cùng. Tôi vừa kết thúc kỳ thi lên lớp và trước mặt tôi chỉ là viễn cảnh của một mùa hè bất tận ở Kiép. Cậu Nicôla và mợ Maruxia sắp lên đường đi điều dưỡng ở Kixlôvôđơxcơ. Má vẫn ở lại

Mátxcơva. Tôi thật sự không muốn về Gôrôđitrê vì qua những lá thư của chú Incô, tôi ngờ ngợ rằng giữa chú và cô Đôdia, em gái chú, đã nảy ra những bất đồng. Mà tất cả các mối bất hòa trong gia đình, bất cứ thế nào, cũng khiến tôi kinh hãi. Tôi không muốn trở thành nhân chứng hoặc người nhập cuộc không tự nguyện của những mối bất hòa ấy.

Hai ngày sau khi xẩy ra sự cố với "ông già", con tầu hơi nước hổn hển cập bến, vào lúc chiều tối, phía bờ thấp của dòng sông Đơnhiépprơ. Chúng tôi đã lọt vào trong lòng Pêlêxiê. Từng đám mây muỗi ù ù khắp nơi trong không trung. Một mặt trời đỏ ngầu đang chìm dần vào làn hơi khói đậm đặc lơ lửng trên mặt sông. Một đống lửa được nhóm lên trên bãi sông. Những con ngựa gầy dơ xương, giữ nguyên yên cương, đứng sang một bên cách xa bếp lửa.

Gia đình Xêvơriúc chờ tôi trên kè đá: một người đàn ông gầy gò vận một áo vét vải tuyxo và đi một đôi ủng, chủ nhân của *Iôtra*, một người đàn bà trẻ nhỏ nhắn, bà vợ ông ta và em trai của bà chủ, một sinh viên.

Người ta đưa tôi lên một chiếc xe rùa. Còn người của gia đình Xêvơriúc thì nhẩy lên lưng ngựa và hét lên thúc những con vật phi nước đại.

Trong nháy mắt họ đã biến mất xa xa phía

trước còn tôi thì ở lại một mình với người đánh xe lầm lì. Chẳng bao lâu sau, tôi đã có thể nhảy khỏi xe và tiếp tục cuốc bộ trên con đường cát mịn. Hai bên đường la liệt trải ra những vạt nước lủa tủa những cọng cỏ cứng đơ. Trên mặt gương của những làn nước ấy, ánh sáng yếu ớt buổi chiều tà mỗi lúc một nhòa dần nhưng vẫn không tắt hẳn. Vài đàn vịt trời nặng nề vỗ cánh lướt qua. Là là sát mặt đất, những đám mù sương xám ngoét xơ xác bò dần ra khỏi các khóm cây lúp xúp.

Bất thần hằng hà sa số ếch nhái vụt lên thi nhau ộp oạp inh ỏi trong khi cỗ xe vẫn lảo đảo trên con đường hai bên đầy gai góc và lúp xúp những bụi rậm. Rồi, bỗng nhiên trước mắt hiện ra một cơ ngơi có rào dậu vây quanh. Giữa khoảnh rừng thưa cây cao vây bọc xung quanh dựng lên một mái nhà bát giác bằng gỗ hình dáng khác thường với rất nhiều mái hiên và vô số công trình phụ.

Ngay chiều hôm tối hôm ấy, khi chúng tôi đang quây quần xung quanh một bữa ăn đạm bạc, một ông già bước vào phòng. Đó là một lão gù đi một đôi giầy da mộc còn vành của chiếc mũ cát két của lão thì rách bươm, tơi tả. Lão lấy khỏi vai một khẩu súng săn dài ngoẵng và dựng vào tường. Ngay theo sau lão, một con chó vá cũng bước vào, móng chân nó lách cách trên sàn gỗ. Nó ngồi xuống

gần cửa quật đuôi xuống nền nhà rối rít làm ông già khó chịu phải quay về phía nó:

- Thôi nào, làm gì mà rối lên thế, Gala! Mày có biết mày đang ở đâu không đấy?

Gala thôi không vẫy đuôi nữa, ngáp dài rồi nằm xuống, mõm đặt lên hai chân trước.

- Thế nào, Trôphim, có gì mới không? - Xêvơriúc hỏi rồi quay sang tôi giải thích: - Người gác rừng của chúng tôi đấy.

- Ông hỏi có gì mới không ư? - Trôphin buông một tiếng thở dài rồi ngồi vào một chỗ ở đầu bàn. – Vẫn thế, chẳng có gì mới cả. Ở Tử Mộc, chúng đã đốt trụi trại lính canh còn ở Lò Bánh Mì Cũ chúng đã đánh chết ông già Ba Lan Capuxinxki – cầu Chúa cứu rỗi linh hồn ông ta. Nhưng mặt khác cũng phải nói rằng đó là một tên bất lương và xảo trá. Chúng chém giết, chúng làm mọi người xung quanh đây khuynh gia bại sản, chỉ riêng gia đình ông nhà là được khoan dung. Chuyện này kể cũng lạ! Chẳng hiểu tại sao hắn không hề chạm tới một lỗ chân lông của gia đình ta, cái tên Ăngđơrê Gon ấy? Chẳng hiểu tại sao? Có thể hắn đã nghe người ta nói rằng ông bà nhà là những người hào hiệp đối với dân lành? Cũng có thể là chưa đến lượt gia đình ta đó thôi. Ai mà biết được.

Nghe lão huyên thuyên đến đây, bà vợ Xêvơriúc, bà Maria Pavơlốpna, lăn ra cười rũ rượi.

- Đấy, thấy chưa, - bà ta reo lên - ông ta suốt đời như vậy, cái ông Trôphim này. Lúc nào ông ta cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao chúng ta vẫn còn sống được đến bây giờ.

- Lão không mong muốn gì hơn là cứ được thế này mãi, - Trôphim chống chế. - Trôphim này chẳng phản đối gì sất. À mà ông bà có nghe nói gì về thằng bé dắt lão hành khất mù không?

- Không, - Maria Pavơlốpna hớt hải trả lời, - Chuyện gì vậy?

- Ờ, ngay mai người ta chôn cất nó đấy. Ở Pagônnôiê. Ta nên đi.

- Chúng tôi sẽ đi, - Maria Pavơlốpna khẳng định. - Nhất định ngày mai chúng tôi sẽ đi.

- Quả là Đức Chúa lòng lành đã phù hộ độ trì ông bà và gia đình ta vì đã có những nghĩa cử như vậy - Trôphim lại thở dài – Vậy ông bà cho lão đi cùng với. Quả thật lão không còn đủ sức để đi bộ đến đó.

Lão ngoái cổ lại nhìn về phía cửa sổ, rồi hạ giọng nói thầm:

- Ở đây không có ai là người ngoài chứ?

- Không, người nhà cả, - Xêvơriúc nói để lão yên tâm. - Lão cứ nói thoải mái.

- Chả là thế này, - lão thì thầm với vẻ rất bí hiểm, - thời gian gần đây có khá nhiều đại thủ lĩnh nhóm họp ở quán trọ nhà Lôngde.

- Ai vậy? - anh sinh viên tò mò hỏi.

- Các đại thủ lĩnh. Người xưa của Môhilép, chứ còn ai!

- Hãy khoan, Trôphim - Xêvơriúc ngắt lời lão - Để tôi giải thích cho bọn trẻ. Thanh niên bây giờ chẳng biết gì về những người xưa của Môhilép ấy đâu.

Thế là lần đầu tiên tôi được nghe một câu chuyện rất kỳ lạ về những "người xưa của Môhilép" nổi tiếng ấy. Sau khi nghe chuyện, tôi có cảm giác như được đưa trở lại thời đại xa xưa cách đây một trăm năm, và thậm chí có thể còn xa xăm hơn nữa, đến tận thời trung cổ.

Xưa kia, có nghĩa là từ thời thống trị của người Ba Lan, một hội kín của những người cùng khổ và những người mù lòa đã được nhóm lên ở Môhilép, trên sông Đơnhiéppro. Những người hành khất ấy, mà trong nhân dân người ta gọi là "người xưa của Môhilép", đã có các thủ lĩnh của họ, những người dẫn đường, những đại thủ lĩnh".

Những đại thủ lĩnh này có nhiệm vụ huấn luyện cho các thành viên mới gia nhập hội một nghề khá phức tạp: nghệ thuật ngâm những bài thánh ca, sự tao nhã lịch sự trong khi cầu xin của bố thí. Và họ cũng có nhiệm vụ trau dồi cho hội viên mới những phép tắc rất nghiêm ngặt của hội kín.

Những kẻ khất thực kia đi đi lại lại dọc ngang

khắp vùng Pôlêxiê, Bạch Nga và Uraina. Nhưng mỗi năm một lần, các đầu lĩnh lại nhóm họp với nhau tại những địa điểm được giữ kín - một quán trọ Do Thái nào đó ít nhiều mang tiếng xấu giữa những vùng sình lầy hoặc một túp lều của người gác rừng từ lâu đã bị bỏ mặc, - để xét kết nạp hội viên mới.

Những người xưa của Môhilép có một ngôn ngữ riêng của họ, người ngoài hội không hiểu được.

Trong những cuộc nổi loạn của quần chúng, những kẻ khất thực kia quả thực là một lực lượng đáng gờm. Những lúc như vậy họ trở thành những người cổ vũ, những kẻ khuấy động. Họ duy trì được ngọn lửa căm hờn của quần chúng. Họ nuôi dưỡng sự phẫn nộ của nhân dân bằng những lời ca lên án ách thống trị và sự bất công của các lãnh chúa và những lời than vãn thương xót cảnh khốn cùng của người dân quê mùa bị áp bức.

Sau khi nghe câu chuyện, vùng Pôlêxiê, nơi tôi đang ở đúng lúc này, đã hiện lên trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn mới mẻ. Trong vùng đầm lầy này, quê hương của những cánh rừng thưa còi cọc và khắp nơi la liệt những bụi gai góc lúp xúp, trong vùng dân cư thưa thớt ấy vẫn âm ỉ, không bao giờ tắt, chẳng khác gì ánh sáng đỏ ngầu của những buổi hoàng hôn hầu như bất tận, ngọn lửa

căm hờn và khát vọng được báo thù của quần chúng. Thế là, tôi cảm thấy hình như những bộ áo quần vải nâu thô của những người hành khất kia chẳng thấm mùi thức ăn mà cũng không khét lẹt mùi bụi đường trường mà là mùi thuốc súng và mùi khói của những đám cháy.

Thế là tôi bắt đầu để ý quan sát những kẻ mù lòa thản nhiên và những con người bị thiệt thòi nhẫn nhục kia, và tôi hiểu rằng họ thuộc về một sắc tộc riêng biệt, độc đáo: tất nhiên họ là những con người bất hạnh nhưng đồng thời họ cũng là những nghệ sĩ tài ba và những con người đầy ý chí mãnh liệt.

- Họ tụ tập ở cái quán trọ trên bờ sông Braghinca ấy để làm gì nhỉ? - Sau khi giải thích xong, Xêvơriúc hỏi.

- Đó là chuyện riêng của họ, - Trôphim ngập ngừng trả lời – Mỗi năm họ họp nhau một lần. – Rồi lão hỏi: - Thế bọn hiến binh có bao giờ lai vãng đến đây không?

- Không, - Xêvơriúc trả lời. - Nghe nói hôm qua họ kéo đến Cômarinô.

- Thế thì được. – Trôphim đứng dậy. - Cảm ơn. Tôi phải lên kho làm một giấc đây.

Lão bỏ đi, nhưng không lên nhà kho, mà biến vào rừng cho đến tận sáng ngày hôm sau mới ló mặt về.

Maria Pavơlốpna kể cho tôi nghe câu chuyện về chú bé dắt người hành khất mù.

Trước đó hai ngày, một người mù cùng với cậu bé dẫn đường của lão đã bị lọt vào cơ ngơi của đại điền chủ Liubôminxki và đã bị người ta xua đuổi. Họ vừa qua khỏi hàng rào sắt, một tên gác người miền Bắc Côcadơ (thời ấy nhiều nhà giầu nuôi hẳn một toán lính gác gồm những kẻ đánh thuê người miền Bắc Côcadơ để canh phòng cơ ngơi của họ) đã thả xích một con chó đôgơ được huấn luyện làm chó săn và xuýt con vật đuổi theo lão hành khất mù lòa.

Ông già đứng sững lại, còn cậu bé hãi quá ù té chạy. Thế là con chó rượt theo và ngoạm lấy cổ nó. Ông già mù lòa thoát nạn vì đã đứng im tại chỗ. Sau khi hít hít ngửi ngửi bộ quần áo rách nát của lão một lát, con chó gầm gừ vài tiếng rồi bỏ đi.

Những người nông dân quanh đó đã nhặt xác thằng bé và đưa vào làng Pôgônnôiê. Ngày hôm sau họ đã chôn cất nó.

Tôi rất mê gia đình Xêvơriúc. Maria Pavơlốpna cưỡi ngựa rất điêu luyện và khi đi săn, bà là một tay thiện xạ. Thanh mảnh nhưng rất cứng cỏi, giọng nói du dương, bà ta có bước đi rất giảo hoạt và nhẹ nhàng. Về bất cứ việc gì bà cũng có ý kiến riêng rất kiên quyết, phong cách rất đàn ông, và bà

rất thích đọc những trường thiên tiểu thuyết lịch sử đại loại như cuốn *Những kẻ tị nạn của nước Nga mới* của Đinilépxki.

Xêvơriúc có vẻ như một người ốm yếu. Thân gầy xác ve và dáng bộ có vẻ giễu cợt, ông ta không có quan hệ gì với hàng xóm láng giềng nhưng ngược lại, rất thích giao du với những người nông dân tiều phu của vùng Pôlêxiê và chỉ quan tâm đến cái cơ ngơi khiêm tốn của mình. Còn người em trai của Maria Pavơlốpna, anh ta đi săn suốt ngày. Những lúc không vào rừng, anh ta mải mê ngồi nhồi thuốc súng vào vỏ đạn, đổ khuôn đầu đạn chì hoặc lau chùi sáng bóng khẩu súng săn hai nòng kiểu Bỉ.

Như vậy, ngày hôm sau đó, một cỗ xe đã lên đường đi Pôgônnôiê. Chúng tôi đi phà ngang qua sông Braghinca, một dòng sông sâu nước lạnh. những rặng liễu rủ thì thào dọc hai bên bờ.

Qua sông rồi, con đường lần theo bìa một cánh rừng thông. Ở bên kia, mênh mông trải ra cả một vùng sình lầy mất hút về phía chân trời. Trong bầu không khí có phần ảm đạm lấp loáng những vạt nước, rực rỡ những hòn đảo nhỏ hoa vàng, run rẩy những thân cói túi xam xám.

Tôi chưa bao giờ được thấy một vùng sình lầy nào mênh mông như vậy. Xa xa, ở giữa những vạt đất bùng nhùng, xanh um và tươi tốt ấy dựng lên

một cây thánh giá mầu đen xiêu về một phía: cách đó nhiều năm, một người thợ săn đã bị sa lầy ở chỗ này.

Xa hơn chút nữa, chúng tôi nghe thấy một tiếng chuông nguyện vẳng tới từ phía Pôgônnôiê. Chẳng bao lâu sau cỗ xe đã lọt được vào một con đường làng vắng vẻ, hai bên là những ngôi nhà gỗ nhỏ thấp lùn mái lợp rạ đã hơi bị mục. Mấy mẹ gà te tái chạy thục mạng luồn lách dưới chân những chú ngựa.

Trước ngôi nhà thờ bằng gỗ, dân làng đã tụ tập rất đông. Qua cánh cửa sổ rộng mở, người ta thấy thấp thoáng những ngọn nến nhỏ đã được châm lên. Những ngọn nến đổ ánh sáng xuống những vòng hoa giấy vây quanh những pho tượng thánh mẫu.

Chúng tôi vào hẳn trong nhà thờ. Đám đông im ắng rẽ ra cho chúng tôi một lối đi.

Trong chiếc quan tài nhỏ hẹp bằng gỗ thông ngay ngắn, nằm dài một cậu bé tóc vàng được chải chuốt cẩn thận. Đôi bàn tay nhợt nhạt của nó đan vào nhau trên lồng ngực và giữ một ngọn nến nhỏ tí xíu. Ngọn nến cong xuống, cháy nổ tí tách. Vài giọt sáp rỏ xuống những ngón tay xanh xao. Một vị giáo chủ trong tấm áo tế mầu đen, mái tóc tơi bời, gấp gáp đung đưa một chiếc lư hương, miệng lầm rầm những lời cầu nguyện.

Tôi ngắm nhìn khuôn mặt của cậu bé. Hình như nó đang cố gắng hồi tưởng lại một điều gì đó, nhưng không nhớ ra.

Xêvơriúc vỗ nhẹ vào cánh tay tôi. Tôi quay đầu lại. Ông ta đưa mắt ra hiệu cho tôi chú ý nhóm người đứng cách chiếc quan tài mấy bước chân. Tôi nhìn theo ánh mắt của ông ta. Ở đó tôi trông thấy một số người khất thực già yếu ép sát vào nhau thành một hàng dài.

Cả bọn mặc cùng một loại áo quần bằng vải nâu thô và người nào cũng cầm trong tay một cây gậy hành hương dãi dầu sương gió. Những mái tóc bạc phơ của họ hơi hất về phía sau, những cặp mắt ngước lên nhìn về phía dẫy tượng thánh mẫu ở trên cao đằng kia nơi có hình ảnh của Thần Vĩnh cửu với bộ râu trắng như tuyết. Vị thần trông rất giống những ông già kia, giống một cách đáng ngạc nhiên. Cũng những con mắt sâu trũng ấy, vẫn cái nhìn nổi trận lôi đình ấy, trên một khuôn mặt rầu rĩ hốc hác.

- Các đầu lĩnh đấy! - Xêvơriúc thì thầm với tôi.

Những người hành khất đứng im phăng phắc, không làm dấu thánh cũng không cúi đầu. Xung quanh họ là một khoảng trống. Đằng sau họ tôi thoáng trông thấy hai thiếu niên. Đó là hai đứa trẻ dẫn đường cho những người hành khất mù lòa, mỗi đứa một chiếc túi dết trên lưng. Một trong hai đứa

thút thít khóc, lấy cánh tay áo lau nước mũi. Còn đứa kia mặt cúi xuống, một nụ cười nhạo báng phảng phất trên môi.

Người ta thấy tiếng đàn bà thở dài. Thỉnh thoảng từ phía sân trước giáo đường vọng tới tiếng rì rầm giọng nói đàn ông. Những lúc như vậy, vị giáo trưởng lại ngẩng đầu lên và cất cao giọng đọc lời cầu nguyện. Tiếng rì rầm ngoài kia lại dịu xuống.

Rồi tất cả những người hành khất cùng nhau tiến lại gần chiếc quan tài, im lặng nâng nó lên và đưa ra phía cửa. Mấy người mù lần lượt đi theo, bàn tay đặt nhẹ lên vai những cậu bé dẫn đường.

Trong nghĩa trang với những cây thánh giá xiêu vẹo, chiếc quan tài được từ từ hạ xuống một cái huyệt sâu. Dưới đáy huyện nước đã bắt đầu rịn ra. Đọc xong lời cầu nguyện cuối cùng, nhà tu hành cởi bỏ tấm áo lễ, cẩn thận gấp lại rồi tập tễnh rời khỏi nghĩa trang.

Hai người tiều phu nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, xoa xoa rồi vớ lấy hai chiếc xiẻng. Đúng lúc ấy, một ông già mù mái đầu chim bồ cắt lao đến miệng hố và kêu lên:

- Hãy khoan, các bạn!

Đám đông đang rì rầm bỗng im bặt. Lần dò mặt đất bằng cây gậy hành hương của lão, người mù cúi người xuống bờ huyệt, rồi lại vươn thẳng lên, cặp

mắt trắng dã chầm chầm nhìn về phía trước, lão bắt đầu xướng lên vài câu kinh ngẫu hứng:

Dưới một gốc liễu già trần trụi, bên một dòng suối nhỏ nước chảy dạt dào,

Đức Chúa Trời ngồi nghỉ, rã rời sau một hành trình cực nhọc.

Và con dân đủ các hạng người kính cẩn tiến lại gần

Đem đến dâng Người những lễ vật quý giá nhất.

Cả đám đông xúm xít xung quanh ông già.

Các bà nội trợ đem đến lụa là và mật ong;

Còn các thiếu nữ thì dâng lên cho Người những chiếc vòng cườm,

Và bánh mì đen là quà tặng của các cụ ông, những bức tượng thánh mẫu là lễ vật của các cụ bà.

Một cặp vợ chồng mới cưới cũng đem đến những bông hoa tươi thắm, nhẹ đặt lên chân Người rồi bẽn lẽn lùi xa, chạy trốn.

Chúa Trời nở một nụ cười rồi hỏi:

"Ai sẽ là người đem đến cho ta trái tim?

Ai sẽ là kẻ hiến dâng ta trái tim mà không hề nuối tiếc?"

Một thiếu phụ, khăn trùm đầu trắng, buột ra một tiếng kêu không nén nổi. Người mù quay đầu về phía cô ta và hát tiếp:

Thế là một cậu bé đặt vào bàn tay Người

Trái tim thổn thức như một cánh chim bồ câu của nó.

Đức Chúa Trời ngước nhìn và nhận thấy con tim đã bị tổn thương,

Và chỉ còn là một vết thương máu khô đen sẫm như mầu đất,

Đen ngòm vì những giọt nước mắt và những điều xúc phạm muôn thuở,

Bởi vì cậu bé đã đưa những kẻ mù lòa kia lang thang khắp nơi

Và chưa hề một lần được chứng kiến cái mà người ta gọi là Hạnh phúc.

Người hành khất đưa tay về phía trước.

Đức Chúa Trời Toàn Năng bật dậy và giơ cao trái tim yếu ớt

Nổi trận lôi đình, Người nguyền rủa sự dối trá của con người.

Thế là những đám mây tối đen như bóng đêm ập xuống trần gian.

Những cánh rừng nổ tung trong một cơn lôi đình khủng khiếp,

Còn Tiếng Nói của Đức Chúa Trời thì vang lên khắp bốn phương.

Bất giác người hành khất nở một nụ cười sung sướng.

Món quà hào phóng mà con người đã đem đến kia,

Trái tim nhỏ bé kia, ta sẽ dâng nó lên tận bàn thờ của Đức Chúa,

Để nó được linh hồn của tất cả những con người chân chính ngưỡng mộ.

Người mù ngừng lại giây lát, trầm tư rồi tiếp tục ca vang bằng một giọng trầm buồn sâu lắng:

- *Trái tim nhỏ bé côi cút kia quý giá hơn những viên ngọc trai rất nhiều lần,*

Lộng lẫy hơn cả những bông hoa rực rỡ nhất và trong trẻo hơn cả bầu trời buổi bình minh,

Chỉ vì đó là quà tặng một đứa trẻ tuyệt vời đã khiêm nhường hiến dâng lên Đức Chúa Trời Toàn Năng.

Rồi lão im bặt. Trong đám đông, nhiều bà đưa chuôi những tấm khăn trùm đầu mầu sẫm lên thấm những giọt nước mắt.

- Hỡi các bạn, - người mù lại cất cao giọng - hãy cầu nguyện cho tâm hồn Vaxili, cậu bé bị sát hại, được thanh thản yên bình.

Lão đưa ra một chiếc mũ sờn rách. Và thế là những đồng xu tới tấp rơi xuống như mưa. Hai người tiều phu bắt đầu trút những xiẻng đất xuống lòng huyệt.

Chúng tôi chầm chậm quay trở lại sân giáo đường đứng đợi cỗ xe. Maria Pavơlốpva vượt lên đi một mình. Suốt dọc đường ra về tất cả chúng tôi

chẳng ai thốt một lời. Chỉ riêng Trôphim đưa ra một lời bình luận:

- Con người, mặc dù đã tồn tại hàng triệu năm trên trái đất, vẫn chưa vươn tới một điều gì thật tốt đẹp. Quả là một chuyện nực cười.

Sau đám tang của cậu bé, ngôi nhà của gia đình Xêvơriúc chìm hẳn trong một bầu không khí khắc khoải ưu tư. Tối đến, tất cả các cánh cửa đều được cài chặt bằng những thanh sắt. Đêm nào cũng vậy, Xêvơriúc và anh sinh viên vẫn phải thức dậy để đi rảo vài vòng xung quanh khu điền trang. Họ đem theo những khẩu súng đạn đã lên nòng.

Một đêm, trong rừng bùng lên một đống lửa và cháy cho đến tận lúc mặt trời mọc. Sáng ra, Trôphim đến cho chúng tôi biết rằng một người lạ mặt đã ngủ qua đêm bên cạnh đống lửa ấy.

- Hắn đó là một người của bọn Gon, - lão nói thêm - Bọn chúng lùng sục quanh đây như một lũ sói.

Hôm ấy, giữa ban ngày, ban mặt, một gã thanh niên chân đất lọt vào trang trại. Hắn mặc một chiếc quần lính mầu đen có sọc đỏ đã phai mầu. Những chiếc ủng cao cổ của hắn lủng lẳng sau lưng bằng một sợi dây. Khuôn mặt rám nắng của hắn trông như trái cây bị tróc vỏ. Cặp mắt hắn có vẻ vừa u sầu vừa hỗn xược

Gã xin nước uống. Maria Pavơlốpna đưa cho hắn một bình sữa tươi và một khoanh bánh mì. Hắn uống sữa ừng ực và nói:

- Phải công nhận là các ông các bà ở đây rất gan dạ, Phải bạo phổi lắm mới dám ở một nơi như thế này.

- Không ai quấy rầy chúng tôi cả, - Maria Pavơlốpna trả lời.

- Sao vậy? - Gã thanh niên hỏi với một nụ cười mỉa mai.

- Chúng tôi chẳng làm hại ai cả.

- Đáng lẽ những kẻ khác phải nói như vậy, - hắn vặc lại một cách đầy bí hiểm rồi bỏ đi.

Chính vì chuyện này mà ngày hôm sau Maria Pavơlốpna thật sự không muốn để cho Xêvơriúc đến ấp bên cạnh để mua hàng dự trữ và thuốc súng. Xêvơriúc đã đưa tôi đi cùng. Chúng tôi phải trở về ngay chiều tối ngày hôm ấy.

Tôi rất mê chuyến đi rẻo băng qua cái xứ sở hẻo lánh ấy. Đường đi uốn lượn vòng vèo giữa một vùng sình lầy mênh mông, vượt qua những cồn cát trắng lởm chởm những ngọn thông non. Từ những vành bánh xe cát trôi ra thành những dòng nhỏ mịn. Những con rắn ráo im lìm trườn qua mặt đường.

Đến nơi, chúng tôi trông thấy những con dê đi đi lại lại trên những mái nhà của người Do Thái

phủ đầy rêu xanh. Một ngôi sao thần Đavít bằng gỗ được đóng đinh trên cửa ra vào của giáo đường Do thái.

Trên quảng trường bừa bộn những cọng rơm khô, những con ngựa đã được tháo bỏ yên cương của một phân đội kinh kỵ binh đang ngủ gà ngủ gật. Cạnh đó, những người lính khinh kỵ binh mặt mũi đỏ nhừ vì oi bức càn lan ngay trên nền đất. Quân phục bật tung hết cúc, họ đang uể oải ngân nga một bản quân nhạc:

Hỡi các chiến binh, hoan hô, hoan hô các chàng trai!

Nhưng đâu rồi, đâu rồi các bạn những nàng em?

Những cô em yêu dấu của bọn này là những cỗ đại bác đạn đã lên nòng,

Vậy đấy, vợ con tụi này là như vậy!

Viên chỉ huy của họ ngồi trên bậc thềm tam cấp trước cửa quán rượu uống một loại *Kvax* tự chưng cất của địa phương.

Chúng tôi đã phải luồn lách vòng quanh những cửa hàng, những tửu quán nhỏ mà người ta gọi là "những hầm mộ". Trời sẩm tối và hơi lạnh. Vài con chim bồ câu đang cần mẫn nhặt nhạnh những hạt lúa mì còn sót lại trên mặt đĩa những chiếc cân bàn. Những người lái buôn Do Thái đội những chiếc mũ cát két láng đen đang than phiền với

nhau rằng không hơi sức nào mà buôn bán nữa vì lợi lộc không đủ để tống mõm lão cảnh sát trưởng trong vùng. Họ nói rằng chỉ mới đêm hôm trước đó, Ăngđơrê Gon đã cướp phá một trang trại gần đó và cuỗm đi bốn con ngựa nòi.

Tại một trong những "hầm mộ" ấy, người ta đãi chúng tôi nước chè đường hoa mơ. Nước chè hơi có mùi dầu hỏa.

Chúng tôi đã bị trễ giờ. Vừa ra khỏi ấp, Xêvơriúc đã thúc ngựa phi nước đại. Nhưng vì mặt đường đầy cát mịn, chẳng bao lâu sau bước chân của những con vật đã bị chững dần lại và chúng chỉ còn có thể đi nước kiệu.

Từng đám mây ruồi trâu treo lơ lửng dầy đặc trong không trung và bay theo bám riết trên mông mấy con ngựa của chúng tôi. Những cái đuôi xơ xác lông không ngừng rít lên để xua lũ nhặng.

Xa xa ở hướng nam, một cơn dông bỗng nổi lên. Mặt nước đầm lầy lập tức chuyển sang mầu đen sẫm. Gió giật từng cơn ập tới. Những ngọn gió mọng nước không thương tiếc vùi dập những tán lá cành. Những tia chớp lóe lên lằng nhằng. Mặt đất gầm lên ở đằng xa.

- Chúng ta phải quay lại nghỉ đêm ở quán trọ nhà Braghinca thôi, - Xêvơriúc nói – muộn quá rồi chẳng kịp về nhà đâu.

Chúng tôi dấn sâu vào một con đường rừng tối tăm mù mịt. Cỗ xe cứ chồm lên băng qua những rễ cây nhô khỏi mặt đất.

Đêm xuống rất nhanh. Cây cối thưa dần. Một luồng hơi ẩm phả vào mặt chúng tôi và chẳng bao lâu sau chúng tôi đã đứng trước một quán trọ dựng lên bằng những khúc gỗ linh sam đã ngả sang mầu đen sẫm.

Cái quán nhỏ nấp dưới bóng những cây liễu trên bờ một dòng sông. Sau ngôi nhà, bãi sông tràn ngập những bụi tầm ma cọng dài và la liệt những khóm lộc cần đầy hoa. Đâu đó từ những bụi rậm nức mùi hương kia khắc khoải bay ra những tiếng chiêm chiếp: hẳn là những cánh chim non, hoảng hốt trước cơn dông đang đến gần, đã kiếm nơi ẩn náu ở đó.

Người chủ quán, một người Do Thái béo ị tên là Lâyde xuất hiện trên bậc thềm gỗ ván bập bềnh. Một chiếc dây lưng to bản ôm chặt lấy chiếc quần rộng thùng thình như quần của một người du cư xứ Bôhem. Ông ta đi những chiếc ủng cao cổ.

Ông ta phác một nụ cười khoái chá rồi nhắm nghiền mắt lại, vẻ mơ màng.

- Quý hóa quá, không ngờ lại có khách! - Ông ta lắp đắp và reo lên - Kiếm một viên kim cương trong một cánh rừng có lẽ còn dễ hơn là mời được

về nhà những vị khách quý như thế kia. Thưa các vị, xin được hân hạnh mời các vị vào thẳng trong phòng khách.

Mặc dù nụ cười của ông ta có vẻ rất hiền từ, người chủ quán vẫn lấm lét dè chừng dò xét chúng tôi, một cái nhìn dọi ra từ dưới những mí mắt sưng vù.

- Ông Lâyde này, tôi vẫn biết rằng một số vị đầu lĩnh hiện đang tá túc ở đây. Vì vậy chẳng việc gì ông phải ái ngại. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến chúng tôi cả. Đủ các hạng người có thể nghỉ qua đêm trong một quán trọ, có phải thế không?

- Tôi biết làm sao được? - người chủ quán rên rỉ và trút một hơi thở dài. - Với tất cả những cánh rừng và những bãi sình lầy kia... Liệu tôi có quyền tuyển chọn khách trọ không, thưa ông? Thực lòng mà nói, đôi khi tôi cũng hơi hoảng, ông Xêvơriúc ạ.

Ông ta đưa chúng tôi vào căn phòng sang trọng nhất của ông ta. Sàn gỗ của phòng khách được kỳ cọ rất cẩn thận rít lên dưới bước chân của chúng tôi. Một nửa căn buồng đã hơi bị lún và tất cả bàn ghế trong phòng đều nghiêng về một phía. Một bà già mái tóc bạc phơ ngồi chễm trệ trên một chiếc giường lớn, thân thể sưng phù tựa vào những chiếc gối đệm mầu hồng vây bọc xung quanh.

- Cụ thân sinh tôi đấy, - Lâyde phân trần. - Cụ

bị phù. Đơvoira! - ông ta kêu lên- Đặt ngay ấm nước!

Tấm màn gió rẽ ra và bà vợ Lâyde, một người đàn bà nhỏ bé với khuôn mặt rầu rĩ ló đầu ra và chào chúng tôi. Tất cả các cửa sổ đều đóng chặt vì có cơn dông. Mấy con ruồi mù quáng cứ lao đầu vào khung kính. Một bức chân dung của tướng Kurôpátkin loang lổ cứt ruồi treo trên tường.

Lâyde trải tạm cho chúng tôi một chỗ hạ lưng. Ông ta ôm vào một mớ rơm khô, trải ra ngay trên sàn nhà rồi phủ lên một tấm vải.

Chúng tôi ngồi vào bàn, bộ đồ chè đã được dọn ra. Ngay lúc ấy vang lên một tiếng sấm rền rung chuyển làm những chiếc đĩa xanh lơ trước mặt chúng tôi bật lên. Tiếng mưa dào dạt và đều đều xối xuống mái nhà. Bên ngoài cửa sổ, bóng tối xám ngoét chảy thành từng dòng đậm đặc. Chốc chốc, những tia chớp sáng lòa lại băm vằmxé nát bóng đêm.

Tiếng rì rào của cơn mưa như trút nước át hẳn tiếng sôi réo của chiếc ấm xamôva. Chúng tôi uống nước chè và nhấm nháp những mẩu bánh quy giòn. Lâu lắm rồi đến nay tôi mới được thưởng thức hương vị thơm ngon của thứ nước uống hảo hạng này. Vả lại phải thừa nhận rằng, nơi đây, cái gì cũng khiến tôi say đắm: cái quán trọ bí ẩn này, cái

xó hẻo lánh này, âm thanh dào dạt của cơn mưa, tiếng sấm ầm ầm vang lên trong khu rừng. Từ phía bên kia bức tường khi trầm khi bổng vọng tới chúng tôi tiếng người trò chuyện rì rầm: các đầu lĩnh đang to nhỏ bàn tán.

Mệt nhoài vì bị xe xóc suốt dọc đường và cũng vì cái nóng ngột ngạt cả một ngày dài, ngay sau khi dùng chè, tôi lăn ra ngủ trên tấm đệm cỏ khô. Nửa đêm tôi thức giấc, người vã mồ hôi. Mùi hôi ngưng đọng của dầu hỏa khiến không khí trở nên khó thở. Một ngọn đèn chong vẫn lay lắt suốt đêm. Trong giấc ngủ, bà già phù thũng vẫn liên miên rên rỉ. Xêvơriúc vẫn ngồi cạnh tôi trên đệm cỏ.

- Chúng ta ra nghỉ trên mớ cỏ khô ngoài xe có thể còn dễ chịu hơn. - Tù hãm thế này, tôi đến bị choáng mất thôi.

Chúng tôi rón rén lẻn ra ngoài. Chiếc xe đã được đưa vào nhà kho. Đảo mớ rơm khô lên một chút, chúng tôi nằm xuống và phủ mái bạt lại.

Cơn dông đã dứt. Phía trên cánh rừng, những ngôi sao ướt lạnh đã lần lượt thắp sáng lên.

Những giọt nước mưa vẫn còn tí tách từ trên mái nhà rơi xuống. Mùi cây ngấy ẩm mục lẩn quất đâu đây trong nhà kho.

Một cánh cửa bất thần nghiến răng. Ai đó lỉnh ra khỏi quán. Xêvơriúc thì thầm:

- Nằm im. Chắc là mấy đầu lĩnh.

Một bóng người ngồi xuống một khúc gỗ gần nhà kho và bắt đầu bật bật lửa. Thoảng có mùi khói thuốc lào.

- Chỉ cần nó bùng lên một cái, thế là cả lũ chúng ta bị nghẹt thở, - một giọng nói the thé rít lên. - Không vậy, ta cũng đã có nguy cơ bị tống vào lưới.

- Đó là cái chắc, - một giọng nói khàn khàn đáp lại – chúng ta đã nằm lì ở nhà Lâyde quá lâu rồi. Bọn tổng thiên thần đã đang lùng sục khắp nơi quanh đây.

- Vào giờ này, ta vẫn chưa thấy gì cả, - một giọng nói thứ ba, rất trẻ, thì thầm, vẻ lo lắng - Có thể mưa thế này, tất cả đã sũng nước.

- Với bọn Gon, làm gì có chuyện "sũng nước" hay "vận rủi", - giọng nói the thé lúc nãy quật lại.

- Tất cả rồi sẽ đâu vào đấy, - giọng nói khàn khàn lại cất lên có vẻ tiên đoán - Họ sẽ trả thù cho chúng ta vì chúng ta đã bị xúc phạm. Chúng ta sẽ được chứng kiến sự trừng phạt của ông trời trước khi chúng ta nhắm mắt.

Im lặng một lát.

- Pêtrô, - người có giọng nói the thé lại tiếp tục câu chuyện, - liệu mọi người đã sẵn sàng chưa?

- Sẵn sàng cả rồi, - người trẻ tuổi khẳng định.

- Thế thì tất cả hãy rời khỏi quán ngay. Nhất là đừng để Lâyde lởn vởn quanh chúng ta. Không việc gì đến lão ấy. Hắn sẽ được thanh toán sòng phẳng. Còn khách trọ thì sao? Ngủ cả à?

- Ừ, ngủ cả. Cậu cần gì họ?

Câu chuyện lại im bặt. Tôi bắt đầu cựa quậy. Xêvơriúc sờ vào cánh tay tôi. Lại thêm vài người nữa ra khỏi quán.

- Tớ ấy à, tớ sẽ đi với Kudơmi, tớ sẽ cố gắng đến được Trécnôbin và Ôvơrutrơ, - giọng nói mà tôi đã nhận ra lại cất lên- Ở Trécnôbin, có thể tớ sẽ kiếm được một đứa nhỏ dẫn đsường. Ở đó người ta đang lả đói.

Đó chính là ông già mù, người đã ngẫu hứng đoạn kinh cầu khẩn tại đám tang của đứa bé ở Pêgônnôiê. Rồi tất cả lại rơi tõm vào im lặng. Tim tôi đập rộn lên.

Tôi cảm thấy hình như phải một hồi lâu sau đó tôi mới lại nghe thấy một tiếng kêu nghẹn ngào:

- Được rồi!

Trong đám hành khất có một sự rục rịch.

- Nào các em, - người có giọng khàn khàn xướng lên - cầu nguyện đi rồi chúng ta lên đường.

- *Cha chúng ta trên thiên đường* - tất cả bọn hắn là đã quỳ xuống và bắt đầu thì thầm cầu nguyện - *Tên tuổi của Người phải là tên Thần tuổi Thánh. Người phải là đấng trị vì trên toàn thế gian này.*

Cầu nguyện xong, họ đứng dậy và ra đi.

- Họ nói gì vậy? – tôi hỏi Xêvơriúc.

- Tôi chẳng hiểu gì cả, - ông ta trả lời – Tôi phải ra khỏi rơm rạ để châm điếu thuốc.

Ông ta xuống xe rồi ra khỏi nhà kho.

- Kìa! - trong bóng tối, ông ta ngạc nhiên kêu lên. - Côxtích, lại đây xem này!

Tôi bật dậy. Ở bên kia dòng sông Braghinca nước đen ngòm, ở bên kia bãi trồng tường vi, bầu trời mù mịt khói và đỏ rực. Từng bó hoa lửa hình như đang từ những bụi cây gai góc vọt lên. Làn ánh sáng ma quái của đám cháy loang loáng chập chờn trên mặt nước của dòng sông.

- Chẳng hiểu cái gì bị đốt vậy? - Xêvơriúc thốt lên một câu hỏi bâng quơ.

- Điền trang nhà Liubômirơxki đây, - Từ một xó tối nào đó, Lâyde thản nhiên trả lời.

Ông ta đứng cạnh chúng tôi từ lúc nào chẳng biết.

- Ông Xêvơriúc này, - lão ta nói với một giọng khẩn khoản van xin - Xin ông hãy cảnh giác và hãy thương tình lão chủ quán Do thái khốn khổ là tôi đây. Tôi sẽ đi đóng yên cương cho lũ ngựa của ông và tốt nhất ông nên nhẹ nhàng rút khỏi nơi đây ngay bây giờ. Ông có ở lại đây cũng chẳng hay ho gì.

- Tại sao?

- Bọn long kỵ binh hoặc bọn hiến binh quản hạt có thể dẫn xác đến bất cứ lúc nào: họ chẳng làm gì được một lão chủ quán trọ đâu. Chủ quán thì biết gì, thấy gì.

- Chúng tôi cũng vậy thôi, chúng tôi cũng chẳng thấy gì, - Xêvơriúc đáp lại.

- Này ông! - Lâyde kêu lên - Nhân danh Đức Chúa Chính Thống của ông, tôi van ông đấy. Đi ngay đi! Tôi không cần tiền bạc của ông đâu. Đối với tôi, sự bằng an quý giá hơn nhiều. Chính mắt ông cũng đã thấy những gì đang xẩy ra quanh đây!

- Được rồi, được rồi, - Xêvơriúc nhượng bước. - Ông mất trí rồi, Lâyde ạ. Thế thì đi đóng yên ngay cho chúng tôi.

Lâyde xoay xở rất nhanh và thế là chúng tôi chuồn ngay.

Đường chúng tôi đi lượn theo dòng sông Braghinca. Xêvơriúc buông tay lái, thả lỏng dây cương và mấy con ngựa cứ theo đường mà chạy. Ánh sáng của đám cháy lúc này đã làm sáng rực cả bầu trời. Những cành cây ẩm ướt quất vào mặt chúng tôi.

- Thế là mọi chuyện đều đã rõ, - Xêvơriúc thì thầm - Họ đã đốt điền trang nhà Liubômirơxki.

- "Họ" là ai vậy?

- Tôi cũng không biết. Chắc là để trả thù cho

cậu bé bị sát hại. Còn hai chúng ta, đêm nay chúng ta đã không có mặt ở quán trọ Lâyde mà cũng chẳng thấy gì sất, nhất trí thế nhé. Đồng ý chứ, cậu bé?

- Nhất trí, - tôi vội vã trả lời.

Ở thượng nguồn phía bên kia sông Braghinca, rít lên một tiếng hú dài nghe rất chói tai. Xêvơriúc kìm cương ngựa. Tiếng hú lại vang lên một lần nữa. Cỗ xe của chúng tôi đứng im giữa những bụi rậm um tùm. Từ bất cứ hướng nào người ta cũng không thể phát hiện ra chúng tôi.

- Ôê! Chủ quán! - Từ bờ bên kia, ai đó kêu lên bằng một giọng đứt hơi. - Cho sang sông!

Không có tiếng trả lời. Chúng tôi căng tai ra nghe.

Có tiếng sóng vỗ ộp oạp. Có lẽ người gọi đò không được đã lần mò xuống nước và đang bơi qua sông. Lát sau, từ trong những bụi rậm nhìn ra, chúng tôi thấp thoáng trông thấy hắn ra đến giữa dòng sông lúc này đang được ngọn lửa của đám cháy lờ mờ chiếu sáng. Dòng nước cuốn hắn dạt chênh chếch về phía hạ lưu.

Cuối cùng hắn đã leo được lên bờ ngang tầm gần ngay chỗ chúng tôi đang đứng. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng nước giỏ xuống từ bộ quần áo ướt sũng của hắn.

- Lâyde, hãy đợi đấy, mày chẳng thiệt gì đâu - người kia lầm bầm trong khi vẫn băm bổ tiến về phía bìa rừng. - Mày sẽ phải đền bù cho tao chuyến qua sông này.

Khi tiếng bước chân của hắn đã tắt hẳn ở đằng xa, chúng tôi cũng từ từ tiếp tục cuộc hành trình của chúng tôi.

- Cậu có nhận ra hắn không Côxtích? - Xêvơriúc thì thầm rất nhỏ hầu như không thể nghe rõ được.

- Ông bảo sao cơ? - Tôi nghe không rõ lắm.

- Cậu có nhận ra người kia không?

- Không.

- Chính là cái tay đã đến chỗ chúng ta xin sữa uống hôm trước đấy. Tôi thấy hình như đúng là giọng nói của hắn. Giờ thì mọi chuyện đều đã rõ. Các vị đầu lĩnh đã phàn nàn với Ăngđơrê Gon. Thằng cha kia là một trong số thuộc hạ của Gon và chính nó đã châm lửa đốt nhà Liubômirơxki. Tôi đoán vậy đấy. Và chính Lâyde đã cho người đưa hắn sang bên kia sông. Nhưng cậu hãy nhớ kỹ: chúng ta đã không thấy mà cũng chẳng hay biết gì cả. Nhớ đấy!

Che kín que diêm trong chiếc áo mưa, ông ta thận trọng châm một điếu thuốc.

Ánh sáng yếu ớt của đám cháy chao đảo trên

bầu trời. Dòng sông thì thầm trong những khóm cây bị ngập nước. Những cái trục bánh xe nghiến răng ken két. Cuối cùng, từ vùng đầm lầy, ngọn gió đã đem đến một màn sương mù lạnh toát.

Run cầm cập trong những bộ áo quần đẫm khí lạnh, cho đến khi mặt trời mọc chúng tôi mới về đến nhà.

Sau sự cố ấy là cả một chuỗi ngày đầy thấp thỏm lo âu. Nhưng cũng lạ, tôi lại rất thích như vậy. Tôi mê sự chờ đợi khắc khoải một điều gì đó nguy hiểm sắp xẩy ra, những mưu toan đang được thì thầm nhỏ to bàn tán, những tin đồn đại mà Trôphim thường đem đến cho chúng tôi về sự xuất quỷ nhập thần Ăngđơrê Gon, khi thì ở nơi này, lúc thì ở chỗ khác.

Tôi cũng thích dòng sông Braghinca, làn nước giá lạnh của nó, những khóm cây um tùm rậm rạp hai bên bờ, nơi ẩn náu của những băng cướp, những dấu vết bí hiểm bước chân ngựa mà mới trước đó một ngày người ta vẫn chưa thấy. Tôi phải thú nhận rằng, tôi rất mong Ăngđơrê Gon tấn công trang viên nhà Xêvơriúc, nhưng tất nhiên là không phá phách gì, không châm lửa đốt mà cũng không giết hại bất cứ ai.

Nhưng Ăngđơrê thì chưa thấy đâu, một buổi chiều tối chúng tôi đã phải đón tiếp bọn long kỵ

binh. Họ rời khỏi lưng ngựa ở bên ngoài cổng lớn. Một viên sỹ quan, những chiếc ủng đầy bụi, tiến đến tận mái hiên nơi chúng tôi đang dùng trà, xin lỗi một cách lịch sự rồi hỏi:

- Ông đây có phải là Xêvơriúc không ạ?

- Vâng, tôi đây - Xêvơriúc trả lời - Có việc gì thế ạ?

Viên sĩ quan quay về phía lính tráng của anh ta.

- Máctrencô! - Anh ta gọi to - Đưa hắn vào đây.

Hai người lính long kỵ binh đẩy lên một người chân đất cho đến lúc ấy vẫn khuất sau mấy con ngựa nên chúng tôi đã không trông thấy. Anh ta mặc một chiếc quần lính có những sọc đỏ đã phai mầu.

Người ta đưa anh ta đến tận mái hiên. Anh ta chầm chầm nhìn Maria Pavơlốpna cứ như muốn để bà ấy nhận ra một điều gì đó.

- Các bạn có biết người này không? - Viên sĩ quan hỏi. Tất cả chúng tôi ngồi im.

- Hãy nhìn kỹ xem!

- Không, - Maria Pavơlốpna nói, mặt tái đi. - Tôi chưa bao giờ gặp người này.

Người kia rùng mình và cụp mắt xuống.

- Thế còn ông? - Viên sỹ quan quay sang hỏi Xêvơriúc.

- Không, tôi không biết người này.

Viên sĩ quan quay về phía người kia.

- Sao? Anh bạn, như vậy có nghĩa là anh đã nói dối rằng anh là người vùng này và làm việc cho gia đình Xêvơriúc, đúng không? Thế là rõ.

- Được thôi, cứ việc! - Người kia trả lời - Kết thúc đi! Các người có quyền lực trong tay, nhưng làm gì có chân lý.

Maria Pavơlốpna đứng phắt dậy và vào trong nhà.

- Không lý sự! - Viên sỹ quan hét lên. Thôi xéo ngay.

Toán lính đi rồi, Maria Pavơlốpna òa lên khóc thảm thiết.

- Trời đất ơi! Cậu ấy nhìn tôi mới khẩn khoản làm sao! – Bà ta kêu gào, than vãn, nước mắt đầm đìa. - Sao tôi không đoán ra mới được chứ. Đáng lẽ phải trả lời rằng tôi biết rõ cậu ấy, rằng cậu ấy làm công cho chúng ta.

- Nhưng mà làm sao đoán được? – Trôphim cũng phàn nàn. - Giá mà cậu ấy ra hiệu cho chúng ta thì lại là chuyện khác. Còn Liubômirơxki ấy à, cậu ấy đã cho hắn ra bã rồi. Cậu ấy đã đốt trụi. Cậu ấy đã báo thù được cho thằng bé, bắt lão ấy phải trả giá cho cái chết của đứa trẻ tử vì đạo.

Ít hôm sau, tôi trở lại Kiép.

Tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về một xứ sở Pôlêxiê đượm buồn và có phần bí hiểm. Một xứ sở tràn

ngập mầu hoa mao cương và hoa thạch xương bồ, muôn thuở lao xao những vườn trăn, vườn liễu nơi tiếng se sẽ lanh canh của những chiếc chuông hình như chẳng bao giờ báo cho những con người tầm ngầm ít nói kia rằng một lễ hội tưng bừng đã đến rồi, trước ngõ. Ít ra đó cũng đã từng là cảm nghĩ của tôi. Nhưng, hạnh phúc biết bao, tôi đã nhầm.

NHỮNG GIẤC MƠ TRONG VƯỜN NHÀ BÀ NGOẠI

Trong suốt thời gian ấy, bà ngoại Vikenchia Ivanốpna vẫn sống ở Séccaxi. Ông ngoại đã qua đời lâu rồi và vào mùa hè khi tôi ở Pôlexiê, đến lượt mình dì Êphrôxinia cũng đã ra đi sau một cơn đau tim dữ dội.

Bà ngoại đã dọn đến Kiép ở với một người con gái khác của bà, dì Vêra, phu nhân một thương gia khá quan trọng.

Dì Vêra có một cơ ngơi ở Lukianốpka trong vùng ngoại ô của thành phố. Dì đã thu xếp để bà mẹ sống trong một cái lầu nhỏ ở cuối khu vườn.

Sau Séccaxi nơi trị vì như một nữ chúa, bà ngoại có cảm giác của một người bà con nghèo phải tìm nơi nương tựa trong ngôi nhà kênh kiệu của con gái. Cảm giác ấy thường khiến bà vụng trộm khóc thầm và niềm an ủi duy nhất của bà là được sống độc lập xa lánh hẳn cuộc đời và được tự mình

bếp núc, và hẳn là chỉ có như vậy bà mới tự cảm thấy được độc lập và vơi đi cái tâm lý phải hàm ơn đứa con gái giầu có của bà. Điều đó quả có an ủi bà phần nào.

Nhưng cảnh sống cô đơn khiến bà buồn tủi và chẳng bao lâu sau, bà đã dỗ dành thuyết phục tôi rời bỏ căn phòng tiện nghi đầy đủ của tôi dọn đến ở với bà. Cái lầu ta đang nói tới gồm có bốn gian. Bà ngoại chiếm một, còn gian thứ hai là nơi trú ngụ của một ông già tên là Gáttenbớc, một nhạc công đại vĩ cầm. Người ta dàn xếp cho tôi ở phòng thứ ba. Gian còn lại là một căn phòng lạnh lẽo mà bà ngoại cứ nhất quyết gọi là "nhà kính". Nơi đây nền đất biến mất dưới các chậu hoa.

Khi tôi từ Pôlêsiê trở về, khoảng giữa mùa hè, thành phố vắng tanh. Tất cả các thị dân đã rời bỏ phố phường để lánh về đatra[1] của họ. Bôria đã đi thực tập ở Iêkatêrinôxláp và trong cơ ngơi của dì tôi, ở Lukiennốpka chẳng còn bóng dáng nào cả, trừ bà ngoại và Gáttenbớc.

Bà ngoại già đi trông thấy, lưng đã hơi còng, vẻ nghiêm cách xưa kia của bà giờ đây đã biến mất, tuy nhiên cụ vẫn trung thành với nếp sống của cụ, thức dậy cùng với ánh ngày và lập tức mở toang

---

1. Nhà nghỉ ở nông thôn.

hết các cửa sổ. Rồi cụ chuẩn bị cà phê trên một cái bếp dầu.

Sau bữa điểm tâm, cụ ra vườn, ngồi vào một chiếc ghế bành bằng mây và chìm ngay vào những quyển sách ưa thích nhất của bà: một trong những tiểu thuyết bất tận của Crasépxki hoặc những quyển truyện vừa của Côrôlencô hay của Êlidơ Ôtretrcô. Trong khi đọc bà thường thiếp đi, mái tóc bạc phơ, vận toàn đồ đen, những bàn tay khô héo đặt nhẹ trên gối tựa.

Mấy cánh bướm lặng lẽ đỗ xuống đôi bàn tay của bà, trên chiếc mũ màu đen. Những quả mận chín muỗm từ trên cây rụng xuống với một tiếng động âm thầm. Một ngọn gió ấm quét sạch mảnh vườn, khiến những cái bóng của lá cành chạy dài trên nền cát mịn của những lối đi.

Trên kia, trong bầu trời, trên đầu bà ngoại, mặt trời tỏa sáng, thứ ánh sáng rất thuần khiết và ấm áp của mùa hè Kiép. Và tôi tự nhủ rằng rồi một ngày nào đó cuối cùng bà ngoại sẽ vĩnh viễn thiếp đi như vậy trong bầu không khí ấm áp và trong sự tĩnh lặng của khu vườn.

Hai bà cháu chúng tôi là những người bạn thân tình của nhau. Tôi quý bà hơn bất cứ người thân nào khác của tôi. Bà cũng yêu thương tôi như vậy. Bà ngoại đã nuôi dậy nên người năm trai và ba gái

thế mà giờ đây khi về già, bà phải sống cô đơn. Bà cũng vậy, bà chẳng còn ai. Và chính là từ trong cảnh cô đơn của hai bà cháu chúng tôi đã nảy sinh một sự gắn bó vô cùng khăng khít.

Toàn bộ con người bà ngoại ngời lên một tình thương mẫn cảm và cũng nhuốm một nỗi buồn man mác. Mặc dù thuộc những thế hệ khác nhau, bà cháu tôi có khá nhiều nét tương đồng: bà say đắm thơ ca, trân trọng sách vở, cỏ cây, bầu trời và thường xuyên bầu bạn với những suy tư riêng của mình. Chẳng bao giờ bà ép uổng tôi trong bất cứ việc gì.

Tuy nhiên bà vẫn có một yếu điểm: chỉ cần trời hơi se lạnh, lập tức bà "điều trị" tôi bằng thang thuốc của riêng bà. Một thứ thần dược bách bệnh mà bà gọi là *xpirituyx*.

Một thứ gì đó rất dữ dằn. Một hỗn hợp đủ các loại cồn: rượu nho, cồn đốt, nước đái quỷ. Để thật hoàn hảo, bà cho thêm nhựa thông vào thần dược của bà. Tất cả những thứ ấy trộn vào nhau cho ta một chất lỏng mầu huyết dụ có sức gặm mòn như axit nitơrích.

Bà chà xát ngực tôi rồi lưng tôi bằng thứ thuốc ấy. Lòng tin của bà vào tác dụng điều trị của thứ dược phẩm này là tuyệt đối. Những lúc như vậy, một mùi rất khó chịu cứ như chẹn lấy cổ họng con

người ta lan tỏa ra khắp ngôi nhà. Gáttenbớc cuống quýt châm lên một điếu xì gà to tướng. Một làn khói phớt xanh khoác lên căn phòng của lão một màn sương mỏng ngoạn mục.

Hầu như bao giờ cũng vậy, cứ mỗi khi cây đàn vĩ cầm bắt đầu nức nở trong căn phòng của lão nhạc công, bà ngoại lại thiu thiu ngủ.

Gáttenbớc là một ông già đẹp lão với bộ râu bạc gợn sóng, với một cái nhìn nghiêm nghị dữ dằn.

Lão thường chơi một bản nhạc do chính lão sáng tác: *Cái chết của Hămlét.*

Cây vĩ cầm trút ra những tiếng nức nở dài. Nhịp nhàng và tràn đầy âm sắc cứ như đang âm vang dưới mái vòm của lâu đài Enxơnơ, những tiếng nức nở ấy gợi nhớ những ngôn từ tôn nghiêm:

Sánh bậc quân vương, hòa hoa Hămlét

Tứ trụ vô quan xa giá táng dài!

Tôi mường tượng một đại sảnh trong lâu đài Enxơnơ, những tia nắng gôtích, những âm thanh bi tráng của đội quân nhạc và những lá cờ lệnh rộng mênh mông phần phật trên thi hài Hămlét trước khi se sẽ rung lên để rồi nghiêng mình sa xuống sát mặt đất. Lâu lắm rồi, ngọn tiểu khê đã cuốn phăng những bông hoa nhỏ của Ôphêli ra tận biển khơi. Những ngọn sóng đung đưa đã đẩy xa khỏi bến bờ mấy cánh hoa mê diệt, tam vị nhất thể

và dương xỉ, những nhân chứng cuối cùng của một mối tình ai oán. Tất cả những điều đó đều có trong lời ca của cây đại vĩ cầm.

Bà ngoại bừng giấc và kêu lên:

- Lạy Chúa, người ta không thể chơi một thứ gì đó yêu đời hơn sao?

Và thế là, để chiều lòng bà cụ, Gáttenbớc chuyển sang bản nhạc đồng quê ưa thích của lão. Một trích đoạn của vở nhạc kịch *Con Đầm Pích: Chú mục đồng đáng yêu, bạn nhỏ của ta...*

Nhưng âm nhạc cũng khiến bà ngoại mệt mỏi. Cụ được thư thái đôi chút lúc chiều xuống khi người nhạc công, cùng với cây đàn của lão, lên đường đi hòa nhạc ở công viên Kupetrxki.

Tôi thường đến dự những buổi hòa nhạc ấy. Tại đây dàn nhạc biểu diễn trên một sân khấu bằng gỗ trong khi khán giả ngồi nghe ở ngoài trời.

Trong bóng tối chạng vạng, những luống hoa lớn đơm dầy đinh hương và hoa thuốc lá tỏa ra một mùi thơm thấm đượm, ngọt ngào. Trước buổi hòa nhạc nào người ta cũng tưới những luống hoa ấy.

Các nhạc công bị ngập trong một làn sóng ánh sáng chói lòa trong khi thính giả ngồi im trong bóng tối lờ mờ. Những tà áo dài phụ nữ quét thành những vệt trắng mơ hồ, những tán cây thì thầm đâu đó, và thỉnh thoảng những tia chớp lặng lẽ nhấp nháy trên đầu chúng tôi.

Tôi mê nhất những buổi tối ẩm ướt, những khoảnh khắc ảm đạm, khi trong vườn hầu như không một bóng người. Những lúc ấy tôi có cảm giác cứ như dàn nhạc kia chỉ chơi cho mỗi mình tôi và cho một thiếu phụ đội một chiếc mũ lớn, vành mũ rủ xuống bờ vai.

Buổi hòa nhạc nào tôi cũng gặp lại nàng, hoặc hầu như tất cả. Thỉnh thoảng nàng hướng cặp mắt chăm chú về phía tôi. Tôi vụng trộm quan sát nàng. Tôi chỉ bắt gặp cái nhìn của nàng có mỗi một lần và hình như tôi đã thoáng trông thấy ở đó một ánh mắt tinh nghịch. Trong khoảnh khắc cái mùa hè Kiép ảm đạm kia bỗng tràn ngập những giấc mơ do chính người đàn bà không quen biết ấy tạo nguồn cảm hứng. Và thế là nó không còn ảm đạm nữa. Không gian bỗng xào xạc những trận mưa rào háo hức và tươi vui. Từ trên bầu trời mưa tuôn xối xả, hối hả trong đám lá cành của khu vườn. Cứ như có những giọt nước mắt bằng pha lê tách khỏi những áng mây đến va vào những phím đàn làm bật ra những tiếng kêu lanh canh tràn ngập căn phòng. Đơn giản chỉ một dòng nước mưa thoát ra khỏi một máng xối và rót vào một chiếc thùng nhỏ sơn xanh mà có thể thánh thót lên như vậy đối với tôi quả là một chuyện thần kỳ.

- Suốt cả mùa hè là "thời gian trinh nữ"! - Bà ngoại thốt lên. - Đó là tín hiệu của một mùa bội thu.

Người đàn bà không quen biết sống ở phía bên kia làn hơi mờ tỏa lên từ những cơn mưa bất thần và những chiếc cầu vồng chói lọi kia. Tôi rất biết ơn nàng đã xuất hiện và đã làm thay đổi mọi thứ quanh tôi.

Đối với tôi thậm chí cả những vỉa hè lát gạch vàng, với những vũng nước nhỏ của chúng giờ đây cũng trở nên mê hồn, huyền ảo như những vỉa hè trong chuyện kể của Ăngđécxen.

Một chiếc chồi cỏ ngang bướng bật lên giữa những viên gạch. Những đàn kiến vẫy vùng trong những vũng nước.

Cứ mỗi khi tôi đắm chìm vào mơ màng vớ vẩn, vào cơn *magiênia* như bà ngoại vẫn nói bằng tiếng Ba Lan, đối với tôi mọi thứ đều trở thành phi thường, thậm chí cả những vỉa hè Kiép.

Trạng thái tâm hồn ấy là gì, cho đến hôm nay tôi vẫn không xác định nổi. Chỉ cần vài chi tiết nhỏ nhoi chẳng nghĩa lý gì cũng đủ để khuấy lên cái tâm trạng ấy. Nó không chất chứa bất cứ một sự kích động nào. Ngược lại nó được tạo thành từ sự bình yên thư thái. Và chỉ cần một mối băn khoăn, thậm chí rất nhỏ nhoi vô nghĩa cũng đủ để làm tiêu tan cái trạng thái tâm hồn ấy.

Và trạng thái ấy đòi hỏi được thể hiện. Thế là, vào mùa hè nóng bỏng ấy, vào "thời gian trinh nữ" ấy, tôi thật sự bắt tay vào việc viết lách.

Tôi giữ kín không để bà ngoại biết chuyện này. Khi bà tỏ ra ngạc nhiên thấy tôi ngồi hàng giờ liền trong phòng riêng, cặm cụi bên bàn viết, tôi nói với bà rằng tôi đang theo một chương trình văn học và hiện đang viết những bài tóm lược các tác phẩm.

Những ngày không có hòa nhạc, tôi thường lang thang ra bờ sông Đơnhiéprơ hoặc qua phía bên kia thành phố, đến tận một công viên bỏ hoang gọi là "Vườn Vô Tư". Công viên này là của Kungiencô, một nhà bảo hộ văn chương.

Chỉ mất vài điếu thuốc lá, người canh vườn để tôi ra vào thoải mái. Khu vườn hoàn toàn hoang vắng, um tùm cỏ dại. Những mặt hồ phủ đầy bèo tấm. Trong các lùm cây, mấy chú chim ác là kêu la inh ỏi. Những chiếc ghế dài mọt ruỗng run lên mỗi khi có người ngồi xuống.

Ở đó bao giờ tôi cũng chỉ gặp mỗi một người họa sĩ già. Ngồi dưới một tán dù lớn, họa sĩ loay hoay với những bức ký họa. Ngay từ xa, ông già ném về phía tôi những cái nhìn dữ tợn. Tôi không dám bén mảng đến gần ông già thậm chí lấy một lần.

Tôi tha thẩn trong cái xó hẻo lánh nhất nơi sừng sững một biệt thự bỏ hoang. Tôi ngồi xuống bậc tam cấp trước mái hiên và đọc.

Những chú chim sẻ nô đùa ngay sau lưng tôi. Chốc chốc tôi lại ngừng đọc để nhìn về phía cuối

vườn. Một làn ánh sáng lờ mờ như lẫn trong khói sương lọc qua những khóm cây. Tôi ngồi chờ. Chính là ở đây, trong khu vườn này, người đàn bà không quen biết sẽ tìm đến gặp tôi. Tôi vững tin như vậy.

Nhưng cuối cùng chẳng ai đến cả và tôi đã bỏ ra về theo con đường học trò: nhảy xe điện trên đường Prôca và Pônđôn rồi dọc theo đại lộ Crêsáttrích, tôi ghé vào thư viện Iđơdicốpxki. Về mùa hè, thư viện rất vắng vẻ. Những người giữ thư viện, những thanh niên nước da nhợt nhạt trong bầu không khí ngột ngạt, với những hàng ria thưa đẫm mồ hôi, đổi sách cho tôi. Trong tâm trạng tôi lúc đó, tôi chỉ thích mỗi thơ ca. Tôi cũng đem về cho bà ngoại những cuốn tiểu thuyết của Xpiengaghen hoặc của Bôlexláp Prux.

Tôi trở lại Lukianốpca, mệt nhoài và hạnh phúc.

Mặt tôi bừng bừng ánh nắng và không khí trong lành.

Bà ngoại vẫn chờ tôi. Chiếc bàn tròn nhỏ trong căn phòng của bà được phủ bằng một tấm khăn. Bữa tối của chúng tôi đã được dọn ra.

Tôi nói với bà về "Vườn Vô Tư". Bà gật đầu cổ vũ tôi. Thỉnh thoảng bà cũng thừa nhận rằng quả thật ở nhà một mình đôi khi bà cũng cảm thấy buồn. Ngày dài lê thê. Nhưng chẳng bao giờ bà trách tôi vì những lần vắng mặt hầu như dài vô tận.

- Tuổi trẻ có luật riêng của nó, - bà nói. - Bà không nên can thiệp vào.

Sau đó tôi về phòng riêng. Tôi trút bỏ quần áo ngoài và nằm dài trên chiếc giường gỗ cứng. Ngọn đèn của tôi rọi lên những cái cành vặn vẹo của mấy cây táo ngoài cửa sổ.

Qua giấc ngủ đầu tiên của tôi, một giấc ngủ thẳng thốt, tôi thấp thoáng nhận ra trời đêm, những cái bóng lờ mờ và sự im ắng mênh mông của nó. Tôi thích bóng đêm mặc dù bị ấn tượng sâu sắc bởi ý nghĩ rằng trong cõi thẳm sâu của nó ở bên kia, ở phía trên Lukianốpca, ngay trên mái nhà của chúng tôi đang diễu qua toàn bộ đội quân của cung Hoàng đạo: Nhân mã cung, Song nữ cung, Lạp hộ tòa và Xử nữ cung.

Trong cuốn chuyện tôi đang viết, tất cả đều có mặt: mùa hè Kiép, Gáttenbớc, người đàn bà không quen biết trong vườn Kupetrexki, "Vườn Vô Tư", trời đêm và cả cậu học sinh trung học mơ mộng và đôi chút nhố nhăng.

Tôi đã gặp không ít khó khăn trong khi sáng tác cuốn truyện này. Vừa viết xong, từ ngữ đã mất ngay vẻ rắn rỏi của chúng và trở nên nhu nhược. Những cố gắng mà tôi tập trung ở đây để tinh luyện văn chương cuối cùng đã khiến tôi mệt mỏi. Đôi khi tôi đã đứng bên bờ vực thẳm của sự tuyệt vọng.

Lúc bấy giờ ở Kiép có một tạp chí với cái tít khác thường: *Người kỵ sĩ*. Tổng biên tập của nó là một người Kiép nổi tiếng, Ogiennơ Kudơmin, bản thân là nhà văn và một người yêu nghệ thuật.

Sau một thời gian dài lưỡng lự, cuối cùng tôi đã đem bản thảo đến tòa soạn.

Tòa soạn được đặt ngay trong căn hộ của Kudơmi. Một học sinh trung học trẻ tuổi, rất lịch thiệp, mở cửa ra và đưa tôi vào tận bàn giấy của chủ bút. Một con chó vện ngồi trên thảm, môi dầy lòng thòng nhớt dãi, nhìn tôi bằng những con mắt bệnh hoạn.

Không khí ngột ngạt. Thảng phất mùi khói hương. Những chiếc mặt nạ các vị thần Hy Lạp trắng tinh móc vào giấy dán tường đen sẫm. Những cuốn sách gáy da thuộc chất đầy dưới tất cả các bàn ghế giường tủ.

Tôi ngồi đợi. Những cái gáy da kêu sột soạt. Kudơmin bước vào, cao lênh khênh, rất gầy, đôi bàn tay xanh xám. Những chiếc nhẫn bạc lấp lánh trên những ngón tay.

Ông ta tiếp chuyện tôi, đầu hơi cúi xuống vẻ khiêm nhường. Tôi cảm thấy xấu hổ và không biết làm gì để nhanh chóng chuồn khỏi nơi đây. Cuốn truyện của tôi dường như đã trở nên vô giá trị, còn bản thân tôi chỉ là một gã ngờ ngẩn ấp a ấp úng.

Kudơmin lật từng trang bản thảo bằng một cử chỉ uể oải và làm những cái dấu bằng những móng tay nhọn hoắt của ông ta.

- Tạp chí của tôi - ông nói, - là một loại diễn đàn của các nhân tài trẻ tuổi. Tôi rất vui tìm thấy ở anh bạn một người cộng sự mới. Tôi sẽ đọc cuốn truyện của anh và sẽ gửi cho anh một bưu ảnh.

- Nếu không phiền ông lắm, thưa ông, xin hãy cho tôi trả lời trong một lá thư bảo đảm, được không ạ?

Ông nở một nụ cười thông cảm và hơi cúi đầu.

Tôi rời căn phòng. Nín thở, tôi chạy một mạch xuống cầu thang và thoáng một cái đã có mặt ngoài phố. Người gác cổng đang xối nước rửa nền đường. Nước chảy ong oóc trong những ống máng. Vài giọt nước li ti lấm tấm trên mặt tôi. Tôi cảm thấy phần nào nhẹ nhõm.

Tôi nhảy lên toa của chuyến tầu điện đang chạy để chuồn khỏi nơi đây càng nhanh càng tốt. Hành khách trên tầu nhìn tôi với một vẻ tinh quái. Thế là tôi nhảy khỏi tầu và tiếp tục cuốc bộ.

Bụi bốc lên như khói trên bãi chợ Hàng Cỏ. Trên bầu trời của đường phố Lơvốp ảm đạm bồng bềnh những áng mây tròn, giống nhau như đúc. Một mùi phân ngựa hăng hắc phập phồng trong không trung. Một con ngựa gầy dơ xương, xơ xác

cái bờm, vươn cổ ra kéo một chiếc xe chất nặng những chiếc túi than. Người đàn ông lem luốc bước bên cạnh con ngựa uể oải rao hàng bằng một giọng sầu thảm:

- Than đ-ơ-ơ-i... Ai than đ-ơ-i-i...

Tôi nhớ lại rằng trên chiếc bàn trong văn phòng ngột ngạt của Kudơmin là cuốn truyện của tôi, một cuốn truyện đầy những lời sáo rỗng cốt làm say đắm lòng người và những suy tư mơ hồ về cuộc sống. Tôi cảm thấy xấu hổ. Và tôi nguyền sẽ không viết nữa. Không viết gì nữa.

- Không phải thế, không phải như vậy! - Tôi lắp đi lắp lại một mình. - Nhưng dù chẳng hay ho gì, suy cho cùng cũng có thể là như vậy chăng?

Tôi cũng không hiểu bản thân tôi ra sao nữa.

Tôi đi vòng theo đường Glubôtritxa để đến phố Pôđôn. Mấy lão thợ giầy vô cảm chan chát gõ búa những chiếc đế giày cũ mòn vẹt. Dưới những nhát búa, những tia bụi xì ra từ gót giầy da. Mấy ông mãnh con đang bắn chim sẻ bằng súng cao su. Những chiếc xe bò tải bột mì. Chúng làm rơi những túi bột xuống lòng đường. Trong những sân nhà, mấy bà nội trợ đang phơi những tấm vải mầu.

Hôm ấy trời lộng gió. Trên đường phố Pôđôn, gió xua rác rưởi xào xạc trên mặt đường. Trên đỉnh ngọn đồi, nhìn xuống thành phố, sừng sững dựng

lên tác phẩm trang nhã của Raxtơreli, giáo đường Thánh Anđrây với những mái vòm nạm bạc. Những chiếc mũ miện đỏ rực của những dẫy cột tạo thành những cuộn xoáy ốc mập mạp.

Tôi ghé vào một quầy rượu tợp một cốc vang chan chát, nhưng tôi cũng chẳng thấy nhẹ đi chút nào.

Và chiều tối, tôi về đến nhà, đầu nặng chịch. Ngay lập tức bà ngoại xoa dầu *xpirituyx* cho tôi và bắt tôi đi nằm ngay.

Tôi có cảm giác đã phạm một sai lầm không phương cứu chữa, đã viết ra một điều khả ố và điều đó đã tước bỏ mọi hy vọng trở thành nhà văn của tôi. Tôi không có ai để thổ lộ tâm tình, để xin những lời khuyên. Hướng toàn bộ tâm hồn của ta vào một sứ mệnh mà ta yêu quý để rồi biết rằng hoài bão của ta là vô vọng, có thể như vậy được chăng?

Trong phòng của lão Gáttenbớc nhè nhẹ ngân lên tiếng đàn. Lần này không còn là *Cái chết của Hămlét* nữa mà là một trích đoạn của một sáng tác mới của lão, bản *Cuộc truy hoan trong cơn đại dịch*. Lão luyện đi luyện lại nhiều lần nhạc phẩm này và chúng tôi thường được lão mời thưởng thức một vài trích đoạn. Bà ngoại ngạc nhiên mãi trước cái trí tưởng tượng ngông cuồng và ai điếu của người nhạc sĩ.

- Khi thì chết chóc, lúc thì dịch hạch! - Bà cụ than phiền - Tôi không chịu nổi. Tôi cho rằng thiên chức của âm nhạc phải là làm cho con người thêm yêu đời.

Lúc này, Gáttenbớc đang chơi trích đoạn ưa thích nhất của lão.

Và lời ai oán vượt lên
Theo dòng xối xả vang trên lạch ngòi
Giờ đây thanh thản vui tươi
Thiên đường hoang dã quê người băng qua!

- Thế đấy! Đó là chân lý! - Tôi lẩm bẩm. - *Thiên đường hoang dã quê người băng qua...*

Thiên đường hoang dã! Những lời thơ ấy dội vào tâm can tôi như một luồng gió vãn hồi sinh khí. Phải lao động, phải xông xáo cuồng nhiệt, phải sống bằng thơ ca, bằng ngôn từ. Tôi biết rằng đó là một con đường dài, cực nhọc. Thế mà, chẳng hiểu tại sao, tôi tự hỏi, chính điều khám phá ấy đã làm tôi yên lòng.

Hai ngày sau, tôi nhận được một bưu ảnh của Kudơmin. Ông chủ bút đã phớt lờ lời yêu cầu khẩn khoản cho tôi xin trả lời trong một thư có niêm phong.

Ông ta nói với tôi rằng ông đã đọc cuốn truyện của tôi và hứa sẽ cho đăng trong số tới của tờ tạp chí.

Đương nhiên bà ngoại đã đọc tấm bưu ảnh. Thậm chí đã để rơi vài giọt lệ lên tấm bìa cứng ấy.

- Ba cháu, Ghêóocghi Mắcximôvitrơ, luôn tìm cớ trêu ngươi bà - bà nói - Nhưng quả thật đó là một người rất tốt. Bà tiếc rằng ba cháu không sống được đến ngày hôm nay.

Bà chúc phúc cho tôi và ôm hôn tôi.

- Thế nhé, hãy lao động và hạnh phúc cháu ạ. Phải tin rằng Đức Chúa đã thương hại bà vì Người đã dành cho bà niềm hạnh phúc này trước khi nhắm mắt.

Bà hoan hỉ trước chiến công văn học đầu tiên của tôi còn hơn cả bản thân tôi.

Khi số tạp chí *Người kỵ sĩ* có đăng cái truyện của tôi xuất hiện, thậm chí bà ngoại đã làm một chiếc bánh *maduyêca* và tổ chức một bữa cơm tối ăn mừng.

Để đánh dấu sự kiện này, bà đã vận chiếc áo lụa dài với một bông hướng nhật quỳ cài trong khuyết áo. Chiếc áo mà trước kia bà chỉ vận vào dịp Lễ Phục sinh. Chỉ có điều, ngày hôm ấy, bà ngoại không trẻ lại được nữa. Chỉ còn những con mắt đen nhánh của bà vẫn tươi cười khi bà nhìn tôi.

Mấy con ong bò vẽ im ắng đỗ xuống lọ mứt. Cứ như đoán được cái gì đang diễn ra bên chúng tôi, Gáttenbớc nâng cây đàn lên chơi bản *maduyêca* của Vêniápxki, bàn chập gõ nhịp.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG
Biên tập: NGUYỄN THỊ HUỆ
Trình bày bìa: VĂN SÁNG

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19cm, tại Công ty in Ba Đình Thanh Hóa. Giấy phép XB số: 553/XB-QLXB/171-VHTT.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2002.

PAUXTOPXKI

TỰ TRUYỆN

GIÁ: 36.000Đ